NẾP CŨ

# HỘI HÈ ĐÌNH ĐÁM

QUYỂN HẠ



TOAN ÁNH

Toan Ánh

# Hội Hè Đình Đám - Quyển Hạ

NAM CHI TÙNG THƯ xuất bản 1974

vietmessenger.com

*Kính dâng*

*Anh hồn Thân phụ để kỷ niệm những ngày thơ ấu Thân phụ thường dắt con đi xem những hội quê tỉnh Bắc.*

# HỘI HÈ ĐÌNH ĐÁM

*NĂM I970, chúng tôi đã có dịp trình bày cùng bạn đọc tập I về Hội hè đình đám với những hội hè kỷ niệm lịch sử và tôn giáo trong hai chương đầu.*

*Chúng tôi dành lại cho chương III những hội hè phong tục, và chương IV những cổ tục đã từng có tại những hội hè với những đặc tính của những cổ tục này như luyến ái tính, chiến đấu tính, đổ bác tính v.v…*

*Lẽ tất nhiên trong những hội hè phong tục, chúng tôi sẽ nhắc tới nhiều cổ tục, và ngay cả hai chương đầu cũng đã có nhiều cổ tục được chúng tôi trình bày, vậy tại sao chúng tôi còn viết thêm chương IV làm chi ?*

*Xin thưa, đây chính vì sự kém hiểu biết của chúng tôi, sự hiểu biết không đủ tường tận về một số các hội quê, nên không dám viết riêng về những hội đó, chỉ xin nhắc lại những cổ tục đã từng diễn ra ở những hội này, những cổ tục chúng tôi được biết qua sách vở hoặc những lời thuật lại của các bậc cha anh.*

*Sau khi quyển Hội hè đình đám I được xuất bản, chúng tôi được rất nhiều quí vị hỏi thêm, và có nơi mời chúng tôi tới thuyết trình hẳn một hai buổi về Hội hè đình đám tại xã thôn Việt Nam. Những lá thư hỏi thêm chi tiết về Hội hè đình đám, cũng như những thư mời thuyết trình về đề tài này đều là những khuyến khích đáng kể đối với chúng tôi, và để*

*đáp lại sự tin cẩn ấy, chúng tôi đã trả lời tất cả các vị, và cũng đã tới thuyết trình tại một vài cơ quan.*

*Nay nhân xuất bản cuốn Hội hè đình đám II, để nhắc lại những điều chúng tôi đã trả lời quí vị chúng tôi xin được phép in nguyên văn bài thuyết trình của chúng tôi tại trường Đại học Chiến-tranh Chính-trị Đà-Lạt vào hai ngày 9 và l0 tháng 6 năm l972.*

*Dù sao, trong cuốn này cũng như cuốn trước, với những hội quê chúng tôi nhắc lại, ắt còn thiếu sót rất nhiều, và những điều chúng tôi biết chưa chắc đã đến một phần trăm những điều đã có về Hội hè đình đám nông thôn. Và cũng có thể có những điều sai lầm, chúng tôi rất mong được sự chỉ giáo của các bậc biết hơn.*

*Với sự du nhập của nền văn hóa kỹ thuật, với nếp sống tân kỳ đôi khi đến lố lăng dưới con mắt những người bảo thủ, bao nhiêu những điều hay ; dở của nếp sống cổ truyền như muốn lẩn tránh để nhường chỗ cho cái gì gọi là nếp sống mới được lộ liễu ra.*

*Viết lại Hội hè đình đám của đồng quê, chúng tôi muốn nhắc lên một khía cạnh của nếp sống cổ truyền để cho ai có đôi lúc rảnh rỗi muốn tìm về văn hóa dân tộc, muốn khơi nguồn lại cái gốc cũ sẽ có dịp suy gẫm tìm hiểu rộng rãi hơn, và biết đâu sẽ chẳng có người tự phác họa được lại một mặt nào của nếp sống thanh bình thuở trước đã qua :*

*Mùa thu với những hội làng,*

*Với cây đu buổi xuân sang rập rìu.*

*(Bàng bá Lân)*

**Hội hè đình đám là gì ?** [1]

Bốn tiếng này đối với người thành thị nghe như xa lạ, nhưng đối với dân quê, thì thật là quen thuộc nhất là dân quê trước đây, khi đất nước còn thống nhất, khi hàng năm

mỗi kỳ xuân tới, thu về, những người dân chất phác đồng ruộng được nghỉ ngơi sau những vụ làm đồng vất vả. Để mua vui trong những dịp nghỉ ngơi này, nơi nơi lần lượt các làng có tổ chức Hội hè đình đám.

Giở tự điển ra để tìm nghĩa, chúng ta sẽ thấy ghi :

- *HỘI* : Cuộc vui tổ chức cho những người dự.

- *HỘI HÈ* : Chỉ chung các cuộc vui tổ chức cho mọi người dự.

- *ĐÌNH* : Nhà họp việc làng.

- *ĐÌNH ĐÁM* : Chỉ những cuộc hội họp ở chốn thôn quê. [2]

Qua mấy định nghĩa sơ lược trên, chúng ta có thể tóm lại cho cả bốn chữ *HỘI HÈ ĐÌNH ĐÁM* một định nghĩa hợp với câu chuyện trình bầy hôm nay.

HỘI HÈ ĐÌNH ĐÁM là những cuộc tổ-chức hội họp tại các xã thôn nhân dịp làng vào đám và trong dịp vào đám này có nhiều trò mua vui cho dân thôn giải trí.

Nghe định-nghĩa như vậy chắc các bạn sẽ hỏi *làng vào đám* là gì ?

Làng vào đám còn gọi là Trà nhập tịch, và chúng ra hãy nghe PHAN KẾ BÍNH giải thích ý nghĩa Trà nhập tịch trong Việt-Nam Phong tục, in trong Đông Dương tạp chí vào hai năm I9I3-I9I4.

« Lễ nhập tịch này cũng đồng một ý nghĩa với cách ăn Tết đầu năm, nghĩa là dân mình khó nhọc vất vả quanh năm, thì phải có dịp ăn uống vui chơi cho giải trí ».

Làng vào đám hàng năm để cúng lễ Thần linh và nhân dịp này cũng để dân làng hội họp mua vui và tìm hiểu nhau.

Tất cả những việc tế lễ Thần linh, tổ chức hội họp để dân làng hoặc ăn uống hoặc mua vui với nhau, gọi tóm lại là HỘI HÈ ĐÌNH ĐÁM.

**Mục đích của hội hè đình đám**

**a)** Dân quê quanh năm làm lụng vất vả, đầu tắt, mặt tối, hàng năm họ chỉ có hai dịp rảnh rỗi sau vụ cấy lúa chiêm vào tháng chạp và lúa mùa vào tháng bảy. Giêng hai và tháng tám là lúc dân quê được nghỉ ngơi, lúa những lúc này đã cấy xong và những hoa mầu phụ cũng đã trồng, mùa gặt chưa tới, và hoa mầu phụ cũng chưa dỡ. Nhân dịp này các làng xã tổ chức Hội hè cho dân chúng mua vui.

Xuân, Thu là hai mùa của Hội hè, nhưng Hội hè mùa Xuân nhiều hơn.

Các làng xã đua nhau mở hội, có làng mở hội sớm, có làng mở hội muộn, có làng mở hội từ trong năm như làng Bạch lưu Hạ huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Yên, có làng sang tháng ba, tháng tư mới mở hội như hội làng Phù Đổng huyện Tiên Du tỉnh Bắc-Ninh.

Trong hội thường có nhiều trò vui gọi là bách hí.

**b)** Tuy nhiên, để dân chúng mua vui, nhưng mục đích của hội hè đình đám không phải chỉ có thế, và mua vui cho dân chúng cũng không phải là mục đích đầu tiên của hội hè.

Có thể nói được rằng mục đích đầu tiên của hội hè đình đám là để dân làng tỏ lòng thành kính và biết ơn đối với Đức Thành Hoàng, Thần linh coi sóc che chở cho dân làng.

« Thành Hoàng là biểu hiệu của lịch sử, phong tục đạo đức pháp lệ cùng hy vọng chung của cả làng, lại cũng là một thứ uy quyền siêu việt, một mối liên lạc vô hình, khiến cho hương thôn thành một đoàn thể có một tổ chức và hệ thống chặt chịa ». [3]

Theo tin tưởng của ta, đức Thành Hoàng ngự tại đình, chứng kiến đời sống của dân xã, bảo vệ cho mọi người, phù hộ cho làng được thịnh vượng ; ngài thông cảm với nếp sống của dân chúng, cùng dân chúng ghi nhớ mọi kỷ niệm của làng xã.

Luật lệ thói tục đạo đức được ngài duy trì. Dân làng nhất nhất tuân theo luật lệ của làng, luật lệ đã được cả dân làng, dưới sự che chở của ngài, chấp nhận.

Hằng năm dân làng vào đám để tỏ lòng biết ơn thần linh, dịp vào đám thường nhằm nhân ngày kỷ niệm của đức Thành Hoàng, ngày đản sinh hoặc ngày kỵ nhật của ngài hoặc một ngày nhắc lại một kỷ niệm về ngài. Những làng thờ Hưng Đạo Vương thường mở hội vào ngày 20 tháng 8, làng Phù Đổng vào ngày mùng 9 tháng tư, làng Trường Yên tỉnh Ninh Bình thờ vua Đinh Tiên Hoàng vào ngày 20 tháng 2, làng Đồng Nhân thờ Hai bà Trưng vào các ngày mồng 5 và mồng 6 tháng Hai.

**c)** Với những buổi hội họp tiệc tùng, đây là những dịp để dân làng tìm hiểu nhau. Nước ta là một nước nông nghiệp, người nông dân quanh năm mải mê với công việc ít có dịp gặp gỡ thông cảm cùng nhau những điều thắc mắc. Hơn nữa giữa cấp lãnh đạo và dân làng luôn luôn có sự cách biệt, những việc làm của cấp lãnh đạo trong xã nhiều khi bị dân làng hiểu lầm, và những ý muốn dân làng không được cấp lãnh đạo biết tới. Nhân những buổi họp mặt của hội hè, người dân có dịp nói thẳng với Hương lý, những ý nghĩ của mình, những điều người dân muốn thấy thực hiện trong xã. Và cũng trong dịp này Hương chức có thể trình bày cùng dân làng về những việc đã làm, những lý do, những mục đích của mỗi việc tạo sự thông cảm giữa cả làng.

**d)** Với hội hè đình đám, có những lễ nghi, nhiều người sống trong dân xã, nhưng vì lý do sinh kế, vì hoàn cảnh của hội sống thật ít khi, có thể nói có người không có dịp nào, để tìm hiểu lễ nghi. Những buổi lễ nghĩa rước xách, những ngày thờ cúng phụng sự trong Hội hè đình đám đã là những dịp cho người dân học hỏi lễ nghi và tìm hiểu những điều hay dở của phong tục. Các vị quan viên, được xung vào những chân mạnh bái bồi tế, chấp sự, trong dịp này đã cần ôn tập lại lễ nghi, về phong tục, lễ nghi phong tục điều

hòa cuộc sống của dân quê, người dân quê không thể không biết được.

**đ)** Hội hè đình đám, với những trò bách hí rất thay đổi đã là một dịp nhắc lại những thuần phong mỹ tục, khuyến khích những tục hay đẹp để dân làng không xao lãng, khuyến khích con cháu noi theo. Những tục thổi cơm thi, dệt vải thi, vừa thổi cơm vừa trông em, phải chăng đây là những tục khuyến khích con em trong công việc nội trợ, những tục thi heo, thi gà, chính là những tục khuyến khích việc chăn nuôi, lại những tục nặng mang chiến đấu tính như đánh phết, đánh trung bình tiên, đấu vật, đua thuyền phải kể là những tục hay nhằm mục đích khuyến khích thanh niên luyện tập cho thân thể cường tráng, để khi quốc gia hữu dụng, sẽ là những dũng sĩ phò nước cứu dân, những tục kéo chữ thi thơ để khuyến khích dân làng theo đuổi việc học, những buổi diễn lại thần tích, nhắc lại những đoạn đời oai hùng của thần linh như tục Diễn trận đánh giặc Ân ở làng Phù Đổng, tục diễn lại tích Cờ lau tập trận ở làng Trường An đã nhắc lại những đoạn lịch sử oai hùng của dân tộc, và cũng do đó nung nấu ý chí của trai làng và đồng thời cũng là để dân làng tỏ lòng biết ơn với các vị anh hùng dân tộc, noi theo điều hay của các người.

**e)** Hội hè đình đám còn tạo một cơ hội để trai gái trong làng tìm hiểu nhau.

Dân Việt Nam sống theo lễ giáo Á Đông gò bó trong đạo đức Khổng Mạnh với quan niệm nam nữ hữu biệt luôn luôn phải giữ gìn để nam nữ thọ thọ bất thân. Sống như vậy đời sống quả thật quá khô khan, nhưng vì lễ giáo con người tự chịu bó buộc trong sự khô khan này, tuy nhiên, sống khô khan nhưng cũng cần có sự cởi mở, nhất là đối với nam nữ thanh niên. Bởi vậy trong những dịp hội hè đình đám, nguyên tắc nam nữ hữu biệt nếu được tôn trọng quanh năm, thì trong ngày hội, trai gái đã có sự gặp gỡ có sự cởi mở với nhau để tìm hiểu nhau dưới những cặp mắt tha thứ

của các nhà đạo đức, lại có những tục lệ trong ngày hội khuyến khích cho trai gái gần nhau như tục đánh đu đôi ở khắp các hội hè Xuân Thu vùng Bắc Ninh, như tục bắt trạch trong chum tại làng Văn Trưng phủ Vĩnh Tường tỉnh Vĩnh Yên.

Trong những lúc cùng xem hát bội, cùng đứng xem múa rối cùng chứng kiến bất cứ một cuộc vui nào, trai gái đã gần gũi đứng bên nhau và đây đã là những dịp để họ thổ lộ tâm tình với nhau ngõ hầu đi tới cùng nhau xây dựng.

Với những hội Xuân, biết bao nhiêu đám cưới Xuân đã theo sau. Có thể nói được rằng, sự gặp gỡ giữa trai gái trong những hội Xuân đã bắt đầu cho những lứa đôi tốt đẹp sau.

**g)** Trong những hội hè đình đám thường có tiệc tùng ăn uống nhất là luôn luôn có phần chia cho dân làng. Với những tục ăn uống với phần chia này, có nhiều người cho rằng đây là những thủ tục gây tốn kém cho dân quê, và chỉ tổ cho bọn đàn anh trong làng bầy vẽ bắt dân làng đóng góp rồi cùng nhau phè phỡn, ý kiến trên thật ra cũng có phần nào đúng ở những xã cường hào ác bá thường lợi dụng cơ hội để đè nén dân làng, nhưng nói đúng ra có phải chỉ riêng các bậc đàn anh tiệc tùng với nhau đâu. Dân làng đóng góp thì dân làng có ăn tiệc và cũng hưởng phần chia.

Chúng ta không nên nhìn tiệc tùng và phần chia trong những hội hè xã thôn với cặp mắt quá khắt khe như vậy. Nếu chúng ta hiểu rằng xưa kia tại thôn quê ba bốn làng mới có một ngôi chợ và chợ không phải họp hàng ngày, một tháng chỉ có sáu phiên, nghĩa là năm ngày chợ mới họp một lần, và sự di chuyển xưa kia không dễ dàng như ngày nay, không có xe đạp, không có xe máy, không phải cứ lúc nào người dân quê muốn đi chợ cũng được. Chúng ta lại phải hiểu thêm vấn đề dinh dưỡng của dân quê xưa thật nghèo nàn, chỉ rau dưa, hoặc đôi khi có con tôm con cá, rất ít khi có thịt thà.

Và cũng không phải lúc nào người dân quê cũng giết một gia súc làm thức ăn, người ta chỉ giết gà, giết vịt, mổ heo, mổ bò vào những dịp giỗ chạp, lễ tiết, và muốn ăn một miếng thịt, người ta phải tới chợ rất xa nhà để mua.

Với tiệc tùng, với phần chia trong hội hè đình đám, đây là một dịp bổ khuyết dinh dưỡng cho dân quê.

Chính vì vậy mà mỗi khi có việc làng, người dân quê rất vui lòng đóng tiền để được dự tiệc, để được phần chia. Ở đây có người sẽ nói rằng tiền đóng nhiều song phần chia ít hoặc ăn uống có bao nhiêu, chỉ có đàn anh lợi dụng sơi hết. Nói như vậy tức là chưa bao giờ sống ở thôn quê, và chưa bao giờ biết cái không khí hội hè đình đám. Trong một đám tiệc làng, cả làng cùng dự, đành rằng các bậc đàn anh được hưởng phần hơn, nhưng so với số tiền đóng, dân làng cũng không bao giờ thiệt. Với số tiền đóng góp, nếu bỏ ra đi mua ở chợ, vừa mất công, vừa mất thì giờ, so lại số thịt thà mua được chưa chắc đã nhiều hơn số phần chia, vì ở đây dân làng mổ cả một con heo, con bò, còn đi mua là mua lẻ, còn phải tiền lời của người bán.

Tóm lại, tiệc tùng và phần chia trong dịp hội hè đình đám, chính là cơ hội cho người dân quê được ăn thịt, bổ khuyết cho sự dinh dưỡng thiếu thốn quanh năm.

Nói như trên không phải ý chúng tôi muốn làm sống lại tục lệ này. Đời sống ngày nay với nhiều phương tiện mới khác với đời sống xã hội xưa. Chúng ta phải biết thích ứng.

Trên đây là mấy mục đích chính của hội hè đình đám, nhưng ngoài những điểm trên, Hội hè đình đám đối với dân quê còn có thể có những mục đích khác. Thí dụ : Như hai xã giao hiếu với nhau, trong dịp hội hè tại làng nọ, làng kia thường cử phái đoàn tới tham dự lễ để tỏ tình đoàn kết, hoặc thí dụ nhiều làng có những tục lệ mà theo tin tưởng của người dân quê thì hàng năm cần phải được nhắc lại để tránh sự không hay cho dân làng, như tại nhiều làng mà cả

làng làm một nghề không được coi là cao quí nhưng là một nghề thiết thực, thì trong dịp hội hè, nghề này được công khai đề cao với lễ nghi để dân làng không có mặc cảm khi hành nghề v.v…

**Thời gian mở hội**

Hội hè đình đám không phải mở quanh năm, và không phải bất cứ lúc nào dân làng cũng vào đám. Ca dao có câu :

*Tháng Giêng ăn Tết ở nhà,*

*Tháng Hai cờ bạc tháng Ba hội hè.*

Ca dao nói như vậy, không phải hội hè chỉ mở riêng vào tháng Ba, thực ra ngay trước ngưỡng cửa mùa Xuân tới, người ta bắt đầu mở hội tại nhiều xã thôn quê, như làng Bạch lưu Hạ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Yên, nhưng hội hè đình đám mở nhiều nhất trong ba tháng mùa Xuân, nhất là trong tháng Giêng và khi mùa Thu tới, với tiết Thu mát mẻ của tháng Tám, với lúa ba trăng trổ bông, với việc cày cấy vụ tháng Mười đã hoàn tất, dân quê cũng mở hội ở nhiều nơi như trong mùa Xuân vậy.

Hội hè cứ theo chu kỳ hàng năm mà trở lại, khiến người ngoại quốc khi nghiên cứu về phong tục Việt Nam đã dùng danh từ Hội Mùa (Fêtes saisonnières) để chỉ những hội hè này.

Bỏ qua những ngày hội được tổ chức trong năm, ba ngày Tết chưa xong, hội hè đã bắt đầu với những trò vui thưởng Xuân.

Mồng Ba tháng Giêng làng Thị Cầu đã có hội với tục ném pháo, với những cuộc chọi gà rất gay cấn ; ngày mồng Bốn làng Hữu Chấp huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh và làng Tích Sơn, huyện Tam Dương đều có hội với tục nam nữ kéo co ở làng Hữu Chấp, thanh niên hai giáp kéo co ở làng Tích Sơn, với nhiều tục khác ở cả hai làng như hát quan họ, thổi cơm thi… mồng Năm hội làng Vân Ô, huyện Võ Giàng, tỉnh

Bắc Ninh với tục đánh đu, tục hát quan họ, mồng sáu hội làng Khả Lễ ở Bắc Ninh, hội làng Ô Mễ huyện Vũ Tiên tỉnh Thái Bình với các tục hát quan họ, đánh đu ở Vân Ồ, đánh trung bình tiến ở Ô Mễ v.v… mồng Bảy hội làng Đống Cao (Bắc Ninh) với các tục hát quan họ, đánh đu. Và cùng trong những ngày Bốn, Năm, Sáu tháng Giêng, hội vật ở làng Mai Động nơi có đền thờ Bà Lê Chân. Mỗi ngày mỗi hội, không ở làng này thì ở làng khác, không ở tỉnh này thì ở tỉnh khác, hội hè liên tiếp suốt tháng Giêng, có thể nói suốt trong cả tháng Hai và một phần lớn tháng Ba âm lịch nữa. Ở trên chúng tôi chỉ nhắc đến những hội hè ở các nơi chúng tôi biết, còn những nơi khác chúng tôi không biết, tất nhiên nhiều làng cũng mở hội vào những ngày chúng tôi đã nhắc trên.

Ba tháng Xuân có hội, tháng Tám mùa Thu, thôn quê cũng lại có hội, như làng Thị Cầu mở hội từ ngày mồng Bảy đến hết I5 tháng Tám, như hội đền Kiếp Bạc, hội đền Bảo Lộc, nơi quê hương của Hưng Đạo Vương v.v…

Dân ta mở hội vào hai mùa Xuân Thu trước hết là vì lý do rỗi rãi, nhưng cũng vì Xuân tiết ấm áp và Thu tiết mát mẻ, mùa Xuân bắt đầu cho một năm, mùa Thu đánh dấu cho một mùa tốt đẹp trở lại sau những vụ nước, vụ gió bão dân quê phải lo lắng với mùa hè. Thời tiết và gió bão ở đây căn cứ theo khí hậu miền Bắc, chứ thực ra đối với miền Trung thì ngày lo cuối cùng của dân là ngày 23 tháng I0, qua ngày này mới hết bão lụt. Ca dao miền Trung có câu :

*Ông tha mà bà chẳng tha,*

*Hết mười lăm tháng tám đến hăm ba tháng mười.*

Còn như ở miền Nam, tất nhiên mùa Xuân không phải là mùa ấm áp.

Tổ tiên ta trước đây khai nguyên ở miền Bắc, hội sống đã được tổ chức theo những yếu tố hoàn cảnh địa dư, khí hậu miền Bắc.

Không nói gì đến hội hè đình đám, Xuân, Thu nhị kỳ, dân ta còn có tục Xuân Tế, Thu tế.

Tóm lại thời gian của hội hè đình đám trước đây là ba tháng Xuân và tháng Tám.

**Những tổ chức của hội hè đình đám**

Để nhằm vào những mục đích đã nêu trên, những hội hè đình đám phải có những tổ chức đáp ứng cho mỗi mục tiêu. Thường trong những Hội hè đình đám có những tổ chức về ba phương diện chính :

- Những cuộc tế lễ.

- Những trò giải trí.

- Những tiệc tùng.

**Những cuộc tế lễ**

Như đã trình bày, mục đích chính yếu của hội hè đình đám là để dân làng tỏ lòng thành kính và biết ơn Đức Thành Hoàng, tức là về phương diện tế tự.

Tế tự bao giờ cũng có những lễ nghi, đây là những hình thức bề ngoài nhưng qua những hình thức này, lòng tôn kính của dân làng đối với thần linh đã được cụ thể hóa.

Những nghi lễ chính, mỗi khi làng vào đám gồm :

- Lễ mộc dục

- Tế gia quan

- Rước

- Đại tế

- Lễ túc trực

*Lễ mộc dục*

Đây là lễ tắm thần vị, nghĩa đen hai chữ mộc dục là tắm gội. Một ngày trước khi nhập tịch, có khi nửa đêm hôm

trước, dân làng dâng lễ cáo yết thần linh để xin tắm thần vị ; phải dùng một chiếc khăn đỏ mới sạch sẽ và phải tắm hai lần nước. Lần đầu tiên dùng nước giếng hay nước sông trong sạch, nhúng khăn đỏ vào lau, lau xong, lại lau thêm một lần thứ hai bằng nước trầm hương hoặc nước ngũ vị hương.

Lễ mộc dục thường cử hành tại đền hoặc miếu là nơi thần linh an ngự. Ở những làng chỉ có đình, không có đền hoặc miếu để thần linh an ngự, thần linh an ngự ngay tại đình thì lễ mộc dục cũng cử hành ngay tại nơi đây.

Tại nhiều xã, trước khi làm lễ mộc dục còn lễ *rước nước*, tức là có một đám rước, rước nước ở sông hoặc ở giếng về đền.

Làng Đồng Nhân gần Hà Nội, thờ Hai Bà Trưng, hội chính vào ngày mồng 5 tháng Hai âm lịch, có rước nước ở sông Hồng Hà vào ngày mồng Bốn tháng Hai. Làng Thị Cầu, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, thờ thánh Tam Giang, hai anhem các ông Trương Hống, Trương Hát, võ tướng của Lý Nam Đế, mở hội từ mồng Bảy tới Mười sáu tháng Tám âm lịch, có rước nước ở sông Nguyệt Đức (sông Cầu) vào ngày mồng 7 tháng Tám. Làng Tự Nhiên phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông thờ Chử Đồng Tử, mở hội vào trung tuần tháng Giêng âm lịch, có rước nước ở sông Hồng Hà trước một ngày.

*Tế gia quan*

Sau lễ mộc dục là tế gia quan, nghĩa đen hai chữ gia quan là đội mũ [4] . Tế gia quan tức là tế mặc quần áo cho thần tượng hoặc thần vị. Mũ áo đại trào của thần linh hoặc là mũ áo vua ban nếu là một vị thần có công với nước lúc sinh thời, đã được sắc phong của triều đình, hoặc là mũ áo bằng giấy vẫn được thờ tại hậu cung, được đem ra phong lại để lên kiệu thờ. Việc phong mũ áo này do người cai Kiệu và những chân kiệu, nghĩa là những người được dân

làng cử để khiêng kiệu thần linh trong những buổi rước, những người này phải trai giới từ mấy hôm trước và chỉ những người này mới được tham dự việc phong mũ áo.

Trong lúc vào phong mũ áo mỗi người phải bịt miệng bằng một chiếc khăn điều để trần khí không xông tới thánh cung, mà mang tội bất kính.

Phong mũ áo thì hoặc khoác vào thần tượng hay nếu không có thần tượng thì gập xếp lên ngai thần vị.

Mũ áo đai mãng đã phong rồi, thần tượng hoặc thần vị hoặc cũng có khi chỉ có mũ áo được an phong lên long kiệu. Sau đó dân làng tế một tuần, tuần tế này gọi là tuần tế gia quan.

Tế xong long kiệu vẫn để tại đền hoặc miếu, chờ đến sáng hôm sau rước về đình.

Tế gia quan xong, các bô lão quan viên cùng một số dân làng có mặt tại đền, cùng nhau đem chậu nước trầm hoặc nước ngũ vị hương lau thần vị lúc trước, theo thứ tự trên dưới, mỗi người nhúng tay vào lau lên mặt một chút gọi là *quân chiêm thần duệ*. Cái khăn vải đỏ dùng để lau thần vị cũng được đem xé ra chia cho mỗi người một mảnh nhỏ. Tục tin rằng đeo mảnh vải này vào cổ sẽ được may mắn, tránh được bệnh tật và tà ma.

Qua hành động trên, chúng ta thấy sự tin tưởng của người dân nơi Đức Thành Hoàng và sự tôn kính của người làng đối với Đức Thành Hoàng cũng giống như sự tin tưởng và tôn kính của con cháu trong gia đình đối với tổ tiên.

*Rước*

*Rước* nghĩa là di chuyển từ nơi này đến nơi khác với một nghi vệ trọng thể.

Đám rước thần là đám rước thần tượng hoặc thần vị từ đền tới đình, hoặc từ đền, đình tới một nơi nào khác.

Đám rước thần trong một cuộc vào đám cử hành sáng hôm sau từ miếu hoặc đền tới đình. Đám rước được cử hành bởi toàn xã, ở đây cần phải hiểu là những dân nội tịch tuổi từ mười tám trở lên, và không có phụ nữ, trừ trường hợp dân làng thờ một vị nữ thần. Đám rước được dân làng đón chiêm ngưỡng ta gọi là *xem rước*. Những người đi xem rước không phân biệt nam phụ lão ấu như những người tham dự chân đi rước. Trong đám rước, những người phụ trách việc khiêng kiệu, từ cai kiệu đến chân kiệu đều là những người được cắt trước và như trên đã nói, những người này đã phải trai giới từ mấy ngày trước khi đi rước.

Đám rước trong khi đi đường có nghi trượng riêng và nghi trượng này tại hầu hết mọi làng đều giống nhau. Trước khi đám rước khởi hành, chiêng trống nổi lên từ trong đền và dân làng đốt một tràng pháo.

Thực ra, ngay từ nửa đêm tiếng trống cái đã được gióng lên để dân làng biết, những ai có phận sự phải lo sửa soạn trước, dân chúng muốn đi xem rước hoặc muốn chiêm bái kiệu thần cũng được biết chừng.

Nghi trượng đám rước, nhắc lại nghi trượng của một vị tướng ra quân với đủ chiêng trống cờ quạt, với pháo lệnh lúc khởi hành.

Tràng pháo đốt xong, các chân kiệu bắt đầu rước long kiệu từ trong đền hoặc miếu đi ra. Ra tới cửa tam quan, long kiệu đi sau những tự khí dàn bày.

Mở đầu đám rước là hai lá cờ Tiết, Mao. Đây là hai lá cờ tượng trưng cho uy thế của thần linh. Cờ Tiết tượng trưng cho sự chỉ huy, cờ vua trao để làm tin, và cờ Mao kết bằng long mao biểu hiệu cho tước vị thần linh. Cờ Mao đúng ra là cờ của nhà vua ban cho thần linh khi phong sắc.

Sau cờ Tiết Mao là năm lá cờ Ngũ hành năm màu xanh, đỏ, trắng, vàng, đen tượng trưng cho năm đạo quân của vị tướng, năm màu sắc lại tượng trưng cho năm *hành* là :

- Đỏ thuộc hỏa

- Vàng thuộc thổ

- Xanh thuộc mộc

- Trắng thuộc kim

- Đen thuộc thủy

Vì năm mầu thuộc năm hành nên năm lá cờ gọi là cờ Ngũ hành.

Có làng thay vì dùng năm lá cờ, chỉ có bốn lá gọi là cờ Tứ phương với bốn màu thuộc bốn phương :

- Xanh thuộc phương Đông

- Đỏ thuộc phương Nam

- Trắng thuộc phương Tây

- Đen thuộc phương Bắc

Sau cờ ngũ hành là bốn lá cờ Tứ linh, mỗi cờ thêu một linh vật : Long, Ly, Qui, Phượng.

Cũng có khi đây là tám lá cờ Bát quái, mỗi lá cờ thêu một chữ trong tám quẻ : Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài hoặc thay vì tám chữ là tám quẻ trong Bát Quái.

Những thanh niên trong làng được cử vác cờ, dù là cờ Ngũ hành, cờ Bát quái hay cờ Tứ linh đều ăn mặc như những quân lính thời xưa : Đầu đội nón dấu, thắt lưng ngang người, giải thắt về bên cạnh, gọi là thắt lưng bó que. Có nhiều làng, những chân cờ mặc hẳn áo nậu, áo nẹp, thứ áo của quân lính thời xưa, trái lại có nhiều nơi như làng Thị Cầu tỉnh Bắc Ninh, làng Nam Ngạn tỉnh Bắc Giang, chân cờ chỉ thắt tượng trưng chiếc thắt lưng đỏ ngang lưng, thắt trên áo dài đen, không đội nón dấu và cũng không có áo nậu, áo nẹp.

Hết loạt cờ đến đại cổ, còn gọi là trống cái do hai người khiêng. Trống sơn son thiếp vàng do thủ hiệu đánh bằng một dùi trống cũng sơn son thiếp vàng, một thanh niên vác lọng che cho thủ kiệu và trống. Trống là hiệu lệnh của thần linh, tại nhiều nơi được gọi tôn trọng là ông Trống.

Trống rồi đến chiêng cũng do hai người khiêng, một người đánh chiêng và một người che lọng. Chiêng cũng là hiệu lệnh của thần linh và cũng được gọi tôn là ông ở nhiều nơi.

Chiêng trống đánh theo nhau trong đám rước, một tiếng trống lại điểm một tiếng chiêng.

Kế là ngựa hồng, ngựa bạch đi song song hai bên. Đây là ngựa gỗ nhưng to bằng thật và đặt trên bốn bánh xe ; trong đám rước, có người kéo, những người này cũng ăn mặc như chân cờ.

Có xã thay vì đôi ngựa là đôi voi.

Đôi ngựa có tàn lọng che, và có một người vác binh khí đi kèm thường là siêu đao.

Voi ngựa đi qua đến hai người vác hai chiếc tán đi hai bên hoặc có khi đi vào giữa thì kẻ đi trước người đi sau cách khoảng nhau một chút.

Tán giống như chiếc tàn có thêu ngũ sắc long phượng nhưng tàn thành dài, tàn thành nông. Tàn tán đều không cụp được như lọng, lọng bằng vải sơn hoặc giấy sơn xòe lên cụp xuống được.

Sau hai chiếc tán đến các chấp kích viên vác đồ lỗ bộ và bát bửu. Các chấp kích viên đi hai bên, còn ở giữa là một quan viên mặc áo thụng xanh có lọng che, mang một chiếc biển hình bầu dục đề mấy chữ : *Thượng đẳng tối linh* hoặc *Lịch triều phong tặng.* [5]

Hết đoàn chấp kích là phường Đồng văn.

Phường Đồng văn gồm một người cai cầm trống khẩu, một người cầm thanh la, hai người cầm sinh tiền 7, 8 người đánh trống bản, một loại trống mặt rộng, thân ngắn, đeo trống ngang chỗ thắt lưng, trống bản đánh bằng hai dùi trống nhỏ.

Y phục của phường Đồng văn, hoặc đều mặc áo dài thắt lưng điều ngoài áo, buộc múi sang bên cạnh, hoặc có xã có y phục riêng. Người cai cầm trống khẩu, người cầm thanh la mặc áo dài đen thắt lưng đỏ bên ngoài, hai người chơi sinh tiền đội nón dấu thắt lưng bó que, những người đánh trống bản mặc áo nẹp đỏ, có xã trong đám rước lại có thêm hai đứa con trai, ăn mặc giả gái, mỗi đứa đeo một cái trống cơm gọi là *con đĩ đánh bồng.* [6]

Phường Đồng văn này, hễ trống khẩu, thanh la, sinh tiền khởi lên thì trống bản họa lại. Hai con đĩ đánh bồng vừa đập trống cơm vừa múa nhịp nhàng có điệu có khúc. Cũng có nơi trong đám rước, dùng điệu trống hành quân, một người đánh đại cổ, năm bảy người đánh tiểu cổ họa lại.

Sau lớp đồng văn đến cờ vía, do một người mặc áo thụng xanh vác. Người này cũng như tất cả những người khác trong đám rước đều chít khăn đen trên đầu, người già có khi dùng khăn nhiễu tím ngoại trừ những người đã đội nón dấu, hoặc đội thứ mũ riêng theo nhiệm vụ. Cờ vía bằng vóc thêu chữ lệnh (令). Cờ này có lọng vàng che, đây là cờ tướng lệnh của thần linh, tôn quí lắm.

Kế đến *gươm dàn mặc* cũng gọi là *kiếm lệnh*. Ba người đội nón dấu, thắt lưng bó que cầm mỗi người một thanh gươm cùng đi ngang hàng hoặc người nọ đi sau người kia.

Rồi là phường bát âm với đàn, sáo, nhị kèn cảnh… gồm tám nhạc cụ phát ra tám âm thanh cấu tạo bởi tám vật liệu khác nhau theo âm nhạc cổ điển : bào, thổ, cách, mộc, kim, ti, trúc. [7]

Bản nhạc họa nên bởi tám nhạc khí gọi là *bát âm nhã nhạc*.

Phường bát âm thường cử mấy điệu Lưu thủy, Ngũ đối trong lúc đi rước.

Sau phường bát âm là *long đình*, một chiếc kiệu có mái. Trên long đình có bầy đồ hương án, ngũ quả, có đinh trầm hoặc bình hương nhỏ tỏa khói nghi ngút.

Long đình do bốn chân kiệu khiêng và lại có sẵn bốn chân kiệu khác đi kèm để phòng thay thế. Trước mặt long đình có hai người cầm trống khẩu hoặc cầm cảnh đi gióng hiệu. Cai kiệu và các chân kiệu thường đeo một tràng hoa, hoa bưởi hoặc hoa khác có hương thơm để hương thơm ngăn mùi trần khi xông lên.

Chung quanh long đình có tàn quạt, có lọng che rất tôn nghiêm.

Đi sau nữa là *Long kiệu* trên có mũ áo và thần vị có khi có cả tượng thần linh. Long kiệu không có mái như long đình, nhưng có tàn che. Long kiệu do tám chân kiệu khiêng và tám chân kiệu khác đi kèm để phòng sự thay thế.

Các bô lão, các viên chức trong làng theo sau kiệu, mặc áo thụng đi hộ giá. Ai có phẩm hàm mặc áo theo phẩm trật, che lọng xanh có người nhà đi theo hầu.

Nghi trượng trên là nghi trượng của đám rước một làng.

Có những đám rước do hai ba làng giao hiếu cùng tổ chức vì cùng thờ một thần linh, thì nghi trượng dài hơn. Và mỗi làng tham dự đám rước đều cử dân làng sung chân đi trước. Và mỗi làng là một lớp nghi trượng đã nêu trên, ngoại trừ long kiệu ; trong những đám rước chung của nhiều xã, chỉ một xã đàn anh có long kiệu, còn các xã kia chỉ có long đình. Long kiệu đi sau chót, sau long đình của xã đàn anh.

Đám rước thần từ miếu hoặc đền tới đình được dân quê cung kính gọi là PHỤNG NGHÊNH HỒI ĐÌNH, nghĩa là nghênh đón thần vị từ nơi ngài bằng y an ngự tới đình để dân làng cúng tế trong dịp đại hội.

Trong lúc đi đường, đám rước đi thật có trật tự, người đi xem rước đứng hai bên đường hoặc cùng đi hai bên.

*Đại tế*

Thần vị đã rước về đình làng, dân làng dâng đồ lễ tế một tuần long trọng gọi là Đại tế. Đồ lễ có khi rất lớn, làng giết trâu mổ bò, tế xong cả làng cùng hưởng.

Tế có nghi lễ, phải có một người đứng chủ tế, còn gọi là mạnh bái. Ngoài ra còn có hai hoặc bốn người bồi tế tức là các vị phó chủ tế ; hai người đông xướng và tây xướng, hai người nội tán, từ mười tới mười hai người chấp sự. Tất cả những người này đều kén chọn trong những người có chân khoa mục hoặc chức sắc trong làng.

Ông mạnh bái thường là một vị cao niên có phẩm hàm hoặc đỗ cao nhất làng. Thường đây hoặc là ông Tiên chỉ hoặc ông đám nhất [8] của làng. Đứng chủ tế là danh dự, nhưng được đề cử vào các chân khác trong buổi tế cùng là vinh dự lắm.

Chủ tế đứng mạnh bái mang trọng trách lễ thần.

Bồi tế đứng giúp chủ tế, đứng dưới người chủ tế và cứ trông theo mà lễ.

Đông xướng và tây xướng là hai người xướng nghi thức trong buổi tế, đứng đối diện nhau hai bên hương án.

Chấp sự là những người đứng hai bên phụ trách việc dâng hương, dâng rượu, chuyền chúc, đọc chúc v.v…

Về nghi thức, một buổi tế chia làm bốn giai đoạn :

- Nghênh thần, chủ lễ phải lễ bốn lễ.

- Hiến lễ, dâng lễ lên thần linh, lễ dâng ba lần, gọi là *sơ hiến lễ*, *á hiến lễ và chung hiến lễ* mỗi lần chủ tế và bồi tế phải quỳ để hiến lễ, và mỗi lần lễ chủ tế phải lễ hai lễ cộng là sáu lễ [9] . Sau tuần sơ hiến lễ có đọc văn tế gọi là đọc chúc. Bản văn tế này, miền Nam gọi là Lòng văn, do một bậc đại khoa hay một tay văn tư trong làng, có chân trong ban tư văn được dân làng cử để *tả văn,* nghĩa là soạn bài văn tế thần. Người phụ trách tả văn gọi là người điển văn.

- Ẩm phúc và thụ tộ, chủ tế nhận lãnh lộc thần linh ban cho.

- Lễ tạ, chủ tế cũng phải lễ bốn lễ. [10]

*Lễ túc trực*

Sau buổi đại tế, thần linh ngự tại đình, dân làng gồm các vị quan viên chức sắc, các vị bô lão phải luôn luôn túc trực tại đình, mỗi buổi tối đều có lễ cúng, và ban ngày hoặc có tế hoặc có lễ, hoặc có rước thần linh tới các nơi thờ tự khác trong làng. Tối tối, luôn luôn có người ở lại đình để chầu chực hầu hạ thánh cho đến khi *giã đám* nghĩa là hết hội. Ngày giã đám còn được gọi là ngày *xuất tịch*, thường có một buổi đại tế cuối cùng gọi là tế giã đám với đầy đủ nghi thức.

**Hèm**

Trong các cuộc tế lễ tại nhiều làng, có một nghi tiết đặc biệt gọi là HÈM. Thể hiện nghi tiết này « *người ta thường bầy một trò để nhắc lại tính tình sự nghiệp hoặc sinh bình của vị thần làng thờ* » [11] . Thường hèm nhắc lại một đoạn tiểu sử của vị thần, đoạn tiểu sử đặc biệt riêng, nói lên cái gì khác biệt nhưng tượng trưng nhất của cuộc đời thần linh lúc sinh tiền, thường là những điều xấu, nên hèm thường cử hành riêng trong người làng với nhau. Tuy nhiên cũng có hèm phải cần nhiều người mới cử hành được hoặc hèm chỉ có thể cử hành được khi có người lạ như tục QUẬT BÒ ở làng

Tích Sơn, do đó cũng nhiều làng cử hành Hèm thần linh một cách công khai.

Ở đây xin kể sơ lược một vài hèm để các bạn có một ý niệm về nghi tiết này.

- Thôn Thượng xã Duyên Tục, phủ Tiên Hưng tỉnh Thái Bình có tục *đấm nhau*, thôn này thờ ông Thần Đấm, xưa là một chú trích, bị người ta bắt được đánh chết, gặp giờ linh thành thần. Để cử hành Hèm này đêm hôm giã đám, tức là đêm cuối cùng của ngày hội, dân làng già trẻ trai gái tụ tập hết ở đình, rồi tế xong, đèn nến tắt hết mọi người đấm nhau. Trai gái vừa đấm nhau theo nghĩa đen, có khi lại đấm nhau theo nghĩa bóng.

- Làng Xuân Ái, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh có tục cướp *bị gậy*. Lúc sinh tiền vị thần làng này làm nghề hành khất. Hội làng mở vào mùa Xuân và mùa Thu. Đêm hôm giã đám hội mùa Xuân có tục cướp bị gậy để nhắc lại thần tích của thần làng. Đêm đó dân làng tề tựu ở cả sân đình dự cuộc tế thần. Tế xong, một hồi trống nổi lên, ông chủ tế hạ bị gậy từ bàn thờ xuống ném ra sân đình. Lập tức dân làng xô nhau xông vào cướp, mạnh ai nấy chen, cố giằng cho được mảnh bị hoặc chiếc gậy.

- Làng Tích-Sơn, huyện Tam-Dương, tỉnh Vĩnh Yên có tục QUẬT BÒ. Đây là một cổ tục hết sức tàn bạo những cũng là một tục thật kỳ lạ. Làng này mở hội vào ngày mồng Ba tháng Giêng. Làng thờ một ông thần, lúc sinh tiền làm nghề ăn cướp. Tục quật bò nhắc lại tính hung bạo hay gây sự của vị thần, Quật Bò nghĩa là quật cho con người đến ngã nằm bò.

Sáng ngày mồng Ba tháng Giêng, dân làng mở hội làm lễ tại đình, đình ở giữa cánh đồng. Các trò vui trong ngày hội được tổ chức ngay tại khu ruộng trước cửa đình. Trong lúc dân làng làm lễ trong đình, khách thập phương tới lễ bái và xem hội phải đứng sang hai bên khu ruộng, không ai được

đứng ở khoảng giữa đình soi thẳng ra. Ai vô ý đứng ở nơi này sẽ bị thanh niên trong làng xô tới quật ngã nằm xuống. Nếu đương sự chống lại, thanh niên họ sẽ xúm nhau vật bằng được, người bị vật có khi đổ máu mồm, gãy răng mặc kệ. Đương sự, muốn đứng lên phải lăn ra mé bên cạnh, nếu đứng ngay lên sẽ bị quật xuống trở lại.

Có bạn sẽ ngạc nhiên hỏi tại sao đứng trước cửa đình lại bị quật bò. Tôi xin được phép nhắc tới một tục của kẻ cướp. Kẻ cướp, đêm hôm khi chúng đi ăn cướp, chúng rất kiêng gặp người ở giữa đường. Chúng cho là chạm vía. Người bị chúng bắt gặp thường bị chúng giết chết hoặc nếu bọn cướp hơi nhân đạo, chúng sẽ trói người này vào một chỗ trước khi tiếp tục hành trình.

Đi ăn cướp nếu chúng thành công và cả bọn vô sự lúc trở về chúng sẽ thả ra, bằng nếu chúng gặp rủi ro có đồng bọn bị bắt, bị giết, bị thương v.v… chúng sẽ giết chết người chúng bắt gặp.

Lúc dân làng Tích Sơn làm lễ tại đình, những người đứng trước cửa đình soi thẳng ra bị coi là chạm vía thần linh, nên dân làng phải thi hành *hèm quật bò*.

- Làng Đồng Vệ phủ Vĩnh Tường tỉnh Vĩnh Yên thờ một vị thần, lúc sinh thời làm nghề gắp phân, khi cúng thần dân làng cúng bằng chuối đã bóc tuột hết vỏ, để quả chuối mang hình dạng một cục phân. Những quả *chuối phân* này được đựng trong những chiếc gơ, dụng cụ giống như chiếc rá nhưng có quai tựa chiếc quang mắc vào, và chỉ riêng dùng để đựng phân.

Người gắp phân xách gơ đi khắp cánh đồng, thấy phân dù phân người hay phân vật, đều gắp bỏ vào gơ. Gắp phân, người này dùng một đôi xương sườn trâu. Phân dùng để bón vườn ruộng. Tục lệ làng Đồng Vệ bắt buộc các cô con gái phải đi gắp phân mới lấy được chồng, không đi gắp phân, người trong làng sẽ không ai lấy.

- Làng Cổ Nhuế tỉnh Hà Đông cũng thờ thần gắp phân nhưng khi cúng thần không dùng chuối bóc rồi, mà dùng những miếng kẹo lạc nấu bằng mật đen, nhìn giống những cục phân chó.

Trong Việt-Nam văn hóa sử cương, Ông Đào Duy Anh có nhắc tới mấy hèm sau đây :

- Lễ thần ăn trộm : ban đêm con trai con gái trong làng đốt đuốc đi xung quanh đình, trong khi người thủ từ lấy tượng thần đưa qua lỗ ngạch có ông tiên chỉ đứng chực sẵn ở phía ngoài, nắm lấy cổ tượng thần đấm ba đấm rồi bỏ lên kiệu rước lại vào đình. Hèm này rất tiếc tác giả không nói ở làng nào.

- Làng Khắc Niệm Thượng huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh thờ thần cụt đầu, đến ngày vào đám người ta lấy một con lợn sống một người cầm gươm chém đứt đầu lợn, bỏ vào nồi nước mắm đương sôi, rồi đặt lên hương án cúng. [12]

Trên đây chỉ là mấy hèm đơn cử ra, nhiều làng còn có những hèm kỳ lạ hơn, đầy luyến ái tính hoặc tàn bạo tính tùy theo các vị thần làng thờ.

**Rước giao hiếu**

Nói đến Hội hè đình đám, không thể bỏ qua không nói tới tục rước giao hiếu, tuy rằng tục này không phải làng nào cũng có. Đây cũng là một nghi tiết trong việc thờ thần.

Hai ba làng cùng thờ một ông thần, hoặc hai ba vị thần lúc sinh thời có liên hệ gia đình với nhau, hoặc là hai anh em hoặc là hai cha con, thí dụ như làng Thị Cầu tỉnh Bắc Ninh và làng Nam Ngạn tỉnh Bắc Giang thờ hai anh em ông Trương Hống, Trương Hát hoặc như các làng Phù Đổng, Phù Dực, Đông Viên, Đông Xuyên, cũng thờ Phù Đổng Thiên Vương, hoặc như hai làng Đông Cao và Đông Bộ phủ Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định, một làng thờ Mỵ-Châu và

một làng thờ An Dương Vương v.v… những làng này có tục giao hiếu với nhau.

Những xã giao hiếu với nhau, hàng năm thường cùng tổ chức vào đám một dịp, những xã này rước lẫn sang nhau, tục gọi là rước *giao hiếu*, còn gọi là rước *đánh giải*. Xã nọ cử hành đám rước tới xã kia, các bô lão, các quan viên, các chân kiệu cũng như các chân đi rước đều vào đình lễ thần sau khi đã rước kiệu vào.

Xã chủ, để tỏ tình giao hiếu, mời xã khách giải tọa dự tiệc và nghe hát.

Việc giao hiếu tùy lệ, có nơi chia nhau mỗi xã làm chủ một năm, các xã khác đều với hẹn một ngày cử hành đám rước đến xã này rồi cùng tổ chức một lễ tế thần chung. Tế xong các xã cùng thừa hưởng lộc thánh, ăn uống với nhau và cùng dự các cuộc vui chung : nghe hát, xem các trò bách hí.

**Tuyên lời khánh chúc**

Tại nhiều làng khi mở hội có tục tuyên lời khánh chúc.

Thường lời khánh chúc được tuyên đọc sau cuộc đại tế. Đây là một bài trường thiên từ phú, nội dung tả cái cảnh thanh bình của dân làng với tất cả những điều tốt đẹp làng xóm được hưởng, có nhắc tới cả những danh lam thắng cảnh trong làng, đoạn chính kể lại những công đức của Đức Thành Hoàng, nhờ ngài mà dân làng được thịnh vượng bình yên, nhờ Ngài mà bao nhiêu thiên tai nghịch khí đã tránh được.

Đoạn kết của lời khánh chúc, dân làng dâng lên Ngài sự biết ơn và cầu xin Ngài luôn luôn phù hộ cho dân làng.

Để lời khánh chúc được tuyên đọc long trọng, dân làng có giải thưởng cho những người lên đọc.

Ai cũng có thể xin lên đọc lời khánh chúc được, người làng hoặc một người lạ tới dự hội làng.

Đọc lời khánh chúc phải trơn tru gãy gọn từ đầu đến cuối không được sai chữ nào. Một tay văn tự trong làng được cử cầm trống giám sát việc đọc, mỗi chữ đọc sai đánh một tiếng trống.

Đây là một nghi tiết trong việc sự thần, nhưng đây cũng là một cuộc mua vui của dân làng.

Trên đây, chúng tôi phác sơ qua về những hình thức liên quan tới việc tế lễ trong những buổi hội hè đình đám. Đây chỉ là những điểm chính, nhưng có thể còn có những nghi tiết của từng địa phương, tùy làng, tùy xã, chúng tôi không đề cập tới hết được.

**Những trò giải trí**

Dân tộc Việt Nam từ ngàn xưa thường lấy quây quần đoàn tụ làm vui, nên trong những dịp giải lao hưởng thụ, người ta không nghỉ ngơi riêng rẽ, cũng như trong lúc vui, người ta muốn được vui chung cùng bạn hữu, cùng họ hàng thân thuộc, cùng với mọi người quen kẻ biết làng trên xã dưới.

Do đó, Xuân tới trong dịp nghỉ ngơi, nơi nơi đều kéo hội để dân chúng trong xóm ngoài làng, hàng tổng và có khi cả hàng huyện cùng nhau chung vui gặp gỡ, cùng giải trí với những trò vui ngày Xuân.

Đây chính là lý do của những trò bách hí trong Hội hè đình đám.

Gọi là những trò vui với mục đích giải trí cho mọi người, nhưng thường những trò vui cũng được gán ghép vào những cuộc tế tự : hát thờ thần, kéo chữ theo thần ý v.v…

Trong những trò vui giải trí ngày xuân, ta có thể phân làm 3 loại chính.

- Những trò giải trí nằm trong việc tế tự.

- Những trò giải trí có tính cách khuyến khích nghề nghiệp việc nội trợ, việc chăn nuôi.

- Những trò giải trí thuần túy.

*Những trò giải trí nằm trong tế tự*

Chúng ta có thể nói tới tục ca hát. Tại Miền Nam trong đám hội thường có hát bội, trước là kính thờ, sau là dân chúng mua vui. Miền Bắc có hát chèo và nhất là có ca nhi tới hát thờ và các bậc đàn anh cầm chầu. Miền Trung cũng có hát bội.

Tuyên lời khánh điếu cũng là một trò giải trí nằm trong tế tự.

Có nhiều trò vui hoàn toàn giải trí, nhưng dân làng cũng ghép vào việc thờ phụng hoặc vì liên quan tới vị thần linh như tục đánh vật tại làng Mai Động, nơi có đền thờ Bà Lê Chân, để nhắc lại cách thức kén tướng tiên phong của Bà Lê thời trước hoặc như trò vui đánh phết, xưa kia là cách luyện nữ binh của Hai Bà Trưng.

Các trò vui nằm trong tế tự rất nhiều, những trò vui này thường được tổ chức ở trong đình hoặc ở trước sân đình : đánh trung bình tiên, đốt pháo…

*Những trò giải trí có tính cách khuyến khích nghề nghiệp, đề cao việc nội trợ, chăn nuôi*

Rất nhiều từ việc thổi cơm thi, giữ em, thi nấu xôi, thi dệt vải, tục trinh nghề ở làng Bích Đại (Vĩnh Yên), thi dưa hấu ở làng Thổ Tang phủ Vĩnh Tường, tục đánh cá, thi nuôi gà khéo, thi cỗ…

Mỗi trò vui, mỗi hình thức đều đem lại thích thú và ham say cho người dự cuộc và cho khán giả.

*Những trò giải trí thuần túy*

Lại có nhiều những trò giải trí riêng cho mỗi hạng người. Người già chơi tổ tôm, cờ bỏi, thi thơ. Nam nữ thanh niên có những trò du hí cổ truyền qua các môn võ nghệ như đánh trung bình tiên, bơi thuyền, đua bơi, đánh quyền, đánh vật, nhất là thú ca hát giữa nam nữ với nhau : hát quan họ, hát ví, hát trống quân.

Các cụ bà, qua những trò giải trí, cũng có thú riêng của mình. Các cụ làm phúc trong ngày hội, các cụ sung sướng thấy chồng con vui chơi ngày hội.

Tóm lại hội hè đình đám có lễ bái nhưng cũng có vui chơi giải trí để mỗi ngày hội lại có thêm ý nghĩa với làng.

Chúng tôi muốn nói dài hơn về những trò bách hí trong ngày hội vì đi sâu vào chi tiết của mỗi trò chúng ta sẽ thấy những cái thú vị của từng trò. Và đôi khi chúng ta có thể tìm thấy trong những trò giải trí đó một ý nghĩa triết lý rất sâu xa.

**Những tiệc tùng**

Ta có câu vô tửu bất thành lễ, nghĩa là khi cúng chưa có rượu thì chưa thành lễ. Rượu thịt thường đi đôi. Trong các lễ cúng ngoại trừ lễ cúng Phật và những lễ cúng chay, bao giờ cũng có rượu thịt. Thịt được gọi là con sinh trong những buổi lễ. Khi tế người xưa hay có tục dùng lễ tam sinh nghĩa là dùng ba sinh vật khác nhau.

Tam sinh có thể là trâu, bò và lợn hoặc lợn, dê và bò, hoặc chim, gà, vịt và cũng có thể là cá, lươn, tôm như ta thường bắt gặp trong những lễ cúng mở cửa mả tại miền Nam.

Rượu thịt dâng lễ xong, dân làng cùng hưởng, hoặc cùng ăn tại đình hoặc làm phần chia cho cả làng, thường một phần đồ lễ dùng làm tiệc tại đình để các người tham dự cùng ăn uống, còn một phần dùng làm phần chia cho dân đinh trong làng.

Tiền sắm lễ do dân chúng đóng góp, nếu không cũng là trích ở quỹ làng, cả làng phải cùng được hưởng. Gia dĩ đối với dân quê, miếng phần việc làng rất quý. Tục có câu : *Miếng việc làng hơn sàng xó bếp.* Một miếng việc làng là một miếng thừa lộc thánh, ăn được may mắn.

Người ta thường bảo rằng : Xôi thịt việc làng ăn thơm ngon. Đây là miếng ăn thừa hưởng của thần linh.

Thực ra, có thể nói được chẳng mấy khi dân quê có một sàng thịt trong xó bếp. Câu tục ngữ trên cũng phần nào cố ý che đậy khía cạnh không đẹp của sự mong mỏi một miếng phần của làng, chỉ vì phần đây là xôi và thịt, hai thứ dân quê không phải mỗi lúc mỗi có. Phần việc làng chính là cái gì bổ khuyết cho sự thiếu sót trong vấn đề dinh dưỡng của dân thôn.

Trong những tiệc tùng việc làng, dân làng gặp gỡ với nhau có thể trình bày với nhau những điều thắc mắc để tạo niềm thông cảm giữa toàn dân.

Dự việc làng, không phải bất cứ người dân nào bạ đâu ngồi cũng được. Tục lệ hương ẩm trong làng đã xếp đặt chỗ ngồi cho từng hạng người. Việc đặt chỗ ngồi cốt để duy trì tôn ty trật tự tại xã thôn, đúng theo tinh thần của Khổng giáo mà cái nguyên lý căn bản là sự bất bình đẳng giữa vạn vật.

Trật tự trong xã thôn có giữ được, an ninh mới được bảo đảm, nếp sống mới điều hòa, làng xóm mới thịnh vượng. Người dân quê luôn luôn sẵn sàng chấp nhận tôn ti trật tự của tục hương ẩm. Tôn ti trật tự không có nghĩa là phân chia giai cấp, ở đây mục đích chỉ nhằm vào sự sắp đặt trên dưới đúng với nhiệm vụ của mỗi người trong làng.

Vua Tự Đức năm thứ l4 đã có chỉ dụ ấn định rõ ngôi thứ và chỗ ngồi trong những buổi tiệc tùng theo tục lệ hương ẩm :

« *Văn từ thất phẩm trở lên, ấm sinh, giám sinh và Tú tài xuất thân mà được bát cửu phẩm, võ tứ suất đội trở lên, khoa mục từ cử nhân trở lên thì ngồi gian giữa đình. Hương lão 70 tuổi trở lên, võ thất phẩm đội trưởng, văn bát cửu phẩm tá tạp* [13] *, bát cửu phẩm, thiên, bách hộ, chánh tổng, ấm sinh, giám sinh, tú tài, viên tử, thiên, bách hộ nạp quyên, miễn sai, miễn giao đều ngồi gian tả. Phẩm trật đồng nhau, thì ai hơn tuổi ngồi trên.*

*Lý trưởng, hương chức dân làng thì ngồi ở gian hữu, lấy tuổi làm thứ tự. Ở những làng theo lệ thiên tước thì ngôi thứ dựa theo thứ tự ở trong sổ hương ẩm* ».

Định vị ngôi thứ đã rõ ràng bởi phép vua, tuy phép vua thường được linh động thay đổi theo lệ làng. Ngôi thứ đã có trong tiệc tùng hội hè đình đám, nên dân làng cứ chiếu theo chỗ mình mà ngồi.

Mỗi khi hội hè đình đám không phải chỉ có một lần tiệc, có thể có đôi ba bữa tiệc to nhỏ khác nhau. Mỗi buổi tế đều có đồ mặn, mà có lễ mặn là có tiệc tùng hoặc phần chia. Thường chỉ có một tiệc lớn và vài ba tiệc nhỏ. Tiệc lớn cả làng đều dự, tiệc nhỏ số người dự hạn chế hơn, có khi theo chức vị tuổi tác.

Tóm lại, có hội hè đình đám phải có tiệc tùng. Dân quê lấy tiệc tùng làm vui, và là một dịp để cả làng thông cảm với nhau dưới môi trường phụng sự thần linh.

°

Thời cuộc đã thay đổi cả nếp sống từ quê tới tỉnh.

Ngày nay, tuy nhiều nơi vẫn còn tục lệ hội hè đình đám, nhưng dù sao ý nghĩa thiêng liêng xưa kia cũng đã mất dần.

Nhắc lại hội hè đình đám ngày hôm nay ở đây, chúng tôi không dám có ý khuyến khích tất cả mọi người quay về cổ

tục, nhưng tôi nghĩ đây chỉ là một cuộc tìm tòi để hiểu biết về văn hóa nước nhà.

Qua sự tìm tòi hiểu biết này chúng ta giữ lấy những cái hay, xếp riêng những điều ngày nay cho là dở, đem hòa hợp những cái hay với cuộc sống hiện tại để thích ứng với hoàn cảnh đương thời.

# CHƯƠNG BA

# HỘI HÈ VỀ PHONG TỤC

Thực ra trong hai chương I và II, khi nói tới hội hè về kỷ niệm lịch sử và Hội hè về tôn giáo, chúng tôi cũng nhắc nhiều tới phong tục, nhất là tới nhiều cổ tục của dân quê, nhưng sở dĩ chúng tôi có chương thứ III này là vì ở đây chúng tôi chú trọng nhiều hơn tới phần phong tục, nhất là tới những cổ tục ở hai phần trên chúng tôi chưa có dịp nhắc tới.

Thường những cổ tục có những đặc tính riêng chỉ xuất hiện ở những thôn, xã, làng, xóm thờ các yêu thần, tà thần, và cũng vì thờ các yêu thần tà thần, nên mới có nhiều tục kỳ lạ, đã đành đôi khi tại một đôi làng thờ các chính thần, cũng có những tục đặc biệt riêng của các làng ấy.

Trong phần hội hè về phong tục này, phần nhiều thần tích tại các làng có hội, dân làng dấu kỹ bởi đây là những dâm thần, những tà thần, thần ăn trộm, thần ăn mày v.v… để người ngoài xã biết e gây một sự chê cười.

Do đó ở chương này, khác với hai chương trên, phần thần tích hoặc sẽ rất đơn sơ, hoặc sẽ không có, vì chính kẻ viết cũng không hiểu rõ những thần tích ấy.

Đây là một sự thiếu sót chúng tôi rất lấy làm tiếc và chúng tôi rất mong được bổ khuyết. Trong những làng mà hội hè đình đám chúng tôi kể ra trong chương III này, có thể có nơi là quê quán của một vài bạn đọc, ước mong quý vị này sẽ gởi cho chúng tôi tài liệu về thần tích của làng xã quý vị, chúng tôi cảm tạ vô cùng.

Về những cổ tục nhắc trong chương này cũng như trong chương sau, nhiều điểm như phạm tới thuần phong mỹ tục, và nhiều người không biết tới có thể cho là chúng tôi bịa đặt. Chúng tôi xin thưa trước, trong mỗi cổ tục đều có ý nghĩa riêng của nó, và những điều chúng tôi kể lại hoặc chính mắt chúng tôi trông thấy, hoặc do các bậc cha anh kể lại, hoặc qua các tài liệu sách vở chúng tôi đã đọc.

Dù sao, nghiên cứu về văn minh nước nhà, tìm hiểu về nếp sống dân tộc, thấy sao xin nói vậy, bỏ qua không đang tâm.

Hơn nữa, những điều viết trong cuốn sách này cũng như trong các tập Nếp Cũ khác chỉ là những điều đơn sơ, đặt ra cái sườn, để tiện giúp các nhà học giả hoặc các thế hệ sau muốn nghiên cứu kỹ lưỡng hơn.

# HỘI ĐÔNG KỴ

Với các cổ tục :

- Ôm cột
- Đốt pháo
- Múa hoa
- Đánh vật
- Tế bánh dầy
- Rước sinh thực khí

Làng Đông Kỵ thuộc phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, trên quốc lộ số I, quãng đường từ Hà Nội đi Bắc Ninh, cách Hà Nội khoảng gần 20 cây số, về mé bên phải, du khách có thể thấy, trước đây một khu rừng nổi giữa đám ruộng, đó là Rừng Sặt, không xa phủ ly Từ Sơn bao nhiêu.

Gần ngay Rừng Sặt là làng Đông Kỵ, nằm trong tổng Nghĩa Lập. Đây là một làng trù phú với gần 500 mẫu ruộng, với dân số tất cả nam phụ lão ấu khoảng I.500 người.

Tang thương biến đổi, khu Rừng Sặt ngày nay không biết có còn chăng, và cả làng Đông Kỵ nữa, không hiểu thời cuộc đã biến đổi làng này ra sao ?

Xưa kia, dân làng giàu có, vì ngoài nghề nông, dân làng còn có nghề thợ mộc và buôn bán. Người người trong làng cũng mát mặt không đến nỗi quá khổ sở như dân nghèo các thôn xã khác.

Trong làng toàn nhà ngói với sân gạch, và ngay cả đường làng cũng lát gạch tinh tươm.

Làng có ngôi đình lớn lợp ngói. Ngay trước cửa đình là chợ làng rất lớn, một tháng sáu phiên là các ngày I và 6. Bên phải đình là chùa làng do sư nam trông coi.

Ca dao vùng Bắc Ninh có câu :

- *Vật giao Phù lưu hữu,*
- *Vật thú Đình Bảng thê*
- *Vật ẩm Đông kỵ thủy*
- *Vật thực Cẩm giàng kê.*

Nghĩa là :

- *Chớ bè bạn với người làng Phù lưu,*
- *Chớ lấy vợ người làng Đình bảng,*
- *Chớ uống nước làng Đông kỵ,*

- *Chớ ăn thịt gà làng Cẩm giàng.*

Về ba điểm kia, chúng tôi không được biết rõ, xin được miễn nói ở đây, duy về điểm chớ uống nước làng Đông kỵ, vì nguyên do làng này nằm ngay bên vực Dê, một chiếc vực ăn từ vùng Đông Anh tỉnh Phúc Yên chảy về, nước vực này đục ngàu, và vì ảnh hưởng của vực Dê, nước ao chuôm trong làng cũng đục hết.

Gia dĩ dân làng này dùng nước ao, không đào giếng mà ao trong làng lại thường không có cầu, khi múc nước người làng Đông kỵ dùng gàu bằng dây như gàu tát nước, khiến nước ao đã đục, bị gàu quăng xuống khua khoắng càng đục thêm.

Người làng Đông kỵ dùng nước đục, bởi vậy dân Kinh Bắc mới khuyên nhau *vật ẩm Đông kỵ thủy.*

Làng Đông Kỵ hằng năm mở hội từ ngày mồng một Tết. Dân làng thờ Ngài Thiên Cương đế.

**Thần tích**

Theo lời các bô lão kể lại thì Thiên Cương đế là tước phong của vị Thành Hoàng làng này. Đây là một vị thần được phối hưởng nơi này từ đời Hùng Vương thứ VI. Ngài là người làng Đông Kỵ, đã có công dẹp được giặc Xích quỷ (?).

Dẹp tan giặc, đem quân về, về đến Kẻ Chợ, Ngài được tin thân mẫu qua đời, liền cáo quan về chịu tang.

Giữa lúc ấy giặc Ân sang tàn phá nước ta. Được tin, Ngài lập tức trở lại Kinh thành để quyết tâm xin nhà Vua đi dẹp giặc, nhưng khi Ngài tới nơi, giặc đã bị Phù Đổng Thiên Vương dẹp tan rồi.

Ngài rất tiếc không được thi thố tài năng, và rất hận Phù Đổng Thiên Vương đã lập được công lớn trước Ngài. Mối hận này còn lưu truyền mãi về sau nên giữa dân làng Đông

kỵ và dân làng Phù Đổng vẫn gầm ghè nhau, và những khi Đức Thành Hoàng làng Đông Kỵ được lịch triều truy phong, trong khi dân làng đi rước sắc, nếu gặp dân làng Phù Đổng là có sự xô xát ẩu đả.

**Những cổ tục**

Từ trưa ngày mồng một đầu năm, làng Đông Kỵ bắt đầu mở hội tế lễ rước xách với những cổ tục đặc biệt của dân làng, hội làng kéo dài cho tới ngày l6 tháng giêng.

*Ôm cột*

Cổ tục này nhắc lại sự tích Thiên Cương đế kén tướng tiên phong đi dẹp giặc. Dân làng Đông kỵ kể lại rằng :

Năm ấy vào ngày 30 tháng chạp, Ngài được lệnh đem binh trừ giặc. Lập tức Ngài triệu tập các tướng binh dưới cờ để kén tướng tiên phong.

Các tướng sĩ ai nấy nao nức, các tướng tài ai cũng muốn quả ấn tiên phong vào tay mình. Cuộc tranh ấn thật là tưng bừng náo nhiệt. Rất tiếc dân làng không nhớ rõ và trong thần tích cũng không ghi ai đã được lĩnh chức tiên phong.

Cuộc tranh ấn tiên phong, hằng năm mỗi lần tháng kiến dần trở lại, dân làng Đông kỵ lại nhớ tới và cho diễn lại tích xưa qua tục Tranh cột Thái Bạch, còn gọi nôm na là tục *ôm cột*.

Làng Đông Kỵ có 4 giáp : Giáp Tiên, giáp Thượng, giáp Đông, giáp Đoài. Theo nguyên tắc 4 giáp đều tham dự cuộc tranh cột Thái Bạch.

Tục tranh cột diễn ra ngay từ đêm 30 Tết, khởi sự lúc giao thừa và kéo dài cho tới bình minh, vào khoảng 6 giờ sáng.

Cột Thái Bạch là chiếc cột cái bên tả của Đình làng, trước bàn thờ Thần. Tranh cột Thái Bạch nghĩa là tranh nhau ôm lấy cột này, tượng trưng cho ấn tiên phong trước đây.

Thường 4 giáp đều có sự thỏa thuận và nhường nhịn nhau luân phiên giữ cột, nhưng cũng nhiều năm các giáp tranh nhau. Trong những năm này, những giáp nào không chịu sự xếp đặt của dân làng đều cử ra cụ già nhất giáp để tranh tài.

Các cụ đều ăn vận chỉnh tề, mũ ni, quần chồi đỏ, áo lụa hồng.

Các cụ đợi lễ giao thừa, lần lượt vào lễ thần. Lễ thần xong các Cụ nhập cuộc tranh *ôm cột*. Dân các giáp ở ngoài hò reo cổ võ với những lời khuyến khích để nâng cao tinh thần hăng hái của các cụ. Được hàng giáp chứng kiến khích lệ, chính các cụ cũng gắng sức để đoạt phần thắng cho giáp mình, làm vinh dự cho giáp trước làng xã và cũng chính để tạo sự kiêu hãnh cho bản thân mình.

Lễ thần xong, cụ nào cụ nấy đều nhào tới ôm lấy cây cột. Chỉ có một cây cột, cụ nào cũng muốn ôm lấy, các cụ phải tranh nhau xô đẩy, quần áo chỉnh tề của các cụ biến thành xốc xếch. Các cụ có thể ôm được cây cột, nhưng các cụ không giữ nổi cây cột.

Cụ này ôm được cây cột, cụ kia đã vén quần, xắn tay áo, cài vạt áo, xông vào lôi mạnh cụ ra. Một bên cố ôm lấy cột, một bên cố lôi cho ra, có khi trong trường hợp cả 4 giáp đều dự tranh, một cụ ôm cột, hai ba cụ lôi ra.

Cuộc tranh ôm cột trước còn là lôi kéo, sau biến thành vật nhau… và trong khi đó dân các giáp đứng ngoài cứ vỗ tay, reo hò cổ võ.

Các cụ cứ tranh nhau, quần áo xô lệch tả tơi, có cụ văng cả mũ ni, tuột cả búi tóc, nhưng không cụ nào chịu bỏ cuộc, và vì tuổi già, các cụ vừa thở hổn hển vừa tranh nhau.

Các cụ tranh nhau cho tới bình minh, không ai chịu thua ai. Lúc ấy ban hội đồng làng với các quan viên can thiệp để định đoạt. Sự định đoạt có nhiều khi các cụ không chịu, cho

là thiếu vô tư, nhưng thiểu số phải phục tùng đa số, lệnh của ban hội đồng với các quan viên là lệnh của làng, các cụ không phục cũng đành ôm hận thôi.

*Đốt pháo*

Ngày Tết, ngày hội Xuân, thường thường làng nào cũng đốt pháo, nhưng đặc biệt làng Đông Kỵ, khi đốt pháo thì đốt những quả pháo khổng lồ bên những tràng pháo dây. Chiếc pháo khổng lồ này có thể to bằng thân một phi cơ DC3, bằng đầu máy một đoàn xe lửa.

Tiếng pháo tượng trưng cho tiếng súng của Thiên Cương đế bắn quân địch.

Theo sự tích, ngày mồng bốn, quân của Thiên Cương đế giao tranh với quân giặc kịch liệt và đã đại thắng trong trận này.

Để nhắc lại võ công hiển hách của thần linh, dân làng đốt liên hồi những tràng pháo thay cho tiếng súng. Tiếng pháo cũng nói lên sự vui mừng của dân làng, thay cho tiếng ba quân hò reo, lại thay cả những tiếng hô của tướng lĩnh thúc ba quân xung phong tiến.

Pháo đốt ở sân đình bắt đầu từ giờ Mùi cho đến chiều tối, cho đến khi nào dân làng đốt hết pháo. Pháo nổ lạch tạch đùng, những quả pháo cối nổ xen lẫn những tràng pháo dây, nghe như ngày nay những tiếng đại bác lẫn vào những tiếng liên thanh.

Giữa những tiếng pháo nổ lại có những tiếng la hò của dân làng như lệnh vỡ. Thật là tưng bừng, thật là náo nhiệt, thật là vui thú với cảnh thanh bình.

Trước hồi Đệ nhị Thế chiến, vật liệu làm pháo còn mua được dễ dàng, trong làng có người làm được những quả pháo dài tới l6 thước ta, đường kính 4 thước ta (gần hai thước ngày nay), nghĩa là to nhinh nhỉnh như thân chiếc phi

cơ DC-3. Quả pháo được treo cao trên cây, ngòi thật dài, lúc đốt dân làng phải tránh xa.

Còn những tràng pháo cũng dài, dài một cách khả kính, lúc đốt đã phải treo trên cây cao, vẫn còn phải vắt qua tường đình, qua nhà tám mái thõng xuống sân đình. Bắt đầu đốt, pháo nổ phải hàng giờ mới hết.

Lớn, nhỏ, dân làng ai cũng đốt pháo. Tiếng pháo làm hoảng sợ quân địch, xua đuổi tà ma, nói lên sự hân hoan của dân làng và tượng trưng cho sự thịnh vượng của toàn xã.

Với pháo đốt như vậy, chúng ta hãy tưởng tượng sân đình ngày hôm đó, xác pháo rắc ra sao, và mùi khói pháo bốc lên vừa thơm vừa khét tới độ nào. Xác pháo hồng như muốn khoe với hoa xuân, đua với màu sắc sặc sỡ quần áo ngày xuân.

Ngày Tết càng vui vẻ, người ta chơi Tết càng hân hoan theo pháo nổ để tự thưởng công cho những ngày lam lũ vất vả quanh năm.

*Múa hoa*

Sau trận đốt pháo là cuộc múa hoa của dân làng, nhưng hoa đây không phải là hoa thật, cũng không phải là hoa giấy, và người múa hoa cũng không phải là các thanh nữ trong làng hoặc các ca nhi vẫn vừa hát thờ thần vừa múa hoa như tại hội hè các xã khác.

Dân làng Đông Kỵ gọi là tục múa hoa, nhưng đây là một cách đề cao tinh thần thượng võ, một tục để nhân dịp các thanh niên đồng quê được phô bày sức khỏe của mình với những thân hình rắn chắc, những bắp thịt nở nang, những đường gân vững chãi.

Tham dự cuộc múa hoa là thanh niên bốn giáp.

Từng giáp một, đám thanh niên này mình trần trùng trục, mỗi người chỉ vận một chiếc khố đỏ, màu đỏ là màu của vui mừng, của Tết nhất. Họ cùng nhau kiệu lên vai ông Đám giáp họ, ông này quần áo lòe loẹt, những bộ đồ màu toàn hồng thắm bằng nhiễu, vóc, lụa hoặc gấm, tùy theo khả năng tài chánh của từng ông, nhưng không ông nào mặc áo vải trong dịp long trọng này.

Mặt các ông tươi, mắt các ông sáng hẳn lên và ông nào cũng có nụ cười thỏa thích.

Các ông Đám được thanh niên kiệu đi quanh sân đình ba vòng giữa tiếng chiêng, tiếng trống hòa lẫn tiếng hò reo của dân làng. Sau ba vòng rước, các ông Đám được đặt ngồi vào một chiếc chiếu cạp điều trải ở giữa đình, ngay trước bàn thờ thần linh.

Ông Đám thường là người cao niên nhất trong giáp.

Các ông đợi ông Tiên chỉ làm lễ khấn cầu Đức Thành Hoàng để xin gắp thăm xem Ngài ban ân cho giáp nào nhất, nhì, ba, tư.

*Đánh vật*

Sau cuộc gắp thăm là cuộc đấu vật giữa thanh niên các giáp. Lệ vật ở đây cũng theo thể lệ chung của môn đô vật cổ truyền (Xin xem Hội Mai Động trong quyển Thượng).

*Tế bánh dầy*

Quân của Thiên Cương đế ngày mồng 4 giao tranh kịch liệt với quân giặc, kết cục giặc thua và quân Ngài đại thắng, ca khúc khải hoàn. Ngày mồng 6 là ngày khao quân mừng chiến thắng.

Để nhớ lại tích xưa, ngày mồng 6 dân làng có lệ tế bánh dày, bánh dày dùng trong việc khao quân.

Theo lệ làng, các cụ, cả cụ ông lẫn cụ bà từ 52 tuổi trở lên mới được dâng lễ thánh, dưới tuổi ấy, không ai được hân

hạnh hưởng vinh dự này.

Muốn dâng lễ Thánh mỗi cụ phải mang ra đình dù giàu nghèo cũng vậy, năm nong bánh dày. Các cụ nghèo thay vì 5 nong có thể mang 5 nia, 5 mâm, 5 sàng hoặc 5 mẹt bánh dày, con số nhất định phải là 5.

Bánh dày phải làm bằng thứ nếp cái thật thơm, bánh giã cho trắng, khuôn làm to nhỏ tùy người, trên mặt mỗi chiếc bánh đều có dán một mảnh giấy đỏ tròn, trên mảnh giấy đỏ có chữ thọ cũng cắt tròn bằng giấy trang kim vàng óng ánh, dán đè lên.

Với tinh thần ganh đua, cụ nào cũng kén gạo nếp thật ngon, bánh giã thật khéo.

Sáng mồng 6, các cụ cho con cháu khiêng bánh dày ra Đình. Cùng với bánh dày có kèm theo l0 quả cam ngọt, l0 đoạn nứa dài và một con gà trống đã làm thịt luộc chín, béo vàng ệnh.

Con gà đặt nằm ngay trong nong, mâm, nia hay sàng, mẹt bánh dày, miệng ngậm một bông hoa đỏ, thường hoa lựu hoặc hoa hồng.

Con gà này hoặc tự các cụ bắt con cháu nuôi lấy, vỗ cho thật béo, hoặc phải kén mua từ trong năm.

Những lễ vật này dùng trong buổi tế thần.

Tế xong, lễ vật chia đều cho cả dân làng.

*Rước sinh thực khí*

Ông Lê văn Hảo, trong bài *Một số tục cổ của người Việt qua các hội mùa* đăng trong tập san Đại Học, do Viện Đại học Huế xuất bản, cho rằng làng Đông Kỵ, ngoài Thiên Cương đế, còn thờ một vị nữ thần. Do đó trong khi mở hội, ngoài các cổ tục nói trên, dân làng này còn nhắc lại một cổ tục đầy luyến ái tính, tục rước sinh thực khí. (Xin xem chương IV, mục Luyến ái tính trong một số các cổ tục).

°

Cũng như các hội hè khác ở Miền Bắc, hội làng Đông Kỵ, phủ Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh không còn nữa.

Qua các cổ tục đã trình bày có hay thì cũng có dở, hay hoặc dở, chúng tôi cũng chỉ xin nhắc lại để ghi lấy đôi chút tài liệu, những tài liệu bắt đầu, cho bạn nào muốn nghiên cứu kỹ lưỡng hơn.

---

1 Từ đây cho hết đoạn này là nguyên văn bài thuyết trình của chúng tôi tại Trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị.

2 Mấy định nghĩa trên theo tự điển Việt Nam phổ thông của Đào Văn Tập.

3 Đào Duy Anh, Việt Nam văn hóa sử cương, nhà xuất bản Bốn Phương Saigòn, I96I, trang 207.

4 Ngày xưa bên Tàu, con trai đến 20 tuổi thì làm lễ *Đội mũ* gọi là *gia quan* (Hán Việt Tự-điển, Đào Duy Anh).

5 *Bát bửu* là tám thứ đồ quý thường gồm : đàn, sáo, lẵng hoa, thư kiếm, bàu rượu, túi thơ và quạt.
Đồ *Lỗ bộ* là những đồ thờ thường gồm : 2 thanh mác trường, 2 ngọn cờ Tiết Mao, 2 dùi đồng, 2 phủ việt ; hoặc 2 biển tĩnh túc và hồi tị, 2 phủ việt, 2 gươm trường, 2 tay văn tay võ, hoặc 2 cờ tiết mao, 2 long đao, I bán nguyệt, I xà mầu, I tứ nhĩ và I đinh ba (Lỗ cái mộc, trong đám rước cổ xưa đi đầu là cái mộc, vì cái mộc đứng đầu nên gọi là đồ Lỗ bộ).

6 Gọi đánh bồng vì hình trống cơm.

7 *Bào* : trái bí thuộc loại bàu leo ; *Thổ* : đất sét nung chín, *Cách* : da thuộc căng thẳng ; *Mộc* : gỗ ; *Thạch* : đá ; *Kim* : loại kim khí ; *Ti* : loại tơ kén ; *Trúc* : loại tre.

8 *Đám nhất* : một ông đám được các ông đám các giáp cử lên vì đỗ đạt cao hay vì niên kỷ, tùy địa phương, còn gọi là *cai đám.*

9 Lễ : quỳ lạy rồi lại đứng lên. Về chi tiết buổi lễ xin xem trong Tín ngưỡng Việt Nam của soạn giả.

10 Tại miền Trung có 2 vị *phân hiến* xướng các nghi thức buổi tế. Đông xướng và Tây xướng chỉ xướng về động tác lễ bái.

11 Đào Duy Anh – Việt Nam văn hóa sử cương Bốn phương, SG, I96I, tr. 209.

12 Đào duy anh, Việt-văn Văn-hóa Sử cương, trang 209.

13 Không phải khoa mục, ẩm sinh và giám sinh xuất thân.

# HỘI TÍCH SƠN

Với các cổ tục :

- Chém gà
- Thổi cơm thi
- Kéo co
- Quật bò
- Chém lợn

Làng Tích Sơn thuộc huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Yên, nằm ven quốc lộ 2, từ Hà Nội đi Hà Giang, cách tỉnh ly Vĩnh Yên độ vài trăm thước về phía Đông Bắc.

Lệ làng hàng năm mở hội vào ngày mồng Ba tháng Giêng với tế lễ tại Đình và có các cuộc vui trong làng.

Mồng Ba tháng Giêng còn đang ngày Tết. Ngày hội, cả làng trông như hoàn toàn đổi mới với ngọn phướn ngũ sắc ở sân chùa, với cờ ngũ hành cắm dọc hai bên đình, với những đôi câu đối đỏ dán trước nhà mỗi dân làng, với những cây đào thắm đầy hoa, nhiều cây đào trồng ở trong vườn, nhưng một đôi cành hoa vươn cao khỏi tường như muốn ngó xuống con đường làng để thỉnh thoảng rung rinh theo luồng gió nhẹ của ngày Xuân.

Một vài cành hoa mỏng manh hồng phớt lại nhẹ nhàng tung bay như lơi lả trước khi rơi xuống hẳn để điểm trang con đường đất, với những xác pháo toàn hồng kèm theo mùi thơm của khói pháo. Cảnh làng tấp nập với những lời dân làng còn đang chúc tụng năm mới me khi gặp gỡ, với những quần áo mới của người lớn, trẻ em đủ màu sắc, với nét vui trên mặt, nụ cười trên môi, và nhất là với yếm thắm giải lụa đào của các cô gái quê trông thật quyến rũ.

Giữa cái khung cảnh ấy, làng Tích Sơn mở hội qua những trò vui và qua những cổ tục đặc biệt của dân làng.

**Thần tích**

Thần làng lúc sinh tiền là một tên ăn cướp, chết đi gặp giờ linh được dân làng thờ phụng. Dân làng luôn luôn dấu tên họ, quê quán của vị thần, và khi nhắc đến, họ chỉ dùng ba tiếng Đức Thượng Đẳng, vì thần làng vốn làm nghề ăn cướp, nên trong hội làng, những cổ tục được diễn lại đều nhiễm đầy chiến đấu tính và nhất là tàn bạo tính.

**Những cổ tục**

Ở đây chúng tôi không nhắc tới những lễ nghi rước sách và cúng bái, chúng tôi đã trình bày ở trên [1] mà chỉ xin nhắc lại những cổ tục đặc biệt của làng Tích Sơn.

*Chém gà*

Đây là một tục kể ra thật tàn bạo, tàn bạo đến độ dã man, nhưng qua tục này, người ta còn trông thấy một sự khuyến khích trong việc chăn nuôi, nhất là việc nuôi gà ở thôn quê.

Trai làng Tích Sơn, đến tuổi chịu việc làng, nghĩa là I8 tuổi, được làng cử mỗi chàng nuôi một con gà cúng thần. Ngay từ đầu năm trước, họ đã mua gà, đem thiến để nuôi cho tới ngày hội. Họ phải săn sóc vỗ về, nuôi sao cho gà béo lại chắc, được nặng cân. Trong lúc nuôi gà, họ tránh cho gà sự ô uế, có thức ăn riêng, không chung đụng với gà vịt khác.

Ngày mồng ba Tết, những chàng trai có bổn phân nuôi gà, mang gà ra Đình.

Làng này có hai giáp, giáp Đông và giáp Đoài. Trai hai giáp với những con gà của mình, ngồi thành hai hàng hai bên trước bàn thờ, mỗi chàng ôm một con gà, con nào con ấy trông mã thật đẹp với lông mượt và đều có vẻ nặng cân.

Các cụ trong làng, hay nói đúng hơn, ban hội đồng soát gà ngắm các con gà một lượt, rồi vị tiên chỉ hoặc vị cao niên nhất trong ban quan viên thắp hương khấn lễ trước bàn thờ.

Lễ xong, tất cả các chàng trai này đều ôm gà của mình nhảy nhót, vái lễ trước bàn thờ. Họ đều khăn đóng áo dài tề chỉnh, nhưng trông điệu bộ họ thật hết sức kỳ khôi.

Lễ xong, từng chàng trai một, họ dùng một con dao thật sắc, chém một nhát đứt đầu con gà, tiết gà được hứng riêng mỗi con vào một chiếc bát. Đoạn họ nhặt đầu gà, ôm gà ra mé sau Đình làm lông cúng thần.

Trông những con gà với mã thật đẹp, tươi tốt, đang như ngơ ngác giữa đám đông trước bàn thờ thần, có con lại rỉa lông hoặc nghẻn cổ đưa mắt nhìn, bỗng một lưỡi dao sáng loáng lia xuống, nghe một tiếng « phập » rất ngọt, đầu con gà lăn chiêng xuống đất, còn thân nó chàng trai ôm lấy, chúc cổ nó xuống chiếc bát hứng tiết, con gà không kịp kêu, chỉ còn giãy giụa, nhìn thật là tàn bạo. Có con gà vãi cả phân ra trước bàn thờ thần.

Gà của chàng trai nào do chính người đó chém lấy, hứng tiết, vặt lông, mổ thịt để sửa lễ.

Thịt những con gà này chỉ các bô lão và các quan viên hai giáp được hưởng. Họ bảo rằng thơm ngon lắm.

Những con gà to béo, thịt chắc được các cụ ban khen và chàng trai nào được lời ban khen của các cụ đều lấy làm hãnh diện đối với dân làng. Do đó ai đến tuổi phải nuôi gà đều kiếm cách nuôi gà cho thật lớn thật béo.

Người làng Tích Sơn thuật lại rằng có những chàng trai thiếu thành kính trong việc nuôi gà, gà nuôi quanh năm không sao, gần đến Tết, gà lăn quay ra chết. Đây là Ngài phạt kẻ bất thành và bất kính. Trong trường hợp này, các đương sự chỉ còn có cách đi các chợ kén mua một con gà

sống thiến khác thay thế để có gà làm lễ chém trong ngày hội làng.

*Kéo co*

Trai tráng hai giáp cùng nhau kéo co ba keo. Làng có một dây song thật dài, hằng năm vẫn quấn tròn để thờ tại Đình cùng các tự khí khác. Đến ngày hội dân làng mới bỏ ra để dân hai giáp kéo co.

Sợi dây song được dân đinh hai giáp chia nhau xúm vào nắm lấy mỗi bên một nửa. Tất cả trai tráng khỏe mạnh đều hò nhau tham dự cuộc kéo co, có khi cả những người lớn tuổi, ngoài bốn mươi, gần năm mươi nhưng sức còn mạnh cũng đua nhau xúm vào dự kéo co.

Sau phần lễ nghi tại Đình, một vị quan viên ra lệnh, dân đinh hai giáp cùng nhau kéo co keo đầu. Họ hò reo và cùng gắng sức kéo bên kia về phía mình. Chân các chàng trai bấm xuống đất, lưng họ còng, hai tay họ nắm chặt sợi dây cùng ra sức kéo. Bên nào cũng cố giữ lấy vị trí, cố kéo đối phương về bên mình.

Thi kéo co ngay tại trước cửa Đình, trước sự chứng kiến của các bô lão và quan viên. Lại thêm dân làng, nhất là các cô gái làng đứng xem cùng với khách thiên hạ tới dự hội, dân chúng các làng lân cận hoặc ở xa hơn nữa, có người từ Phúc Yên đến, có người từ Hà Nội lên, có người ở Việt Trì, Phú Thọ về, hoặc ở Sơn Tây, Bắc Ninh sang…

Những khán giả, cả dân làng lẫn khách thiên hạ đông đúc đã khiến các chàng trai thêm hăng hái, cuộc kéo co càng gay go.

Gay go, nhưng cũng có bên được bên thua.

Sau keo đầu, bên thua phải tăng cường lực lượng bằng cách gọi thêm dân trong giáp tham dự. Trong cả ba keo cuộc kéo co này, mỗi bên muốn có bao nhiêu người tham dự cũng được, miễn đấy là dân đinh trong hàng giáp.

Mỗi keo kéo co xong, tiếng hò reo của bên thắng trận cũng như của khách xem lại vang lừng trên khu ruộng trước cửa Đình.

Kéo co ba keo, giáp nào thắng hai keo là được. Vị Đại diện của giáp này sẽ vào Đình lễ tạ ơn Đức Thành Hoàng đã phù hộ cho giáp mình. Kế đó, một tràng pháo đốt lên nổ mừng giáp thắng cuộc.

Cổ tục kéo co làng Tích Sơn trước đây hàng năm diễn lại là một cổ tục đề cao tinh thần thượng võ và khuyến khích sự tập luyện thể thao, thể thao qua những môn võ cổ truyền của các cụ ta xưa, tục dựa vào tế tự.

*Quạt bò*

Xem ở trong bài thuyết trình của chúng tôi tại trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị.

*Chém lợn*

Đây là một cổ tục thật tàn bạo, tàn bạo cũng như tục chém gà.

Trong các hàng quan viên trong làng, mỗi năm một người được chỉ định để nuôi một con lợn dùng trong việc tế thần vào đầu Xuân năm sau.

Lợn giống do tiền của dân làng mua. Người nuôi lợn phải chăm sóc sao cho sạch sẽ, phàm ăn, to béo. Cũng như nuôi gà, theo dân làng Tích Sơn, nếu người kém thành kính, con lợn có thể dở chứng và chết giữa chừng. Người nuôi phải mua đền con lợn khác. Nếu con lợn đến kỳ tế thần không được béo tốt, người nuôi sẽ chịu sự khiển trách của dân làng.

Con lợn, hôm hội làng được dắt ra Đình. Lúc con lợn dắt tới, thanh niên hai giáp Đông và Đoài đứng hai bên bàn thờ. Con lợn được thả lỏng đi đi lại lại giữa hai hàng người và chung quanh còn có dân làng xúm vào xem lễ.

Nghi thức trình lợn lên Đức Thành Hoàng được ông Tiên chỉ hoặc Cai đám đảm trách. Ông thắp hương khấn lễ. Tưởng nên nói thêm là con lợn trước khi được dắt ra Đình đã được tắm rửa sạch sẽ.

Lễ trình lợn đã xong. Một thanh niên được dân làng chỉ định luân phiên giữa hai giáp, năm nay người giáp này, sang năm người giáp khác, tay cầm một thanh gươm thật sắc theo dấu hiệu của ông chủ lễ, nhảy ra nắm cổ con lợn chém một nhát. Phải chém thật mạnh và chém làm sao một nhát đứt đầu con lợn.

Con lợn đang đi đi lại lại bị một nhát gươm chết không kịp kêu, đầu văng xuống, tiết hộc ra từ cổ và thân hình lảo đảo rồi ngã xuống trước bàn thờ.

Người ta hứng lấy tiết của nó vào một chiếc chậu đoạn đem cạo lông mổ thịt ở ngay Đình để sửa lễ cúng thần. Ở đầu hiên Đình lúc đó đã sẵn một nồi nước sôi.

Tục chém lợn cũng như tục chém gà trông thật man rợ, nếu ai được chứng kiến tận mắt. Cả hai tục này, ngoài mục đích tế tự, cũng có phần nào khuyến khích việc chăn nuôi gia súc, phải nuôi cách nào để gia súc mau lớn và béo.

Dù sao cả bốn cổ tục tại Hội làng Tích Sơn chúng tôi đã trình bày đều do ảnh hưởng nơi vị thần linh dân làng tôn thờ, lúc sinh tiền là một tên tướng cướp, tục lệ ngày hội để thờ thần tướng cướp dù nhiều dù ít cũng nhiễm tàn bạo tính. Hay là sau hình thức tàn bạo này, mỗi cổ tục trên lại có một ý nghĩa tượng trưng nào khác chăng ?

*Thổi cơm thi*

Ngoài bốn tục trên, nhiều ít gì cũng có tính cách tàn bạo dân làng Tích Sơn, trong kỳ hội đầu năm còn có tục thổi cơm thi. Với tục này, việc nội trợ được khuyến khích, việc bếp núc bao giờ cũng ở trong tay phụ nữ.

Nồi cơm dự thi nhân danh một thanh niên trong hai giáp, nhưng nấu nồi cơm chính các bà, các cô trong làng đảm nhiệm.

Theo lệ làng, nhân ngày hội Xuân, trai làng cho đến bốn mươi tuổi phải thổi mỗi người một nồi cơm, mang tới Đình trình với các cụ và các quan viên. Không phải ai là người làng cũng được dự cuộc thi nấu cơm này, là người làng, nhưng phải là người đã vào làng, nghĩa là đã nộp lệ hương ẩm để ghi tên vào sổ làng, dân làng mới chấp nhận cho dự cuộc thi.

Thi cơm có thể coi là tục lệ chính của ngày hội, mọi người đều chú ý tới và dân chúng các làng lân cận thường kéo nhau tới để chứng kiến cuộc thi này. Nhờ có tục thổi cơm thi, con gái làng Tích Sơn cô nào cũng thổi cơm rất khéo. Theo các cụ trong làng, gái quê không biết thổi nồi cơm cho dẻo là đồ đoảng, đồ vứt đi.

Phải nhận rằng dân làng Tích Sơn có một nghệ thuật thổi cơm. Nồi cơm của họ chín, không bao giờ có cháy, lại gióc nồi một cách lạ lùng. Hơn nữa, cơm tuy ở nguyên trong nồi, nhưng lại mịn như cơm nắm. Có thể cả một nồi cơm đổ ra chỉ là một nắm cơm, một nắm cơm không có vỏ, người thổi đã khéo dụng công, khiến nồi cơm không bao giờ có lấy một mẩu cháy con. Muốn ăn cứ việc xắt ra từng miếng, cơm rất thơm lại man mát mùi nhựa gạo. Cơm thổi bằng gạo tám thơm vừa dẻo, vừa ngon, cơm này ăn với giò lụa thật tuyệt !

Và cũng đáng khen các bà các cô thổi cơm ở chỗ thổi nồi cơm chín như vậy mà nồi không hề bén lửa.

Để thổi cơm dự thi, mỗi người đều mua một chiếc nồi đất mới, cơm thổi nồi đất không pha mùi kim khí của nồi đồng nồi gang, mới giữ nguyên được mùi thơm thuần chất lúa gạo. Mua nồi, các bà các cô thường kén chiếc nồi đất nung già, với màu đỏ thẫm, nồi như vậy đỡ bắt lửa.

Cơm được thổi ở nhà, chỉ mang ra Đình lúc dự thi. Theo lời các bà các cô ở Tích Sơn, các bà các cô phải dùng hai chiếc nồi một chiếc nồi cũ và một chiếc nồi mới, và cũng phải có hai bếp, một bếp lửa và một bếp than, bếp lửa bắc nồi cũ và bếp than đun nồi mới.

Nồi cũ đun nước cho sôi, nước sôi đổ sang chiếc nồi đất mới. Nước đổ vào nồi mới đã đun nóng, không cần đun bằng lửa, chỉ dùng bếp than, mặt ngoài nồi cơm không bao giờ ám khói. Lúc nước sôi đổ vào nồi đất mới, gạo đã vo từ nửa giờ trước và đổ vào sau. Gạo phải vo trước, để ráo nước, bớt lạnh cơm khỏi chương. Từ lúc gạo đổ nào, cơm chỉ thổi bằng than hồng.

Đã đổ gạo vào nước sôi, người thổi cơm phải ghế cơm cho đều tay. Bếp phải luôn luôn giữ than hồng cho đến lúc cơm chín. Cơm ghế rồi, dùng một chiếc lá mít miết lên trên mặt cho mịn, và như vậy, nồi cơm sẽ chắc như cơm nắm. Như thế tức là thổi cơm mở vung. Thổi khéo thì cơm dẻo, mịn và thơm mát, nồi cũng không ám khói.

Hôm thi nấu cơm, những ai phải thổi cơm đều mang nồi cơm của mình ra Đình. Những nồi cơm được xếp thành hàng ở nhà tiền tế, nồi nọ liền nồi kia, mỗi nồi đều có vung đậy. Ở vung và ở thành nồi có viết chữ bằng vôi đề tên họ mỗi thanh niên dự thí.

Hội đồng chấm thi gồm các cụ và các quan viên đi xem từng nồi cơm, mở vung xem mặt cơm, nắn tay vào nồi cơm để hiểu độ dẻo.

Hội đồng soát cơm xong, bao nhiêu nồi thổi khéo đều cho bưng đi, và đấy là những nồi nhất và nhì, có nhiều nồi nhất và nhiều nồi nhì. Cùng thổi khéo bằng nhau, những nồi của chức sắc được bầu nhất và những nồi của dân đinh phải sắp nhì.

Những nồi nhất dùng cúng thờ thần, các cụ và các quan viên được thừa hưởng, và một phần biếu khách thập

phương tới dự lễ thánh.

Những nồi khác dân đinh ăn với nhau, bốn người một cỗ, mỗi cỗ hai nồi cơm.

Thời thế diễn biến, những tục hay dở của làng Tích Sơn đều không còn nữa. Và cả đến đình, chùa làng này không biết với cuộc tiêu thổ kháng chiến trong những năm l946, l947 có còn nguyên vẹn không ?

---

1 Bài thuyết trình tại Trường Đại học Chiến Tranh chính trị.

# HỘI NIỆM THƯỢNG

Với các cổ tục :

- Chém lợn nhúng vào nồi nước mắm đang sôi.

- Tắt đèn, đốt đuốc, đội nong xôi chạy quanh đình.

Làng Niệm Thượng, tổng Khắc Niệm, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, tục gọi là làng Ném, mở hội vào các ngày mồng 5, mồng 6 tháng Giêng.

Làng này nằm bên tỉnh lộ đi từ Bắc Ninh tới Thuận Thành cách tỉnh lỵ vào khoảng trên mười cây số. Dân làng không đông lắm vào khoảng trên năm trăm người, quanh năm sống về nghề canh nông. Dân làng chia làm hai giáp.

**Thần Tích**

Thành Hoàng làng này, họ Lý, không rõ tên gì nhưng được gọi là Lý Công, lúc sinh thời làm nghề ăn cướp, chết gặp giờ linh nên được dân làng thờ phụng. Lý Công quê ở làng Châm Khê cùng huyện, thường kiếm ăn ở các làng quanh vùng. Một hôm Lý Công đi ăn cướp, bị dân chúng và khổ chủ đuổi đánh ráo riết chạy bán sống bán chết, chạy đến núi Nghè gần làng Niệm Thượng. Tới núi, Lý Công tìm chỗ ẩn núp, dân chúng kiếm không ra. Tuy kiếm không ra, nhưng mọi người đều biết họ Lý ẩn ở trên núi, nên cùng nhau vây quanh ngọn núi canh chừng.

Bị vây, ẩn mãi trên núi, tên cướp họ Lý không có gì ăn đang lo chết đói. May thay giữa lúc đói lòng, một con lợn lớn không hiểu từ đâu tới, đi từ trong bụi rậm ra. Chàng cướp ta không để lỡ cơ hội, lập tức, sẵn dao dài trong tay, chém một nhát ngang mình lợn, con lợn bị chặt làm đôi, đầu với hai chân trước rời khỏi mình. Chém xong chàng lột bì lợn bỏ đi lấy thịt ăn sống.

Không thấy thần tích nhắc tới, sau này Lý Công bị chết ra sao, chỉ biết khi chết gặp giờ linh nên được dân làng Niệm Thượng thờ làm Thành Hoàng.

**Những cổ tục**

Hội làng Niệm Thượng ngoài những lễ nghi thường lệ có những cổ tục nhắc lại kỷ niệm lúc sinh thời của Lý Thành Hoàng.

*Chém lợn*

Trong hội làng Tích Sơn, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Yên, cũng có tục chém lợn chúng tôi đã nhắc qua, nhưng tục chém lợn ở làng Niệm Thượng khác hẳn tục chém lợn ở làng Tích Sơn. Con lợn hy sinh ở làng Niệm Thượng khi bị chém còn đang bị nhốt ở trong cũi, và ở đây một năm chém hai con lợn do hai giáp trong làng.

Tục này nhắc lại lúc Lý Công bị đói đã chém con lợn ở núi Nghè.

*Nuôi lợn*

Hai con lợn được nuôi từ tháng 7, tháng 8 âm lịch năm trước, do hai người trong hai giáp được chỉ định. Lợn giống của hàng giáp nhưng người nuôi phải tốn công và phải giữ gìn cho sạch sẽ từ chuồng cho tới đồ ăn của lợn. Thường người nuôi cho lợn ăn cám nấu với rau muống, rau muống phải rửa sạch trước khi băm để hầm với cám, ngõ hầu tránh mọi thứ dơ bẩn lẫn trong rau khả dĩ làm cho lợn sinh đau ốm.

Trước ngày hội một tháng, lợn được nuôi bằng cháo thay cho cám.

Lợn được chăm sóc cẩn thận và được cung kính gọi là Ông.

*Rước lợn*

Hội làng được bắt đầu sửa soạn vào ngày mồng 5 tháng Giêng. Hôm đó tại đình làng có lễ cáo thần linh và có tế gọi là cáo tế. Cáo tế xong, thừa lộc thánh, dân hai giáp cùng nhau ăn uống no say. Sau đó mỗi giáp đều cử người đi rước lợn. Đây là những người đàn anh trong giáp thuộc ba bàn [1] . Đi rước lợn không phải đi bắt lợn với thòng lọng và thừng chão như các ông đồ tể, trói gô lợn lại mang đi.

Rước lợn, các vị quan viên hàng giáp phải mang tới nhà nuôi lợn một chiếc cũi bên ngoài có phủ nhiễu điều. Chiếc cũi này mang đặt vào chuồng lợn, bỏ nhiễu phủ ngoài đi, rồi các quan viên hàng giáp phải khéo léo lừa cho « Ông » vào cũi. Ông đã vào cũi rồi, cửa cũi đóng lại, nhiễu điều lại phủ trở lại lên trên cũi. Mười hai vị quan viên cùng nhau khiêng cũi rước « Ông » ra đình, đặt « Ông » ngay ở nhà tiền tế, châu đầu vào bàn thờ. Tục rước Ông cử hành vào đêm mồng 5 tháng Giêng.

Sau đó, có lễ trình với thần linh sự hiện diện của hai « Ông » tại đình làng.

*Chém lợn*

Lễ chém hai « Ông » cử hành vào ngày mồng 6 tháng Giêng lúc buổi trưa.

Để dùng trong việc này, làng dành riêng hai con dao cho hai giáp. Hai con dao đánh bằng thép già thật sắc, quanh năm để thờ trong đình. Đây là loại dao dài có cán.

Lúc cử hành lễ chém hai Ông, nhiễu điều phủ trên hai chiếc cũi bỏ đi, và ở ngay đình trung có bắc một chiếc bếp lớn, trên bếp có nồi nước mắm đang sôi.

Một giáp cử một thanh niên khỏe mạnh trong việc chém Ông. Hai thanh niên này lăm lăm cầm sẵn trong tay mỗi người một con dao thờ.

Dân hai giáp ngồi đứng hai bên mé bàn thờ trên sàn đình để dự cuộc chém hai « Ông ». Mấy ông quan viên mỗi giáp

đứng ở ngay nhà tiền tế, có nhiệm vụ xua làm sao cho Ông ở trong thò đầu ra ngoài cũi. Lập tức chàng trai đao phủ lúc đó hờm sẵn, hoa dao lên, hạ xuống một cái mạnh, một tiếng « phập » lập tức đầu « Ông » và hai cẳng trước đứt rời khỏi thân, lối chém y hệt lúc sinh thời, trong cơn đói lòng ở núi Nghè, Lý Công đã chém con lợn chạy qua. Lại phải lựa sao, khi chém như vậy mà không chạm vào lòng lợn mới đúng.

Ông của giáp này bị hạ trước, Ông của giáp kia bị hạ sau ngay liền đó.

Tưởng cũng cần nói thêm, trước khi cử hành lễ chém Ông phải có lễ khấn đức Thành Hoàng và hai thanh niên được cử vào nhiệm vụ đao phủ cũng phải lễ thần để tạ ơn vì đã được xung vào công việc hiếm hoi nhất niên nhất lệ này.

Lợn chém xong đem lột da, nhúng vào nồi nước mắm đang đun sôi đem dâng làm lễ tế thần…

Tế thần xong, các bô lão và các quan viên thừa hưởng lộc thánh tại đình, ngoài ra còn dùng làm phần chia cho dân hai giáp.

Dân làng cũng dùng một số thịt heo làm phần biếu quan viên bô lão làng Dương Ổ, nằm trên quốc lộ số I, cách tỉnh lỵ Bắc Ninh chừng hai cây số về phía Hà Nội. Làng Dương Ổ, tục gọi tà làng Ó, có lệ giao hiếu với làng Niệm Thượng. Tương truyền rằng xưa kia Lý Công có một người yêu là bà chúa làng Dương Ổ.

*Tắt đèn, đốt đuốc, đội xôi*

Đây cũng là một cổ tục đặc biệt của làng Ném. Cổ tục này thể hiện vào đêm mồng 5 tháng Giêng, quãng tám chín giờ tối, nghĩa là sau bữa cơm chiều rất lâu. Chính ra đây là một cuộc thi thổi xôi giữa hai giáp. Thổi xôi ở ngay tại trong đình, hai giáp cử người đại diện phụ trách công việc này.

Gạo nếp dùng để thổi xôi là thứ nếp thơm, hạt to, miền Bắc gọi là nếp Cái. Gạo được lựa kỹ từng hạt, không còn một chút trấu thóc nào lẫn vào.

Lúc hai giáp thổi xôi, trong đình đèn nến sáng chưng và dân hai giáp bu quanh để chờ đợi kết quả. Hai giáp đều cố gắng thổi sao cho chõ xôi của mình xong trước.

Giáp nào xong trước, đổ xôi ra nong, rồi ra lệnh cho dân hàng giáp tắt hết cả đèn nến trong đình đi, khiến cho giáp kia không còn ánh sáng để tiếp tục nấu chõ xôi của mình.

Đèn tắt xong, một người của giáp thắng cuộc đội nong xôi chạy quanh đình, có ý muốn cho dân làng biết giáp mình đã thổi chõ xôi xong trước. Người đội nong xôi đi trước, có mấy người khác đốt đuốc chạy sau, và sau những người vác đuốc này có cả dân hàng giáp ồ ạt chạy theo để chia cái vinh dự thắng cuộc của giáp mình.

Làng có tặng giải cho giáp thắng cuộc.

Trong khi giáp thắng cuộc vui vẻ và kiêu hãnh đội nong xôi chạy quanh đình với ngọn đuốc rừng rực, thì trong đình lúc đó tối om. Những trai gái lúc trước đứng xem thổi xôi, lúc này nhân bóng tối, tha hồ họ muốn thi thố với nhau điều chi cũng được, và họ cũng chẳng cần chạy theo đám rước xối, mặc dầu có thể họ là người trong giáp thắng cuộc.

Hội làng Niệm Thượng với các tục trên thật là vui, và bao giờ đêm ngày mùng 5 tháng Giêng đình làng cũng chật ních những người, nhất là những trai gái choai choai !

---

1 Tổ chức hàng giáp gồm 5 bàn : bàn quan lão, bàn quan lềnh và ba bàn họp thành một ban phụ giúp cho các ban lềnh. (Xin xem trong LÀNG XÓM VIỆT NAM cuả soạn giả).

# HỘI VĂN TRƯNG

Với các cổ tục :

- Bắt chạch trong chum
- Thi thuyền
- Leo cầu phao
- Đốt pháo thi
- v.v…

Làng Văn Trưng, tên nôm gọi là làng Dưng, và dân quanh vùng còn gọi là Chợ Dưng, nơi đây có ngôi chợ lớn, một tháng sáu phiên, dân chúng các làng lân cận kéo nhau tới họp chợ để bán các sản phẩm và mua các vật dụng thường ngày.

Làng Dưng thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên, hàng năm mở hội vào ngày mồng 6 tháng Giêng, tức là vào ngày phiên chợ đầu năm.

Hội mở ngay tại khu đất chợ và có rất nhiều trò vui, những trò vui đã khiến dân chúng quanh đó không ai quên nổi ngày hội, và đã có câu ca dao :

*Bỏ con bỏ cháu,*

*Không ai bỏ mồng sáu Chợ Dưng.*

**Lộ trình đến làng Dưng**

Làng Văn Trưng cách phủ lỵ Vĩnh Tường hơn năm cây số và cách tỉnh lỵ Vĩnh Yên chừng mười lăm cây số. Muốn tới nơi đây, người ta đi theo quốc lộ số 2 từ Hà-Nội đi Tuyên Quang, Hà Giang, khi qua khỏi tỉnh lỵ Vĩnh Yên chừng mười cây số, con đường liên tỉnh Vĩnh Yên đi Sơn Tây ở đây, du khách sẽ rẽ tay trái và sẽ đi vào khoảng bốn cây số

thì tới Văn Trưng. Đình làng Văn Trưng nằm ngay ven đường về phía tay trái, trên nền đất cao trông thẳng ra một chiếc đầm rộng, nước trong xanh. Đây là Đầm Dưng, một nguồn lợi của dân chúng làng Dưng.

**Thần tích**

Vì chưa có dịp tìm hiểu kỹ càng, nên không đầy đủ tài liệu để trình-bày. Rất mong được sự chỉ giáo của các bậc hiểu biết.

**Những cổ tục**

Trò vui tại hội Văn-Trưng có rất nhiều và rất thú vị. Chính những trò vui này đã lôi kéo được khách thập phương, những trò vui này hầu hết là những tục lạ : BẮT CHẠCH TRONG CHUM, LEO CẦU PHAO, ĐỐT PHÁO THI, CỜ BỎI, và đáng kể hơn cả là THI BƠI THUYỀN trên Đầm Dưng.

Những trò vui cổ truyền trên, sau này cho đến trước năm l945, khi dân làng mở hội còn tổ chức thêm cả những trò vui mới có tính cách thể thao : Thi Xe đạp, Thi Chạy, nhưng ở đây chúng tôi chỉ xin nói tới những trò vui cổ truyền.

*Bắt chạch trong chum*

Bên phía trái trước đình làng có một cây đa cổ thụ. Nhân ngày hội, dân làng bầy dưới bóng cây đa một hàng chum [1] ít nhất cũng năm cái, mỗi chiếc chum đựng đến hai phần ba nước trong mỗi chiếc chum có thả một con chạch. [2]

Cuộc vui có những cặp trai gái vừa ôm nhau vừa thi bắt con chạch trong những chum này.

(Xin xem chương IV, trong mục LUYẾN ÁI TÍNH TRONG MỘT SỐ CÁC CỔ TỤC VIỆT NAM, sẽ nói rõ thể thức bắt chạch này).

*Leo cầu phao*

Cầu phao bắc bằng một cây tre, một đầu dựa vào đất, còn đầu kia, ngọn tre, sà trên mặt nước, buộc lủng lẳng vào một chiếc dây, chiếc dây này được buộc treo vào một chỗ giao nhau của hai thân cây tre khác, ngắn hơn cây tre làm cầu, chống dước nước chụm đầu vào nhau. Tại nơi giao điểm của hai thân tre có buộc những giải thưởng gồm những khăn hoa xinh đẹp, những vuông nhiễu điều tươi thắm, những bao trà, có khi là tiền.

Người leo cầu phao phải đi từ đầu cầu dựa trên đất, đi trên cây tre cho tới chỗ treo giải thưởng, phải đi một mạch không được ngã xuống nước, ngã xuống nước phải lội vào bờ đi lại.

Leo cầu phao được tổ chức ngay bên bờ đầm Dưng trước cửa đình để các bô lão và các quan viên trong làng chứng kiến.

Leo cầu phao tưởng chừng như dễ mà rất khó, thường hội đồng làng kén cây tre dài làm cầu. Bước đi của người dự cuộc làm rung mạnh cây tre, và cây tre rung mạnh đã hất họ ngã xuống nước, họ không bấu víu vào đâu, họ chỉ lấy thăng bằng do bản thân họ. Những người bắt đầu cuộc vui còn đi được khá xa trên thân cây tre, những người sau đi khó khăn hơn, cây tre bị nước do người đã ngã làm bắn lên, trơn như bôi mỡ.

Người leo cầu phao bước rập rình rồi ngã ùm xuống nước đã làm trò cười cho khách xem hội đứng ở trên bờ và do chính họ cũng tự thấy vui vui, họ lội nước trở vào bờ leo lại.

Trong lúc leo cầu phao, họ mình trần trùng trục, chỉ đóng một chiếc khố mầu xanh, đỏ, nâu, tím, tùy người. Có lắm người trông khỏe mạnh như những lực sĩ. Các chàng trai làng leo cầu phao thường được khuyến khích bởi các cô gái làng cười chúm chím ở trên bờ !

*Đốt pháo thi*

Ngày Tết mừng Xuân người ta đốt pháo, trong những ngày hội Xuân dân tộc, để hội được thêm phần nhộn nhịp tưng bừng, dân các làng quê đều có đốt pháo, nhất là trong những đám rước thần, sau những buổi tế thần, hoặc trong những cuộc vui có giải, để mừng người được giải, người ta đều đốt một bánh pháo.

Tại chợ Dưng, ngày Tết, ngày Xuân pháo đã nổ nhiều và cả trong ngày hội, cũng xác pháo đỏ, khói pháo thơm với tiếng pháo ran ran được dân làng đốt mừng khi rước, khi tế cũng như khi khuyến khích các người dự thí trong các cuộc vui.

Đặc biệt hơn ở hội này có tục thi đốt pháo. Pháo do dân làng làm lấy theo những phương pháp cổ truyền, hoặc do dân làng đặt làm ở những làng có nghề làm pháo. Đúng ra, pháo dự thi phải là pháo dân làng tự làm lấy, nhưng cũng khó ai có thể kiểm soát được pháo nào do dân làng làm, pháo nào thuê đặt làm tại những làng làm pháo chuyên môn. Trước kia thỉnh thoảng còn có người khiếu nại về xuất xứ của pháo nhưng về sau cũng chẳng ai kêu ca, và ban hội đồng cho rằng, pháo nào cũng là pháo, chỉ cốt làm sao pháo nổ đều, kêu và xác pháo toàn hồng để mang sự thịnh vượng lại cho dân làng là được, nhất là từ ngày người Pháp đặt ra luật lệ về nghề làm pháo, cấm dân chúng tự làm pháo, dân làng dự thi đốt pháo đều dùng pháo mua ở thị trường hoặc đặt làm trước tại các xưởng pháo.

Tiêu chuẩn cuộc thi đốt pháo được đặt ra :

- Pháo phải nổ đều, ít quả tịt ngòi.

- Pháo phải tan xác khi nổ tung xác pháo cho cao và tỏa xác cho rộng.

- Tiếng pháo nghe ròn ran ran, không phải là tiếng nổ cụt cỡn cục cằn, nếu là thi pháo một.

Về pháo tràng, các tràng pháo thi dài đều nhau, giữa những tràng pháo nếu có pháo đùng, số pháo đùng cũng phải đều nhau.

Thường pháo tràng thi không có pháo đùng, ban hội đồng cho rằng tiếng nổ của pháo đùng làm bắn xa thêm xác pháo, đồng thời có thể làm mất đi những quả tịt ngòi.

Trước giờ thi, những tràng pháo dài đều nhau được treo ở hiên đình, tràng nọ cách xa tràng kia đủ để giữ cho khi pháo tràng này nổ, không bắn tia lửa vào ngòi một tràng pháo khác khiến cho tràng pháo này nổ theo.

Lúc thi, lần lượt từng tràng pháo một được đốt lên. Một tràng pháo nổ hết, ban hội đồng cho kiểm lại số pháo tịt ngòi rớt xuống mặt đất và ước lượng vùng rộng xác pháo đã tung tỏa ra.

Công việc ước lượng và kiểm soát số pháo tịt ngòi xong, tràng pháo khác mới đốt tiếp.

Tất cả những tràng pháo đã đốt hết, ban hội đồng mới định giải. Trước hết những tràng pháo nào không toàn hồng bị loại, rồi đến các tràng pháo nhiều quả tịt ngòi. Chỉ còn lại sau cùng ba tràng pháo nổ đều nhất, số pháo tịt ngòi rất ít. Lúc này hội đồng mới xét tới tràng pháo nào lúc nổ đã tung xác pháo cao và tỏa rộng hơn để định thứ bậc. Có những năm có những tràng pháo nổ đều, ít pháo tịt, nhưng khi nổ pháo không tan xác, chỉ bật đầu, vỡ bụng hoặc chỉ nổ một nửa xác pháo, trường hợp này cũng bị loại.

Đây là thi pháo tràng, còn thi pháo một, người dự thi phải tự đốt pháo, pháo cầm nơi tay, đốt xong tung lên cao. Quả pháo nào lên cao mới nổ, xác pháo bay phấp phới như đàn bươm bướm rớt là là xuống đất, tiếng nổ nghe ròn ran ran đều được chú ý và có hy vọng ăn giải. Có những quả pháo, người đốt pháo ném chưa khỏi đầu đã nổ, hoặc có khi nổ ngay trong tay người đốt pháo làm đen nhám cả bàn tay. Quả pháo này lẽ tất nhiên bị loại cũng như những quả pháo

khi tung lên cao không nổ chỉ nổ khi rớt trở lại xuống đất hoặc gần tới đất. Cũng bị loại những quả pháo nào nổ không tan xác.

Cuộc thi đốt pháo rất vui, nhưng vui hơn là cái không khí sau cuộc thi này.

Những quả pháo không nổ vì tịt ngòi, hoặc ngòi cháy tới đầu pháo thì tắt, hoặc tắt giữa lúc đang cháy dở dang, được ban hội đồng thu thập trước khi định giải, nay đem phát cho trẻ em trong làng để chúng đốt cho vui. Đốt những pháo này chúng ném nhau và khi đốt hết, chúng mua thêm pháo mới, gỡ ra để ném nhau. Lúc đầu chúng ném nhau, sau dần dà chúng ném các thiếu nữ đi xem hội, người làng hoặc các làng lân cận, các cô bị trẻ em ném pháo vừa chạy vừa cười rúc rich. Có những cô tinh nghịch mua pháo ném trả lại.

Trò chơi lúc đầu của trẻ em, thanh niên trong làng, và cả thanh niên làng khác tới xem hội, thấy thú thú cũng mua pháo đốt ném nhau, nhất là ném các cô thiếu nữ trong đám hội. Các cô chạy, các chàng đuổi, và cũng nhiều cô không chịu kém, mua pháo đốt ném lại. Không khí đám hội thật vui vẻ trẻ trung.

Một năm xảy ra như vậy, những năm sau lại tái diễn, lâu lâu thành lệ, ban hội đồng trong làng thấy cũng hay hay, đã không cấm đoán còn khuyến khích cho trai gái đốt pháo ném nhau.

Chẳng ai bảo ai, tự nhiên ngày hội, người các xã lân cận hẹn hò nhau tới đó mua pháo đốt chơi, ở đây câu ca dao đã không mấy đúng :

*Thừa tiền mua pháo đốt chơi,*

*Pháo nổ lên trời tiền vứt xuống sông !*

Thanh nam, thiếu nữ vui xuân đốt pháo ném nhau, đã khiến có cả những bà nạ dòng mong mỏi được người ta đốt pháo

ném mình ! Nhưng :

*Thừa tiền ném pháo nạ dòng,*

*Đem tiền mà vứt xuống sông cho rồi !*

*Bơi thuyền*

Đình làng Văn Trưng thiết lập trên một mô đất cao, trông thẳng ra đầm làng, tục gọi là đầm Dưng. Theo phong thủy, tục bảo đấy là trán rồng. Hai bên đình có hai chiếc ao nhỏ, hai mắt rồng. Trước cửa đình có một sân gạch, nơi ban hội đồng làng ngồi dự các cuộc vui, nhất là cuộc thi bơi thuyền trên đầm Dưng.

Đầm Dưng tương truyền là thân rồng uốn khúc và chính giữa đầm là hàm ngọc rồng.

Hàng năm, khi có cuộc thi thuyền, ở giữa đầm, nơi được coi là hàm rồng có cắm một cây tre làm đích cho cuộc thi.

Những chiếc thuyền dự thi là những chiếc thuyền bằng ván, dài chừng năm sáu thước. Trên mỗi chiếc thuyền có sáu người ngồi cùng bơi. Bơi thuyền trong cuộc thi này không ai dùng bơi chèo, mỗi người dự bơi được sử dụng hai tay hai chiếc đĩa phố, bơi thuyền bằng những đĩa này. Họ có lối cầm đĩa để bơi mạnh và mau : bốn ngón tay nhỏ để lên trôn đĩa, ngón tay cái giữ trong lòng đĩa. Khi bơi bàn tay phải úp xuống, như vậy bơi đã nhẹ, thuyền lại đi nhanh. Muốn dự bơi những tuyển thủ đều có luyện tập trước.

Những thuyền thi đều của dân làng, được sắp hàng một dãy ngay bờ đầm mé trước đình.

Trước cuộc thi, ban hội đồng rút thăm để từng đội lấy thuyền, mỗi chiếc thuyền mang một số, đội nào rút trúng chiếc thuyền nào sẽ bơi bằng chiếc thuyền đó.

Sau cuộc rút thăm, các đội đua đến ban hội đồng lĩnh đĩa và số thuyền.

Để được gọn gàng trong lúc bơi, các tuyển thủ đều cởi hết quần áo, mỗi người chỉ còn bận một chiếc khố mầu, thường một đội sáu người cùng bận khố một mầu.

Các tuyển thủ bước xuống thuyền, cùng xếp hàng thuyền theo chữ nhất để chờ lệnh bắt đầu cuộc bơi qua một hồi trống.

Trong lúc ấy trên bờ đông nghẹt khách xem hội, người làng và người thiên hạ. Có người thuê thuyền riêng bơi ra giữa đầm để dự khán cuộc đua cho tường tận.

Một hồi trống ngũ liên nổi lên, điểm thêm ba tiếng sau cùng, đó là hiệu lệnh để cuộc đua bắt đầu.

Tiếng trống dứt, những chiếc thuyền chen nhau vùn vụt đi như những mũi tên lao thẳng trên mặt đầm. Có những thuyền tranh nhau, lấn nhau. Có nhiều tay đua bị ngã xuống đầm, nhưng không sao, không bao giờ xảy ra tai nạn. Sự tổ chức của dân làng rất chu đáo, chính những người dự bơi đều là những tay bơi lội có hạng ! Mọi chiếc thuyền đều nhắm đích, cây tre cắm ở giữa đầm ; thuyền nào tới đích trước, nhổ lấy cây tre đó, mang về đình lĩnh thưởng.

Cũng có năm, ban hội đồng không cho phép được nhổ cây tre. Thuyền nào cũng phải đi vòng cây tre từ trái qua phải, quay trở lại đình. Thuyền nào về tới đình trước được sắp hạng trên, và sẽ tùy theo hạng được giải thưởng.

Những chiếc thuyền tăm tắp ra đi, vài chiếc thuyền đụng nhau, có người rớt xuống nước, nhưng những người còn lại trên thuyền không bỏ cuộc, họ cứ đều tay bơi tiếp. Theo nhịp tay của họ, đoàn thuyền sau trước phăng phăng rẽ nước ra đi. Những đầu người cúi xuống ngẩng lên theo đà tay, nhấp nhô khiến cả đoàn thuyền trông giống như một con rồng lượn.

Bơi thuyền cần phải có lối bơi đồng đội, đều tay đều nhịp, thuyền sẽ đi nhanh.

Trên bờ, khách xem hội hò reo khuyến khích.

°

Hội chợ Dưng bao giờ cũng vui với những cổ tục trên, lại thêm vào những trò vui mới. Vui, vui đến độ

*Bỏ con, bỏ cháu,*

*Không ai bỏ mồng sáu chợ Dưng !*

Thời cuộc đổi thay, biết có ngày nào hội chợ Dưng trở lại !

---

1 Một loại lu đựng nước miệng thắt nhỏ lại.

2 Miền Nam gọi là cá chạch.

# HỘI VẠN NIÊN

Với cổ tục : Tung hệ

Làng Vạn Niên thuộc huyện Nam Sách tỉnh Hải Dương. Hàng năm làng mở hội vào cuối tháng Giêng.

**Thần tích**

Thành Hoàng làng này là một tà thần dân chúng gọi là ông THẦN NHÒM. Lúc sinh thời, ông thần vốn là một tay ăn trộm. Một đêm đi ăn trộm về, buổi ăn trộm rất thành công, ông ta lấy được rất nhiều đồ đạc. Lúc trở về trời đã gần sáng, ông ta mang đồ đạc đã ăn trộm được đi vừa đến gốc đa bên một lạch nước ở đầu làng thì thấy bóng người đi làm đồng đằng xa tiến tới. Ông ta vội vàng bao nhiêu đồ đạc đều đem dấu xuống dưới lạch nước, rồi trèo lên cây đa, nằm trong lùm lá ngủ một giấc tới buổi chiều. Thức giấc, ông ta nhìn xuống lạch nước, vừa nhằm lúc trên trời có mây đen, không thấy đồ đạc mình đã dấu. Ông ta cố giương mắt nhìn theo tăm ở dưới nước. Nào ngờ mải nhìn quá, ông ta ngã xuống lạch nước chết đuối. Chết gặp giờ linh, ông ta được dân làng thờ làm Thành Hoàng.

**Ngày hội**

Hội làng mở vào cuối tháng Giêng mỗi năm. Hội có rước xách tế lễ, các quan viên cùng nhau họp ở đình ăn uống như tất cả các hội quê khác. Nhân dịp hội, dân làng thường nhắc lại sự tích ông thần Nhòm.

**Tung hệ**

Đặc biệt nhất của ngày hội là tục TUNG HỆ. Tục này được cử hành một cách rất ồn ào và rất vui.

Một ông già được dân làng cử làm tướng, còn các hàng con trai từ mười tám tới hai mươi, dân làng cắt làm quân.

Nhân ngày hội, dân làng chọn giờ tốt cho người vào *xông* đình đốt pháo. Sau đó dân làng cũng đốt pháo rất nhiều… Giữa những tràng pháo liên tiếp, ông tướng đánh trống đi vào đình rồi lại đi ra, đi ra rồi lại đi vào. Ông tướng đi trước quân đi theo sau. Quân tướng cứ dắt nhau vào đình rồi lại dắt nhau ra, đi như vậy cho đến khi ngớt tiếng pháo.

Tôi được một người làng Vạn Niên [1] cho biết : Quân tướng kéo vào đình lại kéo ra như vậy cốt để đuổi tà ma trùng quỷ có thể gây dịch lệ cho dân làng. Tiếng pháo tượng trưng cho tiếng sung tiến quân. Ngoài ra, đây cũng là một cách biểu diễn cái uy thế của vị thần, có quân tướng bảo vệ, khiến các tà thần khác sợ không dám xâm phạm tới Ngài.

Ngoài ra tục này cũng còn có mục đích khuyến khích tinh thần thượng võ của dân làng, để mỗi khi giặc giã, dân làng sẽ can đảm tòng quân diệt địch.

Khi tiếng pháo dứt, ông tướng họp ba quân tại sân đình, cùng nhau vào lễ thần. Lễ tất thì cuộc *tung hệ* cũng hết.

Dẫu rằng giữa ông thần Nhòm và tục Tung hệ không có liên hệ gì, nhưng dân làng Vạn Niên vẫn lấy tục *Tung hệ* để lễ ông Thần Nhòm trong ngày hội hàng năm.

---

[1] Ông Lê văn Tỵ, năm I963 là nhân viên Tổng Nha Thuế vụ.

# HỘI LIM

Với cổ tục : Hát Quan Họ

Hàng năm ngày I3 tháng Giêng, về hồi tiền chiến tài tử cố đô Thăng Long rủ nhau người người lớp lớp đi xem hội Lim, để nghe các trai gái đồng quê cùng nhau say đắm trong điệu hát quan họ.

Hội Lim tổ chức trên đồi Lim, tên chữ là Hồng-vân-sơn.Đây là một ngọn đồi thuộc địa phận ba xã Duệ Đông, Lũng Sơn và Lũng Giang, huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh, ở ngay gần quốc lộ số I từ Hà Nội đi Lạng Sơn, cách ga xe lửa, ga Lim, chừng hơn một cây số.

Từ Hà Nội tới đồi Lim, quãng đường xa 25 cây số, sở dĩ gọi là đồi Lim vì xưa kia trên đồi này mọc toàn cây lim, một thứ gỗ rắn chắc. Ngày nay rừng lim không còn, đồi thông trọc lốc với đá và đất núi sắc đỏ như son, thỉnh thoảng xen vào mấy nương sắn và mấy sơn trang. Dưới chân núi, thuộc địa phận xã Lũng Giang, sát bên lề đường quan lộ là chợ Lim với những lều gianh mái lá. Cửa chợ có một cây đa cổ thụ to lớn, bóng vùng rợp rất xa, các làng lân cận gọi là cây đa Lim. Gốc cây đa có quán ngói gọi là cầu Lim.

Trên núi có Hồng vân tự. Đây là một ngôi chùa cổ quy mô rộng rãi với một quả chuông lớn đúc từ đời Cảnh Hưng, Chùa này dân quanh vùng gọi là chùa Lim.

Phía bên trái Hồng vân tự là văn chỉ xã Lũng Giang.Văn chỉ xây lớn với bệ gạch rêu phong. Văn chỉ thờ đức Khổng Tử và các tiên hiền tổng Nội Duệ, huyện Tiên Du. Cách chùa không xa, về phía tay mặt, có một ngôi lăng tường đá ong kiên cố, trước lăng là một tấm bia lớn đứng sừng sững khiến khách xem hội Lim không ai bỏ qua được. Trong lăng

có đủ voi, ngựa, nghê, ngỗng cùng sập đá, ngai đá thật trang nghiêm.

Đây là lăng ngài Hiếu Trung Hầu, tên húy là Diễn, làm quan dưới triều vua Lê cảnh Hưng. Xuất thân hoạn quan, ngài đã được thăng đến chức Thanh Hoa trấn đốc đồng. Dân chúng quanh vùng quen gọilăng ngài là lăng quan Trấn.

Hiếu Trung Hầu không có con. Khi gần chết ngài bầu hậu hàng tổng và làm đình cho mấy xã. Để ghi nhớ công ơn ngài, hàng năm đến ngày l3 tháng Giêng âm lịch dân tổng Nội Duệ mở hội rất to tại lăng ngài. Ngày hội được gọi là ngày Hội Lim.

Hội kéo linh đình với cờ xí phấp phới, với rước xách tế lễ. Dân tổng Nội Duệ kéo nhau tới lễ lăng Hiếu Trung Hầu, tới lễ Hồng Vân tự để cầu nguyện được một năm may mắn.

Trong ngày hội có cờ bỏi, và tại chùa có kể hạnh do các bà vãi tụng lên công đức của chư Phật để khuyến thiện.

Ngoài ra còn có những trò chơi cờ bạc như đáo dĩa, tổ tôm điếm rất được dân chúng ham mê.

Đáng kể và đặc biệt nhất ở hội Lim là tục HÁT QUAN HỌ.

**Hát Quan Họ**

Tương truyền rằng hát quan họ là một lối hát do Hiếu Trung Hầu đặt ra để mua vui lúc tuổi già.

Đây là một lối hát đối đáp giữa hai bên trai gái. Qua những câu hát các cô, các cậu khen ngợi nhau, tỏ tình với nhau. Lời hát đôi khi thật văn chương bóng bảy, đôi khi thật thắm thiết nồng nàn.

Hát quan họ phải hát giọng đôi, hai người chầu miệng vào nhau cùng hát, hai giọng luyện với nhau, tiếng ngân vang, vang vút, tiếng trầm êm ái như ru !

Hát quan họ có nhiều giọng, nhưng có ba giọng chính, nam nữ thanh niên thường dùng cùng nhau đối đáp trong những ngày hội để trao tình.

Ba giọng đó là :

- *Giọng Sổng* **:** dùng để dạo giọng lúc bắt đầu hát. Giọng Sổng tiếng ngân vút cao nghe đằm ấm nồng nàn. Đây là giai đoạn đôi bên trai gái dò xé ướm hỏi lòng nhau :

*Hôm nay tứ hải giao tình,*

*Tuy sinh bốn bể như sinh một nhà.*

*Số anh phải lấy vợ xa,*

*Số em không lấy chồng nhà được đâu.*

*Đã chót yêu nhau lấy nhau cho được,*

*Bõ lòng này rày ước mai ao ?*

Trên đây là một câu hát giọng Sổng. Lúc hát lên có những khúc đệm i á, ý a hoặc những tiếng được láy đi láy lại để câu hát ăn với âm thanh và âm thanh ăn với giọng hát.

Những câu hát giọng Sổng, có thể dùng cho bên nam hay bên nữ cũng được, chỉ cần lúc hát lên đổi một vài chữ trong câu hát cho hợp với người hát.

- *Giọng Vặt* **:** Sau khi đôi bên dạo giọng bằng một vài câu hát Sổng là những câu hát giọng vặt để đôi bên gắn bó. Nếu giọng Sổng chỉ có một giọng thì giọng vặt lại gồm rất nhiều giọng, giọng cao, giọng thấp, giọng dài, giọng ngắn, giọng buồn giọng vui. Gọi là giọng vặt vì những giọng hát này như vụn vặt, không đồng nhất như giọng Sổng. Có khi giọng hát bắt chước tiếng đàn với những lời đệm tình tang tang tính, có khi giọng hát bắt chước tiếng chim nghe êm ái trẻ trung, có khi lại bắt chước tiếng run để nghe buồn rầu ảo não.

Những câu hát giọng Vặt thường có hai câu đi đôi để đối nhau, bên nọ hát lên bên kia đáp lại, dù bên hát trước là nam hay nữ. Cũng như những câu hát giọng Sổng, mỗi câu hát đều có thể dùng được cả cho đôi bên nam nữ chỉ cần thay đổi một đôi chữ cho hợp với người hát.

Dưới đây là mấy câu hát giọng Vặt đối nhau :

*Ngồi tựa vườn đào,*

*Thấy người thục nữ ra vào lòng những vấn vương.*

*Gió lạnh đêm trường*,

*Nửa chăn để đó, giữa giường để đó chờ ai.*

*So chữ sắc tài,*

*Có công gắn bó ai người phụ nghĩa quên công.*

*Nên chăng đấy vợ đây chồng.*

°

*Ngồi tựa vườn đào,*

*Thấy người bạn ngọc ra vào lòng những vấn vơ.*

*Tháng đợi năm chờ,*

*Yêu nhau chớ để hững hờ với khách tài hoa.*

*Khấn nguyện trăng già,*

*Duyên tơ xe lại một nhà đầm ấm yên vui.*

*Nguyệt lặn sao vời,*

*Bõ công gắn bó, bõ nhời gắn bó giao loan.*

*Nên chăng tình Tấn duyên Tần.*

Hai câu hát Vặt trên là hai câu hát bao giờ cũng được trai gái quan họ hát tới, có đôi khi thay đổi một vài khúc. Cũng có khi thay vì câu hát tả tình trên, trai gái quan họ, cũng theo giọng hai câu trên, hát với nhau những câu tả cảnh :

*Ngồi tựa mạn thuyền,*

*Trăng in mặt nước càng nhìn non nước càng xinh.*

*Phong cảnh hữu tình,*

*Thơ ngâm ngoài lái, rượu bình giải trí trong khoang.*

*Tay lựa cung đàn,*

*Tiếng cao réo rắt, tiếng trầm năn nỉ thiết tha.*

*Tai nghe văng vẳng đường xa.*

Dưới đây xin thêm hai câu hát giọng Vặt khác đối nhau :

*Con chim bồ câu,*

*Nó liệng thấp nó lại liệng cao,*

*Liệng qua cửa phủ, liệng vào trong dinh*

*Ngọn đèn khơi ngọn tam tinh*

*Khơi lên cho tỏ ta nhìn mặt nhau*

*Nhìn người chẳng dám nhìn lâu,*

*Nhìn qua thấy mặt chịu sầu thiết tha !*

*Nào lời tôi dặn hôm qua ?*

*Có nhớ những lời tôi dặn hôm qua ?*

°

*Con chim bồ câu,*

*Nó liệng thấp nó lại liệng cao,*

*Liệng qua cửa phủ liệng vào trong kho.*

*Ngọn đèn chịu gió phất phơ*

*Nào lời tôi hẹn bây giờ là đâu ?*

*Khơi đèn nhìn mặt thêm sầu,*

*Khơi đèn nhìn mặt thêm đau tấc lòng !*

*Phụ tình ao ước chờ mong*

*Trách ai đã phụ tình ao ước chờ mong !*

Như trên đã nói câu hát giọng vặt rất nhiều. Có cả giọng ngâm thơ. Những bài thơ thường do các cụ có văn học đặt sẵn cho. Xin chép ra đây một bài làm thí dụ. Cũng như nhiều câu hát quan họ khác, bài thơ dùng để hát cũng chỉ nói đến tình yêu của trai gái :

*Biết chăng, chẳng biết hỡi tri âm,*

*Vấn vít con tơ vận ruột tầm.*

*Khắc khoải sầu tuôn lòng tựa bể,*

*Bồi hồi dạ nhớ tháng như năm.*

*Chăn loan bên đắp bên chờ đợi,*

*Chiếu nguyệt nửa nằm nửa biếng thăm.*

*Một khúc tình thư đưa nhạn gửi,*

*Thấu tình chăng hỡi bạn tri âm.*

- *Giọng Bỉ* **:** Trai gái quan họ dạo giọng bằng giọng sổng, gắn bó với nhau bằng giọng vặt, và để chia tay nhau họ dùng giọng Bỉ, có người gọi là giọng Vỉ.

Giọng Bỉ ngân dài, nói lên được sự chua xót của phân ly, sự luyến tiếc của ngày mau tàn.

Thường những câu hát giọng Bỉ, cũng như phần lớn các câu hát khác của quan họ, đều là những câu lục bát, hoặc song thất lục bát.Có câu lấy ở Kiều ra, có câu là những câu ca dao rất phổ biến.

*Bây giờ giáp mặt đinh ninh,*

*Xa xôi ai có thấu tình chăng ai ?*

*Hay là người đã nghe ai,*

*Thả chông đường nghĩa rắp gai nối tình ?*

Nội dung câu hát thường là lời căn dặn nhau, bảo nhau giữ lấy những lời hẹn ước đừng vì khuất mặt xa lời mà quên nhau.

Tuy ba giọng hát là ba thời kỳ của buổi hát : gặp gỡ, gắn bó và giã từ, nhưng nhiều khi hát sang giọng Bỉ rồi, có những đám quan họ lại trở lại hát giọng Vặt như cố níu lấy sự lưu luyến của trai gái đang tuổi yêu đương. Giọng Vặt một đôi câu, rồi vì ngày hội đã tàn, đêm đã xuống, họ lại chuyển sang giọng Bỉ để từ biệt và hẹn hò nhau đến một đám hội khác trong vùng vào một ngày mai sắp tới.

*Năm giọng Trên*

Thường gặp nhau trong ngày hội trai gái quan họ chỉ bắt qua ba giọng Sổng, Vặt và Bỉ, nhưng ngoài ba giọng phổ thông trên, quan họ còn có năm giọng nữa, là năm giọng Trên. Năm giọng này khó hát vì tiếng hát phải xuất phát từ bề sâu trong cuống họng. Năm giọng Trên này chỉ dùng tới khi hát giải. Năm giọng này mang những tên rất lạ :

**I.** Lên núi : Giọng hát khi hát lên, người nghe có cảm giác như thấy một đoàn người reo hò cùng nhau leo núi. Câu hát lối thứ tự. Rất tiếc kẻ viết bài này lâu ngày không còn nhớ được câu nào.

**2.** Đường bạn : Giọng gắn bó keo sơn với những lời hát rất tình tứ.

**3.** Xuống sông : Cũng như giọng lên núi, khi hát lên người nghe có cảm giác như một đoàn người đang bước xuống kín nướcở dòng sông.

**4.** Hừ la : Tên thật kỳ khôi với những bài hát giọng kéo dài đặc biệt.

**5.** Tình tang : Cũng như giọng hừ la, lúc hát câu hát được đệm bằng những tiếng tình tang.

Năm giọng trên cua quan họ chỉ người lão luyện mới hát nổi, vừa tốn hơi tốn sức, lại phải diễn tả cho đúng điệu của mỗi giọng.

**Nguồn gốc tục hát quan Họ**

Như trên đã nói, theo tương truyền thì tục hát quan họ do Hiếu Trung Hầu đặt ra để mua vui lúc tuổi già. Vốn là một hoạn quan, không có con cái, hầu đã phó thác sự cúng giỗ của mình sau khi nhắm mắt cho dân chúng tổng Nội Duệ, nhưng trong tuổi già sống không con trơ trọi, ngày tháng nặng nề, hầu tìm cái vui trong cái vui của đàn trẻ trong thôn xã, trong hàng tổng.

Dựa theo lối hát ví của vùng Kinh Bắc tức là tỉnh Bắc Ninh ngày nay, Hầu đặt ra lối hát quan họ này để cho trai gái hát với nhau trong những buổi gặp gỡ. Hầu dùng lối hát quan họ thay cho hát ví, hát ví bao giờ cũng chỉ có một giọng đều đều, kém linh động, kém tình tiết, kém cả nồng nàn trong lối diễn tả. Vốn đã được hầu hạ nhà vua trong cung cấm, Hầu căn cứ vào những điệu nhạc khi vui khi buồn khi đầm ấm khi dằn dỗi để đặt ra những giọng hát quan họ, diễn tả cho đúng tình cảm từ lúc trai gái mới gặp nhau, qua thời kỳ gắn bó cho tới khi từ giã tượng trưng bởi ba giọng chính : Sổng, Vặt và Bỉ.

Lúc mới sơ khởi, Hầu có ban nhạc hòa theo các giọng hát, nhưng về sau trong thôn quê, không phải lúc nào cũng sẵn nhạc, nên dân chúng gặp gỡ nhau là hát theo những điệu giọng Hầu đã đặt ra. Thay vì nhạc, họ hát giọng đôi để tránh sự trơ trẽn của đơn ca, để người có giọng ấm có thể dìu dắt người còn non giọng. Hát quan họ lúc đầu chỉ có tại mấy xã thuộc tổng Nội Duệ như Lũng Giang, Lũng Sơn v.v… nhưng dần dần dân chúng vùng lân cận thấy hay đều cùng nhau tập hát. Cho tới thời tiền chiến, tục hát quan họ này lan suốt nhiều xã thuộc hai huyện Tiên Du và Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh, và còn lan tràn sang một số các xã tỉnh Bắc Giang ở bên kia sông Cầu như Mật Ninh, Nội Ninh…

*Mùa quan họ*

Chính ra, trai gái quan họ có thể hát với nhau quanh năm bất cứ lúc nào, nhưng đời sống nông dân, bận lam lũ làm ăn, nên quanh năm nếu có hát quan họ cũng chỉ có hát lẻ tẻ mà hát như vậy, lối hát ví thích hợp với đồng quê hơn. Bởi vậy, quan họ chỉ được hát trong những dịp lễ bái quan trọng, hoặc những dịp khao cưới ở các tư gia.

Mùa xuân là mùa hội hè lễ bái, dân quê nhân vụ chiêm vừa cấy xong, vụ gặt chưa tới, làng làng đua nhau mở hội và nam nữ thanh niên hợp nhau thành từng bọn rủ nhau đi hội để hát quan họ. Mùa quan họ tới với mùa xuân tưng bừng, tới với lòng hân hoan của những chàng trai quê cũng như những cô thôn nữ nụ cười nhí nhảnh, yếm thắm thắt lưng điều.

Bắt đầu ngay từ mồng 4 tháng Giêng âm lịch, sau ba ngày Tết mừng xuân, làng Hữu Chấp, tục gọi là Chấp ở huyện Võ Giàng đã mở hội, và các trai gái quan họ từ các làng khác đã cùng nhau kéo tới đây để gặp gỡ và hát với nhau.

Họ tới hội vào lúc quá trưa, và họ hát cùng nhau cho tới tan hội. Trên đường đê làng Chấp ven sông Cầu, lúc trở về họ vẫn tiếp tục hát, nam xướng nữ đối cho tới khi về tới làng họ. Có nhiều trường hợp, họ còn mời nhau về làng hát đêm, có khi bạn trai mời bạn gái, có khi bạn gái mời bạn trai, đã được phụ huynh, theo tục lệ chấp nhận.

Nếu không mời nhau hát đêm, lúc chia tay nhau họ cũng hẹn hò nhau để ngày hôm sau lại gặp gỡ nhau, ở hội Ổ, tức là hội làng Dương Ố. Hội làng Dương Ố tan, mồng 6 họ đến hội làng Khả Lễ và ngày mồng 7 họ kéo nhau tới hát ở hội làng Đống Cao, mồng 8, họ đi hội Trọi tức là làng Trà Xuyên, mồng 9, họ kéo nhau tới hội Chùa Cao làng Thị Cầu, ngày II và ngày I2, hội làng Xuân Ái. Ngày I3 tháng Giêng họ đi hội Lim, ngày I4, I5 họ giắt nhau đi các hội khác

và cứ như thế cho tới hết tháng Xuân, thỉnh thoảng mới có ngày họ nghỉ vì không có hội.

- Ngày I8 tháng Giêng, hội làng Thanh Sơn.

- Ngày 20 tháng Giêng, hội chùa Điều, làng Thị Cầu.

- Ba ngày 2I, 22, 23 là hội ở làng Diêm Xá, tục gọi là làng Diềm.

- Ngày 29 tháng Giêng, hội ở Đào Thôn.

- Ngày mồng 2 tháng Hai, hội ở Linh Quang.

Và còn nhiều hội lắm, suốt tháng Giêng, tháng Hai là những tháng hội hè và cho tới tháng Ba, hội hè còn lác đác. Rất tiếc lâu ngày, kẻ viết bài này không nhớ hết.

Mùa xuân là mùa của hội hè. Mùa hội hè là mùa quan họ.

*Tại sao lại gọi hát quan họ*

Tại sao giọng hát này lại gọi là quan họ ? Về điểm này, trước đây đã nhiều người giải thích. Mọi người đều cho rằng vì sự kính trọng bọn người cùng hát với mình nên dùng tiếng quan để xưng hô, còn họ tức là ý nói một bọn đông. Quan họ là một bọn nhiều người được sự tôn trọng của những người khác. Hát quan họ tức là lối hát của những người này.

Tôi đã được dịp hỏi người dân Lũng Giang, các cụ già nơi đây đã trả lời : « Ta gọi nó là hát quan họ thì là hát quan họ. Chính tôi ở nơi đây cũng không hiểu tại sao lại có danh từ này. Theo các cụ tôi truyền lại thì đầu tiên những người hát là thân nhân họ hàng quan Hầu được Ngài dạy cho trước. Quan họ là những người có họ hàng với quan Hầu, và hát quan họ là lối hát của quan Hầu tập cho những người này đầu tiên ».

Lời giải thích xét ra rất có lý, vì lúc đầu truyền giọng hát mới, Hiếu Trung Hầu tất nhiên phải truyền cho con cháu

trước, rồi sau mới do con cháu truyền cho người khác.

Kẻ viết bài này vốn người làng Thị Cầu, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh, lúc nhỏ đã có dịp đi theo chúng bạn để dự vào những buổi hát quan họ, và ở tại làng Thị Cầu, mỗi mùa xuân có hai hội chùa Cao và chùa Điều vào ngày 9 và 20 tháng Giêng thường có trai gái quan họ các nơi tới hát, nhưng cũng không hiểu tại sao lại gọi là hát quan họ. Bởi vậy nghĩ rằng đưa ra một giải thích hợp lý nào cũng không bằng tạm chấp nhận lời giải thích của các cụ Lũng Sơn, nơi có đồi lim và có thể là quê tổ của tục hát quan họ. [1]

*Một bọn quan họ*

Trai gái quan họ, đi hội, họ họp nhau thành từng bọn quan họ gồm ít nhất năm người, do một người dẫn đầu, lo việc mời mọc bạn hát, hoặc quyết định những điều liên quan tới cả bọn. Người này bọn quan họ tôn là anh Hai hoặc chị Hai.

Sau đó là các anh chị Ba Tư Năm và Sáu…

Nếu quan họ có sáu người, thì ngoài anh Tư hoặc chị Tư còn có anh chị Bốn. Không có anh Cả hoặc chị Cả như hát ví.

Một bọn quan họ bao giờ cũng gồm toàn những người cùng một làng, để còn đối đáp hát với trai gái làng khác. Trai gái trong làng không cùng hát với nhau ở hội.

Họ có thể hát tập, hát chơi với nhau trong làng, nhưng đã đến hội, bao giờ họ cũng tìm những bọn quan họ thiên hạ để mời hát, như vậy vừa được dịp tỏ tài năng nêu danh tiếng cho làng mình, vừa được hát thẳng cánh không nể nang gì, với những câu giọng vặt khó và lạ để cho bọn cùng hát với mình không đối được, tăng thêm giá trị cho bọn mình.

Tại các hội xuân, trai gái quan họ, trông thấy những bọn quan họ ở làng nào là họ nhận ra ngay. Mỗi bọn đều có một

đặc điểm riêng, khi đứng với nhau cũng như khi hát với các bọn bạn.

Cho đến trước năm I945, những bọn quan họ được nhiều các bạn làng khác chú ý thường là các bọn sau đây :

- Quan họ nữ làng Đào Thôn huyện Võ Giàng vừa đẹp vừa trắng, giọng nhẹ và êm, lúc hát thường gượng nhẹ với các bạn hát nếu bạn hát tỏ ra không đối nổi các câu hát của bọn mình.

- Quan họ nữ làng Xuân Ái huyện Võ Giàng, người gọn gàng sắc sảo với nhiều câu hát lạ cùng những giọng mới và khó tập. Trong những cuộc hát có giải thưởng luôn luôn chiếm giải.

- Quan họ nam làng Thị Cầu quần áo chải chuốt ăn mặc lịch sự với nhiều câu hát tình cảm. Lúc mời mọc bạn hát tỏ ra rất lịch thiệp. Đặc biệt tại làng Thị Cầu không có quan họ nữ như các làng khác. Quan họ nam làng Thị Cầu đã từng có dịp thắng quan họ nữ làng Xuân Ái trong một cuộc hát giải.

- Quan họ nam làng Yên Mẫn, chịu đi hát hội, có nhiều câu hát với nhiều giọng hay. Thường được giải trong các cuộc hát thi.

*Mời hát ở hội*

Đi tới hội, các bọn trai gái quan họ sau khi lễ Phật hoặc lễ Thần, tuỳ theo hội chùa hay hội đình, cùng nhau đứng ở quanh nơi địa điểm hội, ở sân đình, ở trước chùa, ở những thửa ruộng khô quanh đình chùa. Họ chờ bọn khác mời hát hoặc họ đang tìm kiếm một bọn hát bạn để mời hát. Trong lúc đó, họ có thể xem những trò vui khác ở hội như đánh đu, đánh cờ, chơi tổ tôm điếm v.v…

Khi một bọn quan họ thấy một bọn quan họ khác, nếu là bạn quen biết vẫn hát thường trong các hội khác thì dễ

dàng lắm. Họ chào nhau, rồi mặc nhiên như đã hẹn hò trước, họ cùng hát cầu vui sau khi đã mời nhau trầu nước.

Bọn trai bảo bọn gái : « Liền chị hôm nay đã đến đây, chắc liền chị vui lòng cho liền em hầu tiếp mấy câu ».

Thế là bọn gái nhận lời : « Liền anh đã không chê chúng em, xin liền anh cho chúng em theo ».

Xưng hô với nhau, các bọn nam nữ quan họ thật là khiêm tốn. Họ tôn nhau là *liền anh và liền chị*, bao giờ cũng tự xưng mình là *liền em*.

Và họ cũng rất là nhún nhường lịch sự : khi họ nói xin liền anh cho chúng em theo là ý họ muốn bên nam hát trước. Bên nam lẽ tất nhiên cũng phải lịch sự khiêm tốn : « Liền em chỉ biết những chợ gần, liền chị đã đi chợ xa, xin liền chị cho liền em theo ».

Câu nói trên của bên nam thật hết sức nhã nhặn và tôn trọng bên nữ. Khi họ nói chỉ biết những chợ gần là ý họ muốn nói họ biết ít câu hát, chỉ hát được những câu dễ hát giọng thường, và khi họ nói liền chị đã đi chợ xa là ý họ muốn đề cao bọn nữ biết nhiều câu hát.

Rút cục thường thường bọn nữ hát trước, bọn nam hát sau.

Có những trường hợp có một bọn quan họ nam hoặc nữ tới hội nhưng không gặp những bạn hát quen, chỉ thấy toàn những bọn lạ. Như vậy họ không hát chăng ? Có chứ, đã đi đến hội thì phải hát, không được hát họ thấy ngứa cổ làm sao, và họ bịn rịn vô cùng nếu phải về không. Họ ngắm những bọn lạ, rồi họ mời, có khi nam mời nữ, có khi nữ mời nam.

Một bọn nam chờ ở hội đã lâu không gặp bạn quen, thấy một bọn nữ họ liền mời. Thấy nhau họ biết nhau đó là một bọn quan họ. Họ biết qua nhân số năm hoặc sáu người, và

đi hội nhiều, mắt họ nhìn quen, họ nhận ngay ra đó là một bọn quan họ.

Họ mang trầu tới mời. Đi hội, các bọn quan họ thường có sẵn bọc trầu để mời hát. Miếng trầu là đầu câu hát ! Có những bọn quan họ lịch sự, không mang trầu ở nhà đi, lấy ngay những cơi trầu hàng nước bán trong ngày hội mời bạn hát. Bạn hát dùng bao nhiêu họ trả tiền nhà hàng.

Họ mang cơi trầu tới trước bọn mà họ đoán là bọn quan họ. Họ mời : « Mời liền chị xơi trầu ! Nhất niên nhất lệ, hôm nay dân làng đây mở hội, gặp liền chị, xin liền chị cho liền em được hầu tiếp mấy câu mừng xuân ».

Lẽ tất nhiên bọn con gái chối từ nói là không biết hát. Bọn trai sẽ năn nỉ : « Vui xuân, liền chị biết chợ xa thì đi chợ xa, không biết chợ xa thì đi chợ gần ».

Bọn gái lúc đầu từ chối nhưng sau cũng nhận lời. Cũng có khi bọn gái từ chối hẳn vì họ đã có hẹn với một bọn trai khác. Họ sẽ trả lời thẳng thắn : « Chúng em xin cảm ơn liền anh. Nhưng thú thực hôm nay chúng em đã có hẹn, xin hẹn với liền anh đến hội khác ».

Có thể các cô đưa ra đề nghị để gặp bọn trai ở hội nào ngày hôm sau hay một ngày gần đó.

Đối với những bọn liền chị đã có hẹn trước như vậy, lẽ tất nhiên các liền anh không thể cố mời được và đành nhận sự hẹn hò một ngày gặp gỡ mai đây.

*Hát ở hội*

Bạn hát gặp nhau, cũng như hai bọn quan họ mới tiếp xúc lần đầu, sau khi chào mời và nhận trầu của nhau, họ bắt đầu hát, bên nào hát trước tuỳ theo sự thoả thuận của đôi bên như trên đã trình bầy.

Họ hát với nhau qua các giộng Sổng, Vặt và Bỉ.

Họ hát giọng đôi. Bọn gái thường lấy nón che gió để giọng đỡ văng, hát đỡ mệt. Bên nọ hát một câu, bên kia đáp lại.

Trong lúc hát, qua mỗi đoạn, họ lại dùng mấy tiếng gọi nhau như để nói hết tâm tình qua lời ca. Họ nhắc anh Hai ơi, anh Ba ơi… Chị Hai ơi, chị Ba ơi… cho đến anh Sáu ơi, chị Sáu ơi, rồi họ lại gọi trở lại anh Hai, chị Hai nếu câu hát quá dài.

*Ngồi rằng ngồi tựa vườn đào*

*Thấy người thục nữ ra vào lòng những vấn vương*

*CHỊ HAI ƠI !*

*Gió rằng gió lạnh đêm trường*

*Nửa chăn để đó, nửa giường để đó chờ ai*

*CHỊ BA ƠI !*

*So rằng chữ sắc chữ tài*

*Có công gắn bó ai người phụ nghĩa quên công.*

*CHỊ TƯ ƠI !*

Họ hát với nhau ở bờ ruộng trước cửa chùa, ở bên đường cạnh đình làng, họ hát với nhau ở trên đồi như ở hội Lim.

Họ xúm nhau họp thành một bọn, mải mê hát với nhau mặc cho thời gian trôi qua, mặc cho những ai đi xem có đứng quanh họ để thưởng thức lời ca câu hát của họ. Họ không biết tới ngoại cảnh, đôi bên họ chỉ biết hát với nhau. Mùa xuân gió tuy lạnh nhưng lòng họ đang xuân !

Chỗ này một đám hát, chỗ kia một đám hát ! Bao nhiêu những câu tình tứ nồng nàn, bao nhiêu những lời hứa hẹn ái ân ! Nhiều cuộc trăm năm đã bắt đầu ở nơi đây qua những câu hát đằm thắm yêu đương.

Thường họ đến hội vào lúc quá trưa như trên đã nói và họ bắt đầu hát vào khoảng giờ mùi. Họ hát với nhau cho tới

lúc bóng chiều đổ xuống mới chia tay. Có khi cùng về một đường, họ tiếp tục cuộc hát trên đường về. Khi họ đi theo đường đê, bờ đê cao, giọng hát văng vẳng rất xa, nghe rất du dương. Những lúc chia tay này, bao nhiêu câu hát, đầy luyến ái họ đều đem ra hát với nhau, và lúc này họ không cần phải chọn câu đối cho xứng với câu xướng của bọn hát bạn, họ chỉ cần hát để nói lên sự cảm mến nhau.

Gió xuân miền Bắc lạnh, nhưng họ không thấy lạnh, những câu hát đã khiến cho lòng họ ấm áp.

Họ tiễn đưa nhau đến cổng làng mới chia tay và họ còn hẹn nhau gặp gỡ ở những ngày hội mấy hôm sau. Có những bọn hát với nhau hết xuân này sang xuân khác và nhiều lứa đôi tốt đẹp đã nên duyên nhờ những khúc hát hội Xuân.

*Mời bạn hát tới nhà hát trắng đêm*

Có nhiều bọn quan họ, tuy đã hát ở hội và trên đường về với một bọn quan họ bạn, đến lúc chia tay vẫn còn bịn rịn lưu luyến không muốn mỗi bọn về một nẻo. Họ đề nghị mời nhau về làng họ rồi hát suốt đêm.

Đọc đến đây các bạn sẽ mỉm cười, sao họ say nhau quá vậy ? Thật họ quả có say nhau, vì phần nhiều trai gái quan họ đều là những người mới lớn, chưa lập gia đình. Như vậy gặp nhau, gần nhau, hát tặng nhau toàn những lời ca đầy tình tứ, làm sao họ khỏi say nhau. Say nhau họ không muốn bỏ dở cuộc hát, họ cần hát cho thật thoả, thật đã, như vậy họ mời nhau về làng để hát mua vui một canh có sao !

Có khi bọn trai mời bọn gái, có khi bọn gái mời bọn trai. Thường thì, hai bọn mới gặp nhau đã say nhau lời hát, bọn gái mời bọn trai về làng trước. Tại sao vậy ? Xin thưa : Bọn trai ngủ đêm ở một làng lạ không sao, còn bọn gái trước khi ngủ đêm tại xã nào cần phải được phụ huynh biết trước và cho phép.

Khi một bọn gái mời một bọn trai về làng, họ phải trình phụ huynh và bọn hát bạn này được tiếp ở nhà chị Hai.

Tục lệ quan họ lạ lắm ! Bọn quan họ trai do bọn gái mời tới làng được phụ huynh bọn gái tiếp đãi rất long trọng. Cha mẹ các cô gái tỏ ra rất quý mến những chàng trai. Những chàng trai này được mời lên nhà trên, ngồi một bên, còn các cô gái ngồi mé bên kia, nghĩa là hai bọn ngồi hai gian bên giường thờ. Đôi bên lại tiếp tục hát, trong khi đó người làng các cô gái kéo nhau tới nghe hát và xem mặt liền anh.

Đôi bên sẽ hát với nhau trắng đêm !

Họ hát quên ăn chăng ? Không, bọn quan họ trai được tiếp đãi lịch sự với cơm nước thịnh soạn. Các cô gái đã góp tiền nhau để làm cơm mời liền anh. Lẽ tất nhiên liền anh sơi cơm bên này, liền chị cũng sơi cơm ở mé bên kia, và hai mâm đều có vẻ như hai mâm cỗ Xuân.

Lần này liền chị mời liền anh, một bữa khác, liền anh sẽ xin phép phụ huynh liền chị để mời lại. Trong khi liền anh tới làng liền chị các trai làng không hề tỏ vẻ ghen tuông mà còn có rất nhiều thiện cảm với liền anh là khác.

Không nói chi trai làng, nếu cô gái quan họ có chồng, chồng cô cũng không ghen ; và chính họ cũng không nhận là vợ, e liền anh mất cảm tình, họ chỉ bảo đó là cháu hay là họ hàng gì đó ! Trường hợp này rất ít vì các cô gái đã lập gia đình thường giữ ý không đi hát hội như khi còn son trẻ.

Đã có lần, có một chị Hai có chồng đứng đầu một bọn quan họ nữ. Bọn này mời một bọn quan họ nam tới làng, và chị Hai phải lo việc đăng cai. Chính chồng chị đã thân hành làm cơm để mời liền anh.

Sau bữa cơm, hai bên liền anh và liền chị cùng nhau tiếp tục cuộc hát cho tới tang tảng sáng. Liền anh ra về, liền chị tiễn đưa tới tận cổng làng, và cũng có nhiều anh chị em của liền chị đưa chân theo.

Khi một bọn quan họ nam mời một bọn quan họ nữ tới hát đêm cũng vậy, cũng cơm nước và cũng có người làng tới xem mặt liền chị và cũng tiễn đưa lúc sáng ngày.

Đừng ai có ý nghĩ gì xấu với họ ! Họ tiếp nhau suốt đêm chỉ bằng câu hát, và không có truyện trên bộc trong dâu, hay nói theo Kinh Thi là những trò *trèo tường dòm vách.*

**Hát giải**

Từ trên mới chỉ trình bày về những cuộc hát vui Xuân, ở hội cũng như ở nhà. Hát quan họ có những cuộc thi đua lấy giải rất gay go.

Tại nhiều hội Xuân tại vùng quan họ, ngoài các cuộc vui như đánh đu, đánh cờ… còn có treo giải hát quan họ. Thường có ba giải, và giải thưởng thường gồm trà, pháo, khăn điều, đôi khi có thêm tiền.

Giải quan họ được treo suốt ngày hội để các bọn quan họ các nơi có thì giờ tới dự.

Hát quan họ giải, thường hát ở nhà tả vu, hữu mạc đình làng.

Giải thưởng đặt ở trên một án thư, hai bên là hai chiếc tràng kỷ, dành cho hai bên nam nữ dự giải.

Trên án thư, về mé bên nữ có úp mười chiếc chén và phía bên nam có sáu chiếc. Mỗi khi bên nào thua, bị lấy đi một chiếc chén. Như vậy, muốn thắng, bên nam phải thắng bên nữ mười câu, còn bên nữ chỉ cần thắng bên nam sáu câu là được. Hát được một bọn chưa phải là được, có thể có những bọn khác vào tranh tài. Bọn thắng phải làm sao giữ giải trong suốt thời gian ấn định của hội làng có khi một hai ngày, có khi ba ngày.

Đôi bên hát giải dưới sự trọng tài của một người *cầm trịch.* Người cầm trịch là một người hát giỏi biết nhiều giọng, có thể hát lại được những câu hát sai của bên thua.

Muốn vào dự giải, bọn dự thi phải hát qua đủ năm giọng trên cho người cầm trịch nghe. Không hát đủ năm giọng trên không được dự hát giải.

Hát giải quan họ cần phải hát đối nghĩa là bên hát trước hát một câu bên hát sau phải có một câu đối lại, phải đối cả ý lẫn giọng, sai ý hoặc sai giọng đều không được. Khi đối giọng phải đối đủ những mạch đệm câu như ý a, tình tang tính, hự răng ới hư. Thí dụ :

*Ngồi rằng ngồi tựa có mấy vườn ới ha hạ đào.*

Những mạch đệm câu *có , mấy, ới ha hạ*, cần phải được nhắc lại trong câu hát đối. Thí dụ trên là đối giọng. Dưới là đối ý :

*Ngắm xem duyên số buồn tình,*

*Muốn lên thượng giới tại thiên đình hỏi số xem chơi.*

*Mượn tầu bay thẳng lên trời,*

*Sớ tâu trời bảo có người hạ giới kết duyên.*

*Vội vàng hạ máy xuống liền,*

*Quả nhiên gặp bạn châu trần là đây.*

*Nên chăng định liệu một ngày !*

Câu hát trên ý thiệt mới, và cũng mới có từ hồi Pháp thuộc. Để đối với câu này, mà giới quan họ gọi là câu Tàu bay có câu Tàu ngầm sau đây :

*Ngắm xem duyên số buồn tình,*

*Tàu ngầm vặn lái đăng trình thẳng tới thủy cung.*

*Được vào bệ kiến Vua Rồng,*

*Nhà vua tra sổ phán rằng tốt số nhân duyên.*

*Vội vàng tàu lái về liền,*

*Quả nhiên gặp được bạn hiền nơi đây.*

*Nên chăng định liệu một ngày !*

Khi hai bên dự giải đã hát xong năm câu hát giọng trên và bên nào đã ngồi vào phía bên ấy, người cầm trịch mới gieo âm dương để xem bên nào hát trước.

Nhiều khi bên nam nhường cho bên nữ hát trước không cần bói âm dương.

Trong khi hát thi, dân làng và khách xem hội đứng bu quanh để thưởng thức tài nghệ của đôi bên. Có những trường hợp đôi bên đều hát giỏi, giằng co nhau đến hết hội không bên nào thua, và giải thưởng được chia đôi. Tuy nói là chia đôi, nhưng trên thực tế, thường bên nam nhường giải cho bên nữ.

Để mừng bên thắng cuộc, dân làng đốt bánh pháo. Sau bánh pháo mừng, bọn quan họ thắng giải vào lễ thần tạ ơn trước khi lĩnh giải.

Giải thưởng tuy không đáng là bao, nhưng bọn được giải thực là hãnh diện.

**Kết bạn**

Đặc biệt nhất trong làng quan họ là *tục kết bạn.*

Hai bọn quan họ thuộc hai làng khác nhau, một bọn nam và một bọn nữ, sau khi đã hát với nhau nhiều lần ở nhiều hội xuân và cũng đã mời nhau về để hát đêm nhiều canh, thường kết bạn với nhau.

Kết bạn, nghĩa là đôi bên giao kết chỉ hát với nhau ở hội và không hát với bọn nào khác. Việc kết bạn phải được phụ huynh và hương chức hai làng chấp thuận.

Đôi bên muốn kết bạn với nhau phải trình với phụ huynh và hương chức biết để xin sự đồng ý, nhất là những bọn quan họ nữ, càng cần được sự chấp thuận của dân làng hơn.

Bọn quan họ nam được bọn nữ cho biết hương chức và phụ huynh đã bằng lòng sự kết bạn của họ với bọn nam, và họ mời bọn nam tới ngày hội làng họ, hoặc nếu ngày hội đã qua rồi thì một ngày sóc vọng, tới yết thần ở đình làng. Bọn nam đúng hẹn, cùng nhau mua đồ lễ thường gồm hoa quả, trầu cau, trà rượu, đến làng bọn nữ. Bọn nữ đợi đón họ cùng với dân làng, đưa họ vào đình trình diện với các hương chức. Giới thiệu xong bọn trai lễ yết thần. Có đốt pháo để mừng sự kết bạn của đôi bên. Sau đó đôi bên cùng hát thờ thần.

Kể từ ngày đó, bọn nam được dân làng bọn nữ coi như những người thân của làng xã. Họ quý những chàng trai đó như những rể làng. Mỗi khi làng có công việc gì vui mừng, bọn trai đều được bọn gái mời tới hát để thờ thần và sau đó hát mua vui một vài canh. Lẽ tất nhiên mỗi lần bọn trai tới đều có đồ lễ yết thần, và bọn trai được bọn gái khoản đãi rất thịnh soạn.

Bọn trai đã đến làng bọn gái rồi, một ngày sau bọn gái cũng nhân một ngày lễ thần ở làng bọn trai, tới lễ nơi đây, hát thờ thần và sau đó cùng bọn trai hát một canh để dân làng bọn trai thưởng thức tài nghệ của liền chị. Bọn gái cũng được dân làng bọn trai tiếp đãi quý trọng như những cô dâu làng.

Đôi bên đã kết bạn rồi, khi làng bọn nam có lễ, bọn nam mời bọn gái tới lễ và hát không cứ trong mùa xuân mà bất cứ dịp nào trong năm. Bọn nữ đối với bọn nam cũng vậy.

Và khi đi hội chỉ có hai bên hát với nhau. Bọn trai hát với một bọn gái khác, bọn gái sẽ ghen, và bọn trai cũng sẽ ghen nếu bọn gái kết bạn với mình hát với một bọn trai khác.

Nếu tại một hội nào, vì chờ đợi lâu không thấy bọn kết bạn tới, bọn nam hoặc bọn nữ có bọn khác mời, lỡ đang hát

dở, họ đành phải xin lỗi bọn kia để trở lại hát với bọn kết bạn.

Trai gái quan họ đều biết rõ lệ này, nên khi bọn đang hát xin lỗi vì có bọn kết bạn tới, họ liền vui lòng ngừng hát để trả cho hai bọn kết bạn hát với nhau.

Tục kết bạn quan họ gần giống như việc cưới xin giữa hai bọn hát, nhưng chỉ ở trên phương diện ca hát, vì các cô cậu tuy có kết bạn quan họ nhưng vẫn toàn quyền muốn lập gia đình với ai cũng tùy.

Nếu một người trong bọn quan họ kết bạn lấy vợ hoặc lấy chồng, bọn kết bạn đều có đồ mừng, và trong dịp này đôi bên thường hát với nhau suốt đêm để mừng cô dâu chú rể.

Trong những đám tiệc khao vọng, các bạn quan họ cũng thường được mời tới hát để chúc mừng gia chủ và để mua vui cho dân làng.

Những bọn kết bạn với nhau thường dành cho nhau rất nhiều kỷ niệm. Khi đã lập gia đình không còn đi hát hội nữa, nhắc đến những kỷ niệm cũ là những điều rất thích thú của trai gái đã từng đi hát quan họ. Các bà vợ và các ông chồng không hề bao giờ ghen với các bạn quan họ của chồng hoặc của vợ. Họ đã biết tục lệ, và kết bạn chỉ là kết bạn chứ kết bạn không là hôn nhân.

**Trở lại hội Lim**

Sau khi trình bày xong tục hát quan họ mà làng Cầu Lim tức là Lũng Giang có thể là nơi khởi thủy, chúng tôi xin trở lại hội Lim.

Hội Lim với tục hát quan họ, với nhiều trò vui cổ truyền khác, thường được dân chúng quanh vùng rất ưa thích nên hằng năm vào ngày hội bao giờ cũng rất đông khách kéo tới lễ thần và xem hội. Các cô gái quê, nhân dịp này kéo nhau tới hát hội.

Con gái Bắc Ninh có tiếng là xinh đẹp nhưng duyên dáng hơn lại chính là những cô gái Nội Duệ Cầu Lim, nhan sắc các cô đã khiến những chàng trai quanh vùng không quên nổi, và hàng năm cứ chờ tới hội Lim để mong gặp gỡ :

*Hôm nay là buổi hội Lim,*

*Nhớ em nên phải đi tìm em đây.*

*Nhất niên, nhất lệ một ngày,*

*Đôi ta tỏ nỗi niềm tây tự tình.*

Chàng trai thổ lộ chân tình, cô gái cũng không dấu lòng mình :

*Em xin Trời Phật chứng minh,*

*Lòng em vẫn ước ao tình hôm nay.*

*Trầu ăn ta lại càng say,*

*Càng say nhớ buổi hôm nay càng nhiều.*

Ấy những người trai gái vùng quê họ thương yêu nhau chỉ tỏ tình qua mấy câu hát, và mai sau duyên nợ nên vợ nên chồng đó là số trời. Họ không sàm sỡ không lần khân. Bản chất của họ ngây thơ như thế đấy !

Bởi vậy cho nên những năm về sau trước thời kỳ đệ nhị thế chiến, báo Hà Nội, nhất là báo Phong Hoa đề cao, nói nhiều tới nhan sắc của các cô gái Lim, các chàng trai Hà Nội rủ nhau về đồi Lim đông như kiến, chỉ cốt đi tìm các cô gái Lim để chòng hoa ghẹo nguyệt với những cử chỉ sỗ sàng, thiếu giáo dục. Từ ngày đó hội Lim, ban ngày bói cũng không ra bóng một cô thôn nữ yếm thắm giải lụa mỡ gà ! Nói như vậy, không phải là các cô bỏ hội Lim. Các cô vẫn đi hội Lim, và chỉ tới đồi Lim vào lúc chạng vạng tối nghĩa là sau khi chuyến xe lửa Lạng Sơn về Hà Nội đã rời bánh khỏi ga Lim, mang theo tất cả khách Hà Nội đã đi hội Lim buổi sớm.

Lúc ấy các cô thôn nữ mới từ các ngả đường tới. Họ lại lễ Phật, lễ Thần, họ lại vào kể hạnh hoặc lại tìm bạn để hát cùng nhau mấy câu. Phong vị hội Lim lại bắt đầu.

---

1 Có người quê ở tổng Nội Duệ nói kín với chúng tôi : Chính ra không phải là *Hát quan họ*, phải gọi là *Hát quan Hoạn* mới đúng, vì đây là giọng hát do Hiếu trung hầu, một quan Hoạn đặt ra.

# HỘI BẠCH HẠC

Với các cổ tục :

- Cướp cầu
- Thi thuyền trên sông Lô
- Cờ bỏi
- Cờ người

Làng Bạch Hạc, tổng Nghĩa Yên, huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên hàng năm mở hai kỳ hội Xuân, kỳ đầu từ mồng 3 đến hết mồng 5 tháng Giêng, kỳ sau từ mồng I0 đến I3 tháng ba.

**Làng Bạch Hạc**

Bạch Hạc chính là Phong Châu, Kinh đô nước Văn Lang đời Hùng Vương.

*Hùng Vương đô ở Phong Châu,*

*Ấy nơi Bạch Hạc, hợp dòng Thao Giang.*

*Đặt tên là nước Văn Lang,*

*Chia mười lăm bộ bản chương cũng liền.*

*(Đại Nam quốc sử diễn ca)*

Bạch Hạc nằm bên tả ngạn sông Lô, theo danh từ địa phương còn gọi là sông Thao, trông sang thành phố Việt Trì. Muốn tới Bạch Hạc, du khách hoặc dùng xe lửa, đường Hà Nội đi Lao Kay, đến ga Bạch Hạc, cách Hà Nội chừng bảy chục cây số, xe lửa sẽ ngừng nơi đây trước khi đi qua cầu sông Lô để sang Việt Trì, hoặc du khách có thể đi theo đường bộ, quốc lộ số 2 đường Hà Nội đi Tuyên Quang, Hà Giang, thẳng tới Bạch Hạc, quốc lộ số 2 cũng đi qua cầu Việt Trì trên sông Lô như thiết lộ.

**Thần tích**

Đình làng Bạch Hạc trông thẳng ra sông Lô, trên một khu đất cao vừa trang nghiêm vừa thanh tịnh. Nơi đây thờ Thổ Lệnh đại vương, một vị thiên tướng đã xuất hiện xuống đất Phong Châu vào đời nhà Đường.

Thần tích ghi rằng về đời Đường khi Lý-thường-Minh làm Thứ sử Giao-Châu, một hôm nhàn du đến đây ngắm phong cảnh, nằm mộng thấy từ trên trời bay xuống hai thiên tướng. Hai thiên tướng này là hai anh em ruột. Lý-thường-Minh mời hai vị thi tài, ai hơn sẽ ở lại hưởng hương khói của dân làng Bạch-Hạc. Đức Thổ lệnh đại vương là anh, bước một bước qua sông, và một bước nữa thì lui về chỗ cũ. Ngài bước mạnh đến nỗi in hằn vết chân lên một tảng đá, nơi đây khi hằng năm trong kỳ hội tháng Ba có cuộc đua thuyền, thuyền bắt đầu khởi hành.

Theo lời dân chúng, ở bên kia sông cũng có một vết chân như vậy, nhưng vì lâu năm bị đất phù sa che lấp đi. Tảng đá về mé sông Bạch Hạc, dân làng còn ghi được và cất giữ ở đình làng. Vết chân dài một thước, rộng năm tấc.

Em đức Thổ lệnh đại vương là đức Thạch Khanh đại vương được dân làng Thọ-Sơn, huyện Hạc-Trì tỉnh Phú-Thọ thờ phụng.

Do sự liên hệ huynh đệ giữa hai vị thần linh, dân hai làng Bạch-Hạc và Thọ-Sơn có tục giao hiếu với nhau trong những kỳ tế lễ hội hè của hai làng.

**Những cổ tục**

Hội Bạch Hạc với hai kỳ tháng Giêng và tháng Ba mỗi năm, nhiều cổ tục được nhắc lại, nhưng đáng chú ý nhất, ở đây có cuộc *thi thuyền trên sông Lô* và tục *cướp cầu.* Còn những tục khác như chơi *cờ bỏi, tế lễ* thì cũng không khác gì ở những hội Xuân, hội Thu khác miền Bắc.

*Cướp cầu*

Tục cướp cầu diễn ra trong thời kỳ hội mồng Ba tháng Giêng. Đây là một thú vui đặc biệt của dân làng và hàng năm trong ngày hội, dân chúng các xã lân cận đã kéo nhau tới đây rất đông để xem và đôi khi cũng tham dự cuộc cướp cầu.

Mỗi năm dân làng cử một người may *bộ cầu* để tung cho dân làng cướp trong dịp hội. Được cử may bộ cầu là một điều vinh dự trong dân xã, thường là hương chức trong làng. Bộ cầu gồm một *quả cầu mẹ* và *tám quả cầu con* [1] . Mỗi quả cầu gồm một nắm bông bọc trong vải ngũ sắc có thêu chỉ mầu sặc sỡ. Một sợi chỉ được đính vào quả cầu, một đầu chỉ buộc vào một ngành tre. Mỗi quả cầu đều có dải buông thõng, dài hoặc khâu bằng lụa mầu, hoặc kết bằng chỉ sặc sỡ.

Sáng ngày mồng Ba Tết, dân làng tới nhà vị Hương chức được chỉ định may cầu để rước bộ cầu ra đình. Đám rước long trọng có cụ Tiên chỉ trong làng cầm hương, các nam nữ thanh niên đi theo, có phường bát âm cử nhạc điểm theo tiếng chiêng trống rất oai nghiêm. *Chín mẹ con quả cầu* bầy trên long đình do bốn thanh niên khiêng.

Rước tới đình, cả bộ cầu được kính cẩn đặt lên bàn thờ thay cho bộ cầu năm trước. Kế đó là lễ *tế cầu.* Tế cầu xong là cuộc *tung cầu* để dân làng và cả dân thiên hạ cùng chen nhau cướp.

Cầu tung từng ba quả một, mỗi lần tung đều do một vị hương chức hoặc một vị bô lão đảm nhiệm.

Đầu tiên là ông Tiên Chỉ, thời Pháp thuộc khi không có ông Tiên chỉ, do ông niên trưởng trong làng, tung quả *cầu Mẹ* và hai quả *cầu Con*. Vị này trước hết phải đọc một bài văn chúc, đại khái ca tụng phong cảnh của làng, dân phong và nhất là sự linh thiêng của Đức Thành Hoàng đã che chở cho dân được thịnh vượng, làng xã được bình yên. Sau bài văn chúc ba cành tre được giơ cao theo nhịp trống thờ. Khi

tiếng trống dứt, dân làng hò reo ầm ĩ. Dứt hồi hò reo, vị Tiên Chỉ lại đọc một bài văn chúc thứ hai cầu cho dân chúng trong xã được mọi sự tốt lành. Tiếp theo bài văn chúc thứ hai lại là một hồi trống và một loạt hò reo ầm ĩ.

Sau đó vị Tiên chỉ hoặc niên trưởng tháo ba quả cầu buộc ở ngành tre ra, buộc lại với nhau làm một rồi tung lên để dân chúng xô nhau cướp. Bộ ba quả cầu không kịp rớt xuống đất đã có người đỡ, nhưng liền đó, người đỡ được bộ ba quả cầu lại bị người khác chen đẩy giằng mất. Họ xô lấn nhau, họ chen chúc nhau, họ cười, họ nói, họ gọi nhau ơi ới, người này ngã, người kia reo, cho đến khi một người nắm chặt được bộ cầu, sự ồ ạt mới ngừng.

Sáu quả cầu sau do hai vị chức sắc hoặc bô lão khác mỗi người tung ba quả, nhưng lần này, không còn hai bài văn chúc, chỉ có trống đánh nhịp và mọi người hò reo.

Mọi người lại xô đẩy chen lấn nhau như lần thứ nhất. Họ tin rằng cướp được cầu sẽ gặp may mắn. Họ tranh giành nhau rất hăng hái, đàn ông, đàn bà, thanh niên nam nữ đều dự cuộc, không phân biệt người thân kẻ lạ, người gần kẻ xa, người sang kẻ hèn.

Cướp được cầu, dù một quả hay cả bộ ba quả, có thể đem về nhà làm kỷ niệm, hoặc để thờ tại đình. Thường thường dân làng Bạch Hạc, cướp được cầu, họ vẫn mang tới đình để thờ cho tới năm sau.

Tục cướp cầu, tuy chỉ là một cổ tục cử hành hàng năm theo nghi thức cổ truyền, nhưng đây chính là một cổ tục đề cao tinh thần thượng võ, chứng tỏ người dân Việt Nam luôn sẵn sàng đấu tranh, và ở đây đã biểu lộ cả cái tinh thần bất khuất nó đã khiến dân tộc Việt Nam được tự chủ với bốn nghìn năm lịch sử, mặc ông láng giềng khổng lồ Trung Hoa luôn luôn muốn thôn tính nước ta.

*Thi thuyền trên Sông Lô*

Cuộc thi thuyền hàng năm làng Bạch Hạc tổ chức vào ngày giã đám trong kỳ hội từ mồng Mười đến Mười Ba tháng Ba, tổ chức ngay trên dòng sông Lô để dân xã và khách trẩy hội từ thập phương tới có thể đứng hai bên bờ sông dự xem.

Làng có bốn giáp : Bộ Đầu, Tiểu Hạc, Đông Nam và Thần Chúc. Mỗi giáp có một chiếc trải dài bằng gỗ chò [2] , dài hơn hai chục thước, rộng chừng thước rưỡi, đóng bằng nguyên cả cây gỗ theo chiều dài. Chiếc trải có năm chục bơi chèo ở hai bên ; đầu trải uốn thành đầu rồng và đuôi trải cũng lượn khúc như đuôi rồng.

Để dự cuộc bơi trải các giáp đều kén những dân đinh khỏe mạnh sung vào những tay bơi, mỗi giáp năm chục người cho chiếc trải, nhưng giáp nào cũng kén dư một số người dự khuyết. Ngoài những tay bơi, mỗi giáp còn phải kén ba người, ba người này thường là các bậc đàn anh trong giáp, một người đứng đầu thuyền cầm cờ hiệu, một người đứng giữa gõ một chiếc trống khẩu để giữ nhịp cho những tay chèo, và ở cuối thuyền, một người ngồi cầm lái [3] . Mỗi bên mạn thuyền là hai mươi lăm tay chèo, đây là những tay trai lực lưỡng đã được hàng giáp lựa chọn, và đã có luyện tập cùng ba vị đàn anh điều khiển chiếc trải. Trong lúc bơi, họ vừa chèo vừa hò reo.

Người đứng đầu thuyền cầm cờ hiệu, và đồng thời cầm chịch cho chiếc thuyền bơi. Người này trước hết phải luôn luôn đứng cho cân, tự giữ lấy thăng bằng, đừng vì mình mà thuyền thiên lệch, gây khó khăn cho các tay bơi. Đứng trên thuyền cho vững, mặc con thuyền lao đi vun vút trên mặt nước theo đà các tay chèo, trong khi đó lại phải cầm trịch cho chiếc trải, dùng cờ hiệu phất cho chiếc trải hoặc đi thẳng, hoặc tiến trái, hoặc tiến phải, hoặc vòng theo một độ nào để quay đầu trở lại, quả không phải là một việc dễ dàng. Chỉ cần một chút sơ ý có thể ngã lao xuống nước trong khi chiếc trải vẫn vun vút bơi đi.

Người cầm trống khẩu đứng giữa thuyền cũng phải giữ mình cho cân, cho khỏi ngã như người cầm trịch. Và tiếng trống phải sao cho đều để khỏi lạc tay chèo những người đang bơi.

Người cầm lái đứng ở cuối, cầm cả vận mệnh của chiếc trải trong tay, trải đi nhanh hay chậm là do nhiệm vụ người cầm lái. Phải giữ lái cho trải đi thẳng, phải lựa tránh những chiếc trải khác mà vẫn vượt lên đầu. Lại còn lúc quay, khi lượn, phải lựa cho thuyền theo lái. Với từng ấy khó khăn, người cầm lái lại phải đứng cho vững, cho cân trên cuối thuyền, nếu vô ý ngã xuống sông, chiếc trải không lái sẽ bơi ngang bơi ngửa…

Người cầm lái phải luôn luôn để ý tới người cầm trịch, theo hiệu của người cầm trịch lái chiếc trải.

Năm chục tay chèo, đã ngồi xuống chiếc trải, phải chú ý hết đến việc bơi, tai phải nghe tiếng trống, tay phải bơi cho đều đều, đừng sai nhịp với bạn cùng bơi. Một tay chèo bơi sai nhịp, có thể gây rối loạn cho ba bốn tay chèo khác, có khi cho cả một mé chiếc trải.

Thật là khó khăn ! Do đó phải có sự luyện tập hàng tháng trước.

Lúc xuống bơi trải, các tay chèo đều mình trần trùng trục mỗi người chỉ vận một chiếc khố, mỗi bọn một mầu khố đều nhau, trông thật đẹp, nhất là khi hàng đoàn nọ dắt nhau xuống từng chiếc trải trước cuộc bơi, trông họ với thân hình nở nang, bắp tay rắn chắc, có thể ví họ như những bức tượng đồng lực sĩ.

Lúc cuộc thi bắt đầu, bốn chiếc trải xếp hàng đều nhau ở ngay trước cửa đình làng. Thật là một cảnh nhộn nhịp cho người xem và cả cho người dự cuộc. Dân giáp nào cũng hồi hộp như chính những tay bơi.

Trên chiếc trải, ngoài những tay chèo mình trần đóng khố, ba người đàn anh cầm trịch, đánh trống và giữ bánh lái, người nào cũng khăn đóng áo dài, thắt lưng đỏ buộc múi sang bên, trông có vẻ ung dung bình tĩnh và rất tự tin.

Các chiếc trải khởi hành ở trước cửa đình làng và bơi cho tới ngã ba sông nhánh chảy vào sông Lô. Theo lời truyền tụng đây là dân làng diễn lại tích đức Thổ Lệnh đại vương, tiễn đức Tản Viên khi xưa, lúc đức Tản Viên tới thăm ngài ra về.

Chiếc trải về tới đình trước nhất sẽ được giải thưởng và làng đốt mừng bánh pháo.

Dân làng Bạch Hạc giải thích cuộc bơi trải căn cứ trên một sự tích huyền bí : Đức Thổ Lệnh tiễn đưa đức Tản Viên, nhưng trên thực tế, dân ta cần luôn luôn tập luyện cho quen sông nước, và đã hơn một lần chúng ta thắng giặc trên mặt sông ! Bạch Đằng Giang còn đó, Chương Dương độ còn kia, và cả trận sông Lô năm I947, khi đó toàn dân kháng chiến đã khiến gần ba nghìn quân Pháp vong thân trôi theo giòng nước !

*Cờ bỏi*

Xin xem quyển thượng, Hội Chùa Thầy, trang I89.

*Cờ người*

Gặp những năm dân làng làm ăn thịnh vượng, mùa màng được, nhân dịp hội tháng Ba, dân làng tổ chức cờ người thay cho cờ bỏi, cờ người cũng chơi như cờ bỏi chỉ khác quân cờ thay vì những biển cờ có khắc chữ, là những nam nữ thanh niên mặc quần áo có thêu chữ mang tên những quân cờ, chữ thêu ở trước ngực và ở sau lưng người đóng quân cờ. Cũng có nơi, quân cờ mặc quần áo như thường, nhưng có thêm chiếc biển khắc hoặc viết chữ theo bộ cờ, như vậy mỗi nước đi, nếu quân cờ di chuyển phải mang

theo chiếc biển của mình. Tại mỗi vị trí của bàn cờ đều có một chiếc ghế để quân cờ ngồi.

Tại những xã lớn thịnh đạt, những nam nữ đóng quân cờ còn mang theo khí giới, và khi quân bên nọ ăn quân bên kia, quân cờ ăn sẽ múa một thế võ như hạ quân cờ bị ăn, y như trong một màn hát bội.

°

Trên đây là mấy cổ tục đặc biệt diễn ra hàng năm tại xã Bạch Hạc trong những ngày hội. Ngoài những cổ tục trên, hội còn nhiều trò vui khác như tổ tôm điếm, đáo đĩa v.v… đã nhắc tới hoặc sẽ nhắc ở những bài khác, nên ở đây không đề cập đến.

---

1 Xem Phong lưu đồng ruộng của soạn giả.

Theo các cụ kể lại, gỗ Chò là một thứ gỗ quý thường được vua Thủy Tề đang nước lên rừng lấy. Năm nào bị lụt nước dâng cao, các cụ cho là
2 vua Thủy Tề lấy gỗ Chò. Gỗ Chò trôi ở dòng sông mà không ai vớt được. Đôi khi, vua Thủy Tề dành cho làng nào cây gỗ để làm cột đình, cây gỗ sẽ tạt vào làng ấy.

Tôi đã được đích mắt dự một cuộc thi này vào đầu năm I940. Những tài liệu nhắc lại ở đây một cách chính xác chúng tôi căn cứ theo cuốn
3 Monographie de Vinh Yen của ông Từ Bộ Thực nguyên Chánh án tòa án Đệ nhị cấp Vĩnh-Yên. Sách này đánh máy trước đây lưu trữ tại tòa xứ Vĩnh-Yên và Thư viện Q.G Hà-Nội.

# HỘI TỰ NHIÊN CHÂU XÃ

Với đám rước bảy kiệu

Với các cổ tục :

- Cờ bỏi
- Tổ tôm điếm
- Hát chèo
- Đấu roi

Làng Tự Nhiên tục gọi là làng Gòi thuộc phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông nằm trên một bãi đất bồi của sông Hồng Hà, ở phía ngoại đê, cách Hà Nội trên hai mươi cây số về phía Nam. Khi nhắc tới làng mình, dân làng Gòi thường dùng bốn tiếng *Tự Nhiên Châu Xã* như ý muốn nhắc nhở tới sự liên quan của làng, với câu chuyện thần thoại Chử đồng Tử.

Chử đồng Tử là một trong bốn vị được coi là bất tử của Việt Nam [1] và là vị Thành Hoàng của Tự Nhiên Châu Xã.

Xã này có hai thôn trên cạn, thôn Thượng, thôn Hạ và một thôn Thuỷ Cơ, dân chúng thôn này sống thành một xóm chài trên mặt sông Hồng Hà, và lấy nghề đánh cá làm nghề độ nhật, mang danh thôn Thuỷ Tộc. Cả ba thôn, mỗi thôn đều có một ngôi đình, đình hai thôn Thượng, Hạ, từ xưa vẫn xây trên bãi đất làng, còn đình thôn Thuỷ Tộc trước đây cất trên một chiếc bè lớn, về sau cũng xây trên đất làng, ở ngay ven sông, trên bờ, nơi trông xuống thuyền bè của dân thôn.

Hằng năm Tự Nhiên Châu Xã mở hội vào ngày mồng Một tháng Tư âm lịch với sự tham dự của cả ba thôn.

**Thần tích**

Trước khi nói tới hội làng, xin nói lại sơ qua sự tích Chử đồng Tử mà chúng tôi tin rằng bạn đọc ít nhiều cũng đã biết. Sự tích này chúng tôi xin nhắc lại theo truyện *Đầm nhất dạ* trong Lĩnh Nam Chích quái cùng với tài liệu ghi trong *Nam Hải dị nhân* của Phan kế Bính. [2]

Vua Hùng Vương thứ ba có một người con gái nhan sắc rất xinh đẹp. Tuy đã I8 tuổi nhưng Công chúa không muốn lấy chồng, chỉ thích ngao du đây đó, chơi thăm các núi sông xem phong cảnh. Vua chiều con mặc ý Công chúa muốn đi đâu cũng không cấm. Mỗi năm khoảng tháng Hai, tháng Ba, Công chúa sửa soạn thuyền bè đi chơi theo sông biển, thường vui chơi quên cả ngày về.

Thời ấy ở làng Chử Xá, có một người họ Chử, nhà rất nghèo là Chử vị Vân [3] . Vị Vân sinh được một người con trai tên là Chử Đồng Tử. Hai cha con đều tính nết hiền lành. Đã nghèo, chẳng may họ Chử lại gặp nạn cháy nhà, của cải hết sạch, hai cha con chỉ còn một chiếc khố vải, thay đổi nhau, ai đi đâu thì đóng.

Đến khi bị bệnh gần chết, cha bảo con : « Ta chết đi, con cử tang trần, còn cái khố để đấy mà dung ».

Cha chết con không nỡ chôn bố trần truồng, lấy khố quàng cho cha. Từ đó, Chử đồng Tử không quần áo, chịu lạnh đói, ngày ngày câu cá, thấy thuyền buôm qua lại, đứng nửa mình dưới nước xin ăn.

Một hôm Tiên Dung đi chơi đến làng Chử Xá, thuyền bơi với tiếng chiêng trống đàn sáo, cờ tàn rợp đất, lính tráng rất đông. Đồng Tử sợ hãi ẩn vào trong đám lau sậy, đào cát lên, nép mình xuống dưới, rồi lại lấy cát trùm lên trên.

Thuyền bơi tới đó Tiên Dung ngắm phong cảnh vừa ý, liền ghé thuyền lên bãi cát đứng xem. Thấy đám lau sậy, nàng truyền quân lính quây màn xung quanh để tắm. Nàng dội nước, cát trôi đi, trơ ra thân hình Chử đồng Tử trần truồng.

Nàng liền hỏi nguyên do, Đồng Tử nói rõ hết đầu đuôi hoàn cảnh của mình.

Nghe qua câu chuyện, Tiên Dung bảo Đồng Tử : « Ta nguyên không muốn lấy chồng, nay cơ sự đã thế này, âu là lẽ tự nhiên tác hợp ».

Đồng Tử từ chối, Tiên Dung nói : « Tự nhiên xui khiến nên có sự này, tại sao lại từ chối ? »

Nàng bảo Đồng Tử tắm táp, đưa cho quần áo, rồi đem xuống thuyền ăn uống vui vẻ.

Những người theo hầu Tiên Dung về tâu với vua Hùng Vương, nhà vua nổi giận phán : « Tiên Dung không biết trọng danh tiết, không tiếc tiền của của ta, chơi bời đường xá, lại lấy kẻ nghèo hèn, còn mặt mũi nào mà nhìn đến ta. Từ nay mặc nó, không cho trở về cung điện nữa ».

Tiên Dung được tin, sợ hãi không dám về, mới cùng Đồng Tử lập ra phố xá buôn bán, nơi này ngày càng phồn thịnh trở thành chợ lớn, nay là chợ Hà Loã thuộc tỉnh Hưng Yên. Người ngoại quốc qua lại buôn bán đối xử với vợ chồng Tiên Dung kính cẩn như chủ vậy.

Một hôm, có một người lái buôn đến mách với Tiên Dung : « Nếu quý nhân bỏ ra một trăm cây vàng, cho người đi với tôi ra ngoài biển buôn những đồ quý, sang năm tất được lãi gấp mười ».

Tiên Dung mừng rỡ bảo chồng : « Vợ chồng ta do cơ trời khiến định, ăn mặc là của trời cho, chàng nên đem vàng ra biển mà buôn ».

Chử đồng Tử đem vàng theo lái buôn ra biển. Khi đến núi Quỳnh Lãng, trông lên núi có một am nhỏ, liền trèo lên xem phong cảnh. Trong am có một nhà sư còn trẻ, nhà sư Phật Quang ; thấy Đồng Tử có cốt cách bèn truyền giáo lý cho. Được truyền thụ giáo lý, Đồng Tử trao vàng cho lái buôn, còn mình ở lại núi Quỳnh Lãng học đạo. Được hơn một

năm, Đồng Tử trở về, Phật Quang tặng cho một cái gậy, một cái nón và dặn rằng : « Phép linh thông ở cả cái gậy và cái nón này ! »

Đồng Tử trở về nói hết mọi sự cho Tiên Dung nghe và đem cả giáo lý đạo Phật dạy cho nàng. Tiên Dung giác ngộ bỏ nghề buôn bán cùng chồng đi học đạo.

Một hôm hai vợ chồng bỗng gặp trời tối ở một nơi không có dân cư, do đó không có nhà trọ. Hai vợ chồng mới tạm chống gậy, che cái nón ở dọc đường để nghỉ. Canh ba đêm ấy, bỗng hiện ra thành quách, lầu ngọc điện châu, kho tàng dinh phủ, vàng bạc châu báu, giường chiếu, trướng màn đủ cả, lại có thêm tiên đồng, ngọc nữ tướng sĩ, thị vệ hầu hạ chung quanh.

Sáng ngày ra, ai ai trông thấy cũng lạ lùng sợ hãi, tranh nhau mang hương hoa ngọc thực đến dâng. Thành quách hiện ra lại có cả văn võ bá quan, có quân canh giữ các cửa thành tựa hồ như một nước.

Vua Hùng Vương hay tin cho là con gái mình làm loạn, phái quan binh tới đánh. Khi quan binh tới, quần thần xin chia quân ra chống cự. Tiên Dung cười bảo : « Con không lẽ chống lại cha. Việc này tự nhiên mà có. Ta chỉ thuận theo lẽ phải, mặc ý cha ta giết cũng cam tâm ».

Khi quan quân đến, đóng ở bãi Tự Nhiên bên này sông, bãi này ngày nay là Tự Nhiên Châu Xã, bởi cách sông trời lại sập tối nên chưa kịp tiến binh. Chừng đến nửa đêm, bỗng nhiên trời nổi gió, cát bay cây đổ, rồi thì cả khu của bà Tiên Dung, nhà cửa, thành quách, người vật đều bay cả lên trời, chỉ còn chỗ đặt sập xuống thành một cái đầm lớn, đầm này được gọi là Nhất dạ Trạch nghĩa là đầm một đêm. Sáng ngày, dân gian thấy sự linh dị bèn lập miếu thờ hàng năm có tế lễ. Đầm Nhất dạ ngày nay thuộc phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đối diện với phủ Thường Tín ở bên này sông Hồng Hà. Trước đây Khoái Châu được gọi là Man Chù

Châu hoặc còn gọi là Tự Nhiên châu. Và ở đây có chợ Hà Loã, dân quê quen gọi là chợ Sông Truồng, nơi Tiên Dung gặp Chử đồng Tử.

Câu chuyện Chử đồng Tử trên đây là hết, cả hai vai chính đều đã bay về trời ! Nhưng sách còn chép :

Sau này đến đời Lý Nam Đế, quân nhà Lương sang xâm chiếm nước ta dưới quyền chỉ huy của tướng Trần bá Tiên. Vua Lý Nam Đế sai Triệu quang Phục mang binh chống cự. Quang Phục mai phục quân ở trong đầm Nhất dạ. Đầm sâu rộng, bùn lầy rất khó tiến lui, duy Triệu quang Phục dùng thuyền độc mộc qua lại thuận tiện, thường nhân đêm tối, đột xuất đánh phá quân giặc và cướp lương thực, đồng thời tiêu hao lực lượng của chúng. Ba bốn năm trường, Trần bá Tiên không đánh nổi quân ta. Hắn đã than rằng : « Đời xưa gọi là Đầm Nhất Dạ thăng thiên, ngày nay là cái Đầm Nhất Dạ đạo kiếp ».

Gặp lúc đó bên Trung Hoa có loạn Hầu Cảnh, vua Lương triệu Bá Tiên về và giao quyền cho tì tướng Dương Sầm tiếp tục thống lĩnh quân Lương giao tranh với Triệu quang Phục.

Triệu quang Phục trai giới ở trong đầm đốt hương cầu đảo để xin thần nhân giúp sức phá giặc. Thoát thấy thần nhân cưỡi rồng giáng xuống giữa đầm bảo rằng : « Ta tuy lên Trời nhưng linh dị còn ở đây, ngươi có lòng thành cầu khẩn, ta đến giúp để bình loạn tặc ».

Nói đoạn thần nhân nhổ một cái vuốt rồng trao cho bảo giắt vào đầu mâu sẽ thắng được giặc. Sau đó rồng bay lên trời.

Quang Phục theo lời thần nhân, giắt vuốt rồng vào đầu mâu [4] , đem quân ra trận, vây đánh chém được Dương Sầm, phá tan quân Lương.

Khi vua Lý Nam Đế mất, Triệu quang Phục tự làm vua là Triệu Việt Vương, đóng đô ở núi Trâu Sơn quận Vũ Ninh,

thuộc tỉnh Bắc Ninh ngày nay.

Theo Lĩnh Nam Chích quái cũng như Nam Hải dị nhân, truyện Chử Đồng Tử đến đây là hết, nhưng theo thần tích làng Đa Hoà, tổng Mễ Sở, phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, cũng như thần tích Tự Nhiên Châu Xã, tổng Chương Dương, phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông, câu chuyện còn thêm đoạn sau :

Một hôm Đồng Tử và Tiên Dung đi xem địa thế huyện Đông An, đến địa đầu làng Ông Đình, bỗng nhiên gặp một người con gái nhan sắc độ I6, I7 tuổi đủng đỉnh chơi ở trước chùa Cổ Kính, Tiên Dung trông thấy người ấy phảng phất như tiên nữ chốn Quỳnh Dao, bèn trỏ mà bảo rằng : « Chàng có muốn lấy nàng kia làm thứ thất không ? »

Đồng Tử mỉm cười, Tiên Dung biết ý, một mình đi đến trước người con gái mà hỏi : « Nàng phải chăng là phàm hay tiên, gái phong tình chăng ? Lang quân ta tư chất cao, tài bộ thông minh, nàng làm thiếp người đó xứng đáng lắm. Ta tuy là một nàng Công chúa nhà vua nhưng không có thói ghen tuông, không tính kiêu căng, được nàng kết làm chị em chẳng cũng vui lắm sao ? »

Người con gái trả lời : « Không đâu nàng, ta là Tiên Nữ Tây Cung. Vợ chồng nàng cũng đã học thành tiên, nay không hẹn mà gặp nhau ở đây là tại Trời hay tại người ? »

Tiên Dung nói : « Tại Trời, nhưng mưu sự ở người mà thành sự tại Trời ».

Hai người kết làm chị em mới đến trước nơi Đồng Tử ngồi mà thi lễ cùng nhau yến tiệc vui vẻ.

Đương lúc bấy giờ ở làng Ông Đình có năm sáu xác chết sắp đem chôn, Đồng Tử bảo Tiên Dung và Tây Cung rằng : « Ta học được phép tiên, có thể cải tử hoàn sinh. Nay trông thấy người ta chết, ta đến đó cứu họ sống lại, các người chịu theo ta chăng ? »

Tây Cung nói : « Cứu người là việc phúc lớn, chúng tôi sao chẳng theo ».

Đồng Tử tay cầm gậy trúc, miệng đọc thần chú, lấy gậy chỉ vào cái xác chết, quả nhiên cái xác sống lại, ngồi ngay ngắn, nói năng ăn uống như thường. Ai nấy vui mừng khôn xiết đều cúi đầu lạy tạ, rồi rước Đồng Tử, Tiên Dung, cùng Tây Cung ba vị về nhà làm lễ tạ. Mọi người lại nói, trong làng họ có ngoài trăm người bất hạnh bị bệnh ôn dịch.

Đồng Tử nói : « Để họ chết đi rồi ta cứu cũng được ».

Tây Cung nói : « Lang quân cứu được người đã chết, không cứu được bệnh người ta sắp chết. Thiếp có thuật cứu được bệnh trăm vạn người ».

Đồng Tử và Tiên Dung yêu cầu cho biết thuật đó. Tây Cung bèn lấy giấy trắng viết một chữ son đỏ, đốt đi, hòa tan tro giấy vào nước trong cho bệnh nhân uống, ai cũng khỏi bệnh cả, cứu được vài trăm người làng Ông Đình. Người già người trẻ làng ấy đều đến lạy tạ mà xin làm thần tử…

Được phong và thờ ở đền Đa Hòa và Ông Đình [5] :

*Chử Đồng Tử Thượng Đẳng Đại Vương chí thánh tôn thần.*

*Tiên Dung Công Chúa Thượng Đẳng Thiên tiên tôn thần.*

*Nội Trạch Tây Cung Công Chúa huyền diệu tôn thần.*

Từ đó về sau sinh hóa làm Thánh hay Tiên mãi mãi, kể là vị thứ hai trong bốn Bất Tử (Tản Viên, Chử Đồng Tử, Phù Đổng, Liễu Hạnh) của nước Việt ta. Trải qua các triều Đinh, Lý, Trần, Lê có phù hộ cho nước, cứu dân độ thế rất linh ứng, nên đời vua nào cũng phong tên đẹp, hàng năm Quốc Tế hai kỳ xuân thu mãi mãi vô cùng.

« Kiêng kỵ sáu chữ Đồng Tử, Tiên Dung, Tây Cung và cấm mặc hai sắc vàng đỏ… Đền chính Dạ Trạch ở làng Đa Hòa, tổng Mễ Sở, huyện Đông An [6] tám xã thờ chung ». *(Theo bản thần tích xã Đa Hòa) (Ngọc Phả Chử Đồng Tử, Tiên*

*Dung và Tây Cung thuộc triều Hùng Vương – chép theo chính bản của bộ Lễ triều Nguyễn)* [7]

Thần tích trên có ghi tại xã Đa Hòa cũng như nhiều xã khác, trong đó có Tự Nhiên Châu Xã.

**Tục lệ ngày hội**

Hội làng Tự Nhiên nhắc lại cho dân chúng nhớ tới thần tích trên, và trong khi mở hội, ngoài những việc tế lễ tất nhiên có những cổ tục riêng của dân làng.

*Đám rước bảy kiệu*

Đã có đình đám tất nhiên có rước xách, nhưng đặc biệt đám rước nước của Tự Nhiên Châu Xã cử hành ngày mồng một tháng Tư rất long trọng và nhộn nhịp hơn những đám rước các xã lân cận với bảy long kiệu của đình Thượng ba kiệu, đình Hạ ba kiệu và đình Thủy tộc một kiệu.

Thôn Thượng và thôn Hạ, sở dĩ mỗi thôn có ba cỗ long kiệu vì ở những nơi đây dành cho ba vị linh thần Chử Đồng Tử và hai vị phu nhân, mỗi người một Long kiệu, riêng thôn Thủy tộc cũng thờ cả ba vị, nhưng họ rước trên một Long kiệu với bài vị chung.

Đám rước bắt đầu từ đình thôn Thượng, đúng theo nghi trượng cổ truyền với một nghi vệ trọng thể đầy đủ các tự khí với trống chiêng, cờ quạt, tàn lọng và bát âm nhã nhạc. Lúc bắt đầu, đám rước chỉ cử hành với dân thôn Thượng với ba cỗ kiệu của thôn này. Đám rước đi từ đình thôn Thượng tới đình thôn Hạ thì tạm ngừng để chờ dân thôn này cũng rước ba cỗ kiệu với các tự khí như thôn Thượng.

Rồi đám rước tiếp tục, thôn Thượng đi trước, thôn Hạ đi sau, tiến thẳng nẻo sông Hồng Hà. Khi tới ngã ba đường, nơi đường làng Tự Nhiên gặp con đường đi đến bên sông thì ở đây dân thôn Thủy Tộc đã sẵn sàng chờ đợi với cỗ

kiệu của mình để đi tiếp vào sau đám rước, tiến ra bờ sông.

Tại bên sông, đã sẵn sàng bảy chiếc thuyền lớn, rước bảy chiếc kiệu ra giữa dòng sông để lấy nước trong dùng trong lễ mộc dục.

Quãng sông Hồng Hà thuộc địa phận xã về phía hữu ngạn đã được dân làng cắm cọc và có thuyền chăng dây để ngăn cản thuyền bè qua lại. Cờ ngũ hành được trương lên ở khúc sông nơi bắt đầu vào và nơi rời khỏi địa phận làng để báo hiệu từ xa cho mọi người thuyền bè xuôi ngược biết. Và dân làng cũng đã cắt người đứng sẵn trên thuyền từ sáng sớm, mỗi khi có thuyền bè đi qua đều ra hiệu để họ đi tránh về phía bên kia sông.

Bảy cỗ kiệu trên bảy chiếc thuyền bơi ra giữa dòng sông Hồng Hà, có những thuyền cờ quạt và âm nhạc đi theo. Đến giữa dòng sông cả ba thôn đều lấy nước để cho thôn mình dùng trong lễ mộc dục.

Lấy nước xong, đám rước lại quay trở về. Lúc này, khi bảy chiếc thuyền rước bảy chiếc long kiệu cặp bến, kiệu thôn Thủy Tộc được rước lên đầu tiên, thứ đến ba chiếc kiệu thôn Hạ, rồi mới đến ba chiếc kiệu thôn Thượng.

Đám rước theo con đường cũ trở về, các kiệu đi theo thứ tự lúc ở sông lên. Đến ngã ba đường, nơi kiệu thôn Thủy Tộc đã nhập vào đám rước lúc trước, đám rước ngừng lại rồi một lát sau thôn Thủy Tộc rước kiệu thôn mình về đình thôn. Hương chức ba thôn họp mặt trước khi kiệu thôn nào rước về thôn đó, hương chức thôn Thủy Tộc tới khấu đầu trước các kiệu hai thôn Thượng, Hạ, và hương chức hai thôn này cũng tới khấu đầu trước kiệu thôn Thủy Tộc.

Chờ cho kiệu thôn Thủy Tộc đi rồi, hai thôn Thượng và Hạ lại tiếp tục rước sáu chiếc kiệu trở về, kiệu thôn Hạ đi trước, kiệu thôn Thượng đi sau. Đám rước trở về tới trước đình thôn Hạ thì ngừng lại. Ở đây dân thôn Hạ rước ba

kiệu vào trong đình sau nghi thức khấu đầu của hương chức thôn này trước ba chiếc kiệu của thôn kia.

Còn lại dân thôn Thượng với ba chiếc kiệu của thôn mình, họ tiếp tục đám rước cho đến đình thôn.

Đám rước chung của ba thôn rất nhộn nhịp tưng bừng cờ quạt tán tàn phất phới, chiêng trống ầm ĩ với những bản nhạc của phường bát âm. Dân chúng ba thôn đi theo đám rước tới tận bờ sông, họ chờ ở đó để lại đi theo đám rước thôn nào về đình thôn đó, khi các kiệu ra giữa sông lấy nước trở về.

Điểm đặc biệt ở đây bạn đọc hẳn nhận thấy, lẽ ra lễ mộc dục, như tại các làng khác chỉ cử hành ở đình chính của làng, thì ở đây, lễ này đã được cử hành ở cả ba đình thôn Thượng, thôn Hạ và thôn Thủy Tộc. Những cuộc tế lễ của ba thôn cũng cử hành riêng, và trong ba ngày hội, hương chức hai thôn nọ phải tới lễ tại đình thôn kia, và dân chung cả ba thôn đều kéo nhau đi lễ ở cả ba ngôi đình, tuy họ hiểu ở cả ba nơi này đều thờ chung Chử Đồng Tử và hai vị phu nhân.

**Những cổ tục và các cuộc vui**

Tế lễ ba thôn tế lễ riêng, nhưng các cuộc vui và các cổ tục lại cử hành chung. Thôn Thủy Tộc chỉ có các cuộc tế lễ và không có cuộc vui cổ truyền nào.

Tại hai thôn Thượng và Hạ, dân làng có tổ chức gồm có *cờ bỏi* và *tổ tôm điếm*.

**Cờ bỏi** : Đã trình bày trong HỘI CHÙA THẦY, quyển I, trang I89.

**Tổ tôm điếm** : Đã trình bày trong HỘI CUNG THUẬN, quyển I, trang 229.

Chử Đồng Tử là một trong Tứ Bất Tử theo tín ngưỡng của người Việt Nam, và rất được dân chúng Việt Nam tôn sùng.

Nhiều làng có đền thờ ông và hai phu nhân.

Qua câu truyện về ông, ta nhận thấy bên trong đã gói ghém triết lý nhân sinh của Đạo Lão sống theo tự nhiên, với nếp sống phù hợp với thiên nhiên như lúc mới sinh ra của cha con họ Chử, với lòng hiếu tự nhiên của con đối với cha khi Đổng Tử đem chôn chiếc khố độc nhất theo cha, với sự gặp gỡ rất tự nhiên trong khung cảnh trời sinh giữa Tiên Dung và Chử Đồng Tử, hai người đã gặp nhau không y phục như lúc chào đời, với nếp sống phóng khoáng của Tiên Dung ưa cảnh thiên nhiên không thích lầu son gác tía, và với sự sống của cặp vợ chồng này theo lẽ tự nhiên không câu nệ nghi lễ.

Câu chuyện cũng đã nói lên sự hợp dung giữa đạo Lão và đạo Phật tại Việt Nam qua truyện nhà sư Phật Quang truyền phép cho Chử Đồng Tử, Cây gậy và chiếc nón đã không là gì và đã tạo nên tất cả. Phải chăng đây tượng trưng cho triết lý cao xa của đạo Phật, mọi việc đều do Tâm, có hay không ở nơi tâm cả.

---

1 Bốn vị này là : Tản Viên Sơn thần, Phù Đổng Thiên Vương, Liễu Hạnh Công Chúa và Chử đồng Tử. Xin xem trong *Tín Ngưỡng Việt Nam* của soạn giả.

2 Lĩnh Nam chích quái của Trần thế Pháp, bản dịch của Lê hữu Mục Khai Trí xuất bản, in lần thứ nhất, Saigon I96I. Nam Hải dị nhân của Phan kế Bính, Mặc Lâm Saigon I968.

3 Theo Phan Kế Bính là Chử Cù Vân.

4 Mũ của vị tướng thời xưa đội khi ra trận.

5 Chép theo thần tích xã Đa Hòa nên không thấy nhắc tới xã Tự Nhiên và nhiều xã khác cũng có

thờ Chử Đồng Tử và hai phu nhân.

6 Nay là Phủ Khoái Châu.

7 Theo Nguyễn đăng Thục trong *Tư tưởng Việt Nam, Tư tưởng triết học bình dân*, Khai Trí, Saigon I965, trang I55-I57.

# HỘI VÀM LÁNG

**Với cổ tục thờ và rước cá Voi**

Vàm là chỗ cửa sông. Vàm Láng là cửa rạch Vàm Láng thuộc địa phận xã Kiểng Phước tỉnh Gò Công, nơi đây có tục thờ và rước cá Voi, hàng năm dân chúng mở hội làm lễ rước cá Voi vào đêm I5 rạng ngày I6 tháng 6 âm lịch.

**Tục thờ cá Voi**

Trước khi nói tới Hội hè ở Vàm Láng chúng tôi xin được phép nói sơ qua tới tục thờ cá Voi của dân chúng các làng ven duyên, nhất là ở miền Trung và miền Nam.

Cổ tục này được nhắc tới trong nhiều sách vở Việt Nam nhất là trong Đại Nam Nhất Thống Chí, quyển nói về Thừa Thiên Linh Mục L. Cadière cũng đã nhắc tới trong khi nghiên cứu về *tín ngưỡng và tục ngữ bình dân vùng thung lũng Nguôn Sơn* (Croyances et dictons populaires de la vallée du Nguôn Son). Gần đây trong tập san Đệ nhị tam cá nguyệt I972 của Hội Nghiên cứu Đông Dương, cũng có một bài đề cập tới tục này.

Ở đây chúng tôi nhắc lại với thêm ít nhiều chi tiết mà trong những tài liệu trên không nhắc tới, những chi tiết này chúng tôi có được qua sự hỏi han các ngư dân các nơi vùng duyên hải.

*Cá Voi là gì ?*

Theo Đại Nam Nhất Thống Chí Thừa Thiên Phủ thì Cá Voi được gọi là Đức Ngư *đầu tròn nơi trán có lỗ phun nước ra, sắc đen trơn láng, không có vảy, đuôi có hai vảy như đuôi tôm, cá tánh từ thiện hay giải cứu cho người khi qua biển mắc nạn. Đầu niên hiệu Minh Mạng vua đặt cho tên là Nhân Ngư, đầu niên hiệu Tự Đức đổi lại tên này (Đức Ngư).*

*Loại cá này ở trong Nam Hải thì linh, còn ở biển khác thì không linh, sách* An Nam Chí Dự Lục Ký *của Cao Hùng Trưng đời Thanh nói : Cá này là thứ cá rất lớn trong loại cá Hải Thu có tên Hải Tù, nó phun hơi ra rồi nước tản lên không trung gặp gió nước tản như mưa.* Sách « Cách Trí Kinh nguyên » *của Trần Nguyên Long đời Thanh dẫn sách* « Chính Tự Thông » *của Minh Tự Liệt đời Minh nói : Loại cá Bạch Ngư dài 20 trượng, tánh lương thiện hay cứu giúp cho người, thấy người ra biển làm cá mà bị con cá dữ khốn bức, thì nó giải cứu cho. Lại trong* Bắc Sử *nói : Nước Chân Lạp có loại cá tên là Kiến Đồng có 4 chân, không có vảy, mũi như cái vòi voi, hút nước phun lên cao năm sáu chục thước. Trên đây có nhiều thuyết đều chép vào để bị khảo.* [1]

Qua những điều trên ghi trong các sách được nhắc lại bởi Đại Nam thống nhất chí, thì cá voi là một loại cá biển lớn không vảy, thường hay cứu người. Do sự cứu người này, những ngư nhân sinh sống về biển rất chịu ơn cá voi, và gọi tôn kính là cá ÔNG. Ngoài ra cá Ông còn được xưng tụng *Cự tộc Ngọc Long tôn thần* và đã từng được Vua Gia Long phong là *Nam Hải đại tướng quân*, sắc phong hiện còn được lưu giữ tại nhiều lăng dinh thuộc các vạn miền duyên hải. [2]

Những ngư dân sinh sống về biển cả, khi gặp gió bão, cá ÔNG thường nâng đỡ thuyền bè chống sóng cả gió lớn đưa vào bờ.

*Sự tích cá Voi*

Nằm trong tín ngưỡng của dân ta, nhất là dân chúng ven duyên có tục thờ cá voi, cá voi có một sự tích, sự tích thần bí cũng như các linh vật khác, sự tích thường được ngư dân nhắc nhở tới.

Tục truyền rằng cá voi là tiền thân của đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Đức Quán Thế Âm đã có lần hóa thân để cứu khổ

chúng sinh. Ngài hóa thân thành Ông Nam Hải đi tuần du biển Nam Hải.

Một hôm trên tòa sen nhìn lướt qua sóng gió đại dương Nam Hải, ngài không khỏi đau lòng thấy muôn ngàn sinh linh gặp cơn phong ba bão táp phải bỏ mình vì sóng gió, mà những nạn nhân đáng thương này chỉ là những ngư dân hiền lành chất phác lấy nghề đánh cá nuôi thân.

Trước cảnh tượng đau lòng đó, bồ tát liền cởi chiếc pháp y xé tan thành từng mảnh vụn ném xuống mặt biển mênh mông. Mỗi mảnh vụn theo nguyện ý của bồ tát đã biến thành một cá voi với trách vụ cứu nguy đám ngư dân lâm nạn trước bão tố của Nam Hải đại dương. Kể từ đó, cá voi là ân ngư của đám thuyền chài sống về biển cả.

Tiếc thay ! Hình vóc cá voi lúc đó tương đối nhỏ, không đủ sức chống trả với bao nhiêu sóng cả gió lớn bao phủ chiếc thuyền. Trước tình trạng ấy Đức Quán Thế Âm liền cấp tốc mượn bộ xương của ông Tượng trên rừng cho đàn cá. Nhờ được xương to, đàn cá có vóc lớn đầy đủ sức mạnh chống lại sức mạnh của đại dương. Từ đó cá mang tên CÁ VOI vì mượn xương voi và cũng vì to lớn như voi. Người ta còn bảo rằng hài cốt của voi và của cá voi giống nhau như một.

Nhờ sức vóc to lớn, cá voi mặc sức vẫy vùng ngoài biển cả, và đã đương đầu chống lại sóng to bão lớn, kèm giữ cho thuyền ghe được thăng bằng, không bị tan vỡ giữa sức tung hất của sóng gió, lại dìu cho thuyền ghe này vào tận bờ biển. Tuy nhiên, to lớn thì chậm chạp, nên nhiều trường hợp biết có thuyền chài ngộ nạn, nhưng ở quá xa, dù cá voi cố sức bơi tới cũng không cứu kịp nạn nhân. Để giúp cho cá voi làm tròn nhiệm vụ cứu nạn của mình, đức Bồ Tát đã ban cho cá voi phép thu đường, giúp cho cá voi ở bất cứ nơi nào, cần đến nơi nào để cứu nạn đều có thể kịp thời. Nhờ có phép thu đường, cá voi đã kịp cứu các ghe thuyền lâm nạn không kể ở hải điểm nào, xa gần bao nhiêu.

Bởi vậy, những người dân sống về biển cả đều cầu nguyện đến cá voi mỗi lần gặp nạn. Theo ngư dân ven bờ biển Bình Thuận, họ có l2 câu nguyện gọi là Thập nhị đại nguyện. Tương truyền là của Đức Quán Thế Âm truyền cho họ để cầu lên kêu cứu với Nam Hải Đại Vương trước mọi tai nạn.

*Cá voi với vua Gia Long*

Theo lời truyền tụng lại, khi vua Gia Long bôn tẩu trốn tránh quân Tây Sơn, một lần ở ngoài biển, nơi phía trước cửa sông Soi Rập, ngài đã gặp một trận bão lớn. Thuyền ngài muốn đắm, trong tình trạng thập phần nguy hiểm. Ngài lâm râm cầu nguyện Trời đất và sau đó ngài đã được một Cá Voi hiện tới, che chở cho thuyền ngài, đưa tới bờ tại Vàm Láng thuộc xã Kiểng Phước, tỉnh Gò Công.

Sau này, khi ngài đã thắng quân Tây Sơn, thống nhất đất nước, nhớ tới công ơn Cá Voi đã cứu ngài, ngài liền phong Cá Voi là Nam Hải Đại Tướng Quân với sắc phong được gởi tới các làng ven duyên gần nơi trước đây nhà Vua đã nhờ Cá Voi cứu thoát. Theo các ngư nhân vùng này, sắc phong triều đình đã cấp cho ba xã Cần Giờ tỉnh Gia Định, Kiểng Phước tỉnh Gò Công, và Vĩnh Luông tỉnh Vĩnh Long. Tưởng nên nói thêm, sông Soi Rập phân chia ranh giới giữa hai tỉnh Gia Định và Gò Công.

Các sắc phong của ba xã nói trên cho đến thời tiền thế chiến, xã Kiểng Phước vẫn lưu giữ tại Đình làng. Với các sắc phong, nhà Vua đã ra lệnh cho các xã liên hệ phải lập đền thờ Nam Hải Đại Tướng Quân cho xứng đáng.

*Ngư dân tôn thờ cá voi*

Đối với dân các xã ven duyên sống về biển cả, người ta thật là cung kính khi nhắc tới Cá Voi. Họ gọi qua danh từ Ông *Nam Hải*, và họ phân biệt Ông *Lớn* và Ông *Cậu*, Ông Lớn chỉ loại cá voi to lớn, còn được gọi là Ông *Khơi* khi ở ngoài khơi, Ông Cậu chỉ loại cá voi nhỏ và còn được gọi là

Ông *Lộng* khi ở gần bờ. Ngoài ra những danh từ Ông *Thông*, Ông *Chuông*, Ông *Máng* cũng được dùng để gọi Cá Voi một cách tôn kính [3] . Thêm danh từ Cá Ông rất thường dùng.

Theo những ngư dân Bình Thuận, song hành với việc cứu nguy dân chài, hàng ngày Ông Nam Hải còn tập trung cá đàn giúp ngư dân đánh lưới. Mỗi khi ngư phủ thấy Cá Ông xơi, tiếng địa phương chỉ cá Ông ăn cá, hả miệng xốc tới đàn cá, người ta vội vàng chèo ghe tới bủa lưới. Thấy ngư dân đánh cá, cá Ông tránh xa, nhường cá cho dân chài tha hồ thu hoạch.

Đối với dân chài, ân cá voi thật sâu, bởi vậy những ai đã sống về nghề chài lưới đều không thể vong ân bội nghĩa đối với Ông Nam Hải.

Cá ông khi chết được gọi là *Lụy*. Dân chài Bình Thuận cho biết, nếu ông chẳng may lụy ở ngoài khơi, lập tức có một ông khác kề lưng dìu đưa thi hài ông vào tới gần bờ. Nơi đây ngư dân trông thấy, họ lập tức cho thuyền đón rước, cung nghinh xác ông về *lăng dinh vạn*, nơi thờ cá Ông. Trong những lần tiếp rước cung nghinh nầy, ngư dân thường được cá voi ở ngoài hải phận tỏ sự biết ơn và hài lòng đối với dân chài bằng cách tỏa ra làn khói trắng theo lỗ thông đạo ở đỉnh đầu, lỗ thông đạo chính là là lỗ phun nước nhắc trong Đại Nam Nhất Thống Chí. Sau đó có những tiếng kêu bong bong, như chuông đồng ngân vang.

Mỗi lần chết, cá voi phải chịu trôi nổi lênh đênh trên biển cả, trong lúc rập rềnh trôi nổi nầy, bao giờ cá voi cũng nằm ngửa, theo ngư dân, lối nằm ngửa này cốt để bảo vệ ruột gan khỏi bị các loài thủy tộc khác xúc phạm ăn mất. Cũng theo ngư dân trong lúc rập rềnh trôi nổi, Ông Nam Hải được các vị thủy thần bảo vệ cho đến khi có ngư dân phát giác thấy đem thuyền đón rước cung nghinh.

Các thủy thần bảo vệ Ông Nam Hải gồm *Cá Đao, Tôm* và *Mực* là những thủy tộc có những vũ khí sắc bén chống lại bất cứ loài thủy tộc nào muốn xâm phạm tới mình ông.

Cá Đao có chiếc đao trước mũi, dài trên I thước, cứng như xương, hình răng cưa, sắc như cưa máy, dùng chém đuôi cá mập, cá xà. Mực có túi mực xịt khối lượng nước khổng lồ làm toàn vùng hải phận bị đen tối, trong khi đó tôm bể có cặp càng to lớn bén nhọn khác thường, dài trên hai thước sẽ tấn công các loại cá đến bu quanh xác chết cá voi.

Khi cá voi chết, ngoài việc nằm ngửa để bảo vệ ruột gan, còn có đặc điểm nữa : ruồi nhặng không bu vào xác chết cá voi như vào xác các sinh vật khác, và cũng không bao giờ thịt rữa mà sinh dòi bọ.

*Đám táng cá voi*

Khi ngư dân khám phá ra cá voi chết, họ phải rước về làm đám tang để chôn xác ở Lăng dinh vạn, làng nào chôn ở địa phận làng ấy. Đám tang được cử hành long trọng.

Người trông thấy xác cá voi đầu tiên phải chịu tang trong đám táng, được coi là con ông Nam Hải. Người này ở địa phương nào được phép cung nghinh xác ÔNG về cấp táng ở Lăng Dinh và thường xuyên canh gác bên cạnh xác cá voi cho đến khi hoàn tất cuộc ma chay.

Lễ chôn cất cá ÔNG thay đổi tùy địa phương. Ở xã Cầm An, tỉnh Quảng Nam, trong việc chôn cất cá ÔNG, hoặc người ta mổ ra để đựng vào nhiều quan tài, hoặc trong trường hợp xác ông quá lớn, nếu xẻ ra phải để vào quá nhiều quan tài bất tiện, người ta lập trại quàn thi hài ông ngoài bể chờ cho thịt rữa ra, có khi hàng tháng mới đem bộ hài cốt về thờ.

Ở các xã thuộc tỉnh Bình Thuận, người ta di chuyển nguyên cả xác cá Ông về Lăng Dinh cấp táng. Có điều đáng chú ý là xác cá ông lớn, họ vẫn di chuyển được,

nhưng phải do chính những ngư phủ thuộc cùng địa phương với người đã thấy xác cá ông đầu tiên. Chẳng phải là người bắt gặp xác Ông đầu tiên dù có huy động bao nhiêu người cũng không xê dịch nổi xác ông, trái lại, chỉ cần một số ít ngư phủ cũng xê dịch nổi, nếu đây là đám ngư phủ do người phát giác ra xác Ông huy động.

Trong lễ chôn cất cá ông, có một điều giống nhau tại khắp mọi địa phương : người thấy cá ông đầu tiên trong đám tang phải ăn mặc tang phục như một trưởng nam, và trong lúc đưa đám tang phải đi lùi trước linh cữu.

Ông Anh Hạ, một nhân viên Ty Thông tin Hội An trước đây, trong bài dự thi văn chương, do Bộ thông tin tổ chức năm I967 nhan đề ÔNG LỤY có đoạn tả đám tang Cá Ông ở Cầm An như sau :

« *Cốc ! Cốc ! Cốc ! Thanh âm chát chúa của đôi sinh gõ chạm vào nhau hòa với tiếng nhạc bi ai hỗn hợp của trống kèn, thanh la, tiêu, quyển… khiến cho kẻ tâm hồn cứng rắn đến đâu cũng phải bồi hồi cảm xúc.*

*Dưới lệnh chỉ huy của ông « TỔNG » và sự đôn đốc của bốn vị « ĐẦU ROI » trang phục như các viên tướng trong tuồng hát bộ, đoàn « Âm Công » trên 50 người đầu vấn khăn tang, đồng phục quần cụt đen, áo lót trắng mới tinh, tiến những bước nhỏ đều và hết sức nhẹ nhàng dưới bụi thu mờ ảo. Trên vai họ là chiếc linh cữu to tướng sơn đen viền đỏ, để trong một tòa nhà gỗ mầu sắc lộng lẫy, bốn phía có sáo mành che kín và có treo nhiều gốc trúc tiện trổ thành hình tứ bửu hay long lân quy phụng sơn dầu trông bóng nhoáng… Người trưởng nam mặc đại tang, dây rơm mũ bạc cầm đuốc đi giật lùi trước linh cữu…* »

Chôn cá ông tùy theo Ông lớn hay ông Cậu, sự chôn cất hơi khác nhau. Với ông Lớn người ta xây bọc bằng ván bao quanh, trên đổ cát trắng tinh, với ông Cậu, người ta an táng nơi mộ phần [4] . Trong lễ này, toàn thể ngư phủ trong

làng có bổn phận tập trung đông đủ để cử hành lễ mai táng cho trọng thể, lễ diễn ra trong ba ngày đêm liên tục. Đúng ba năm thịt cá voi rữa hết, người ta lại phải làm lễ quật mồ, hốt cốt đem vào lăng để thờ gọi là *Ngọc cốt*. Ngọc cốt được rửa bằng rượu trắng và phơi khô do một ngư phủ cao niên phụ trách, rồi được cho vào thùng niêm phong cẩn thận.

Người thọ tang phải chịu tang trong ba năm, tang phục thay đổi tùy nơi. Ở Bình Thuận, người này phải bịt khăn điều. Trong khi thọ tang, phải có cử hành những lễ nghi theo tục lệ cổ truyền :

- 3 ngày sau phải làm lễ tạ mộ, lễ mở cửa mả.

- 2I ngày phải làm lễ cầu siêu.

- I00 ngày phải cúng tuần bách nhật, tuần Tốt khốc.

- 3 năm sau phải làm lễ đại tường. [5]

Cùng với lễ đại tường là lễ hốt cốt giống như lễ cải táng đối với con người, chỉ khác ở chỗ, hài cốt người ta cải táng để chôn đi nơi khác, còn đối với cá voi, cải táng để mang hài cốt vào dinh vạn tôn thờ. Lễ cải táng này được gọi là *Thượng ngọc cốt*, và khi đưa cốt vào dinh vạn, ngư dân gọi là *thỉnh ngọc cốt*.

Theo lời ngư dân, trong thời gian ba năm chịu tang người *trưởng nam* của *ông* thường luôn khỏe mạnh, nhưng về đường tài lợi chỉ được ở mức trung bình. Tang mãn, người này sẽ làm ăn thịnh vượng và gặp nhiều may mắn.

Trong lúc thọ tang, đương sự phải giữ mình tránh mọi sự bê tha, nhất là những hành động có hại tới uy tín của *ông*. Thí dụ nếu rượu chè say sưa, lập tức bị ông hành. Nạn nhân sẽ la hét om sòm, nhảy múa tung tăng hết ngày nọ tới ngày kia, nhảy hét cho đến khi mệt lả sẽ tới nằm vật bên cạnh mộ ông, tỉnh dậy lại la hét nhảy múa, cho đến khi nào thân nhân biết làm lễ tạ mới hết bị hành.

*Lễ thỉnh ngọc cốt*

Đám tang cá voi long trọng, lễ thỉnh ngọc cốt cũng long trọng không kém.

Ông Thái-văn-Kiểm đã viết về lễ này qua những điều ông được chứng kiến ở Vàm Láng vào năm I957 [6] : « Ông Hương Cả, mặc lễ phục, khấn với ông xin thỉnh ngọc cốt lên chùa. Một keo âm dương bằng hai đồng tiền, gieo trong một chiếc đĩa nhỏ, nếu được nhất âm nhất dương là ông ưng thuận. Lúc đó người ta mới thượng ngọc cốt, xương cốt của ông được bầy trên một chiếc nong và được rửa hai lần bằng nước hoa và nước ngũ vị hương nóng. Những bộ phận của hài cốt được gói trong vải đỏ cùng với vàng mã và đặt trong nhiều chiếc quan tài lớn di chuyển vào chùa ».

Sau lễ thỉnh ngọc cốt, ngày hôm sau có lễ rước Ông theo như tục lệ vẫn được cử hành trong những ngày hội vào đêm ngày I5 rạng ngày I6 tháng Sáu tại nơi đây.

*Cá Voi với ngư dân Vàm Láng*

Như trên đã trình bầy, Kiểng Phước bao gồm cả Vàm Láng là một trong ba xã đã nhận được sắc phong của vua Gia Long để thờ phụng cá voi.

Ngoài sắc phong, cá voi đối với Vàm Láng còn có nhiều liên hệ khác. Dân chúng nơi đây thuật lại rằng trước đây thời ông Huỳnh văn Bính lãnh đạo ngư dân Vàm Láng có một lần trời mưa liên tiếp trong ba ngày. Theo kinh nghiệm, đây là điềm báo có cá voi rạt vào bờ, lập tức ông phụ tá của ông Bính, ông Vạn vượt sông Soi Rập qua phía làng Đông Hòa thuộc tỉnh Gia Định để tìm kiếm. Ông đã thấy một xác cá voi, chỉ có một khúc giữa, riêng khúc giữa này đã to bằng một chiếc thuyền lớn. Ông điều động ngư dân di chuyển khúc xác này về xã Kiến Phước và để chờ cho thịt rữa, hốt cốt vào một chiếc quan tài thờ ở Vàm Láng cốt này

còn tồn tại cho tới ngày nay, luôn luôn được sự tôn kính của dân làng.

Ít lâu sau, một ngư dân xã Phước Hải, tỉnh Bà Rịa, Phước Tuy ngày nay, tới Vàm Láng điều đình xin mua lại hài cốt khúc xác cá voi nói trên với giá một trăm quan tiền.

Ngư dân này bảo rằng chính *Ông* qua một cuộc ngồi đồng đã báo cho dân xã Phước Hải biết nguyên do *Ông* phạm lỗi với Thượng đế bị xử tội chặt làm ba khúc rải rác ở ba nơi : đầu ở Phước Hải, thân ở Kiểng Phước và đuôi ở Vũng Tàu. Ông lại cho biết nếu dân xã Phước Hải tập trung được cả ba khúc của *Ông* về thờ, làng xã sẽ thịnh vượng.

Dân chúng Vàm Làng đã không thuận nhường lại cho xã Phước Hải hài cốt của *Ông*, họ giữ lại thờ và được sự che chở của *Ông*.

Ngoài câu chuyện trên, dân chúng Vàm Láng còn nhắc đến câu chuyện sau đây :

Hai năm sau việc dân xã Phước Hải điều đình mua lại cốt cá ông, một hôm, một dân chài tên là Sự tung lưới đánh cá đã kéo lưới được một xác cá voi nhỏ, nhưng vì không hiểu sự linh thiêng của cá voi, anh Sự đã thả xác cá này trở lại biển cả. Xác này lại dạt vào bờ xã Tân Binh Diên, ở phía nam Vàm Láng đôi chút và được hai người bắt cua là Mạnh và Nhiên trông thấy, nhưng họ không hiểu đó là xác vật gì. Nhiên, với chiếc móc cua, bổ vào xác này và lôi ra một miếng thịt. Lập tức hắn lên cơn sốt mê man, không tìm đường về nhà, qua đêm trong rừng. Thấy vậy Mạnh khấn : « Nếu Ngài là Ông, xin cho Nhiên khỏi bệnh ngay, chúng tôi sẽ báo cho dân làng biết để rước Ngài về thờ ».

Lập tức Nhiên khỏi bệnh, tỉnh táo để trở về nhà. Trong lúc ấy Mạnh đã vội vã đi báo cho ngư dân Vàm Láng biết. Lập tức, đám ngư dân này mang thuyền đi để rước Ông về. Khi họ tới nơi, trời vừa tối họ phải đốt đuốc tìm nhưng không kiếm thấy xác Ông.

Mạnh lại khấn : « Ông linh thiêng xin làm con hắt hơi, khi con đi cạnh xác ông ».

Một lát sau, Mạnh hắt hơi. Những ngọn đuốc tập trung quanh nơi đó đã giúp đám ngư dân thấy xác Ông.

Xác này được di chuyển về chùa Vàm Láng. Ở đây Sự đã nhận ra chính là cái xác cá mình đã thả trở lại biển cách đây chín ngày khi anh ta tung lưới đánh cá. Xác còn nguyên vẹn chưa bị tàn rữa, ruồi kiến đều không bu tới.

Tang lễ đã cử hành. Sự và Mạnh đóng vai hiếu chủ thọ tang. Hài cốt của cá voi này được thờ cùng một nơi với phần hài cốt của cá voi đã nói trên.

Sau đó Sự và Mạnh làm ăn thịnh đạt, mỗi lần ra khơi đánh cá đều có kết quả tốt. Con cháu các ông này, cho đến trước năm I945 vẫn sinh hoạt thịnh vượng ở Kiểng Phước.

Ngư dân Vàm Láng luôn luôn được sự che chở của cá Ông. Nhiều người đi biển gặp tai nạn đã được cá Ông cứu.

*Đám rước cá voi*

Vàm Láng thờ cá voi, hàng năm có lễ rước cá voi trong đêm hôm rằm rạng ngày I6 tháng Sáu âm lịch. Ông Gamichon trong tập san Indochine, số II2, đề ngày 22-I0-I942 có thuật lại buổi lễ được cử hành trong tháng Sáu âm lịch năm đó, năm Nhâm Ngọ, theo Tây lịch là đêm 27 rạng ngày 28 tháng 7 năm I942.

« *Cuộc lễ bắt đầu ở ngay nơi thờ phụng Ông vào lúc II giờ đêm, có các nhà sư tụng kinh. Lễ vật gồm vàng mã bánh trái bày la liệt trên một chiếc giá đặt trước bàn thờ. Chư sư tụng kinh vào khoảng một tiếng đồng hồ, sau đó vàng mã được đem hóa, bánh trái chia cho trẻ em trong làng.*

*Đúng một giờ sáng là lễ nghênh Ông : Một chiếc thuyền trang hoàng lộng lẫy có đặt bàn thờ với đồ lễ mặn, heo quay và các đồ lễ khác dùng để rước Ông, chở ông Hương*

*Cả, các quan viên chấp sự, các nhạc công và các ca nhi tiến trên rạch Vàm Láng về phía sông Soi Rập, ngừng ở trước cửa sông, phía bờ biển cách Vàm Láng ước chừng hai cây số. Ở đây, vàng hương được đốt lên, ông Hương Cả và các quan viên làm lễ nghênh Ông. Âm nhạc nổi lên hòa với giọng ca của các ca nhi.*

*Lễ tất, chiếc thuyền nghênh Ông trở về theo lộ trình cũ trên rạch Vàm Láng. Hai bênh rạch, thuyền lớn thuyền nhỏ đều chăng đèn với các màu sắc rực rỡ từ khoang thuyền lên mui thuyền và lên cả cột buồm, từ đầu thuyền tới cuối thuyền. Trên bờ, tại các nhà dân chúng hai bên, các bàn thờ được bày ra để đón tiếp Ông với một sự hân hoan nồng nhiệt của mọi người. Khi chiếc thuyền nghênh Ông trở lại tới rạch, một tiếng ồn ào reo hò nổi lên liên tiếp cho tới khi thuyền ghé trước nơi thờ tự, những tràng pháo liên tiếp nổ từ các thuyền lớn nhỏ để đón mừng Ông đang ngự trên chiếc thuyền lễ. Rạch Vàm Láng đã được trăng rằm soi sáng càng tưng bừng sáng rực hơn với muôn ngàn ngọn đèn lồng sặc sỡ, ở trên bờ, ở dưới sông. Thuyền lễ ghé bến, đỉnh trầm được trịnh trọng rước về nơi thờ phụng để làm lễ An vị. Lễ An vị cử hành với ông Hương Cả làm chủ lễ ở ngay trước bàn thờ thần, nơi nhà tiền tế, theo nghi thức cổ truyền. Sau đó là lễ túc trực và lễ túc trực cũng cử hành như tại các đình đền khác trong những ngày hội* ».

Theo dân chúng Vàm Láng, trong ngày hội có thể ở ngoài khơi có cá ông về dự, nếu từ trong bờ người ta thấy ở xa xa những tia nước bắn vọt lên cao. Trong trường hợp này, dân chúng vui mừng lắm, sự hiện diện của ông báo hiệu một năm thịnh vượng được mùa cá.

Theo Ông Thái văn Kiểm trong tài liệu đã dẫn, trong dịp dân chúng Vàm Láng tổ chức để rước ngọc cốt của một cá voi tử lụy năm l957, ngoài những nghi thức cử hành như ngày hội nói trên, còn có một đám rước đi quanh phố xá tới nhà vị hương chức có nhiệm vụ giữ gìn sắc phong của triều

đình. Sắc phong được đặt lên bàn thờ, sau đó bàn thờ được rước xuống thuyền và thuyền tiến ra biển để làm lễ nghênh Ông.

*Mê tín hay tín ngưỡng*

Hội Vàm Láng, lẽ ra chúng tôi ngưng bút ở nơi đây, nhưng nhân dịp xin được phép trình bày thêm mấy dòng về một đôi điều liên quan tới tục tôn kính cá Ông, sự tôn kính đã đi tới một mức tin tưởng hầu như mê tín, và đã có một số người lợi dụng sự tin tưởng này.

Theo một số người thuộc các tỉnh duyên hải phía Bắc Trung Việt, sự linh thiêng của cá Ông đã đi đến việc nhập cốt lên đồng. Một thiếu niên chưa lập gia đình và chưa có những giao du xác thịt được lựa chọn để ngồi cốt lên đồng. Trong lúc nhập đồng, thiếu niên sẽ kể lại tai nạn cá voi đã gặp để đi đến tử lụy, và báo trước mùa màng trong năm xấu tốt. Việc lên đồng thường chỉ có khi dân chúng mới bắt gặp một xác cá voi rạt vào bờ.

Tại Bình Thuận, trong những ngày đầu năm, ngư dân thường tới Lăng Dinh Vạn lễ để mừng tuổi Ông nhân dịp năm mới và đồng thời xin xâm. Họ tin rằng lá xâm cho họ biết trước những sự rủi may trong năm.

Vì ngư dân sùng tín cá Ông nên đôi khi đã có những tệ trạng sau đây :

Trước đây có một số ngư phủ bất chính tổ chức việc câu bắt cá voi bằng một loại lưỡi câu vô cùng nguy hiểm gọi là *Câu Kiều.* Xác cá voi câu được họ bán cho các ngư dân vẫn hằng tin tưởng tôn kính cá Ông. Nghề câu kiều không tiếp tục được vì ngư dân khiếu nại, và chính các đương sự cũng gặp những sự thất bại.

Lại có một thiểu số ngư phủ, mỗi khi bắt gặp cá voi tử lụy họ tìm cách tung tin cho các ngư dân biết, những ngư dân

hiền lành này phải chuộc xác, tục gọi là *Chuộc Ông, Chuộc Cậu* để lo mai táng.

°

Tục thờ và rước cá Voi đã ăn sâu vào nếp sống ngư dân Việt Nam. Theo các người hiểu biết, sự tín ngưỡng cá voi do dân Chàm truyền lại cho ta cùng với những nghi thức thờ cúng cá voi, nghi thức đó ngày nay còn tồn tại với những hội hè đình đám hàng năm như ở Vàm Láng.

---

1 Đại Nam Thống nhất chí, Thừa Thiên phủ, tập hạ, bản dịch Tu Trai NGUYỄN TẠO, Nha Văn Hóa, Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản, I962 trang III-II2.

2 Ngoài cá voi ra, còn có các thủy tộc khác được dân chúng tôn sùng và cũng được sắc phong. Xin xem trong TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM quyển hạ của soạn giả.

3 Theo tài liệu của Bộ Thông Tin, trong bài của Hạnh Phúc, dự thi tài liệu địa phương chí năm I967.

4 Tục lệ ở Bình Thuận. Tục lệ này khác tục lệ ở Cầm An nói trên.

5 Muốn hiểu những lễ này, xin đọc trong Nếp Cũ. Con người Việt Nam của soạn giả.

6 Thái-văn-Kiểm : Le culte de la baleine. Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises – Nouvelle série – Tom XLVII, N$^{0}$2, 2e Trimestre I972, trang 311-326.

# HỘI THỊ CẦU

Với các cổ tục :

- Ném pháo
- Thi cỗ
- Thưởng tiền ca nhi hát thờ
- Thả chim thi
- Hát trống quân

Làng Thị Cầu, tổng Đỗ Xá, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh hàng năm mở hội vào tháng tám từ mồng bảy đến hết ngày mười sáu. Làng thờ Thánh Tam Giang, một danh tướng đời Tiền Lý.

**Làng Thị Cầu với đình Kim**

Làng Thị Cầu nằm trên quốc lộ số I, bên sông Nguyệt Đức, xưa còn gọi là sông Như Nguyệt. Từ Hà nội đi Lạng Sơn, quốc lộ đi qua tỉnh lỵ Bắc Ninh, khi tới huyện lỵ Võ Giàng là bắt đầu bước chân vào địa hạt Thị Cầu. Quốc lộ đi xiên qua làng, leo con dốc ven ngọn đồi Dinh Sơn, tục gọi là núi Ông Thiêng bà Thiêng. Nơi đây có đền thờ hai ông bà rất linh thiêng. Đi hết con dốc, con đường lần trở xuống để qua sông Như Nguyệt bằng một chiếc cầu sắt, vượt khỏi chiếc cầu sắt tới làng Nam Ngạn thuộc địa hạt tỉnh Bắc Giang. Ở bên này cầu sắt vẫn là đất Thị Cầu, và dân chúng nơi đây sống thành một ấp riêng biệt, gọi là Tân Ấp. Quốc lộ số I, tuy chạy qua Thị Cầu, nhưng thật sự chỉ đi ven bên làng. Một lối khác đi vào giữa làng, du khách khi vượt khỏi huyện lỵ Võ Giàng độ 300 thước phải rẽ theo một con đường về phía tay mặt, đường khá rộng lớn, và trước đây khi chiếc cầu sắt trên sông Như Nguyệt chưa thiết lập, con đường này chính là một đoạn đường của quốc lộ đi thẳng tới bến

sông thuộc địa phận làng Đáp Cầu, trước đây thuộc làng Thị Cầu, mới thành lập biệt xã hơn l00 năm nay. Từ chỗ rẽ này, độ 500 thước nữa là tới đình Kim, đình làng Thị Cầu và nơi đây cũng là trung tâm điểm của làng. Đình Kim là một ngôi đình cổ đồ sộ, được liệt vào hàng cổ tích, theo dân làng xây từ đời nhà Lý, Đình trông thẳng ra đường cái [1] . Bên trái đình, là chợ Thị Cầu, một ngôi chợ to lớn rộng rãi, một tháng họp sáu phiên lớn để mua bán gia súc : trâu, bò, heo… vào các ngày 3, và ngày 8, còn ngoài ra hàng ngày chợ vẫn họp giữa dân làng và các xã lân cận.

Làng Thị Cầu nằm giữa thung lũng của hai ngọn núi Thiềm Sơn và Chu Sơn, với một dân số khá đông, không kể phụ nữ và lão ấu, làng có I.500 xuất đinh, làng không giàu nhưng sầm uất, dân làng có nghề làm pháo, ngoài nghề nông, và phụ nữ Thị Cầu buôn bán đảm đang có tiếng. Các bà đi chợ nuôi chồng, sự đảm của gái Thị Cầu được nhắc nhở qua mấy câu ca dao :

*Em là con gái Thị Cầu,*

*Em đi bán chỉ ở đầu đình Kim.*

◦

*Trai Đáp Cầu đi thầu nuôi vợ,*

*Gái Thị Cầu đi chợ nuôi chồng.*

Đã đảm đang, con gái Thị Cầu lại xinh đẹp duyên dáng, khi các cô đi chợ ở các làng bên, nhiều chàng trai thường say mê các cô, có khi đến tương tư :

*Thị Cầu có quả cau đầu,*

*Ném sang Cổ Mễ ốm đau cả làng*

Quả cau đầu đây là cô gái mới lớn, cô đi buôn bán qua làng Cổ Mễ, cách đó chừng 2 cây số, tất cả trai làng này đã say mê đến tương tư.

**Thần tích**

Đức Thánh Tam Giang tên thật là Trương Hát, một tướng tài, em của tướng Trương Hống, đời Tiền Lý. Khi Triệu Việt Vương tiếp theo sự nghiệp của Tiền Lý Nam Đế chống quân Tàu, Trương Hống và em là Trương Hát cùng đi theo và đã lập được nhiều công trạng trong việc đánh đuổi quân giặc.

Sau này, Lý Phật Tử phản ước đánh thắng Triệu Việt Vương, anh em họ Trương không ai chịu ra giúp Phật Tử bỏ trốn vào núi Phù Long. Lý Phật Tử, lúc đó là Hậu Lý Nam Đế vời hai ông không được liền tìm cách sát hại. Hai ông đều uống thuốc độc tự tử.

Về sau, Nam tấn Vương Ngô xương Văn sắc phong cho cả hai anh em : Trương Hống tước Đại Đương Giang đô hộ quốc thần vương và sai lập đền thờ ở cửa sông Như Nguyệt, Trương Hát tước Tiểu Đương Giang đô hộ quốc thần vương và sai lập đền thờ ở cửa sông Nam quận, tức là sông Thương ngày nay, và đền thờ này ở làng Phương Nhỡn, huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang.

Hai ông quê ở xã Vân Mẫu, tổng Vân Mẫu, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh. Sở dĩ dân làng dùng danh từ Thánh Tam Giang vì đền thờ chính của Trương Hát ở xã Phượng Nhỡn, huyện Phương Nhỡn tỉnh Bắc Giang, tại cửa sông Tam Giang (sông Thương).

Tại miền Bắc, rất nhiều làng thờ hai vị này, trong số đó có làng Thị Cầu thờ Tiểu Đương Giang ở bên này sông và ở bên kia sông, đối diện với Tân Ấp của làng Thị Cầu, làng Nam Ngạn, thờ Đại Đương Giang.

Danh từ Đức Thánh Tam Giang thường dùng để chỉ cả hai vị, và Tam Giang đây là ba con sông Thương, sông Cầu (Như Nguyệt) và sông Đuống, hai vị được coi là thần của cả ba con sông này.

Làng Thị Cầu và làng Nam Ngạn thờ hai anhem Đại tiểu Đương Giang nên hai làng có tục giao hiếu với nhau, trong những kỳ hội hè, làng nọ phải rước sang làng kia.

**Thời gian mở hội và các cổ tục**

Làng Thị Cầu mở hội từ ngày mồng 7 tháng tám bắt đầu bằng cuộc rước nước. Ngày hôm nay làng làm lễ cáo yết, rồi rước nước cử hành, lấy nước ở sông Như Nguyệt, và ngày hôm đó, vào buổi chiều là lễ mộc dục.

Lễ mộc dục cử hành ở đền Sim, xây ở lưng chừng núi Thiềm, mặt đền quay về hướng Tây. Đền Sim mới chính là nơi thần linh bằng y an ngự, còn đền Kim chỉ là nơi thờ vọng. [2]

Lễ mộc dục, tế gia quan thực hiện ở đền Sim. Ngày mồng 8 tháng tám, dân làng rước thần về đình Kim, và ở đây mọi cuộc tế lễ theo nghi thức được cử hành trong suốt thời gian mở hội.

Ngày mồng mười dân làng rước thần tới yết Phật ở chùa Điều, nơi đầu làng. Thần vị lưu lại chùa một đêm nghe kinh và sáng ngày II, dân làng lại rước thần trở lại đình Kim.

Trong khi làng Thị Cầu mở hội, làng Nam Ngạn bên kia sông cũng mở hội. Trong thời gian này, do ước định trước, ban hội đồng làng Nam Ngạn có sang lễ thần ở làng Thị Cầu, có năm có đám rước từ làng Nam Ngạn sang Thị Cầu, và trái lại cũng có năm, làng Thị Cầu rước thần sang làng Nam Ngạn.

Rước sách tế lễ với những trò vui cổ truyền cho đến hết đêm l6 tháng Tám.

**Ca nhi hát thờ và lệ thưởng tiền**

Kể từ ngày mồng tám, Thần linh ngự tại đình làng dân làng cắt cử một số các quan viên luôn luôn túc trực tại đình để trông nom việc phụng tự. Suốt trong những đêm này dân

làng mời ca nhi hát thờ thần. Ca nhi hát, dân làng đã có tiền thù lao, nhưng ngoài món tiền thù lao này, làng còn có lệ thưởng tiền cho quản giáp và các đào nương.

Trong khi ca nhi hát thờ, các bậc đàn anh trong làng luân phiên cầm trống chầu, thường hát thờ là hát ả đào.

Lệ thưởng tiền quản giáp và các đào nương là một lệ đặc biệt và cũng rất vui. Lệ này không phải đêm nào cũng có, thường dân làng chỉ tổ chức một hai đêm, nhất là đêm hôm giã đám.

Đêm nào hát thần có lệ thưởng tiền, đình làng có vẻ tưng bừng nhộn nhịp hơn mọi đêm khác, đèn nến sáng chưng trên bàn thờ và hai bên sân đình.

Bọn ả đào ngồi hát ở dưới chiếu, trước bệ thờ. Hai bên là các cụ và các quan viên trong làng. Phía đằng sau là dân làng đứng nghe hát, có rất nhiều thanh thiếu nữ trong làng.

Mỗi lần ca nhi hát một đoạn, dân làng lại cắt cử một chàng trai thuộc hàng thập bát thưởng tiền. Tiền của dân, chàng trai phải thưởng tiền dõng dạc qua những điều ước định trước.

Chàng trai phải bước xuống chiếu hát, tay cầm tiền của làng, gọi từ quản giáp tới các đào nương, mỗi lần gọi phải chờ tiếng dạ, lời gọi phải đường hoàng gẫy gọn, không ấp úng, không sai lầm, không lắp đi lắp lại.

- Đào nương kia ơi !

- Dạ !

- Quản giáp kia ơi !

- Dạ !

- Trước xướng thờ đức Thượng đẳng tối linh, sau tiền dân anh thưởng nhé !

- Dạ !

Chỉ có mấy lời dễ dàng như vậy, nhưng các chàng trai thường không gọi lầm thì nói nhịu, không nói nhịu thì bỏ sót. Chàng trai trong khi gọi thưởng tiền phải nghiêm chỉnh không được cười, và trước khi ném tiền thưởng xuống chiếc mâm thau dưới chiếu, chàng phải chờ tiếng « dạ » cuối cùng.

Trước số đông dân làng, trong số đó có cả các cô thiếu nữ trẻ tươi xinh đẹp đang chăm chú nhìn theo từng cử chỉ nghe từng tiếng gọi, chàng trai tránh sao khỏi thẹn thùng ngượng nghịu ! Ấy là chưa nói tới một đôi cô ranh mãnh thường chọc ghẹo các chàng, khiến các chàng hoặc mặt nóng ran, đỏ dừ, hoặc bật cười mất vẻ nghiêm trang. Có nhiều chàng lúng túng quên cả câu nói, ném vội số tiền làng thưởng cho ca nhi rồi rút lui ! Nhưng đâu có được ! Những ai lầm lẫn trong câu nói, mất nghiêm chỉnh đều phải làm lại việc thưởng tiền, và những lần làm lại, các chàng phải tự bỏ tiền túi ra !

Mỗi chàng trai lầm lộn lại tạo những tràng cười cho dân làng, nhất là cho các cô thôn nữ, và những lần làm lại, các chàng càng mất bình tĩnh, các cô càng có những câu nói ghẹo khiến các chàng thẹn thêm. Tiếng cười vang động trong đình, thật là vui !

Cuộc vui kéo dài cho tới khuya.

*Thi cỗ*

Cuộc thi cỗ được tổ chức vào đêm hôm giã đám.

Làng Thị Cầu có bốn giáp : Giáp Đông, giáp Bắc, giáp Giữa, giáp Già. Con trai các giáp từ I8 đến 20 tuổi được cử đi rước thần, và chính những thanh niên này được phép dự cuộc thi cỗ ngày giã hội.

Thi cỗ là của trai thanh tân, nhưng làm cỗ lại là công việc của các thanh nữ trong làng. Đây là một cách khuyến khích gái làng trong việc bếp núc. Cô gái nào có anh, em hoặc

đôi khi các chú trong gia đình dự thi cỗ, đều phải lo tới mâm cỗ thi. Qua các mâm cỗ này, các bà mẹ trong làng thường kén chọn con dâu.

Việc chấm cỗ do một hội đồng dân làng cử ra, thường gồm ông Tiên chỉ làng, các ông thủ chỉ giáp và một số các bô lão quan viên.

Chấm các mâm cỗ, hội đồng chú ý tới sự tinh khiết sạch sẽ, hội đồng cũng chú ý tới các món ăn trên mỗi mâm cỗ. Có nhiều món ngon chưa đủ, các thiếu nữ cần phải biết cách biến chế, nghĩa là phải có sáng kiến, để với những thổ sản trong vùng tạo nên những món ăn hấp dẫn, có thể qua hình thức là lạ, qua mùi vị là lạ, nhưng chất món ăn vẫn chỉ là những đồ ăn thường dùng. Hội đồng cũng chú ý tới cách trình bầy mâm cỗ cho có mỹ thuật và có những hình ảnh độc đáo. Thí dụ mâm cỗ dùng đồ ăn tráng miệng là bưởi, thiếu nữ làm cỗ có thể kết bằng tôm bưởi lộn ngược thành một con kỳ lân đứng sừng sững ở góc mâm cỗ như để canh chừng, Con kỳ lân có thể có đôi mắt gắn bằng đôi hạt sen già và có một bộ lông rất đẹp kết bằng những múi bưởi đào hồng nhạt, bên những múi bưởi trắng trong xanh.

Cuộc chấm cỗ bắt đầu sau lễ cúng thần buổi tối. Quang cảnh làng thật tưng bừng nhộn nhịp. Trai thanh tân dự cuộc thi cỗ cho người nhà gánh cỗ ra từ lúc trời còn sớm, những mâm cỗ giáp nào xếp riêng ra giáp đó. Đèn nến trong đình sáng chưng, những mâm cỗ nhìn thật đều thật đẹp. Bên cạnh những mâm cỗ cầu kỳ, có những mâm cỗ giản dị, nhưng qua cái giản dị, người ta vẫn thấy cái khéo léo của cô gái lo lắng cho mâm cỗ. Mâm nào mâm nấy đều tinh khiết sạch sẽ.

Cỗ chấm riêng cho từng giáp và cũng sắp hạng cho từng giáp.

Khi ban hội đồng đi chấm cỗ, những chàng trai thi cỗ cũng đi theo, và có thể nói được rằng, cả các cô gái làm cỗ cũng

có mặt lẫn lộn trong đám đông, và các cô đang chăm chú nghe lời bàn tán của hội đồng chấm cỗ về mâm cỗ của mình.

Sau khi đi qua, xem xét hết các mâm cỗ của bốn giáp, hội đồng mới họp bàn và tuyên bố giải nhất của mỗi giáp.

Tục thi cỗ đối với dân làng đôi khi là một sự tốn kém cho nhiều gia đình muốn làm những mâm cỗ sang với những món ăn đắt tiền, nhưng sự tốn kém không phải của tất cả những gia đình có con trai dự thi cỗ. Nếu những gia đình phong phú, nhân dịp này khoe giàu với dân làng, thì những gia đình khác chỉ thấy đây là một dịp để các con em cố gắng trong việc bếp núc, tự tạo lấy những món ăn mới qua sáng kiến riêng. Cách bầy biện mâm cỗ, cách trang trí cho mâm cỗ cũng đã chứng tỏ sự khéo léo của nhiều thiếu nữ trong làng, và nhiều bà mẹ đã kén được nàng dâu ngoan ngoãn qua các mâm cỗ.

*Ném pháo*

Làng có nghề làm pháo, mỗi năm Tết đến, dân làng đua nhau đốt pháo, và những ngày hội làng cũng là dịp đốt pháo, pháo đốt trong những lúc tế lễ rước sách. Đặc biệt nhất là tục *ném pháo* của dân làng. Ném pháo ở đây không phải là trai gái đốt pháo ném lẫn nhau như ở nhiều hội xuân ở các nơi khác. Đây là một lối chơi cần sự khéo léo và kiên nhẫn của những người dự cuộc.

Hàng năm cuộc ném pháo được tổ chức hai dịp, vào mồng ba tháng Giêng và l6 tháng Tám âm lịch.

Cuộc vui ném pháo, thường được toàn thể thanh niên và cả những người đàn ông đứng tuổi trong làng tham dự, tổ chức ngay trước cửa đình phía ngoài Tam quan, trên sân gạch nhỏ trước Tam quan.

Một quả pháo đại to bằng một gióng tre treo lơ lửng trên một cột cờ tại đây. Pháo áo hồng điều còn được trang điểm

thêm bằng giấy màu ngũ sắc rực rỡ và giấy trang kim vàng óng ánh.

Quả pháo lớn, ngòi pháo cũng lớn. Đây là một chiếc ngòi tết ba, nghĩa là tết bằng ba chiếc ngòi nhỏ.

Quả pháo đại treo đó, cả làng cùng có quyền đốt. Ai đốt được quả pháo này được dân làng hoan hô và hội đồng làng còn đốt mừng một bánh pháo toàn hồng, nhưng đốt pháo không phải cầm lửa châm lên ngòi pháo, phải dùng pháo nhỏ, đốt rồi ném lên pháo lớn, ném làm sao để khi pháo nhỏ nổ, lửa ở thuốc pháo hoặc ở xác pháo nhỏ sẽ bắt sang ngòi pháo lớn. Có thể nói đây là một sự rất khó khăn, ném pháo nhỏ trúng pháo lớn đã là khó, ném làm sao để pháo nhỏ nổ khi đụng vào pháo lớn lại càng khó hơn, và khó hơn nữa là ném làm sao cho pháo nhỏ nổ lại khiến lửa bắt sang ngòi pháo lớn.

Chiếc pháo lớn này hàng năm vào mỗi kỳ hội, dân làng đặt làm tại một nhà làm pháo. Chiếc pháo được dâng thờ trước khi đốt. Làm chiếc pháo thờ rất công phu. Thân pháo phải cuốn thật chặt, hai đầu pháo ghim thật kỹ. Lòng pháo to, thuốc đựng nhiều, nếu người làm pháo không cẩn thận, lúc nổ đáng lẽ xác pháo tan vỡ như bươm bướm rơi xuống sân đình, pháo sẽ bật đầu hay vỡ bụng, xác pháo sẽ không tan. Lại phải pha thuốc, lựa loại giấy cuốn pháo để khi nổ pháo không bén xác, nghĩa là lửa không bắt vào những mảnh xác pháo.

Dùng làm thuốc pháo, dân làng Thị Cầu thường dùng ba chất : diêm vàng tức là diêm sinh, diêm trắng tức là tiêu thạch (Salpêtre) và than củi. Người làm pháo phải pha thuốc cho khéo để pháo nổ kêu tiếng vang ròn.

Đấy là nói về chiếc pháo thờ. Còn những chiếc pháo dùng để ném đốt chiếc pháo thờ thường được các nhà làm pháo chế tạo riêng. Họ dùng thứ giấy bắt lửa để pháo được bén xác khi nổ, có như vậy lửa ở xác pháo nhỏ mới có thể bắt

vào ngòi pháo thờ, và ngay cả thuốc pháo cũng được pha theo một tỷ lệ để làm cho lửa bén sang xác pháo.

Về dịp hội tháng Tám, hôm I6, trước khi đốt pháo có một buổi tế thần. Tế xong, để khai cuộc, một tràng pháo toàn hồng được đốt trước. Kế đó ông Tiên chỉ hoặc một vị bô lão trong làng mở đầu cuộc ném pháo. Vị này đốt một quả pháo tung lên chiếc pháo thờ.

Sau đó, dân làng tha hồ đốt pháo, ai có sức cứ đốt và cứ tự do ném pháo của mình lên chiếc pháo thờ, ném cho đến khi chiếc pháo này nổ.

Tiếng pháo nối tiếp tiếng pháo. Ai ném quả pháo của mình lên cũng hy vọng đốt được quả pháo thờ. Nhiều người trong lúc ném pháo vô ý đã bị pháo nổ ngay trong lòng bàn tay, bàn tay nhám đen như thuốc pháo.

Cuộc ném pháo kéo dài đến quá trưa, nếu không ai đốt được quả pháo thờ, dân làng sẽ cử người bắc thang châm lửa đốt. Cuộc vui lúc đó mới tàn.

*Hát trống quân*

Nhân dịp hội làng, tối tối tại các xóm trong làng, nam nữ thanh niên có lập nên những đám hát trống quân.

Hát trống quân không do làng tổ chức, các nam nữ thanh niên, nhân dịp hội làng, muốn mua vui và tranh tài với nhau, họ tự lập nên tại khắp các xóm trong làng. Và mỗi năm chỉ về dịp Trung Thu, nhân lúc hội làng, những đám hát trống quân mới được lập nên.

Về thể lệ và lối hát trống quân, xin xem Cầm Ca Việt Nam của soạn giả do Lá Bối xuất bản lần thứ nhất.

*Thả chim thi*

Đây là thả những đàn chim bồ câu, mỗi đàn I0 con. [3]

Những đàn chim này được nhốt trong những chiếc lồng không đáy, đáy là một mâm gỗ tròn, đặt lồng chim vào vừa khít. Làng Thị Cầu tổ chức *Thả Chim Thi* ở bãi đất bên cạnh chùa Điều còn gọi là chùa Ngoài ở đầu làng về phía Nam. Cuộc thi không phải tổ chức riêng cho dân làng mà cho tất cả các tay chơi chim trong vùng.

Trước cuộc thi, luôn luôn có tiếng trống liên hồi, tiếng trống báo hiệu cho những tay chơi chim biết, và khi những đàn chim đã thả ra, tiếng trống làm cho chim sợ hãi phải bay lên cao.

Khi cuộc thi bắt đầu, mỗi đàn chim đều được ban Hội đồng chấm giải cấp cho một số, đàn chim số 9, đàn chim số II v.v…

Lần lượt theo số của mình, những đàn chim được thả ra. Chủ mỗi đàn chim, mở nâng lồng chim của mình một cách khéo léo để cả đàn cùng bay vụt lên cao một lúc.

Hội đồng chấm giải phải theo dõi từng đàn chim, tránh sự lầm lộn đàn chim của người này vào người khác. Không phải họ ngửa cổ lên trời nhìn theo từng đàn chim. Họ dùng một mâm thau hoặc một chậu thau đồng lớn đựng nước. Họ theo dõi những đàn chim qua bóng mỗi đàn trong mâm thau hoặc chậu thau nước. Với kinh nghiệm đã quen, không bao giờ có sự lầm lẫn, và chủ nhân các đàn chim rất tin tưởng ở nơi Hội đồng tuy mỗi người vẫn theo rõi riêng đàn chim của mình.

Muốn được giải đàn chim phải bay bổng và phải gọn đàn, lúc lượn bay lên bay thành từng vòng đều.

Trong lúc thả chim, tiếng trống liên hồi như thúc giục để các đàn chim càng bay cao hơn.

Một cuộc thi thả chim có ba giải dành cho ba đàn chim bay cao và đẹp nhất.

Trước đây, trong các ngày hội mùa Thu vùng Bắc Ninh, Bắc Giang thường có tục thả chim thi. Cho đến thời Pháp thuộc, vào năm I930-I93I, có một bọn người Pháp cứ nhè những đàn chim thi này bắn lên, từ đó tục thả chim thi mất dần.

°

Trên đây là những cổ tục chính thường xuất hiện trong dịp hội tháng Tám của làng Thị Cầu, ngoài ra cũng có năm, gặp những kỳ làm ăn thịnh vượng, còn có các trò vui khác được tổ chức như Chọi gà, Tổ tôm điếm, Hát tuồng cổ, Hát chèo, Hát quan họ v.v…

Về chọi gà, làng này thường tổ chức vào ngày mồng ba tháng Giêng. Hát tuồng cổ được tổ chức cả trong dịp xuân lẫn dịp thu, trong làng có một ban tuồng cổ riêng. Hát chèo, xưa kia thì có, nhưng kể từ năm I925 trở về sau, trong làng có ban tuồng cổ, khi hội hè, ngoài việc mời ca nhi hát thờ trong đình, hát tuồng cổ được tổ chức ở sân hậu đình cho dân làng mua vui. Hát quan họ do trai làng mời các đám quan họ nữ tới hát để mừng thần linh (Xem trong bài Hội Lim).

Làng Thị Cầu, ngoài hội làng tổ chức vào dịp tháng Tám để kỷ niệm thần linh, hàng năm vào các ngày mồng 9 và 20 tháng Giêng, hai chùa trong làng, chùa Cao còn gọi là chùa Trong ở chân núi Thiềm và chùa Điều còn gọi là chùa Ngoài có cúng lễ sư tổ. Trong những dịp này, trai gái các làng lân cận tới lễ Phật và gặp nhau họ mời nhau Hát quan họ để vui xuân. Làng Thị Cầu chỉ có quan họ Nam, không có quan họ Nữ, nhưng không vì vậy mà tục hát quan họ kém hoạt động ở đây.

---

1 Ngôi đình này đã bị Việt Minh đốt phá vào cuối năm I948.

2 Nơi đây mọc rất nhiều sim.

3 Xin xem PHONG TỤC VIỆT NAM của soạn giả, Khai Trí xuất bản I969 để biết chi tiết về lối chơi này, nhất là những danh từ để chỉ những động tác của đàn chim, những kiểu bay lúc vọt lên.

# MẤY NGÀY HỘI Ở CAI LẬY

Sau khi tập thượng của Hội Hè Đình Đám được phát hành, chúng tôi được một người bạn quen nhắc tới những ngày hội ở Cai Lậy, những ngày hội mà một người khác đã sưu tầm giúp những tài liệu từ năm I959.

Để không phụ lòng người nhắc nhở cũng như người đã ghi giúp những tài liệu, chúng tôi thấy không thể bỏ qua những ngày hội ở Cai Lậy, tuy lẽ ra bài này phải in ở quyển thượng, một phần ở chương I và một phần ở chương II mới hợp. Chúng tôi xin lỗi bạn đọc nếu bài này lạc lõng ở chương này.

Về những ngày hội ở Cai Lậy, theo tài liệu thâu thập được, chúng tôi chỉ nhắc tới các ngày lễ ở lăng Tứ Kiệt, ở đình Bang Lãnh và ở Thiên hậu Cổ miếu.

**Hội lăng Tứ Kiệt**

Lăng Tứ Kiệt ở sau dinh quận Cai Lậy, đây là lăng của bốn vị anh hùng kháng Pháp đã bị chết dưới lưỡi gươm của Pháp. Hàng năm dân chúng mở Hội ở nơi đây vào hai ngày I5, I6 tháng Tám âm lịch để ghi nhớ công ơn các người.

*Tứ Kiệt là ai ?*

Đây là các ông Long, Thận, Rộng và Đước, không rõ họ các vị là gì, những người đã nghe tiếng gọi của núi sông, gia nhập nghĩa quân chống Pháp, đã làm cho quân Pháp nhiều phen thất điên bát đảo.

Không bắt được các ông, nghe theo mưu kế của lũ Việt gian bán nước, chúng bắt cha mẹ vợ con các ông, buộc các ông phải ra trình diện, nếu không chúng sẽ giết hết những người này.

Tình nước nặng, tình nhà cũng nặng, các ông đã nghĩ, không vẹn hiếu sao vẹn được trung, đành lấy hiếu làm trung, phải cùng nhau xuất thú để chúng tha bố mẹ vợ con.

Thật đáng tội nghiệp, chỉ giận thay, lũ tay sai của giặc tham quyền cao lộc cả, nỡ bày mưu với giặc để hãm hại những người yêu nước.

Bốn ông xuất thú, gia đình các ông được tha về ; giặc dụ các ông đầu hàng, phong cho chức tước, các ông đều từ chối, chúng đã đem cả bốn ông hành hình. Chúng chém đầu các ông ở Cai Lậy, nhưng chưa thỏa nguyện, chúng còn đem đầu các ông bêu tại chợ cho dân chúng biết. Đầu các ông chúng bêu :

- 2 đầu tại Cầu Cá chợ, ngó về phía sông Ba Rào,

- I đầu tại ngã tư Cai Lậy đường Mỹ Thọ đi Ba Dừa,

- I đầu tại ngã ba đường đi Cái Bè, Tân Hiệp, theo lộ giây thép chúng đã thiết lập khi chiếm cứ Cai Lậy để tiện việc liên lạc Cai Lậy với Mỹ Tho.

Trước cái chết của bốn ông, lại thấy đầu bốn ông bị bêu, dân chúng ai nấy đều xót thương, nhưng vì sợ quân giặc hung tàn, sợ lũ chó săn tay sai của giặc tọc mạch, không ai dám để lộ sự đau đớn của mình !

*Tứ Kiệt anh linh*

Tuy bị giết, nhưng khí thiêng không mất, bốn vị anh hùng gần như vô danh trên đã tỏ ra rất anh linh. Theo lời dân chúng địa phương nhắc lại, sự hiển linh của các vị đã tạo ra nhiều sự việc rất đáng kể.

Chuyện thuật lại rằng ngay trong hai ngày đầu, một sự lạ đã xảy ra nguyên có anh Ba tàu, gánh thịt heo đi bán dạo, đi ngang qua đầu một vị thấy vị này mắt mở miệng há, anh ta đã nói : « Cái này chết rồi còn muốn ăn thịt, ngộ cho một miếng ». Anh nói xong liền bị hộc máu, mê man ngã xuống.

Đem về nhà anh ta trợn mắt há miệng và nhắc lại y nguyên lời anh ta đã nói khi đi ngang qua chỗ bên đầu. Sau cùng anh hộc máu đến chết.

Chuyện cũng thuật lại rằng, trong khi đầu bốn vị bị bêu, luôn ngày đêm tại Cai Lậy, đầu này thấy cháy nhà, đầu kia thấy cháy nhà, có cháy đấy nhưng không nơi nào bị thiệt hại. Lửa cháy chỉ khiến cho dân chúng và các nhà cầm quyền băn khoăn lo sợ. Tìm hiểu, họ biết đây là do sự hiển linh của bốn ông. Sau cùng làng xã và dân chúng phải làm đơn xin chính quyền cho phép mai táng thủ cấp của bốn vị, những thủ cấp này được chôn ngay ở phía sau dinh quận Cai Lậy.

Dân chúng được yên ổn trong ít bữa, cảnh đầu này cháy nhà, cảnh đầu kia cháy nhà lại diễn ra, dân chúng ăn ngủ không yên, không còn lòng nào sinh hoạt được. Sau cùng vài bô lão trong làng trù tính xin phép xây miếu để an vị bốn vị anh hùng. Miếu xây xong, từ đó dân chúng yên ổn làm ăn, những sự việc cũ không xẩy ra nữa.

Mộ bốn vị anh hùng linh thiêng lắm , dân chúng tôn kính kêu là Mộ bốn ông. Ai cầu xin điều gì cũng được. Đi ngang qua, không ai dám làm ồn ào, nói cười đùa giỡn vô phép. Người ta còn thuật lại rằng, thậm chí ngay trong Quận, nếu có vụ kiện thưa không biết gian ngay, chỉ cần đem ra MỘ BỐN ÔNG để các đương sự làm lễ thề, lập tức kẻ gian bị trừng phạt xây xẩm mặt mày, đành phải thú tội.

Trong khi có sự linh thiêng ấy, MỘ BỐN ÔNG vẫn chỉ là một ngôi mộ hoang, cỏ dại mọc chùm cao ngất, không rào, không bệ, lại thêm bùn lầy dơ bẩn. Dân chúng muốn sửa chữa làm hàng rào, xây bệ mộ, nhưng mọi người đều sợ chính quyền Pháp, tuy có lòng cũng đành phải làm ngơ. Chỉ trong vài ba năm đầu có người cháu của một trong bốn vị, đến tảo mộ, nhưng qua mấy năm sau cũng không thấy tới nữa. Có dư luận cho rằng, người này đã bị người Pháp bắt vì tội đến thăm mộ những *« người phản loạn »*.

Sự linh thiêng của tứ kiệt còn được nhận thấy ở nơi đây trong khi chung quanh đó những cảnh đốt nhà, cướp của, giết người, phá lăng miếu, đốt chùa chiền cùng các nơi thờ tự khác, đã xảy ra rất thường, thì tại Cai Lậy, dân chúng vẫn yên ổn.

Rồi quân Pháp trở lại, chỉ có chợ Cai Lậy bị hư hao, nhà dân chúng, đình chùa miếu mạo không hề hấn gì, trước mọi cuộc tấn công hay chống trả.

Theo dân chúng, sự linh thiêng của bốn ông đã khiến ngay Việt Minh và Pháp cũng không giao tranh ở đây. Việt Minh, nhiều lần tụ họp lực lương hẹn ngày đánh úp Cai Lậy, nhưng vì trong nội bộ có sự bất đồng, rồi có kẻ hai mặt ra báo cáo với chính quyền địa phương, mọi dự định Việt Minh không thực hiện được. Sự kiện này, người dân Cai Lậy cho là nhờ sự linh thiêng hiển hách của Tứ Kiệt đã xui khiến nên.

Sau thời kỳ này, chính quyền địa phương đã đứng lên tổ chức xây lại mộ bốn ông thành bốn mộ riêng biệt với bia mộ rào sắt và bên trong nấm mộ rất khang trang. Mộ được gọi là LĂNG TỨ KIỆT, và ngày khánh thành lăng đã được tổ chức trọng thể. Từ đó, để tỏ lòng tôn kính hơn, người dân không dùng danh từ Mộ Bốn Ông, họ đã gọi theo danh từ mới : Lăng Tứ Kiệt. Và danh từ Tứ Kiệt cũng đã được dùng để đặt tên đường, tên sân vận động, tên trường học, tên hội trường ở Cai Lậy : đại lộ Tứ Kiệt, hội trường Tứ Kiệt, trường bán công Tứ Kiệt, sân vận động Tứ Kiệt…

**Ngày hội**

Mỗi năm vào các ngày I5 và I6 tháng Tám Âm lịch, dân chúng có tổ chức lễ cúng bốn vị anh hùng ở lăng Tứ Kiệt. Trong hai ngày này có cúng tế, và khách dự lễ rất đông gồm đủ các giới : Đại diện chính quyền địa phương, các hương chức còn tại chức hoặc đã mãn nhiệm kỳ, các

thương gia điền chủ và toàn thể dân chúng xã Thanh Hòa, xã sở tại quận Cai Lậy.

Ngày I5 tháng Tám là ngày rằm Trung Thu, cuộc lễ bái càng long trọng và dân chúng càng nhộn nhịp tham dự với cả tấm lòng thành kính và đồng thời được thưởng thức hai tối hát bội tổ chức hát thờ anh hồn Tứ Kiệt.

Từ đó tới nay, lễ kỷ niệm Tứ Kiệt cùng với tết Trung Thu đã trở thành tục lệ của dân xã Thanh Hòa.

**Hội đình Bang Lãnh**

Tại chợ Cai Lậy, gần cầu đúc đi Hậu Giang có ngôi đình, tục gọi là đình BANG LÃNH, vì đình này cất gần tiệm của ông Bang tên là Lãnh. Đình trước thuộc ấp Thanh Sơn, một ấp nằm trong xã Hỏa Sơn. Gọi là đình thờ thần, nhưng nơi đây không có sắc phong, sắc phong trước đây triều đình ban cho đình Ông Án, một ngôi đình khác, cách đình Bang Lãnh chừng 300 thước, đi từ chợ Cai Lậy phải qua một cây cầu tréo bắc ngang sông Ba Rài.

Mỗi năm vào các ngày I6, I7 tháng Bảy Âm lịch, dân xã Thanh Hòa có lệ cúng thần tại đình Bang Lãnh. Trong ngày cúng thần, hương chức tân cựu trong xã có lễ rước sắc thần long trọng từ đình Ông Án về cúng.

Suốt trong hai ngày cúng lễ, dân xã mời ban hát bội tới hát ngày đêm, và đèn nhang nghi ngút trên bàn thờ, dân chúng luôn luôn tới lễ bái tấp nập.

Đình làng không có sắc thần, rước sắc thần bên đình Ông Án về cúng, cúng lễ xong, dân làng lại rước hoàn trở lại.

Không có sắc thần, để thờ vọng, bài vị chỉ có mấy chữ Thành Hoàng bản cảnh.

Có người dân Cai Lậy bảo rằng, nơi đình Bang Lãnh thờ ông Huỳnh Tấn Chiêu.

*Ông Huỳnh Tấn Chiêu là ai ?*

Cai Lậy xưa kia là một vùng hoang vu, cỏ cây sầm uất với bùn lầy hào vũng. Sông Tiền Giang có vàm sông chảy thông lưu ngang qua chợ đến gần Đồng Tháp Mười mang danh sông Ba Rài, có nhiều rạch : Rạch Ông Toan, Rạch Bà Ụt, Rạch Nàng Gồng, Rạch Ông Hiệu. Khỏi chợ có rạch Xoa Rài, Rạch Cà Mau, Rạch Nàng Chưng, Rạch Tràm, Rạch Trát tiếp liền với kinh Ba Bèo.

Về hướng Đông Nam Cai Lậy, có đồn lũy, các Giòng Tha La, Giòng Mô Côi, Giòng Bà Trà, Giòng Cây Quéo. [1]

Trên đây là tình hình Cai Lậy thuở xưa, khi nơi đây mới chỉ có toàn dân Mên lập nghiệp làm ăn với ngôi chợ được dựng lên. Ta đừng lấy làm ngạc nhiên nếu những tên rạch và giòng mang âm thanh tiếng Mên. Chính Cai Lậy cũng do Mên ngữ mà ra, và khởi thủy là hai chữ Cai Lễ. Khi người Việt Nam tới Cai Lậy làm ăn, người Mên họ tự ý rời bỏ nơi này di cư xuống miền Bạc Liêu, Cà Mau. Người Mên đi khỏi với số dân Việt Nam ít ỏi, Cai Lậy như hoang vắng. Lúc ấy có ông HUỲNH TẤN CHIÊU đứng lên khai khẩn, biến nơi hoang phế này thành ruộng, thành vườn, sửa lại chợ Cai Lễ, cho người Hoa kiều mướn đất làm nhà, dần dần nơi đất hoang vu này biến thành một nơi dân cư đông đúc, và danh từ Cai Lễ cũng biến đổi thành Cai Lậy.

Hồi đó quân Pháp tiến đánh Nam Việt. Dân chúng bỏ chạy khi chúng tiến đến Cai Lậy, ông Huỳnh-tấn-Chiêu bỏ hết nhà cửa ruộng vườn đi theo các quan chức triều đình. Ông không trở về sợ quân Pháp sát hại, đành bỏ hết sản nghiệp đã tạo nên, sản nghiệp này sau được nhập làm công sản xã Thanh Hòa ngày nay.

Vì nhớ công khai thác tạo thành Cai Lậy sầm uất, dân chúng, do các Hương Chức đứng lên xin trích ra một số tiền và những hoa lợi trong những tài sản của ông Huỳnh để mỗi năm đến ngày rằm tháng tám âm lịch là ngày giỗ ông, dân chúng cúng giỗ.

Chợ Cai Lậy nhỏ lúc trước đã được mở mang xây to lớn sau nầy do tiền của tịch thu và hoa lợi ruộng vườn của ông Huỳnh.

Ông Huỳnh có phải vị thần linh được thờ ở nơi đình Bang Lãnh không ? Điều này, chúng tôi đã hỏi lại, có người xác nhận, có người phủ nhận. Chúng tôi xin ghi lại đây để quý vị muốn tìm hiểu tường tận hơn có thể dùng những điều chúng tôi đã nêu trong nầy để bắt đầu.

**Hội Chùa Bà**

Chùa Bà còn được gọi là Thiên Hậu cổ miếu, do người Hoa Kiều thuộc các Bang Hẹ và Tiều dựng nên, theo sự khởi xướng của các Bang trưởng. Ba ông Bang Xửng, Bang Xe và Bang Nhỉ đã hợp với các thương gia Hoa Kiều chợ Cai Lậy để dựng chùa, thờ Thiên Hậu Nương Nương, ngày ngày đèn nhang cúng bái.

Theo dân chúng, Thiên Hậu cổ miếu rất linh thiêng. Ngày nào cũng có người tới lễ bái, xin xâm để cầu khẩn mọi việc : buôn bán, chữa bệnh, đi xa v.v…

Chùa của người Trung Hoa lập nên, nhưng dân chúng Việt Nam với tinh thần bao dung tín ngưỡng, vẫn tới lễ cúng.

Mỗi năm, nhân dịp đầu Xuân, vào các ngày từ I3 đến hết I7 tháng giêng, chùa có mở hội cúng Thiên Hậu Nương Nương, được gọi một cách kính cẩn là cúng Bà. Trong ngày hội có lệ vay pháo trả pháo, tương tự như tục vay tiền ở miếu Bà Chúa Xứ núi Sam, chúng tôi đã nhắc ở chương trên.

Ngoài những ngày hội tháng giêng, ngày 23 tháng 3, tại chùa có lễ vía Bà.

Hơn nữa, cứ ba năm một lần vào các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu, chùa lại tổ chức cúng Bà một kỳ rất lớn, có làm chay và có hát Tiều từ I4 đến hết I7 tháng Bảy âm lịch.

Trên đây là những ngày lễ hoặc hội tại một số các nơi thờ tự tại Cai Lậy, ngoài ra còn những lễ kỳ an tại các chùa miếu khác mà ở đây chúng tôi xin không nhắc tới.

---

1 Nơi đây có vài cây xoài cổ thụ thành cây Quéo, có trái như xoài song bé, xơ, không cơm như xoài. Nông dân Cai Lậy đi làm ăn qua miền Cà Mau, Bạc Liêu gặp nhiều người Mên già lão thường hỏi thăm : Hai Ông Quéo còn mạnh giỏi chăng ?

# HỘI ĐỒ SƠN

Với tục Chọi trâu

Miền Bắc có câu ca dao :

*Dù ai buôn bán đâu đâu,*

*Mồng Mười tháng Tám Chọi trâu thì về.*

*Dù ai buôn bán trăm nghề,*

*Mồng Mười tháng Tám thì về Chọi trâu*.

Câu ca dao này đã nói lên lòng hâm mộ của mọi người đối với tục Chọi trâu, bỏ mọi công việc để được dự một cuộc vui đặc biệt của dân tộc.

Tục Chọi trâu hàng năm diễn ra tại hội tổng Đồ Sơn, phủ Kiến Thuỵ, tỉnh Kiến An.

Tổng Đồ Sơn ở ven bờ biển vịnh Bắc Việt, gồm ngay cả bãi bể Đồ Sơn. Du khách tới bãi bể Đồ Sơn, là đã tới địa phận tổng. Tổng này hàng năm mở hội vào ngày mồng mười tháng Tám, và trong hội có cuộc vui hấp dẫn nhất là tục chọi trâu, tổ chức chung bởi ba làng trong tổng là Đồ Sơn, Đồ Hải và Ngọc Xuyên.

**Thần tích**

Thần tích các làng thuộc tổng Đồ Sơn, theo các ông Nguyễn văn Liêm, Thú Y sĩ và Ngô quốc Côn, nguyên tri phủ Kiến Thuỵ mà tập san Indochine nhắc lại trong số 7 xuất bản ngày I7-9-I942, nguyên do như sau :

Cách đây I8 thế kỷ, với gió mùa Đông Nam, một số ngư phủ Nguyên quán ở Thần Hoà trôi giạt tới chân núi Tháp Sơn của bán đảo Đồ Sơn. Sống ở đây, những ngư dân này liên tiếp chịu mọi thiên tai, bão tố nối tiếp trời hạn hán.

Trước mọi tai nạn, họ chỉ biết ngày đêm ngưỡng lên trời van vái và cầu khẩn xin chư vị thần linh miền ven duyên thương họ.

Cho tới một hôm, trời trong sáng dưới ánh trăng tháng Tám, một số người trông thấy ngoài biển, dưới ánh trăng vàng đang đùa sóng gợn, một lão nhân đầu tóc bạc phơ ngự trên một chiếc sập đá, tay cầm một chiếc gậy dài ngắm nhìn một đôi trâu chọi nhau.

Hình ảnh này hiện rồi biến. Sau đó một trận mưa độ lượng đã tưới mát mặt đất.

Qua hình ảnh xuất hiện bất ngờ trên mặt biển, ngư dân hiểu thần linh giáng hạ báo cho dân chúng biết mà thờ phụng.

Để làm hài lòng thần nhân, họ tổ chức những cuộc chọi trâu và tục này đã được lưu truyền mãi mãi. Một tấm hoành khắc vào đời Vua Lý Thánh Tông (I054-I059) gắn trên chính điện ngôi đình xã Đồ Sơn, chứng tỏ cổ tục này đã có từ lâu lắm.

Dân chúng thờ thần, vị lão nhân đầu râu tóc bạc, nhưng không biết duệ hiệu của tôn thần, họ cầu khẩn xin thần nhân cho biết để tiện việc thờ phụng nhất là việc khấn vái trong lúc cúng lễ và để thoả lòng tôn kính.

Sau nhiều lễ nghi liên tiếp thực hiện với sự thành kính của mọi người, dân chúng mang đặt trong ngôi đền thần một mâm bột gạo, rồi toàn thể cùng rút lui sau khi đã đóng kỹ cửa đền.

Vài ngày sau khi trở lại, trên mâm bột họ thấy có vết chân chim. Xoá đi, ngày mai trở lại, vết chân chim lại hiện ra. Như vậy thần nhân đã cho dân làng biết duệ hiệu của mình. Từ đó dân làng thờ ngài dưới danh hiệu Điểm Tước Đại Vương.

Được sự che chở của Đại Vương, đám ngư dân làm ăn phát đạt, chống đỡ được mọi tai nạn của biển cả cũng như mọi sự biến diễn của thời gian. Sự phát đạt ngày càng tăng tiến ; dân số ngày càng đông ; làng xã được lập ra, đầu tiên mới có một làng, rồi hai làng, ba làng : Đồ Sơn, Ngọc Xuyên và Đồ Hải, ba làng họp thành tổng Đồ Sơn sau nầy.

Qua các triều đại thần linh luôn luôn được sắc phong. Những bản sắc cũ không còn nữa, nhưng đến trước ngày đất nước chia hai vào năm l954, dân làng còn giữ được sắc phong của vua Cảnh Thịnh triều Lê và của các vua Tự Đức, Đồng Khánh, Duy Tân và Khải Định triều Nguyễn.

Lúc đám ngư dân mới lập đền thờ, đây chỉ là một ngôi đền lợp lá, nhưng sau này đền được xây gạch với đầy đủ vẻ tôn nghiêm. Đền toạ lạc đối diện sông Hồng Giang, phía trước nơi thần linh đã xuất hiện.

Theo một số dân Đồ Sơn thuật lại, sự tích Điểm Tước Đại Vương có hơi khác :

Bãi bể Đồ Sơn xưa kia chỉ là nơi hẻo lánh hoang vu với tám túp lều đánh cá của tám nhà thuyền chài lập thành một ấp nhỏ. Một hôm ông Trưởng ấp bàn với bảy nhà kia lên núi Cửu Long ở gần bãi bể, tìm chỗ thạch bàn bày một mâm bột, cúng xin duệ hiệu vì dân ấp tới ngày đó thờ *Bát Bộ tôn thần*. Mấy hôm sau, mấy người rủ nhau trở lại chỗ thạch bàn chỉ thấy có một vết chân chim, ngó xuống chân núi có hai con gà vàng đang chọi nhau.

Các cụ trong ấp về lập đền thờ và hàng năm tới ngày lễ, dân ấp tổ chức các cuộc chọi gà. Với tục lệ mới này, dân trong ấp làm ăn vẫn không thấy thịnh vượng. Hàng ấp lại lên núi cầu lại Duệ hiệu. Khi ở trên núi ngó xuống, mọi người thấy hai con trâu vàng chọi nhau. Từ đó hàng năm có tổ chức cuộc chọi trâu, và dân cư làm ăn ngày thêm thịnh vượng. Về sau với sự sinh con sản cháu, với dân

chúng nhiều người nơi khác tới cư ngụ làm ăn, ấp đổi thành làng, một làng rồi ba làng.

Hỏi đến *Bát Bộ tôn thần*, dân làng cho biết đây là tám vị thần linh, nhưng họ không nói rõ tám vị này là những vị nào.

So với những điều thuật lại theo tài liệu của các ông Nguyễn văn Liêm và Ngô quốc Côn, câu chuyện của dân làng không đúng hẳn song vẫn có nhiều sự trùng hợp, xin nhắc lại ở đây để tiện giúp các vị muốn khảo cứu kỹ về sau.

Ngoài ra cũng có một số người cho rằng sở dĩ xã Đồ Sơn có tục chọi trâu là để kỷ niệm Quận Hẻo tức là Nguyễn-hữu-Cầu, một tướng giặc có danh về đời Hậu Lê đã bị Phạm-đình-Trọng đánh bắt. Điều này so với tấm hoành của ngôi đình xã Đồ Sơn đã nhắc ở trên thì sai hẳn, đền có trước đời Lý, lẽ nào dân làng không thờ quận Hẻo lại có tục chọi trâu để kỷ niệm quận Hẻo. Rất mong được sự soi sáng của các vị học giả hiểu biết hơn.

**Tục Chọi trâu**

Chọi trâu được tổ chức ở một khoảng đất rộng, trước ngôi đình chung của ba xã Đồ Sơn, Đồ Hải và Ngọc Xuyên, toạ lạc trên địa phận xã Đồ Hải.

Để dự cuộc chọi trâu này, mỗi xã trong tổng đều phải có trâu chọi. Tiếng rằng chọi trâu ở Đồ Hải nhưng đây là hội chung của hàng tổng Đồ Sơn. Tổng nầy với ba xã gồm tất cả l4 thôn, mỗi thôn trong kỳ hội đều có trâu cảu mình dự chọi, tổng cộng tất cả l4 con trâu.

*Kén chọn trâu*

Trâu dự chọi phải được kén chọn kỹ lưỡng và phải chăm sóc một cách đặc biệt riêng.

Ngay từ tháng Ba đầu năm, dân hàng tổng đã phải đi lùng trâu ở khắp nơi các tỉnh Bắc Việt, sự kén chọn trâu chọi do các tay chuyên môn hiểu biết về trâu qua tướng trâu, có con trâu chọi nhau hăng hái, có con trâu chỉ biết cổ cày vai bừa, ăn no kéo nặng không chiến đấu.

Theo các nhà chuyên môn, trâu chọi phải đầu nhỏ, cổ dài, bờm [1] tròn, lưng hơi hơi nhô lên. Sừng trâu phải cứng, vuông ở chân sừng, mặt sừng mịn, không dấu vết, vươn thẳng một mạch lên khỏi đầu, hai chiếc sừng cân đối và như nằm trong một mặt phẳng. Hơn nữa sừng phải *kín,* tiếng chuyên môn để chỉ những cặp sừng hai đầu không quá xa nhau, và cũng không cao khỏi trán trâu bao nhiêu. Tốt nhất khi cặp sừng cách trán trâu chừng sáu tấc, 20 phân ngày nay (20 cm), và hai đầu sừng cách nhau vào khoảng I2 tấc. Mắt trâu phải tròn và lanh lợi, nằm dưới cặp vành mắt cứng khoẻ. Hàm trâu phải thuộc loại *hàm nghiên*, nghĩa là đen như nghiên mực. Tai trâu phải dính với sừng, xoáy trâu trên đầu phải nhiều lông và những lông này phải cứng. Trán phải dẹt, thân phải mập lẳn… Trâu phải *cao vây, sa ức, kín sườn, bụng cheo* đúng như lời tục ngữ. Vậy là cái bướu ở vai, ức là phía ngực. Muốn kín sườn, đôi vai trâu phải to, còn bụng cheo tức là loại bụng hơi lớn lớn.

Người ta còn kén trâu qua đuôi, đùi, chân và các khớp chân : đuôi tròn, đùi dài, chân ngắn, khớp dẻo dai. Ngoài ra, cũng cần để ý tới khoáy trâu, nghĩa là những chỗ lông trâu hợp thành từng khoáy như tóc trên đầu con người. Tục tin rằng con trâu nào có hai khoáy đối nhau ở hai bên đùi là con trâu sẽ chiến thắng sau những cuộc giao đấu hăng say.

Loại trâu chọi thường được lựa trong những con trâu từ tám đến mười tuổi.

Kén chọn trâu qua hình dáng tướng mạo, nhưng người lựa trâu cũng cần để ý đến xuất xứ của mỗi con trâu. Phải tuyệt

đối tránh mua lại trâu ăn cắp, do đó, người ta thường tìm hẳn đến các chủ trâu.

*Lễ trình trâu*

Sau khi tất cả mười bốn thôn đã mỗi thôn kén chọn tậu được con trâu, dân hàng tổng làm lễ trình trâu với đức tôn thần.

Tất cả đàn trâu của mười bốn thôn đều được dắt tới sân đình làng Đồ Hải, con đứng con nằm ngổn ngang, con miệng đang nhai lại đám cỏ ăn lúc sáng. Ở trong đình quan viên hàng tổng hội họp để làm lễ khấn trình với thần linh. Lễ tất nhiên có những lễ vật như hương đăng trà quả rượu trầu. Vị đại diện hàng tổng thắp hương khấn vái lễ thần rồi xin một quẻ âm dương để được biết ý thần hài lòng về những con trâu đã chọn. Rồi lần lượt các quan viên khác trong hàng tổng đều vào lễ, sau cùng là những dân thôn đã được hàng thôn uỷ nhiệm việc nuôi trâu.

Trong lúc đó, những con trâu vẫn điềm nhiên nằm đứng trước sân đình.

*Nuôi trâu*

Lễ trình trâu xong, thôn nào dắt trâu về thôn đó, và kể từ ngày đó, một người được hàng thôn cử nuôi trâu phải săn sóc con trâu sao cho khoẻ mạnh và nhất là tinh khiết.

Thường được giao nhiệm vụ này là những chàng trai chưa lập gia đình và chàng còn phải ở không, không được tính tới hôn nhân cho đến sau ngày hội chọi trâu mồng mười tháng tám.

Trong khi nuôi trâu, chàng trai phải chịu mọi sự kiêng khem, không được động tới các món ăn bị coi là ô uế : thịt cầy, thịt chó, hành tỏi sống và cả thịt trâu bệnh nữa, và tuyệt đối không được giải quyết sinh lý dù có bị đòi hỏi. Các cậu lại phải ăn ở cho sạch sẽ, tránh mọi nơi dơ dáy như đi thăm đàn bà đẻ, dự đám táng. Cả đến những hành động

gian tà như trộm cắp cũng phải tránh. Một người làng Đồ Sơn còn nói với chúng tôi là ngay đến ý nghĩ gian tà cũng không được có !

Nếu không may con trâu bị vang mình sốt mẩy, bỏ ăn lờ đờ, lập tức chàng trai nuôi trâu phải trai giới cầu khẩn thần linh để xin cho trâu được bình phục.

Và việc nuôi trâu cũng thực khó khăn ! Cỏ rơm phải rửa cẩn thận, tránh cho trâu ăn phải những vật dơ. Quan trọng nhất là phải giữ gìn để trâu không đi tơ với trâu cái. Tục bảo rằng nếu trâu phạm phải điều này sẽ bị tôn thần vật chết ngay.

Nếu trâu ăn rơm ăn cỏ không đủ, các cậu trai nuôi trâu đôi khi phải cho chúng ăn thóc, nhất là thóc nếp con [2] để tẩm bổ.

Muốn giữ gìn trâu về mọi mặt, người ta thường tránh thả trâu dông với các đàn trâu khác, e chúng nhiễm phàm tính.

Người nuôi trâu mong đợi từng ngày hạn kỳ ngày hội để tròn nhiệm vụ không mang lỗi với hàng thôn hàng xã và hàng tổng. Nuôi trâu để chết sẽ bị hàng bắt vạ và phải bỏ tiền ra mua đền hàng thôn con trâu khác.

Rất may, theo dân tổng Đồ Sơn, những con trâu này sau ngày lễ trình trâu, bản tính chúng dường như thay đổi, chúng mang sự kiêu hãnh trong mình và không ưa đi lẫn lộn vào đám trâu phàm.

*Chọi trâu*

Trâu chính thức chọi nhau vào ngày hội, nhưng trước ngày đó đã có những cuộc đấu loại để gạt bỏ bớt những con trâu kém vững mạnh và chỉ lưu lại sáu con trâu xứng đáng nhất.

Cuộc đấu loại bắt đầu trong những ngày mồng 8 và mồng 9 tháng 6, rồi lại tiếp tục vào ngày 30 tháng 7 âm lịch. Các cuộc đấu loại diễn ra giữa các xã đương sự với số trâu của

mình. Lẽ tất nhiên, dân các thôn đều phải cáo thần linh trước khi cho trâu đấu loại.

Sau các cuộc đấu loại, quan viên các thôn cung kính rước bình hương từ bàn thờ Điểm Tước đại vương tới đình hàng tổng với đầy đủ nghi trượng của một đám rước thần. Từ hôm đó hàng ngày tại nơi đây đều có những cuộc tế lễ cho đến ngày hội chính là ngày mồng mười tháng tám.

Ngày Mồng Mười tháng Tám, tất cả l4 con trâu đã dự cuộc đấu loại đều được đem tới trình diện với đức tôn thần tại đình hàng Tổng, tuy nhiên chỉ được đự vào các trận bán kết và chung kết :

- 3 con trâu của xã Đồ Sơn

- 2 con trâu của xã Đồ Hải

- và l con trâu của xã Ngọc Xuyên.

Những trận bán kết và chung kết được thể hiện tại đấu trường, một khu đất trước mặt ngôi đình chung, có bắc gióng chung quanh.

Trước những trận đấu kết cục này, các viên chức hàng Tổng cũng có lễ cáo thần linh. Trong khi ở trong đình đang hành lễ, những con trâu dự cuộc còn ở bên ngoài gióng và mắt chúng đều có vải che.

Cuộc lễ xong, dân làng đánh một hồi trống dài. Tiếng trống dứt, tại gióng trâu, một người phất cờ lệnh ra hiệu.

Theo hiệu cờ, hai xã dự cuộc đấu thứ nhất, rước trâu vào gióng, rước một cách rất long trọng, có người che lọng cho trâu, theo sau trâu đủ đồ lỗ bộ bát bửu và cờ quạt lại thêm cả chiếc kiệu.

Đám rước trâu đi giữa tiếng trống liên hồi, và khi trâu đã vào gióng rồi, tiếng trống vẫn không ngừng.

Vải che mắt trâu được bỏ đi, đôi trâu diện đối diện. Có con trâu trước khi chiến đấu đã được dân xã cho uống rượu. Đôi trâu gườm gườm nhìn nhau, xông vào húc nhau. Cuộc chiến đấu thật tàn bạo và dữ dội, khách đứng xem trước những đòn trâu giao nhau phải thấy rợn mình. Càng đánh nhau chúng càng hăng. Mắt chúng đỏ ngầu. Chúng đưa cặp sừng lên, chúng hất cặp sừng xuống. Chúng liều lăn xả vào nhau như có một mãnh lực thiêng liêng gì thúc đẩy.

Trong lúc đó, tiếng trống vẫn vang lên, cờ lệnh vẫn phất, và dân chúng như để cổ võ cho đôi trâu chọi nhau vẫn hò reo.

Hai con trâu chọi nhau cho tới khi một con trâu thua chạy hoặc bị đối thủ húc chết tại gióng. Con trâu thắng trận được dân làng đương sự mang cờ lọng ra rước rất trịnh trọng từ gióng vào sân đình, và con trâu thua cũng được dắt hoặc khiên về đình đợi, khi các cuộc đấu kết liễu, cùng bị làm thịt với con trâu được, để tế thần.

Xong cặp trâu này tới cặp trâu khác.

Bán kết rồi chung kết.

Trong các cuộc chọi trâu có nhiều trường hợp một con trâu thấy địch thủ không dám giao chiến bỏ chạy, con trâu này bị tuyên bố thua cuộc.

Theo lệ, con trâu chạy ra khỏi gióng bị kể như thua, tuy đã hơn một lần, đôi trâu đuổi nhau ra khỏi gióng vẫn chọi nhau.

Sau cuộc chung kết, những con trâu thắng trận được xếp nhất nhì, ba và hàng Tổng phát cho các làng đương sự về mỗi con trâu một giải thưởng.

°

Trâu được hay thua, sau cuộc đấu đều bị mổ thịt tế thần. Số phận chúng thật giống số phận của các quốc gia nhược

tiểu chịu sự chỉ huy của các cường quốc, đâm chém lẫn nhau để rồi cùng chết !

Thịt trâu được dùng làm phần chia cho hàng Tổng. Những ai đã có công trong việc nuôi trâu cũng như trong việc tổ chức hội Chọi Trâu, về phương diện lễ nghi cũng như về các phương diện khác, đều có phần chia.

---

1 Danh từ bờm chúng tôi dùng theo địa phương. Đây là túm lông cứng trên đầu trâu. Có người gọi là *xoáy thủ*.

2 *Nếp con* là loại nếp nhỏ hạt tròn tròn, khác với nếp cái hạt lớn và mập hơn, nhưng không tròn tròn. (Tròn tròn xin hiểu như gạo Mỹ hạt tròn).

# HỘI DINH THẦY

Hàng năm cứ vào các ngày I5 và I6 tháng Chín âm lịch, Hàm Tân, tỉnh lỵ tỉnh Bình Tuy bổng trở nên tấp nập lạ thường, vì dân chúng mọi nơi kéo nhau tới hành hương tại Dinh Thầy.

**Dinh Thầy là gì ?**

Dinh Thầy là một ngôi đền nằm giữa một khu rừng cách tỉnh lỵ Bình Tuy vào khoảng I2 cây số về hướng Tây Bắc, đền gồm ba tòa nhà kiến trúc theo lối xưa với một vẻ cổ kính trang nghiêm, ẩn nấp dưới những tàn cây cổ thụ. Phong cảnh tịch mịch, ai bước tới đây cũng như cảm thấy sự thiêng liêng của nơi thờ tự, lòng sùng bái càng tăng với sự tin tưởng ở sức huyền bí vô hình của Thầy.

Thầy là vị được thờ phụng tại dinh. Tiểu sử Thầy tới nay chưa ai biết cặn kẽ, tuy nhiên rất nhiều giai thoại về Thầy đã được truyền khẩu. Hội Tam Quy, phụ trách việc phụng tự Thầy đã thu thập những câu chuyện truyền khẩu, ấn hànhvà phát cho khách trẩy hội.

Theo tài liệu này, Thầy sinh về thời chúa Nguyễn Phúc Ánh, vua Gia Long sau này, tại làng La Qua, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Thầy có Thím sánh đôi, Thím sinh tại làng Yến Nê cùng tỉnh.

Lúc thiếu thời, Thầy đã từng bút nghiên đèn sách, nhưng số Thầy lận đận về khoa cử, mấy khóa chẳng đậu, tuy học hành rất khá. Buồn vì cử nghiệp lảo đảo lợi danh, Thầy từ bỏ sách đèn, theo học Đạo để giúp đời.

Suốt trong mấy năm sống ở đất Quảng, Thầy đem sự hiểu biết của mình ra cứu dân độ thế bằng cách chữa bệnh và

dạy người theo lễ nghĩa.

Rồi một biến cố xảy đến. Vua Tự Đức đã đích thân về làng La Qua xử án và kết tội Thầy phải chịu Tam ban triều điển.

Trước dân làng và văn võ bá quan, Thầy và Thím đã dùng lụa điều biến thành rồng đỏ [1] bay về phương Nam lánh nạn. Rồng bay về đến Tam Tân (quận lỵ Hàm Tân ngày nay), ngó xuống thấy phong cảnh đẹp, Thầy cho rồng hạ xuống và sống ở nơi đây với dân làng cho đến khi qua đời.

Cũng như khi sống ở Quảng Nam, tại đây Thầy lại tiếp tục việc cứu giúp người đời và dốc lòng học đạo. Ngày nay, tại Hàm Tân dân chúng thường nhắc đến công ơn của Thầy : cứu người trong cơn hoạn nạn, cho thuốc men, giúp gạo nước trong năm mất mùa và nhất là khuyến thiện dạy dân theo lành lánh ác.

Với công ơn ấy, dân chúng Tam Tân rất kính mến Thầy và Thím, xưng hô gọi tôn là Thầy. Danh tiếng Thày ngày một lan tràn, người người khắp nơi đều biết tìm đến để theo Thầy học đạo.

Để tránh vương vấn với đời, Thày và Thím vào rừng sống ẩn dật trong một túp lều tranh do tự Thày cất lên. Tháng ngày làm bạn với điểu thú, Thày đã cảm hóa được cả thú dữ lẫn chim rừng. Cầm thú mọi loài hằng ngày tới chầu bái Thầy.

Tuy sống ẩn dật, nhưng khi dân chúng gặp tai ương hoạn nạn đã thấy Thày xuất hiện giúp đỡ.

**Sau khi Thày chết**

Thày và Thím chết trong túp lều tranh ở khu rừng.

Khi nghe tin Thày và Thím chết, dân chúng kéo nhau vào lo chôn cất. Lạ thay, vào tới nơi, mọi người thấy voi đang chầu chực bên Thầy và Thím, chung quanh đủ các cầm thú chim muông, thảy đều u sầu buồn thảm.

Lạ lùng và kinh ngạc nhất, không hiểu ai đã mang tới hai cỗ áo quan và đã tẩm liệm cả cho Thầy và Thím.

Dân chúng đem chôn hai cỗ áo quan nơi Bàn Thông, và từ đó hàng năm hai lần mọi người kéo nhau tới, lần thứ nhất vào ngày mồng năm tháng Giêng âm lịch để tảo mộ và lần thứ hai vào ngày I5 tháng Chín để làm giỗ.

Xưa kia, theo lời thuật trong tài liệu, khi dân chúng vào viếng mộ và làm giỗ, chim muông và cầm thú đã dọn dẹp quét tước sạch sẽ cả mộ lẫn Dinh Thày. Thày và Thím chết đi, dân chúng thương tiếc, nhưng có người cho rằng cả hai người vẫn còn sống và đã rời đi nơi khác, vì ở đây danh Thày đã nổi, sợ đến tai nhà vua sẽ bị truy tầm.

Thương Thày và Thím, dân làng Tam Tân họp nhau lập Dinh thờ cho đến ngày nay. Lúc đầu Dinh cất sơ sài bằng lá, nhưng dần được sửa sang trở nên đẹp đẽ nguy nga với nhiều đồ trang hoàng quý giá do khách thập phương cúng tiến.

Vua Tự Đức, qua sự đồn đại của dân chúng, phái người từ kinh đô vào tận Tam Tân để dò xét tình hình. Sau khi thăm dò dư luận và tìm hiểu sự thật, sứ thần về tâu cùng nhà vua mọi sự việc liên quan tới vợ chồng Thày. Nhà vua cảm động, nghĩ tiếc một người có tài có đức, xóa bỏ án cũ lại sắc phong cho Thày làm CHÍ ĐỨC TIÊN SINH và Thím làm CHÍ ĐỨC NƯƠNG NƯƠNG.

Từ khi chết, Thày thường thường về phù hộ cho dân Tam Tân được an cư lạc nghiệp. Nhớ ơn Thày, hàng năm dân làng đã làm giỗ Thày rất lớn, và ngày giỗ đã trở thành ngày hội Dinh Thày.

**Ngày Giỗ Thày**

Ngày giỗ Thày, được gọi là ngày hội Dinh Thày hàng năm chính thức cử hành vào hai ngày I5 và I6 tháng chín âm lịch. Đây là một ngày lễ lớn tại Bình Tuy, và đã ăn vào tập

tục của người dân địa phương. Tới ngày hội, họ kéo nhau đi dự giỗ Thày.

Tuy ngày lễ chính thức vào hai ngày nói trên, song khách thập phương từ các nơi đã chuẩn bị tới dự lễ từ hơn nửa tháng trước và sau ngày lễ, đến một tuần lễ sau còn đông khách tới hành hương.

Trong hai ngày lễ, Hàm Tân trở nên náo nhiệt và nhộn nhịp, và ngay cả trong những năm trước đây dù an ninh không mấy bảo đảm tại khu rừng Dinh Thày, dân chúng từ khắp các tỉnh miền Trung cũng như miền Nam vẫn đổ xô về dự ngày giỗ Thày, xa từ Quảng Trị, Thừa Thiên hoặc lục tỉnh, gần từ Ninh Thuận, Phan Thiết, Long Khánh v.v…

Tới dự giỗ Thày, người người đều cầu nguyện và xin xâm. [2]

Dọc đường tỉnh lộ Bình Tuy đi Hàm Tân dài l2 cây số, đường đá sỏi gồ ghề lại thường xuyên qua một đoạn đường rừng nguy hiểm, xe cộ tấp nập suốt ngày, người kéo đi như nước, từng đoàn từng tốp. Dự giỗ Thày, xin xâm cầu nguyện khách hành hương lại cùng nhau đi viếng mộ Thày.

*Cúng lễ xin xâm*

Khách hành hương tới cúng Thày mang theo đồ lễ đủ các loại : Tiền bạc, vàng hương, heo, gà, vịt và các thứ hoa quả bánh trái.

Trong hai ngày giỗ Thày, ngày đầu l5 tháng Chín là ngày cáo giỗ, tức là ngày tiên thường, dân chúng nơi đây làm lễ cúng chay.

Ngày hôm sau là ngày cúng mặn. Dân làng sở tại tự mang đồ lễ tới cúng, và khách hành hương từ các nơi tới cũng đặt đồ lễ cúng.

Hầu hết khách trảy hội, cúng lễ xong đều xin xâm, nhất là phụ nữ.

Xin xâm ở ngay chính diện đền Dinh, người xin xâm chen chúc quỳ lạy từ cửa vào. Tiếng xóc ống xâm vang lên đều đều.

Xin được lá xâm, ra bên ngoài, đã có hàng chục người đoán quẻ bàn giải.

Hội Dinh Thày nhộn nhịp tưng bừng ở giữa một nơi hoang vắng, mà thường ngày rất ít người lai vãng tới, chứng tỏ lòng tin tưởng của dân chúng đối với Thày.

Hội Dinh Thày không có cổ tục trò vui gì, nhưng khách trảy hội đã vui với lòng thành của mình và đến được Dinh Thày ai nấy đều tỏ sự hân hoan.

---

1 Câu chuyện có vẻ hoang đường, nhưng chép lại chúng tôi xin ghi nguyên. Trong báo Tin Sớm số I520 đề ngày 20-II-I969 cũng nhắc lại sự tích này (Bài khuyết danh).

2 Quẻ Xâm miền Bắc gọi là quẻ Thẻ.

# HỘI THỔ TANG

Với các cổ tục :

- Ông Đô
- Thi vật
- Thi dưa hấu
- Đánh cờ
- Tổ tôm điếm

Làng Thổ Tang quê hương nhà Cách mạng Nguyễn Thái Học, thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên.

Hàng năm dân làng làm lễ vào ngày I8 tháng Chạp cuối năm, nhưng lại mở hội mừng Xuân từ I4 đến 23 tháng Giêng ; ngoài ra, vào mùa dưa hấu, tháng Năm âm lịch, làng lại có tục thi dưa hấu.

**Vài nét về làng Thổ Tang**

Đây là làng sở tại phủ Vĩnh Tường, cách tỉnh lỵ Vĩnh Yên I5 cây số về phía Tây Bắc. Muốn tới Thổ Tang phải đi theo quốc lộ số 2, rồi rẽ tay trái theo một con đường hàng tỉnh đi thêm chừng 3 cây số thì tới.

Làng Thổ Tang ở một địa thế rất đẹp, phong cảnh thật hùng vĩ. Phía Đông có một ngọn đồi rất lớn, rộng khoảng một mẫu tây, tục gọi là bãi Hàm Rồng, trên bãi có một cây đa cổ thụ, và bốn mùa cây cỏ tốt tươi. Một con ngòi nằm sát như ôm lấy bãi nầy. Phía Tây là một ngọn đồi khác, nằm sát quốc lộ 2 rộng khoảng ba mẫu tây, với nhiều lớp ruộng xếp thành từng cấp, xa trông như một chiếc nón chóp úp. Đứng ở làng nhìn xa xa về phía trái là dãy núi Tam Đảo, phía mặt là núi Ba Vì như đối chọi nhau. Phía Nam làng, còn có một

ngọn đồi thứ ba, đồi nầy thấp nhỏ, nằm sát ngay bên làng, tục gọi là đồi Bồ Đề.

Với vị trí của làng nằm ở một khu trung du, có đồi gần núi xa, lại có sông nước, dưới con mắt các nhà địa lý, đây là một địa thế tốt, một thầy địa lý Tàu, xưa khi đi qua làng nầy đã tiết lộ làng nằm trên thân một con rồng, rất tiếc long mạch bị cắt đứt bởi con ngòi ngay bãi Hàm Rồng, nên làng chỉ có được nhân tài lừng lẫy nhưng không đạt được địa vị cao sang.

Phải chăng vì vậy làng đã sản xuất ra nhà cách mệnh Nguyễn Thái Học tiếng tăm lừng lẫy nhưng đã chỉ thành danh mà chẳng thành công.

Dân làng khá đông, có đến hơn năm nghìn người, vừa sống về canh nông vừa sống về thương mại. Đây là một làng trù phú, trong làng đường xóm đều lát gạch tinh tươm sạch sẽ, và nhà ngói san sát như bát úp.

**Những nơi thờ tự trong làng và thần tích**

Cũng như mọi làng Việt Nam khác mà dân làng không theo đạo Gia Tô, làng Thổ Tang sống theo nếp sống cổ truyền với đình chùa đền miếu.

Không nói đến chùa, làng Thổ Tang có một ngôi đình xây ở trong làng để thờ đức Thành Hoàng là ngài Hổ Lân Hầu, và một ngôi miếu xây ở phía Nam làng gọi là miếu Trúc. Tại miếu nầy dân làng thờ thần Hổ.

*Hổ Lân Hầu*

Ngài là một vị tướng quân đời nhà Trần, không rõ tên tuổi, nhưng đã có công trong cuộc chống quân Minh, được phong đến tước hầu, Hổ Lân Hầu.

Theo thần tích, về cuối đời nhà Trần, khi quân Minh xâm lấn nước ta, Hổ Lân Hầu đem quân giao chiến. Ngài bị thua, chạy tới làng Thổ Tang, vào nghỉ nơi quán Bồ Đề ở

đầu làng. Dân làng mang dưa hấu dâng ngài dùng để khỏi khát. Lúc ấy ngài đã bị thương do quân giặc đâm, nên sau khi ăn dưa hấu đỡ khát, ngài cũng trút hơi thở cuối cùng.

Dân làng Thổ Tang lập đền thờ, và hàng năm vào ngày I8 tháng Chạp có làm lễ tế ngài, và mỗi mùa Xuân, hội làng cũng lại mở từ ngày I4 đến 23 tháng Giêng.

*Thần Hổ và Miếu Trúc*

Theo các bô lão trong làng kể lại thì xưa kia về phía Nam làng Thổ Tang có một khu rừng, và hàng năm cứ đến mùa là hổ về phá phách và bắt trâu, bò, chó, lợn. Dân làng đề phòng cách nào cũng không ngăn được sự phá hoại mùa màng của hổ.

Cho đến một đêm, một bô lão trong làng nằm mơ thấy một ông già đầu râu tóc bạc, tay chống gậy trúc, mình mặc áo lông hổ báo cho biết dân làng phải lập đền thờ thần Hổ mới làm ăn yên ổn và phát đạt được. Vị bô lão kể lại giấc mơ với các kỳ mục và quan viên trong làng. Tuy bán tín bán nghi, nhưng các quan viên và kỳ mục cũng dắt nhau ra phía rừng, thấy có một bãi cỏ có dấu chân hổ dẫm nát.

Tin nầy được loan đi khắp làng, dân chúng liền bỏ cả việc đồng áng kéo nhau đi xem. Sau đó các vị quan viên kỳ mục trong làng họp cùng các bô lão tại đình để bàn việc xây một ngôi miếu thờ thần Hổ, ngay tại chỗ có dấu chân hổ dẫm.

Miếu nầy gọi là miếu Trúc, kiến trúc theo kiểu cổ, 3 gian 8 mái, trên nóc có hai con rồng chầu mặt nguyệt. Trước miếu có đắp hai con hổ lồng trong khung kính trông rất oai phong lẫm liệt.

Theo các cụ, từ đó hổ không về tàn phá mùa màng và bắt gia súc nữa.

Và theo lời thuật lại của dân làng Thổ Tang có nhiều câu chuyện ứng nghiệm thần Hổ giúp đỡ dân làng.

Dưới đây chúng tôi xin kể lại một vài câu chuyện ứng nghiệm đó để độc giả biết và cũng tùy độc giả tin hay không. [1]

*Hổ giúp người bệnh*

Một người làng Thổ Tang trong khi đi rừng chẳng may bị sốt rét phải vào nằm trong một hang đá. Ông ta lên cơn sốt mê man liên miên chẳng hiểu biết gì. Đến khi ông ta tỉnh dậy thấy mình được đắp kín toàn bằng lá rừng, và có một con hổ to lớn nằm ngay ngoài cửa hang. Sợ quá ông này nằm yên không dám cựa mình. Con hổ tỉnh giấc, tiến lại gần ông ta dùng mũi ngửi vào mặt, rồi đi khỏi hang. Một lúc sau con hổ mang về một đùi nai để bên cạnh ông, sau đó chạy biến vào rừng.

Chờ cho con hổ đi khỏi, ông ta ngồi dậy đốt lửa nướng thịt nai ăn. Qua hai ngày nhịn đói vì cơn sốt, nay bịnh lui, ông ăn đùi nai nướng thật ngon.

Lúc ấy trời đã gần sáng, ông vội vã ra về. Về đến nhà, ông sửa soạn một lễ rất to ra miếu Trúc cúng tạ ơn thần Hổ.

*Hổ đòi con*

Chuyện này xảy ra vào khoảng cuối năm I94I, câu chuyện đã làm cho dân làng Thổ Tang càng tin vào thần Hổ.

Năm đó, con trai một ông phú hộ trong làng ra sân vận động đá banh. Cậu này còn trẻ, tính tinh nghịch. Lúc trở về cậu đi qua khu rừng sau miếu Trúc, chui vào những hàng cây len lỏi bắn chim bằng ná. Đến một bụi rậm, cậu thấy tiếng kêu sột soạt, khi nhìn cậu thấy có 4, 5 con mèo con rất đẹp, long vàng vằn đen. Cậu thích quá bỏ cả bắn chim, bắt hai trong năm con mèo con mang về. Về nhà cậu dấu nhẹm không cho ai biết.

Đêm hôm đó, những người ở gần miếu Trúc nghe tiếng Hổ gầm, và cũng đêm đó, cậu con trai ông phú hộ cũng tự nhiên ốm nặng.

Sáng hôm sau khi ông phú hộ đi đón thày lang về chữa cho con, thấy trước ngõ có nhiều vết chân hổ ông hoảng sợ trở vào trong nhà, vừa lúc ấy bà vợ ông cho biết có hai con hổ con bị chốt trong chuồng chó. Ông ta hiểu ngay cậu con trai đã bắt hai con hổ ở rừng mang về. Ông liền vội vàng sai người nhà mổ lợn làm lễ tạ ở miếu Trúc, đồng thời đem hai con hổ con thả ra ngoài rừng. Cậu con trai ông ta sau buổi lễ tạ không cần thuốc cũng khỏi bệnh.

Câu truyện trên lan tràn rất mau trong làng. Dân làng ai cũng tin là thần Hổ linh thiêng.

Tưởng cũng nên nói thêm, từ xưa dân làng Thổ tang không ai ăn thịt hổ và cũng không ai ăn cao hổ cốt.

*Ngày lễ I8 tháng Chạp*

Ngày I8 tháng Chạp âm lịch là ngày khao Thọ của dân làng Thổ Tang, và cũng nhân dịp khao Thọ này dân làng làm lễ tế Hổ Lân Hầu. Đồ lễ tế thần gồm hương hoa trầu rượu, nhưng đặc biệt có thêm các ông Đô.

*Các ông Húc Bờ và các ông Đô*

Làng Thổ Tang chia làm ba khu Đông, Nam và Bắc, và dân làng được tổ chức thành ba giáp Thượng, Trung và Hạ.

Ngày I8 tháng Chạp, theo lệ làng, nam công dân tới năm đó 40 tuổi được tôn là các ông HÚC BỜ, và những người 55 tuổi làm lễ khao THỌ. Ba Giáp, mỗi giáp có một số các ông Húc Bờ và một số các vị khao Thọ để lên hàng bô lão.

Các ông Húc Bờ cũng như các vị chuẩn bô lão, phải nhân dịp lễ thần này trình làng các ông ĐÔ, các ông Húc Bờ một ông Đô, còn các vị chuẩn bô lão phải trình hai ông.

Ông Đô, chính là một con lợn, miền Nam gọi là heo, dùng trong việc tế lễ thần làng.

Theo tục lệ làng, các ông Húc Bờ và các vị khao Thọ đều phải nuôi lợn từ đầu năm, lợn phải kén giống và nuôi sao

cho thật béo. Lợn trình làng càng béo càng được làng khen thưởng.

Mấy ngày trước khi đem lợn trình làng tế thần, phải giữ cho lợn thật sạch sẽ tinh khiết. Trong những ngày này, các ông Húc Bờ cũng như các vị khao Thọ cho lợn ăn đậu phụ và bún để chúng béo mập thêm.

Ngày khao Thọ, những ông Húc Bờ và các vị khao Thọ không có ông Đô trình làng sẽ bị phạt vạ, và lệ phạt vạ ở làng này cũng rất là đặc biệt : *người bị phạt vạ phải làm đô vật trong ngày lễ*. Chính vì sự bắt buộc làm đô vật mà người làng dùng danh từ ông Đô để chỉ những con lợn, nhờ chúng mà các ông Húc Bờ và các vị khao Thọ khỏi phải sung chân đánh vật.

Với tục phạt vạ lạ lùng này, người phương xa cho là phong kiến, nhưng đây chính là một tập tục thúc đẩy dân làng phải cần kiệm làm ăn dành dụm để có đủ món tiền mua lợn giống nuôi để trình làng nhân dịp lên tuổi bốn mươi, và nhân dịp khao Thọ. Bắt đầu dành dụm để có tiền mua lợn giống, nhưng rồi cần kiệm dành dụm trở thành thói quen, ai về già cũng có một món tiền tuy không to lớn, nhưng cũng đủ chi dùng khỏi nhờ vả tới con cháu. Thực ra, xưa nay chưa ai phải chịu vạ làng vì thiếu ông Đô trình làng trong dịp lễ thần cuối năm.

*Thi ông Đô*

Như đã trình bày, mấy ngày trước khi trình làng các ông Đô được ăn đậu phụ và ăn bún. Đặc biệt hơn cả là phiên chợ Thổ Tang ngày I6 tháng Chạp, các ông được đưa ra chợ để ăn một mẻ đậu phụ và bún thoả thích. Chợ Thổ Tang là một chợ lớn thuộc phủ Vĩnh Tường, quanh năm đã đông, ngày phiên I6 tháng Chạp lại càng đông hơn. Người làng và người quanh vùng nô nức kéo nhau đi xem hội. Các ông được dắt đi quanh chợ, cho ăn no nê, rồi đến gần trưa, tất cả các ông Đô đều được tập trung vào một địa điểm. Nơi

đây các ông được một hội đồng gồm các kỳ mục và bô lão trong làng chấm thi lựa chọn kỹ càng, những ông được giải sẽ được dùng để tế các vị Thành Hoàng và Thần Hổ.

Tại nơi tập trung này, những người săn sóc ông Đô còn mang theo những chậu đậu phụ và bún, và các ông Đô tiếp tục ăn trong khi hội đồng cứ lựa chọn.

Hội đồng lần lượt đi xem từng ông Đô một, lựa chọn các ông theo bốn tiêu chuẩn : Đẹp, nặng, lớn, chân tốt. Khi các ông Đô đã được lựa chọn, các ông sẽ được đưa lên cân để xem nặng nhẹ.

Vì ai cũng muốn con lợn mình nuôi được giải, sự chăm nuôi rất cẩn thận. Thường ông Đô nào cũng dài trên một thước, béo mập, lúc đi bước những bước rất chậm chạp, hai con mắt ti hi như hai đường chỉ. Các ông Đô phải là loại lợn đen tuyền, tục làng không chấp nhận lợn lang, ông Đô nào dù chỉ có một chiếc lông trắng cũng bị làng loại.

Trong lúc hội đồng xét các ông Đô, dân làng, người lớn, trẻ con xúm quanh rất đông.

*Mổ thịt ông Đô*

Nuôi ông Đô đã vất vả, khi mổ thịt ông cũng lại rất cầu kỳ. Thường thường từ ngày I7 tháng Chạp các ông Húc Bờ và các vị chuẩn bô lão đã làm rạp mổ bò mời bà con tới ăn mừng.

Ngày I8, từ nửa đêm, ông Đô được đem mổ thịt. Phải kén trai thanh tân mới được chọc tiết mổ thịt ông ! Cạo lông xong, ông Đô được phân thây xả ra làm nhiều miếng cỡ hai chục hay ba chục phân, xếp trên phên tre, mỗi phên tre vào khoảng năm miếng thịt. Những phên tre này được đặt lên mâm bưng ra đình làng.

Ngoài những ông Đô được giải dùng để cúng thần làng và thần Hổ, thịt các ông Đô khác dùng để chia biếu người

trong hàng giáp, giáp nào riêng các ông Đô thuộc về giáp ấy.

Tục nuôi ông Đô nhìn qua thấy tốn kém đối với các đương sự, nhưng thực ra đây là một hình thức khuyến khích chăn nuôi. Nhờ có tục này, dân làng Thổ Tang có rất nhiều kinh nghiệm trong việc chọn lợn giống cũng như trong việc nuôi lợn, vốn vẫn là một nghề phụ và là một nguồn lợi lớn của dân làng.

**Hội xuân tại Thổ Tang**

Cũng như các làng khác thuộc trung du và trung châu Bắc Việt, làng Thổ Tang, khi mùa xuân tới dân làng cũng mở hội mừng Xuân từ I4 tới 23 tháng Giêng.

Trong ngày hội, dân làng có tổ chức rước từ miếu Trúc tới đình làng. Đám rước đi qua quán Bồ Đề ngưng lại, ý nghĩa cuộc ngưng ở đây muốn nhắc tới việc Hổ Lân Hầu đã ngừng chân tại quán Bồ Đề giải khát.

*Thi dưa hấu*

Thi dưa dấu là một cổ tục có từ lâu đời ở làng Thổ Tang.

Mùa dưa hấu ở Bắc Việt xuất hiện vào cuối tháng Tư, đầu tháng Năm âm lịch, không phải vào dịp tết như ở miền Nam. Riêng ở làng Thổ Tang, dưa trồng vào khoảng tháng II âm lịch và thường được hái vào hạ tuần tháng Ba trở đi.

Theo tục lệ làng Thổ Tang, vào khoảng thượng tuần tháng Ba âm lịch mỗi năm, hội đồng kỳ mục họp với một số bô lão có kinh nghiệm về trồng trọt để quyết định ngày hái dưa, được gọi là NGÀY XUỐNG ĐỒNG, nghĩa là xuống ruộng hái dưa.

Ngày xuống đồng đã được quyết định, ban hội đồng cho mõ làng đi thông báo khắp các thôn xóm. Thường thì là ngày hai mươi lăm tháng Ba âm lịch.

Và đúng ngày xuống đồng, từ 5 giờ sáng, trống, mõ và tù và đã báo hiệu khắp làng. Nghe báo hiệu các chủ ruộng dưa cùng người nhà ra đồng hái dưa, và từ hôm đó, mùa hái dưa mới bắt đầu. Trước ngày xuống đồng, gia đình hoặc cá nhân nào tự hái dưa sẽ bị phạt vạ rất nặng, nếu là chủ ruộng, làng phạt tiền, còn nếu là kẻ trộm dưa, làng sẽ phạt cùm ngay trước sân đình một ngày để cho mọi người qua lại trông thấy.

Ấn định ngày xuống đồng là lệ làng, dân làng đã tuân theo lệ nầy từ đời nọ qua đời kia.

Dưa hái xong, các chủ điền đích thân chọn những quả dưa già, lớn, nặng đem ra trình làng.

Tại đây, Hội đồng giám khảo gồm Hội đồng kỳ mục và một số các bô lão như đã nói trên sẽ xét dưa theo các tiêu chuẩn : giống dưa tốt, đẹp mã, già, đầy đặn, bổ ra đỏ tươi hoặc vàng lại nhiều cát.

Cuộc chấm thi dưa chia làm hai đợt rất hào hứng :

- Đợt thứ nhất chọn những trái dưa đẹp, già, đầy đặn ;

- Đợt thứ hai đưa dưa lên cân xem quả nào nặng nhất rồi mới xếp hạng.

Dưa lựa được xếp hạng nhất, và chỉ có hạng nhất và hạng hai.

Dưa hạng nhất được rửa sạch cúng thần ở đình làng và tên chủ dưa được loan truyền cho dân làng rõ.

Dân làng Thổ Tang tin rằng, chủ điền nào có dưa được chọn cúng thần, ngoài điểm đây là một điều vinh dự, cả năm đó làm ăn sẽ thịnh đạt.

Thi dưa là một cổ tục, nhưng cổ tục này nhằm mục đích khuyến khích việc trồng dưa. Các chủ ruộng phải biết cách chăm bón và luôn luôn phải có những sáng kiến để việc trồng dưa có kết quả. Họ phải đi tìm kiếm giống tốt, nhờ sự

tìm kiếm này mà dưa hấu của làng Thổ Tang có đủ loại, từ loại dưa hấu đỏ ruột như ở miền Nam, đến loại dưa vàng, ngọt, nhiều cát, quả dài có vành đen giống như ở miền Thanh, Nghệ, Tĩnh.

**Các cổ tục hội Xuân**

Ngoài tục thi ông Đô trong ngày lễ cuối năm và tục thi dưa hấu vào tháng Năm âm lịch, trong hội Xuân tổ chức từ l4 đến 23 tháng Giêng như trên đã trình bày, làng có nhiều trò vui cho dân làng và các khách xem hội giải trí, như đánh vật, đánh Cờ Bỏi, Tổ tôm điếm đã được trình bày trong một số các hội về kỷ niệm lịch sử, hoặc tôn giáo.

°

Thời thế diễn biến, có ai ngày nay tới Thổ Tang, nhắc tới những tục lệ cổ, chẳng qua chỉ còn lại chút dư âm.

**Tài liệu đọc thêm : Gia đình liệt sĩ Nguyễn Thái Học**

*Nhân nhắc tới hội làng Thổ Tang, quê hương nhà Cách mạng Nguyễn Thái Học, chúng tôi xin phép được trình bày thêm sau đây để bạn đọc tham khảo về gia đình nhà Cách mạng, tài liệu của ông Nguyễn Duy Phương. Tài liệu nầy là một bài dự thi* Tài liệu địa phương chí *do Tổng Bộ Thông Tin và Chiêu Hồi tổ chức năm l967, đã được giải thưởng khuyến khích. Chúng tôi xin trích phần liên can tới gia đình cố đảng trưởng Việt Nam Quốc Dân Đảng.*

°

Danh nhân làng Thổ Tang có ông Nguyễn Thái Học, lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng, vị anh hùng cách mạng của dân tộc Việt Nam đã phất cờ khởi nghĩa Yên Bái. Nhưng cuộc khởi nghĩa đã thất bại, Nguyễn Thái Học đã lên đoạn đầu đài với phong cách hiên ngang của một nhà cách mạng quả cảm và ái quốc.

Lãnh tụ Nguyễn Thái Học sinh trưởng trong một gia đình thanh bạch, sống về nghề nông. Bà cụ thân sinh ra ông Học chuyên nghề canh cửi, nuôi tằm dệt tơ.

Sống trong một xã hội bị đàn áp, bóc lột, ông Nguyễn Thái Học đã sớm ý thức được cái nhục của một con dân mất nước. Ngay từ hồi còn học tiểu học tại trường làng, ông Nguyễn Thái học đã nuôi chí hướng giải phóng dân tộc. Thường thường ngoài giờ học, ông hay trò chuyện với các bạn đồng niên, và luôn luôn nhắc nhở cho bạn bè nhớ rằng mình có đất nước mà dân mình không có chủ quyền, dân mình phải ăn cơm thừa canh cặn của thằng Tây. Vậy thì mình phải làm gì để lấy lại chủ quyền cho dân mình được tự do, nước mình được độc lập.

Cái ý chí giải phóng dân tộc đó đã đưa ông Nguyễn Thái Học trở thành lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng và là một trong những vị anh hùng cách mạng của dân tộc Việt Nam. Tuy lãnh tụ Nguyễn Thái Học thất bại trong cuộc khởi nghĩa Yên Bái, nhưng tên tuổi của ông đã đi vào lịch sử, sự hy sinh của ông đã là một tấm gương sáng cho nhân dân Việt Nam.,.

Nhưng nếu chỉ nói đến sự hy sinh của nhà lãnh tụ Nguyễn Thái Học cho dân tộc thiết tưởng cũng chưa đủ, vì ông Học còn hai người em nữa cũng đã hy sinh cho đất nước. [2]

**I. NGUYỄN THÁI LÂM :** là người em kế ông Học. Anh Lâm rất thông minh, nhưng sau khi học hết chương trình Tiểu Học, anh ở nhà học lấy chứ không chịu ra Hà Nội học nữa.

Mang nặng mối thù ruột thịt, anh Lâm đã nhất định không chịu cộng tác với chính quyền Bảo Hộ dù hồi đó họ đưa quyền lợi và địa vị ra ve vãn khi anh đã trưởng thành.

Để giúp đỡ mẹ già, anh Lâm đã tự nghiên cứu học hỏi qua sách vở để có một nghề tự do. Năm l939, anh Lâm mở một tiệm ảnh ngay tại phố phủ Vĩnh Tường và lấy tên là tiệm

Phục Hưng. Hồi đó, những viên tri phủ đến nhận chức tại phủ Vĩnh Tường đều vào chào cụ bà thân sinh ra ông Học và thường lui tới thăm hiệu ảnh của anh Lâm.

Có một lần, một viên Tri phủ đến thăm anh Lâm, hỏi : « Thế nào phát tài chưa ông Lâm ? »

- Dạ ! Nhì nhằng. Ông tính làm sao mà tiệm tôi phát đạt được khi dân mình còn bị sưu cao thuế nặng, tiền đâu mà họ đi chụp ảnh, ăn còn chưa đủ nói gì đến chuyện chụp ảnh chơi.

Viên tri phủ biết anh Lâm chửi xéo mình, ông ta nói sang chuyện khác. Và cũng từ đó, ông ta ít tới thăm tiệm ảnh Phục Hưng, mãi tới trước khi đi nơi khác, ông ta mới tới chào anh Lâm.

Thế rồi đến thời kỳ Việt Minh khởi nghĩa năm I945, Trần Huy Liệu, đã đại diện cho ông Hồ về thăm, biếu quà cụ bà thân sinh ra ông Học và đàm đạo với anh Lâm với mục đích mời anh ra công tác. Anh Lâm nhìn thấy rõ chân tướng Việt Minh là cộng sản đã từ chối lấy cớ bị bệnh.

Từ đó Anh đóng cửa, khoá cổng không chịu tiếp xúc với ai. Anh cũng giữ luôn đứa con trai tên Nguyễn Thái Tuấn ở trong nhà và dạy nó học chứ không cho ra trường học.

Năm I949, Pháp cho toán quân đầu tiên đặt gót dày đinh lên quê hương nhà cách mạng Nguyễn Thái Học. Hôm đó vào một buổi sáng mùa hè, từng loạt đại bác Pháp bắn xối xả vào làng Thổ Tang ; nhiều đám cháy bốc lên. Tuy vậy quân Pháp cũng thừa hiểu Thổ Tang là một làng Việt Nam Quốc Dân Đảng có thành tích chống cộng nên họ đã cho cả một tiểu đoàn chiến tranh tâm lý xâm nhập để tuyên truyền lôi kéo. Do đó, những toán quân này vào làng Thổ Tang họ rải truyền đơn, chiêu dụ dân chúng chứ không khủng bố, phá phách. Một tên quan ba người Pháp có thông ngôn đi theo và một số lính Partisan [3] đã vào căn nhà

của lãnh tụ Nguyễn Thái Học. Lúc đó chỉ còn một mình anh Lâm ở nhà.

Khi viên sĩ quan người Pháp vào, anh Lâm vẫn thản nhiên đứng đọc sách bên cạnh đống rơm đang cháy. Cái lệnh đầu tiên của viên sĩ quan người Pháp là bảo đám lính Partisan dội nước vào đống rơm đang cháy để khỏi cháy lên căn nhà.

Lúc dó anh Lâm mới ngửng đầu lên, cám ơn viên sĩ quan Pháp. Rồi anh bảo mấy người lính Partisan : « Cảm ơn các anh ! Các anh hãy thương đồng bào mà chữa những căn nhà đang cháy kia kìa, còn cái đống rơm nhà tôi có đáng gì đâu ».

Viên sĩ quan người Pháp nghe viên thông ngôn dịch lại, và lại gần xin lỗi anh Lâm về vụ pháo kích vừa qua, đồng thời anh thuyết phục anh Lâm, nào là người Pháp ngày nay khác quân Pháp năm I928. Bây giờ người Pháp sang đây là để giúp Hoàng Đế Bảo Đại. Và cuối cùng y muốn anh Lâm cộng tác với cơ quan hành chính địa phương. Anh Lâm cười trả lời : « Theo ý tôi thì quân đội Pháp ở Việt Nam ngày nay và cách đây gần 20 năm cũng chẳng có gì khác. Các ông sang đây có mục đích của các ông, và tôi cũng có ý tưởng riêng của tôi, cái chết của anh tôi không cho phép tôi cộng tác với các ông được ». (Câu chuyện này do một anh Partisan cùng đi với viên sĩ quan Pháp thuật lại).

Viên sĩ quan người Pháp biết rằng không thể lung lạc nổi anh Lâm nên hắn vui vẻ chào rồi ra khỏi nhà. Nhưng liền đó hắn ra hiệu cho tay sai núp một chỗ kín, bắn lén. Anh Lâm gục ngã trên vũng máu, và khi quân Pháp rút khỏi làng, thân nhân anh mới hay hung tín đó.

Thế là người em thứ hai của ông Nguyễn Thái Học cũng đã chết vì bàn tay thực dân Pháp. [4]

Anh Nguyễn Thái Lâm chết để lại mẹ già, một đứa con trai khoảng 7 tuổi, Nguyễn Thái Tuấn và người vợ cùng làng.

**2. NGUYỄN THÁI HỶ :** Người em nữa của lãnh tụ Nguyễn Thái Học là Nguyễn Thái Hỷ đã ra đi chiến đấu trong hàng ngũ Việt Nam Quốc Dân Đảng năm I945 chống Việt Minh và Thực dân Pháp. Anh cũng đã hy sinh cho chánh nghĩa và tự do.

*Gương thương dân của cụ bà thân sinh ra lãnh tụ Nguyễn thái Học*

Năm I949, quân đội Pháp mở rộng mặt trận đồng bằng Bắc Việt và thiết lập chính quyền Bảo Đại tại các địa phương.

Làng Thổ Tang từ xưa vẫn là phủ lỵ Vĩnh Tường, nay lại được chọn làm quận lỵ Vĩnh Tường và một viên quận trưởng được bổ nhiệm.

Trong số các Quận Trưởng Vĩnh Tường, có một ông có một chút kinh nghiệm chính trị, thường lui tới vấn an cụ bà thân sinh ra nhà cách mạng Nguyễn Thái Học. Lúc này cụ sống với người con dâu và đứa cháu độc nhất tức vợ con anh Lâm.

Trong một cuộc tảo thanh làng bên cạnh, làng Sơn Tang, ông Quận Trưởng cho càn luôn một số trâu, bò về quận. Việc này là một việc thường xuyên của những cuộc tảo thanh tại những vùng chưa lập Hội tề. Thường thường số trâu bò này họ đem bán hoặc mổ thịt rất phí phạm trong khi đó nông dân không có trâu bò làm ruộng.

Nhân dịp này, ông Quận Trưởng đem biếu cụ mẹ ông Học một con trâu khỏe lớn. Bà cụ bảo người của ông Quận Trưởng dắt trâu ra Quận với cụ. Anh này kêu nài xin cụ nhận cho không về anh bị ông quận trách mắng. Bà cụ bảo : « Thôi, anh cứ về đi ! »

Rồi bà Cụ tự dắt con trâu ra Quận. Cụ cẩn thận buộc nó vào một gốc cây ở sân rồi vào thẳng Quận đường gặp ông

Quận Trưởng. Ông này thấy cụ thì hí hửng đón mời, xin cụ ngồi, cụ không ngồi và nói : « Tôi cám ơn ông Quận đã ban cho trâu, nhưng trâu này là trâu của người ta, tôi đâu nỡ lấy của họ. Nếu Ông Quận Trưởng thật có lòng tốt với tôi, tôi chỉ xin ông một điều »

- Dạ, thưa cụ muốn chi cũng được.

- Tôi phiền ông Quận Trưởng cho trả lại tất cả số trâu bò mà ngày hôm qua lính họ đã bắt ở làng Sơn Tang, vì mất trâu bò cày thì dân chết đói mất.

Viên Quận Trưởng đỏ mặt vì ngượng, nhưng sau cùng ông đành chấp nhận yêu sách trên. Sáng ngày hôm sau chính Bà Cụ đã cùng lính sang làng Sơn Tang trao trả trâu bò cho dân làng. Dân làng Sơn Tang đã mừng chảy ra nước mắt khi được nhận lại những con vật đã mất. Họ xúm lại chung quanh cụ cảm ơn rốt rít. Cụ rơm rớm nước mắt nói : « Tôi rất đau lòng xót ruột khi thấy bà con khổ sở ».

Lòng thương người của cụ đã lôi kéo được dân chúng làng Sơn Tang và sau này làng này đã là một làng chống Cộng rất tích cực.

---

1 Những câu truyện này chúng tôi kể theo lời ông Nguyễn-duy-Phương, người làng Thổ Tang, hiện làm Chánh Sự Vụ tại Bộ Thông Tin.

2 Ông Nguyễn Duy Phương không nhắc tới ông Nguyễn Văn Nho cũng là em ông Học và cũng đã chết dưới bàn tay người Pháp.

3 Hồi đó người ta dùng hai chữ Thân binh để chỉ loại lính này. T.A.

4 Có lẽ đây ông Phương muốn nói người em thứ nhất của ông Nguyễn Thái Học là Nguyễn Văn Nho. T.A.

# NHỮNG HỘI HÈ KHÁC

Từ trên chúng tôi đã trình bày một số các hội hè với các cổ tục mà chúng tôi được biết, hoặc qua mắt thấy tai nghe hoặc qua những tài liệu chính xác chúng tôi được đọc. Những hội đã được trình bày chỉ là một số rất nhỏ, so với số hội hè còn lại mà chúng tôi cũng rất muốn trình bày cùng bạn đọc, trong mỗi hội ít nhất cũng tiềm tàng một dấu vết cũ kỹ nào của dân tộc, hay có, dở cũng có, dù hay dở chúng ta cũng cần biết để hiểu về dân tộc chúng ta hơn, và có biết quá khứ mới định hướng được tương lai.

Trong những số hội hè còn lại, có hội chúng tôi được nghe qua, hoặc cũng có khi đã tới hội, nhưng vì sự hiểu biết về hội không được rõ ràng, không thể viết hẳn thành một bài như các hội đã trình bày, lại có những hội chúng tôi không biết đến hẳn. Làng quê có làng có hội hàng năm, có làng không, nhưng dù sao, làng nào ít nhất mỗi năm cũng có một lần làm lễ, hoặc với những cổ tục đặc biệt hoặc với sự cúng lễ qua nghi thức thông thường.

Dưới đây, xin lược kê một số Hội hè đình đám với các cổ tục tại mỗi nơi. Những cổ tục này hoặc đã được nhắc tới trong các hội hè đã trình bày hoặc chưa. Để tiện giúp bạn đọc tìm hiểu dễ dàng tục nào có ở nơi nào, chúng tôi xin đưa ra những cổ tục rồi kê sau những làng xã mà trong khi hội hè có cử hành những tục này.

**Hát quan họ**

Lối hát đặc biệt của trai gái vùng Bắc Ninh, đã trình bày kỹ lưỡng trong hội Lim.

Trai gái tìm nhau hát ở :

- Hội *Trắp*, làng Hữu Tráp, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh hội mở vào ngày mồng 4 tháng giêng.

- Hội *Ó*, làng Vân Ố, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, hội mở vào ngày mồng 5 tháng giêng.

- Hội *Khả Lễ*, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, hội mở vào ngày mồng 6 tháng giêng.

- Hội *Đống Cao*, làng Dương Ố, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, hội vào ngày 7 tháng giêng.

- Hội *Chùa Cao*, tục gọi là Chùa Trong, làng Thị Cầu, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, hội mở vào ngày mồng 9 tháng giêng.

- Hội làng *Trà Xuyên*, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, hội mở vào ngày mồng 8 tháng giêng.

- Hội làng *Nội Ninh*, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, hội mở vào ngày mồng 9 tháng giêng.

- Hội *Yên*, làng Yên Xá, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, hội mở vào ngày mồng I0 tháng giêng.

- Hội *Diềm*, làng Diêm Xá, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, hội mở vào ngày II tháng giêng.

- Hội *Xói*, làng Xuân Ái, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, hội mở vào ngày I2 tháng giêng.

- Hội *Lim*, tục gọi là Cầu Lim, làng Lũng Giang, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, hội mở vào ngày I3 tháng giêng.

- Hội làng *Thanh Sơn*, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, hội mở vào ngày I8 tháng giêng.

- Hội *Chùa Điều*, tục gọi là Chùa Ngoài làng Thị Cầu, hội mở vào ngày 20 tháng giêng.

- Hội làng *Chân Khê*, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh (không nhớ rỏ ngày mở hội trong tháng giêng).

- Hội làng *Thổ Hà*, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, hội mở vào ngày 22 tháng giêng. (Làng ngày có tiếng về nghề nặn

và nung đồ sành).

- Hội làng *Đào Thôn*, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, hội mở vào ngày 28 tháng giêng (Làng này có nghề làm giấy bản. Con gái làng này trắng, đẹp và hát quan họ rất hay).

- Hội làng *Linh Quang*, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, hội mở vào ngày mồng 2 tháng hai.

Và còn nhiều hội khác thuộc mấy huyện Tiên Du, Võ Giàng, Yên Phong tỉnh Bắc Ninh và Việt Yên tỉnh Bắc Giang, huyện này nằm phía bên kia sông Cầu giáp giới với huyện Võ Giàng.

**Kéo co**

Thú chơi đặc biệt cổ võ tinh thần thượng võ cố hữu của dân tộc Việt Nam.

Đã trình bày trong hội Tích Sơn.

Làng Hữu Trấp, hội mở vào ngày mồng 4 tháng giêng cũng có tục kéo co (Xin xem bài *Chiến đấu tính trong một số các cổ tục Việt Nam, chương IV*).

**Đánh đu**

Đây là một thú trai gái đồng quê rất say mê. Có thể đu một mình hoặc trai gái đu đôi [1] . Tại hầu hết các hội có hát quan họ đều có cây đu. Cây đu cũng được trồng tại một số các hội tuy không có hát quan họ, thuộc các tỉnh Bắc Ninh Bắc Giang, Vĩnh Phúc Yên v.v…

Bài thơ của Hồ Xuân Hương đã mô tả gần đầy đủ về cây đu và thú chơi đu :

*Tám cột khen ai khéo khéo trồng,*

*Người thời lên đánh kẻ nhòm trông.*

*Trai đu gối hạc, khom khom cật,*

*Gái uốn lưng ong, ngửa ngửa lòng.*

*Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới,*

*Hai hàng chân ngọc ruỗi song song.*

*Chơi Xuân đã biết Xuân chăng tá,*

*Cọc nhổ đi rồi lỗ bỏ không.*

Ca dao Việt Nam cũng có câu :

*Rún mình như thể rún đu,*

*Càng rún càng dẻo, càng đu càng mềm !*

**Đánh vật**

Đây là một môn du hí thượng võ của dân tộc Việt Nam.

Đã trình bày trong bài *Hội đền Hai Bà Trưng*, chương I.

Những làng có tiếng về môn này, trong ngày hội đều có tục này : Trung Mầu, Yên Xá tỉnh Bắc Ninh, Vị Thanh, Lâm, Dịch Đồng, Hội Hợp tỉnh Vĩnh Yên, Mai Động tỉnh Hà Đông v.v…

**Kéo chữ**

Dân quê Việt Nam trong những môn du hí, có những trò chơi động như đánh vật, đánh Trung binh tiên, kéo co v.v… nhưng cũng lại rất thích những thú chơi tao nhã của văn chương. Chơi văn, chơi chữ không phải chỉ ở câu văn, câu thơ, bài văn sách, bài phú, mà còn ở ngay những cuộc vui bình dân trong ngày hội.

Làm thơ, đọc phú là các thú tao nhã của các tay văn học, của các ông đồ, ông khóa, ông tú, ông cử, còn nhưng người học hành ít, nông kiến thức, hẹp kiến văn, không hiểu được thơ, phú, văn, sách. Để cho ai cũng có thể thưởng thức được văn chương chữ nghĩa, ở nhiều làng quê còn có tục *kéo chữ* trong ngày hội.

Tục *kéo chữ* chúng tôi đã trình bày trong bài Hội PHỦ GIÀY, chương I. Tục này còn xuất hiện ở nhiều làng khác,

và riêng chúng tôi đã được chứng kiến ở làng Nội Ninh tục gọi là làng Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Thường những chữ kéo trong ngày hội đã có các tay cờ luyện tập từ trước. Chữ do những lá cờ ngũ hành đuôi nheo của các tay cờ sắp thành. Việc luyện tập rất công phu dưới sự hướng dẫn của một ông *hiệu cờ*. Ông này chỉ dẫn cho các phu cờ để họ trông theo cờ ông phất là họ biết lệnh tiến lui, sang ngang, về dọc, xếp những ngọn cờ thành những chữ rất rõ ràng có đủ nét mác rất sắc.

Phu cờ do dân làng kén chọn, hôm kéo chữ phải ăn mặc đồng phục, thường thường khăn xếp đen, áo the thâm quần trắng, thắt lưng bó que, thắt lưng nhiễu điều hoặc nhiễu thiên thanh hay hoa lý. Có khi số phu cờ được chia làm hai, mỗi nửa thắt một màu thắt lưng riêng.

Kéo chữ thường được tổ chức trên khoảng sân rộng trước đình, hoặc ở một khoảng sân rộng nào khác để tiện cho dân làng và khách thập phương dự xem.

Lúc mới đầu, những phu cờ dàn hàng hai, quay mặt về phía đình làm lễ. Sau đó, theo lệnh của ông hiệu Cờ họ mới chuyển động để xếp thành chữ.

Đầu tiên họ kéo từng chữ một, và sau cùng họ kéo cả mấy chữ đã được lựa trước một lúc ! *Thiên hạ thái bình* hoặc *Quốc thái dân an* v.v…

Họ chuyển động rất nhẹ nhàng. Họ kéo lên chữ nào, ta đọc đúng ra chữ đó.

**Đáo cọc**

Làng Lũng Ngoại, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên, hàng năm mở hội từ ngày mùng ba tới mùng bảy tháng giêng.

Trong ngày hội có rước xách tế lễ, có đánh vật, có tổ tôm điếm, nhưng làng này có một tục đặc biệt không thấy có ở

làng khác : tục *đánh đáo cọc*. Đánh đáo chắc ai cũng hiểu rồi, nhưng đánh đáo cọc chơi hơi khác.

Đáo cọc dân làng chơi ở khoảng đất trống ở ngay trước cửa đình. Khoảng đất này chiều dài độ mười thước.

Ở một đầu khoảng đất này có cắm một chiếc cọc, trên ngọn phấp phới mấy lá cờ đuôi nheo ngũ sắc. Người tham dự đứng ở mé đầu kia khoảng đất. Đáo chơi bằng những viên đá tròn. Người chơi đáo phải ném viên đá thế nào, để viên đá tới nằm ngay ở chân cọc, viên đá càng gần chân cọc bao nhiêu càng tốt chừng đó. Những người chơi đáo có thể dùng viên đá của mình đánh bật viên đá của người khác ra xa chân cọc.

Chơi đáo cọc, dân làng Lũng Ngoại gọi là *Ú đáo*.

Cuộc chơi đáo hàng năm đều bắt đầu bằng một nghi lễ trịnh trọng. Sáng ngày mồng 3 tết, ông Tiên Chỉ trong làng khai mạc cuộc chơi đáo. Ông làm lễ tại đình rồi ra ném viên đá đầu tiên. Sau đó đến các vị bô lão, chức sắc rồi mới đến dân làng.

Cuộc *Ú đáo* kéo dài trong suốt mấy ngày hội : Thanh niên ú đáo rất ham. Họ tin rằng nếu viên đá của họ ú trúng, nghĩa là nằm sát ngay chân cọc, trong năm họ sẽ gặp may mắn.

**Đáo đĩa**

Đây tuy là một trò chơi, nhưng cũng là một trò đổ bác có ăn thua. Trước đây ta thường bắt gặp những cuộc chơi đáo đãi tại các hội hè thuộc vùng Bắc Ninh, Bắc Giang.

Chơi đáo đĩa rất giản dị, chỉ cần ở người chơi đáo một sự khéo léo.

Một chiếc đĩa thanh trúc, loại đĩa vẽ cây trúc xanh trong lòng, đường kính vào khoảng I2 đến I5 phân bày ở giữa một chiếc nia, có khi là một chiếc mẹt, dùng làm đích cho người chơi đáo. Những người này đứng ở bực cấm, nghĩa

là nơi người chơi đáo không được vượt qua, để *cả cái* đồng tiền vào chiếc đĩa. Cả cái nghĩa là cầm ngang đồng tiền đưa đi, đưa làm sao để đồng tiền rơi vào trong lòng đĩa rồi nằm ngay trong đó không bị nẩy lên mà rớt ra ngoài.

Người chơi đáo, cả cái đồng tiền là *người con*, người đứng chủ trương cuộc chơi là *người cái*. Người cái bày mẹt, bày đĩa ra tại một nơi trong đám hội, khách xem hội ai thấy hứng thì chơi. Thường người cái đáo có một vài tay cò mồi cả cái rất khéo, đồng tiền tuy có nẩy lên vẫn ở lại trong lòng đĩa.

Đồng tiền nằm lại trong đĩa được cái đáo giam một số tiền gấp nhiều lần, nhiều ít tùy theo chiếc đĩa to nhỏ, chiếc mẹt hoặc chiếc nia rộng hẹp và tùy theo cả bực cấm xa gần nữa. Những đồng tiền đi trật rớt ra nia hoặc đã đi trúng vào đĩa lại nẩy ra nia, người cái đều được vơ hết. Những đồng tiền không vào đĩa cũng không vào nia, nhà cái đáo sẽ hoàn lại cho người con để người này đi lại.

Nhiều khi, người cái không dùng tiền trả cho người con, lại dùng đồ vật làm giải thưởng thế vào, giải thưởng có thể là một gói trà tàu, vuông nhiễu điều, vuông lụa bạch, hoặc gương lược v.v…

**Đáo ô**

Chơi đáo ô cũng tương tự như đáo đĩa, chỉ khác thay vì chiếc đĩa đặt trong chiếc mẹt hoặc chiếc nia làm đích, thì đây là một khay gỗ vuông bốn phía có gờ, mặt chiếc khay này được kẻ thành từng ô theo đường ngang dọc hoặc chéo góc.

Cũng có người cái và các người con, người con đứng ở bực cấm cách xa chiếc khay gỗ có ô, xa gần tùy từng bàn đáo. Ở bực cấm, người con lấy tiền cả cái vào khay gỗ có chia ô. Trong những ô, có ô có giải thưởng, có ô không. Người con đi đúng vào ô có giải thưởng thì được, đi vào

những ô khác thì mất đồng tiền đi. Giải thưởng cũng như đáo đĩa có thể là tiền bạc hoặc đồ vật.

Những đồng tiền đi không trúng vào chiếc khay gỗ, hoặc đã đi trúng vào nhưng lại nảy bắn ra ngoài, người cái đều hoàn lại cho người con để đi lại.

Đáo ô cũng như đáo đĩa bị coi là môn đổ bác nên trước đây chỉ xuất hiện trong những ngày hội, trong những ngày vui vẻ này, các nhà chức trách làm ngơ cho mọi người mua vui. Ngoài ngày hội, người tổ chức tức là người cái đáo có thể bị bắt và bị truy tố theo tội cờ bạc.

**Đáo lỗ**

Đã nói tới đáo, phải nói tới đáo lỗ. Đáo lỗ không phải là trò chơi riêng của ngày hội, quanh năm trẻ em lúc nào chơi cũng được. Cũng như hai lối đáo trên, đây là một lối chơi bằng tiền. Một bọn trẻ nhỏ, vài bốn thanh niên họp nhau lại là bàn đáo thành. Đáo chơi từng ván, mỗi ván mỗi người góp một số tiền.

Không hiểu tại sao, trước đây, tại các miền Trung du Bắc Việt, đáo lỗ chỉ được chơi vào dịp gần Tết và trong mùa Xuân.

Đáo lỗ chơi cũng thật giản dị, chơi bất cứ ở chỗ nào, vào giờ nào cũng được. Chỉ cần khoét xuống đất một cái lỗ tròn. Cách lỗ tròn này độ mấy bước là vạch cấm. Chơi đáo phải đứng ở vạch cấm để cả cái đồng tiền vào lỗ.Tiền nào đúng lỗ là ăn, tiền trật ra ngoài thì đến lượt người khác Dễ dàng lắm ! Ngắm làm sao cho đúng lỗ, đi đồng tiền vào cho gọn ấy là xong !

Xin thú thật, ngày thuở bé, kẻ viết những dòng này rất thú vị cái môn đáo lỗ này lắm, Không gì sung sướng cho bằng khi cả cái đúng lỗ ! Nghe đồng tiền rơi vào lỗ đánh « oặc », thật là khoái trá và cũng khoái trá khi vì đi đúng lỗ được thu tiền của người khác bỏ túi.

**Ngày hội thày bói**

Làng Chục, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh thờ Tổ Sư Thày Bói. Ngày mồng 9 tháng Giêng âm lịch hàng năm, ngày lễ Tổ Sư, các đệ tử của Quỷ Cốc tiên ông từ các nơi đều chống gậy lần mò về để làm lễ bái yết.

Các ông thày bói họp lại với nhau, cũng bàn bạc như thảo luận về việc làng của các xã, thôn vậy. Không ông nào trông thấy ông nào, các ông bàn luận thực đâu ra đấy, và cũng quyết nghị về những vấn đề quan trọng của làng *đeo kính râm.*

**Thi thày**

Làng Trực Chính, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, thờ ông Từ Đạo Hạnh tại chùa làng, vị cao tăng đời nhà Lý đã nhắc tới trong hội Chùa Thày (xem chương II).

Hàng năm, làng này mở hội từ ngày 20 đến hết ngày 24 tháng giêng âm lịch. Trong Hội có múa dối, hát chèo, đánh vật và cúng lễ, nhưng đặc biệt làng này có tục *Thi Thày* rất lạ. Các thày đạo sĩ các nơi, nhân ngày hội chùa làng này, kéo nhau tới để dự cuộc Thi Thày bắt đầu từ ngày 20 tháng Giêng. Các thày cùng nhau ngâm vịnh những bài văn cúng, văn tế của cổ nhân. Người nào vịnh được nhiều bài hay lạ, có nhiều ý nghĩa, có nhiều điển tích, được bầu trúng giải và được thưởng cỗ bánh.

Sau cuộc thi Thày, sáng ngày 2I có lễ tế Trời đất, một vị khoa mục được cử làm Chủ tế.

Trên là hội chùa làng Trực Chính.

Ngoài hội chùa, làng này còn hội đình. Làng thờ Việt Vương Triệu quang Phục. Hàng năm nhân kỳ thu tế, làng mở hội từ ngày mồng I0 đến hết I5 tháng Tám âm lịch. Trong ngày hội, ngoài những cuộc tế lễ theo nghi thức cổ truyền, có cuộc thi cỗ cúng thánh vào ngày I4 tháng Tám. Dự cuộc thi này có I8 giáp trong làng. Trong cuộc thi, có thi

bánh dày. Bánh dày nào dẻo, mịn, khéo trình bày thì được giải.

Trong dịp hội, làng lại có thi cả lợn sống. Một số người trong làng, tới tuổi phải nuôi lợn, được làng cử nuôi lợn, làng phát cho mỗi người một món tiền để mua lợn giống. Đang nuôi, rủi lợn chết phải mua thế con khác. Buổi thi lợn, tất cả những người nuôi lợn đều đem trình làng con lợn của mình. Ban hội đồng làng xem xét từng con. Lợn to béo, chắc thịt mịn lông là trúng giải. Những con lợn thi sau đó, dù trúng giải hay không đều được đem mổ thịt để làm cỗ tế thần, và tế thần xong dân làng cùng nhau thừa hưởng lộc làng.

**Cúng chuối bóc rồi**

Làng Đồng Vệ, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên thờ một vị thần lúc sinh tiền làm nghề gắp phân. Ngày hội làng, trong cuộc tế lễ dân làng có nhắc tới nghề nghiệp của ông thần.

Trong cái tự khí tại làng này, ngoài các tự khí ta thường thấy ở các đình làng khác, còn có những bộ gơ và những cặp gắp sơn son thiếp vàng. Gơ và gắp là dụng cụ của người đi gắp phân.

Hội làng cũng có nhiều trò vui, đặc biệt là đánh vật, nhưng ở làng này có tục cúng thần bằng *chuối bóc rồi,* những trái chuối tiêu bóc tuột vỏ, tượng trưng cho những cục phân, được bày vào những chiếc gơ sơn son thiếp vàng, đệ lên bàn thờ để tế. Sau cuộc tế, các vị chức sắc và bô lão dùng những cặp gắp cũng sơn son thiếp vàng, gắp những quả chuối trong các gơ, chia thành từng xuất để làm phần cho các cụ và dân làng.

Dân làng cho rằng ăn những quả chuối thờ này rất khước. Chỉ những người đã lo đủ lệ làng mới được chia phần chuối bóc rồi.

Xin nói thêm, làng này cho đến thời tiền chiến vẫn có nghề gắp phân. Trai muốn lấy vợ, gái muốn lấy chồng, phải đi gắp phân một thời gian mới có người lấy và khi thành hôn mới được nộp cheo cho làng.

Bạn đọc đừng cười, trong đời sống nông nghiệp, phân rất cần. Xưa kia không có phân hóa học, ta chỉ dùng phân chuồng và phân đồng, phân chuồng là phân loài vật nuôi ở trong chuồng, còn phân đồng là phân người, phân loài vật những người gắp phân đi nhặt nhạnh ở ngoài đồng. Ta có câu :

*Nhất nước, nhì phân,*

*Tam cần, tứ giống.*

Qua câu trên, ta thấy phân rất cần cho nhà nông.

Dân quanh vùng Vĩnh Yên thường có tiếng lóng đề chỉ phân người. Đấy là thành ngữ *Bánh dày Đồng Vệ.* Bảo ai ăn *Bánh dày Đồng Vệ* tức là mắng kẻ đó sơi phân người.

°

Làng Vũ Bị, tỉnh Hà Nam cũng có tục cúng chuối bóc rồi, làng nầy cũng thờ thần gắp phân như làng Thổ Tang.

Ngoài ra cũng có nhiều làng khác tại Bắc Việt thờ những vị thần lúc sống đã hành nghề gắp phân. Đi gắp phân thực ra không bị dân quê Việt Nam coi là xấu, và đây không phải là nghề hạ tiện. Nhiều làng con gái muốn lấy chồng phải đi gắp phân một thời gian.

Làng Nghiêm Xá, huyện Quê Dương, tỉnh Bắc Ninh trước đây con gái thường đi gắp phân, cũng như các làng ở Dương Ổ, làng Hà, huyện Võ Giàng cùng tỉnh.

**Cúng kẹo lạc**

Làng Cổ Nhuế, tục gọi là Kẻ Noi, tỉnh Hà Đông cũng thờ một ông thần lúc sống đi gắp phân. Làng này hàng năm

cũng mở hội vào tháng Giêng, và trong khi cúng thần, dân làng cũng nhắc nhở tới nghề sinh tiền của thần linh : sửa lễ cúng thần, ngoài các đồ lễ khác bao giờ cũng có một gơ kẹo lạc làm bằng mật và lạc, keo nầy phải làm sao cho có màu mật đen già để mỗi cục kẹo trong tương tự như một cục phân chó khi được nặn tròn tròn dài dài.

Cũng như chuối bóc rồi ở xã Đồng Vệ, kẹo lạc ở xã Cổ Nhuế, sau khi cúng được đem chia cho các hàng hương trưởng kỳ mục. Chỉ các vị này mới được thừa lộc thần linh.

**Săn Cuốc**

Cuốc là một loại chim hay lủi ở bờ ao bờ ruộng lông đen mỏ trắng, thường hay phá hoại hoa màu. Người nông dân miền quê thường hay bắt Cuốc để trừ hại cho đồng ruộng.

Có nhiều nơi, nhân ngày hội làng, dân làng tổ chức bắt Cuốc, cả làng tham dự, nam, phụ, lão, ấu đủ hạng. Những cuộc bắt Cuốc tập thể có lợi :

- Số Cuốc bắt được nhiều.

- Dân làng rầm rộ đi khắp đồng ruộng khiến cho Cuốc sợ hãi bỏ cánh đồng làng đi nơi khác.

Làng Yên Đổ, tỉnh Hà Nam, quê cụ Nguyễn Khuyến có tục bắt cuốc tập thể.

Ông Nhuệ Giang, trong *Yên Đổ tùng biên* xuất bản năm I968 tại Saigon có nhắc tới tục nầy : « Mỗi năm, vào ngày 3 và ngày 5 tháng Giêng là ngày nghỉ Tết, cày cấy đã xong, dân làng có tổ chức cuộc săn Cuốc để trừ bớt giống chim phá lúa, một cổ tục từ xưa. Trong ngày đó, nhân dân làng (trừ đàn bà trẻ em) đều đi dự cuộc săn Cuốc. Các vị bô lão đi giữa đám đông, còn đi đầu và đi cuối là những trai tráng khỏe mạnh, kẻ khua cồng, người đánh lệnh, chen lẫn những tiếng hò reo inh ỏi, làm náo động cả một vùng, khiến cho những con chim Cuốc lủi trong bụi rậm phải kinh hoàng bay chạy tứ tung, tìm nơi ẩn lánh, sa vào đám đông liền bị

bắt sống. Ai bắt được chim đem nộp làng lấy thưởng, do các chủ điền treo giải ».

Làng Trà Xuyên, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh cũng có tục bắt chim Cuốc. Làng nầy mở hội vào ngày mồng tám tháng Giêng. Hội có những trò vui chung của tỉnh Bắc Ninh như hát quan họ, đánh đu đôi, đáo đĩa v.v…

Về cuộc bắt Cuốc, làng này cả trai gái già trẻ đều tham dự.

Sáng ngày mồng tám, dân làng họp cả ở sân đình. Một vị kỳ mục giống lên ba tiếng cồng. Thế là mọi người đua nhau đi tìm Cuốc để bắt.

Tưởng cần nói thêm : Cuốc tuy là loại chim biết bay nhưng lại thích lủi trong bờ bụi rậm, nhất là những ruộng lúa, ở những nơi đây yên lặng thích hợp với chúng để kiếm ăn.

Trong lúc dân làng đi bắt Cuốc, chiêng trống nổi theo tiếng hò reo, Trước sự ầm ĩ nầy, Cuốc đang lủi trốn bay ra thế là mạnh ai xông vào bắt.

Sau khi bắt Cuốc xong, tất cả số Cuốc bắt được đều đem đến đình làng làm thịt cúng thần, xong rồi dân làng cùng hưởng.

**Bắt lợn**

Xã Tích Sơn, phủ Hưng Hóa, tỉnh Phú Thọ cũng có tục dân làng họp quần để cùng đuổi bắt tập thể một con vật trong ngày hội làng.

Chúng tôi không nhớ rõ, hội xã này mở vào ngày nào, nhưng trong ngày hội dân làng thả vào một khu rừng một con heo, con heo này, dân làng cử người nuôi từ năm trước, tương tự như những xã có tục thi heo hoặc chém lợn.

Con heo thả ra, dân làng theo hiệu lệnh của làng xô nhau tìm bắt.

**Thi thơ**

Dân tộc Việt Nam đã có những áng văn thơ danh tiếng. Ngâm thơ vịnh cảnh vốn là một cái thú của các cụ ta xưa và của cả chúng ta ngày nay.

Để khuyến khích việc ngâm vịnh cũng như để lọc lựa những bài thơ hay, xưa ngoài những văn thơ làm trong các kỳ thi, trong dân gian thường luôn luôn có những cuộc thi thơ. Tại nhiều làng, nhân ngày hội làng dân làng cũng mở cuộc thi thơ, trong đó có làng Yên Đổ.

Thi thơ tại làng Yên Đổ hàng năm được tổ chức vào ngày 24 tháng Chạp, nhân phiên chợ Đồng, một phiên chợ mà cũng kể như một ngày hội vì sự tham dự động đảo không những riêng của dân làng mà của cả dân cư các xã lân cận và vì sự sửa soạn long trọng của phiên chợ.

Về cuộc thi thơ xin chép lại đầy lời của Nhuệ Giang ghi trong Yên Đổ tùng biên : « Buổi sáng hôm đó, một cuộc thi văn thơ đã được các vị bô lão trong làng tổ chức ngay tại ngôi đình cạnh chợ. Các nhà văn hào, văn sĩ các nơi đều đến tập họp tại nơi Tường Đền để dự cuộc thi thơ. Các vị khoa mục trong làng Yên Đổ và các làng gần đó làm giám khảo, những thí sinh nào trúng giải thưởng sẽ được hoan hô và được ban tặng phần thưởng rất hậu. Thực là một cuộc thi tao nhã và hào hứng với mục đích khuyến khích các bạn thí sinh cố gắng dùi mài kinh sử, tranh khôi đoạt giáp sau này. Sau cuộc thi thơ, các vị trúng giải đều được mời dự cuộc nếm rượu ở Tường Đền với các vị bô lão trong làng ».

Nhân nói đến thi thơ, xin phép được nhắc lại đây một giai thoại về thi thơ đã xảy ra ở tỉnh Hưng Yên dưới thời Pháp thuộc.

Hồi đó Lê Hoan làm Tổng đốc Hưng Yên. Nhắc đến Lê Hoan chắc bạn đọc ai cũng nhớ ngay đây là một tên Việt gian, giết hại đồng bào, lập công với Pháp.

Giữ chức vụ cao, Lê Hoan vẫn có mặc cảm bị đồng bào khinh rẻ và giới trí thức coi thường.

Để nâng uy tín riêng và để tỏ ra là con người hào hoa phong nhã, mùa xuân năm Ất Tỵ (I905), Lê Hoan loan báo mở một cuộc thi thơ với mục đích chấn hưng nền văn học đã bị suy đồi vì ly loạn.

Lê Hoan đã phí tổn không biết bao nhiêu tâm cơ để tổ chức cuộc thi này. Sợ văn nhân thi sĩ không thèm hưởng ứng, Lê Hoan đã có công mời những danh sĩ đương thời là Nguyễn Khuyến và Dương Lâm làm chánh phó chủ khảo. Đề thi là *Thanh Tâm tài nhân lục* hay là truyện Kim-Vân-Kiều, một tác phẩm giá trị bậc nhất trên thi đàn. Về bài dự thi có thể làm chữ Hán hoặc chữ Nôm. Về điểm này Lê Hoan rất gian hùng. Y biết các nho sĩ đều thích làm thơ, thích nghe thơ, nhưng ít ai đã giỏi về cả hai mặt thơ Nôm và thơ Hán, bởi vậy có thể làm bằng Nôm hoặc Hán để thí sinh được tự do thi thố sở trường của mình, do đó cuộc thi thơ đông người dự.

Lễ trao giải thưởng và bình thơ trúng giải sẽ được tổ chức vào một dạ hội hoa đăng tại một thắng cảnh nổi tiếng tỉnh Hưng Yên là Bán Nguyệt Hồ, nơi đây thật là nơi hội ngộ lý tưởng của những tao nhân mạc khách.

Lê Hoan lại ngầm sai người mang lễ vật thật trọng hậu để mời cho được những danh sĩ tỉnh Hưng Yên về dự hội. Nhờ sự khẩn khoản này, nhiều bậc đại nho, nhiều nhà khoa bảng ghi danh dự thí.

Cuộc thi thơ đã có kết quả, và dạ hội hoa đăng tại Bán Nguyệt Hồ đã tưng bừng với những cuộc ngâm thơ và phát giải. Giải nhất thơ chữ Hán về tay cử nhân Chu Thập Hy, giải nhất thơ chữ Nôm thuộc về tay Tiến sĩ Chu Mạnh Trinh.

Cuộc thi thơ cũng đã hoàn toàn thành công đúng theo danh nghĩa một cuộc đua tài chân chính, và công bằng mà nói,

việc làm của Lê Hoan cũng đáng khen tuy y có hậu ý.

Có thể nói được rằng, về mặt nào Lê Hoan đã thực hiện được ý muốn của mình, nhưng trong cái đẹp đẽ đối với y, y cũng phải gánh nhận một phần rất không đẹp, và y đã trở nên một trò cười cho người đời.

Y đã vụng tính trong nước cờ cao. Ấy là mời cụ Tam Nguyên Yên Đổ về làm Chủ khảo cuộc thi thơ. Y quên rằng cụ Yên Đổ là một nhà ái quốc, cụ ghét thậm tệ những người bán rẻ giang sơn dân tộc để cầu ân huệ của lũ quan thầy áo ngắn [2] . Cụ lại là một nhà thơ lão luyện trong lối mượn cảnh cười đời.

Khi Lê Hoan dùng trọng lễ để mời cụ, cụ đã thấy những mưu vọng thầm kín của y. Do đó, nhân cuộc thi lấy truyện Kiều làm đề tài, cụ đã sáng tác một bài *Tổng vịnh truyện Kiều* gọi là để đóng góp thêm vào cho cuộc Thi Thơ thêm hào hứng trong buổi bình thơ trúng giải, nhưng trong thâm tâm cụ mượn bài thơ để mắng khéo Lê Hoan.

Cụ đã mượn nhân vật trong truyện Kiều để soi mói tới gốc gác *bán tơ* của Lê Hoan – nguyên Lê Hoan trước đây là một tên buôn tơ lụa – và nói rõ cuộc thi thơ của Lê Hoan chỉ là một trò hề bịp đời, giống như mụ Tú Bà đã mượn màu son phấn để đánh lừa con đen. Trong bài thơ cụ lại nhắc tới việc nàng Kiều bán mình để cho mọi người thấy Lê Hoan chỉ là một tên tham nhũng.

Và bài thơ *Tổng vịnh truyện Kiều* của cụ đã trở thành một giai thoại văn chương được mệnh danh là giai thoại Lê Hoan.

Sau đây là bài thơ bất hủ ấy :

*Thằng bán tơ kia giở rói ra,*

*Lôi thôi đến cả cụ Viên già.*

*Bấm lưng phải có ba trăm lạng,*

*Nhắm mắt thôi liều một chiếc thoa.*

*Rước khách mượn màu son phấn mụ,*

*Bán mình chuộc lấy tội tỉnh cha.*

*Có tiền việc ấy mà xong nhỉ*

*Ngày trước làm quan cũng thế a ?*

**Uống rượu**

Nói đến thơ ắt phải nói đến rượu. Làng Yên Đổ có tục thi thơ lúc xuân sắp về, làng lại có cả tục uống rượu để kén rượu ngon.

Sau cuộc thi thơ nhân dịp cuối năm của dân làng, « các vị trúng giải đều được mời dự cuộc nếm rượu ở Tường Đền cùng các vị bô lão trong làng để kén rượu tốt (ngon nhất) dùng vào việc tế tự đầu năm ». [3]

Trong việc tế tự, vô tửu bất thành lễ, nhưng thận trọng kén rượu ngon để cúng thần, tục này có lẽ chỉ có tại làng Yên Đổ. Tại nơi khác, nhân kỳ hội xuân, hội thu hàng năm, các cụ bao giờ cũng lựa mua rượu tốt, nhưng không có cuộc nếm rượu như làng Yên Đổ.

**Hội chợ cuối năm**

Tại nhiều làng, phiên chợ cuối năm là một ngày hội, có khi là hội cho cả làng, như tại làng Yên Đổ, có khi là hội cho các trẻ em và ngày phiên chợ này được mệnh danh là *Ngày phiên chợ trẻ con* như tục làng Thị Cầu, tỉnh Bắc Ninh, phiên chợ trẻ con trước đây vẫn họp vào ngày 30 tết.

*Chợ Đồng Yên Đổ*

Về phiên chợ cuối năm làng Yên Đổ, chợ họp ngay trên cánh đồng làng và được gọi là Chợ Đồng. Ông Nhuệ Giang trong Yên Đổ tùng biên đã viết về chợ này : « Tục truyền ngày 24 tháng Chạp, nhân dân làng Yên Đổ muốn kỷ niệm công đức của tiền nhân có một phiên chợ Đồng vào cuối

năm ngay tại cánh đồng làng Yên Đổ. Mỗi năm trước ngày 24 tháng Chạp, các hàng quán đã được dựng lên san sát trên cánh đồng khô ráo, rồi đến sáng tờ mờ ngày 24, các vị thân hào, các nhà buôn bán, trẻ con, người lớn, thanh niên, phụ nữ trong khắp các vùng lân cận đã tề tựu rất đông. Sự gặp gỡ của mọi người đã được phô diễn trong cảnh tưng bừng náo nhiệt, trong buổi tất niên cùng nhau trao đổi những lời chúc tụng vào dịp xuân sắp tới ».

Đến sau gặp hồi tao loạn, thực dân Pháp đặt cuộc đô hộ tại Việt Nam, cụ Tam Nguyên Yên Đổ có bài thơ về cảnh chợ Đồng như sau (Tuy là bài thơ tả cảnh chợ Đồng giáp tết lời lẽ tự nhiên, nhưng ngụ ý rất khéo về thời thế mà lúc đó không thể nói rõ hơn được nữa) :

**THƠ CHỢ ĐỒNG**

*Tháng Chạp, hai mươi bốn, chợ Đồng,*

*Năm nay chợ họp có đông không ?*

*Gió trời mưa bụi còn hơi rét,*

*Nếm rượu Tương Đền được mấy ông*

*Hàng quán người về nghe xáo xác*

*Nợ nần năm hết hỏi lung tung.*

*Dăm ba ngày nữa tin xuân tới,*

*Pháo trúc nhà ai một tiếng đùng.* [4]

*Chợ làng Mỹ Lợi*

Làng Mỹ Lợi, quận Vinh Lộc hàng năm có họp chợ vào hai ngày 29 và 30 tết mỗi năm, nhưng đặc biệt trong hai ngày họp chợ này chỉ cốt để dân chúng mua bán thịt heo.

Làng ngày có một ngôi chợ, trong những ngày sửa soạn tết, dân làng này cho làm những chòi cao, vào khoảng ba

chục chiếc ở nơi đất trống đầu chợ. Những chòi cao chính là những quán bán thịt heo trong hai ngày chợ tết.

Trong hai ngày nầy, bao nhiêu heo lớn trong làng đều được đem mổ thịt để bán cho dân làng dùng trong dịp Tết, và ở mỗi chòi là nơi bày bán một con heo khổng lồ.

Dân làng sắm Tết đều dành đến ngày phiên chợ thịt heo đặc biệt nầy mới mua thịt để gói bánh, làm cỗ Tết. Phiên chợ rất vui và rất náo nhiệt. Gia đình nào cũng có người có mặt tại phiên chợ, vì nhà nào Tết mà không cần đến thịt heo.

Cả dân chúng một vài xã lân cận, biết lệ làng Mỹ Lợi cũng kéo nhau đến đây để sắm thịt heo ăn Tết.

Những chòi bán thịt heo, sau ngày Tết sẽ là nơi để dân làng *đánh bài chòi* chơi Xuân.

*Chợ thôn Vinh Mỹ*

Vinh Mỹ là một thôn thuộc xã Mỹ Lợi, quận Vinh Lộc tỉnh Thừa Thiên. Thôn này cũng có phiên chợ Tết, nhưng đặc biệt ở đây, chợ Tết không họp cuối năm.

Chợ thôn này họp vào các ngày mồng một và ngày mồng hai Tết, và chợ không họp như thường lệ tại địa điểm họp chợ quanh năm, lại họp ở một cồn cát trắng, cách chợ vào khoảng I.500 thước, nơi đây được gọi là *Chợ Cồn.*

Dân chúng đi chợ Cồn để mua bán thì ít, nhưng để vui Xuân thì nhiều. Trong phiên chợ này, những người buôn bán mang hàng tới bán không cầu mong bán đắt hàng, họ đi chợ chỉ vì tục lệ. Người ta tin rằng, người buôn bán trong thôn có đi bán hàng tại chợ Cồn đầu năm, quanh năm mới mua may bán đắt.

Gọi là đi chợ để vui xuân, vì nhân dịp này những cặp trai gái hẹn hò gặp gỡ nhau, và có mua bán trong khi đi chợ cũng chỉ là tượng trưng.

Có lẽ bạn đọc sẽ tự hỏi tại sao phiên chợ đầu xuân không họp ở vị trí chợ, lại đi họp ở nơi cồn cát như vậy. Đây là lời giải thích của các cụ già thôn Vinh Mỹ :

Chợ của thôn Vinh Mỹ, trong những đêm mồng một mồng hai Tết có người âm về họp chợ, và do đó đêm khuya, người ta từng nghe tiếng ồn ào của một phiên chợ nhưng không thấy người. Cũng bởi trong hai ngày này, người âm họp chợ nên trần gian phải trả chợ cho họ, kéo nhau tới họp *ở* chợ Cồn.

Lời giải thích trên ai muốn tin thì tin, ai không tin cũng không sao, nhưng có điều hiển nhiên là dân thôn Vinh Mỹ, trong mấy ngày Tết họp chợ để vui xuân, người ta vẫn họp ở cồn cát, không họp ở chợ. Đây là một tục lệ, đã gọi là tục lệ đố ai làm trái được ! [5]

**Thần đa tình**

Làng Hoài Bão, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh có hai thôn là Hoài Bão Trung và Hoài Bão Thị, hai thôn thờ hai vị thần, thôn Thị thờ một nữ thần ; thôn Trung thờ một nam thần.

Theo lời truyền lại thì một lần xưa kia, nữ thần thôn Thị bỏ sang sống vời Thành Hoàng thôn Trung, trong thôn vì vắng vị Thành Hoàng cai quản, đã xẩy ra rất nhiều điều làm dân chúng khốn khổ : cháy nhà, súc vật chết, người đau ốm… Sau bói ra qua thấy, dân thôn Thị đã phải sang thôn Trung tế lễ linh đình để cầu xin thần thôn Trung trả lại Thành Hoàng cho thôn mình. Sau buổi thỉnh mời được nữ thần trở lại thôn, dân thôn Thị mới được an lành như cũ.

Từ đó dân thôn Thị luôn luôn đề phòng, sợ nữ thần lại đi theo thần thôn Trung mất.

Hàng năm, hai thôn làng Hoài Bão đều vào đám vào trung tuần tháng Giêng, thôn Thị cử hành trước thôn Trung vào ngày I2. Trong ngày bắt đầu vào đám, thôn Trung cử hành đám rước rất long trọng đi ngang qua trước đình thôn Thị.

Sợ nữ thần, nhân đám rước đi theo nam thần, dân thôn Thị phải có biện pháp để giữ thần mình lại. Tuy ngày lễ hàng thôn đã qua, dân thôn Thị cũng thuê phường chèo về hát trước đình, và khi đám rước nam thần thôn Trung đi gần đến, dân chúng thôn thị vỗ tay, dậm chân, yêu cầu phường chèo đờn hát thật nhộn nhịp để làm át hẳn tiếng của đám rước, với mục đích khiến nữ thần không thể chú ý tới *chàng quân tải* đang đi qua trước đình.

Thờ một nữ thần đa tình, con gái trong thôn cũng chịu ảnh hưởng, và đối với dân trong vùng, các cô có tiếng là lẳng lơ. Ở thôn này có tục con gái lấy chồng không phải về ngay nhà chồng, các cô vẫn sống nguyên « Đời con gái » với tất cả mọi sự tự do về hoa nguyệt, và truyện bướm ong các cô vẫn hoạt động có khi còn hơn ngày chưa cưới. Các cô chỉ phải về nhà chồng trong những dịp giỗ chạp, tết nhất. Đây là những dịp để các cô gần gũi với các *đức anh chường,* nhưng có nhiều cô ngoan cố, sẵn chỗ hẹn hò, tuy có về nhà chồng trong những dịp nói trên, các cô chỉ ở nhà chồng ban ngày còn tối đến, đường cô cô đi, các đấng phu quân đành chỉ khoanh tay vì… tục làng. Các cô sống như vậy cho đến khi thụ thai mới về ở hẳn với chồng ! Các cô thụ thai với ai, có phải thụ thai với chồng trong những dịp ngủ lại với chồng chăng ? Thụ thai với ai mặc, đẻ ra cũng vẫn con thiếp con chàng chứ con ai !

**Tự do luyến ái**

Trong thôn quê, trai gái tại nhiều xã được tự do luyến ái, có khi sự luyến ái chỉ qua những cuộc hát đối đáp, và trong trường hợp, trai gái có vợ có chồng, đều được người phối ngẫu của mình ưng thuận, như trong tục hát quan họ tỉnh Bắc Ninh, và có khi sự luyện ái còn đi xa hơn nữa, đi đến *đỉnh giáp non thần* với những *giấc mộng Vu sơn.*

Làng Viêm Xá tỉnh Bắc Ninh có tục trai gái hát đối đáp với nhau, na ná như tục hát quan họ [6] Trai gái trong làng hát

với nhau, nhưng họ lại hát cả với trai gái xã lân cận là xã Hoài Bão nói trên.

Mỗi năm làng Viêm Xá mở hội hai lần, một lần về mùa Xuân vào ngày mồng bốn tháng Giêng và một lần về mùa Thu vào ngày mồng mười tháng Tám. Trong những kỳ hội, con gái làng, mời một đoàn trai làng Hoài Bão sang dự đám, cùng họ hát lễ thần tại đình.

Trong lúc hát, gái làng ngồi một bên, còn trai làng ngồi bên kia với trai Hoài Bão. Khi đôi bên đã an vị, một chàng trai Viêm Xá lấy trầu cau ra mời hai bên gái làng và trai Hoài Bão, đại ý nói nhân ngày lễ Thần xin mời hai bên ăn trầu rồi hát mừng đức Thượng đẳng và mừng Xuân, nếu là hội mùa Xuân.

Tất cả trai gái đôi bên đều được mời trầu. Sau đó cuộc hát bắt đầu, trước hết là những câu chúc vua mừng nước rồi chúc tụng thần linh. Họ chúc mừng cả dân làng lại chúc mừng lẫn nhau qua câu hát. Lúc hát, họ hát giọng đôi tương tự như hát quan họ.

Sau những câu hát chúc mừng là những câu hát thổ lộ tâm tình, gởi gấm duyên nghĩa cùng nhau. Hát với nhau chừng quá nửa đêm, bọn gái làng mời bọn trai Hoài Bão về nhà người đứng đầu cả bọn để thết đãi, nhà chị Cả của bọn họ.

Ăn uống xong, cuộc hát lại tiếp tục.

Hát tại đình, họ gọi là *nam nữ ca sự tại đình,* hát ở nhà họ gọi là *nam nữ ca du tại gia,* sự là thờ phụng, du là chơi bời.

Sau bữa tiệc gái Viêm Xá đãi trai Hoài Bão, lúc hát trở lại, bao nhiêu đàn bà Viêm Xá đều có mặt tại nhà chị cả, có chồng chồng cũng để cho đi, và con gái chưa chồng lẽ tất nhiên càng đi mạnh. Có gái làng, lại có cả trai làng cùng với trai Hoài Bão. Trai gái chia thành từng tốp I0 người, mỗi tốp một người đứng đầu gọi là anh Cả [7] , rồi đến anh Hai, anh Ba, anh Tư, anh Năm, từ người thứ sáu trở đi đều gọi là

anh Bé, phía gái cũng gọi tên như thế từ chị Cả đến những chị Bé. Cuộc hát vui chơi tại nhà chị cả kéo dài cho đến 4, 5 giờ sáng.

Đặc biệt, giữa lúc đêm khuya, vào khoảng 2, 3 giờ sáng, trong nhà chị cả bao nhiêu đèn nến tắt hết, trai gái cùng nằm với nhau mà hát, anh Cả hát với chị Cả, anh Hai hát với chị Hai, cho đến anh Bé với chị Bé.

Hát với nhau một lúc, những cặp nào ưng nhau cứ việc dắt nhau ra khỏi nhà, đưa nhau vào một nơi vắng vẻ trong làng, muốn làm gì nhau thì làm. Đưa nhau đi một lúc lâu họ lại kéo nhau về nhà nằm hát cho đến tang tảng sáng. Lúc đó, gái Viêm Xá tiễn đưa trai Hoài Bão ra đến cổng làng, chị Cả tiễn đưa anh Cả, chị Hai tiễn đưa anh Hai v.v… Từ nhà đến cổng làng, họ đi trên những con đường khác nhau, hoặc nếu có cùng đi trên một con đường, cặp nọ cũng cách cặp kia một quãng xa để tiện ngôn ngữ cùng nhau cho được hết lời.

Nếu vì trời chưa sáng hẳn, có cặp nào tiếc thời gian, lưu luyến nhau quá mãnh liệt, họ có thể cùng ngừng ở một nơi kín đáo bên đường để tình tự cùng nhau hoặc cùng nhau đi vào một *giấc mộng đêm xuân mơ màng*.

Cổ tục làng Viêm Xá cho phép trai gái gặp gỡ tự do trước là để cho họ cùng nhau thi tài qua câu hát, hai là để cho họ tìm hiểu nhau cho hết *ngọn nguồn lạch sông,* trước khi cùng nhau tính một chữ « đồng ».

Trong làng không ai ngăn cấm con gái, ai cũng nghĩ rằng : Con gái không cho đi hát hư mất đời của chúng mà lại cưỡng lệ làng.

Vả chăng, đối với các bà mẹ thì *xưa kia ai cấm duyên bà, bây giờ bà già bà cấm duyên tôi.*

Hơn nữa, trên phương diện tín ngưỡng, năm nào làng không cử hành hội hè với cổ tục *nam nữ ca sự tại đình* rồi

*ca du tại gia,* trong làng sẽ xảy ra nhiêu sự không may : nhà cháy, người làng buôn bán thua lỗ, dân làng cãi cọ kiện cáo nhau v.v… [8]

Riêng về ca hát, đây là một cái thú của trai gái tỉnh Bắc Ninh. Ca dao vùng này có câu :

*Hát cho lở đất long trời,*

*Cho đời biết mặt, cho người biết tên.*

*Hát từ chợ Phủ hát lên,*

*Hát xuốt tỉnh Bắc qua miền tỉnh Đông.*

*Hát sao cho cạn giòng sông,*

*Cho non phải lở, cho lòng phải say !*

**Ném cầu bói chuyện hôn nhân**

Làng Phú Sơn tỉnh Thanh Hóa, hàng năm mở hội Chùa vào hai ngày I4 và I5 tháng Giêng. Ngoài những cuộc tế lễ rước xách, làng này tổ chức đám rước vào ngày I4 rất linh đình, làng có nhiều cổ tục riêng, đáng kể hơn cả là tục phóng sinh chim và cá, cử hành tại chùa làng ngay sau đám rước, và tục ném cầu bói chuyện hôn nhân của trai chưa vợ, gái chưa chồng ; tục này cử hành vào ngày rằm tháng Giêng.

Hôm đó, trong chùa có cử hành lễ cầu an.

Trong sân chùa có trồng cây phướn bằng nguyên cả cây tre, cao trên mười thước, trên ngọn có lủng lẳng treo một chiếc lồng đan bằng tre.

Trong khi trong chùa cầu kinh lễ Phật, ngoài sân chùa những trai chưa vợ, gái chưa chồng tụ họp cùng nhau, có mời thêm vài cặp vợ chồng để cùng dự cổ tục *Ném cầu bói chuyện hôn nhân.* Họ dùng hai quả cầu, phân chia quả Âm quả Dương, mỗi quả to bằng quả chanh ngoài có dây mây bọc quanh. Quả Âm cầu sơn màu xanh, quả Dương cầu sơn màu trắng. Trái gái chia làm hai bên riêng biệt, mỗi bên

nam nữ có một người cầm đầu. Hai bên ước hẹn với nhau : Trong hai đoàn nam nữ, ai đã kết hôn rồi mà ném được quả cầu vào trong lồng thì chỉ được thưởng, còn cặp nào chưa kết hôn mà ném trúng thì không những được thưởng mà còn hẹn phải cưới nhau, sai lời có Phật, Trời chứng giám.

Giao ước xong, trai gái ngoảnh về phía chùa lễ Phật.

Cuộc ném cầu bắt đầu-bởi mấy cặp vợ chồng, sau đó mới đến trai gái thanh tân. Trước khi ném cầu, chồng vợ lần lượt hát :

*Cầu này làm cuộc du Xuân,*

*Ta mà trúng được thưởng phần về ta.*

Nếu hai bên đều ném trúng, mọi người vỗ tay. Nếu một trong hai người hay cả hai ném trật ra khỏi lồng, họ phải đi nhặt cầu, quỳ xuống trao lại cho cặp vợ chồng khác, và họ bị mọi người cười nhạo.

Sau những cặp vợ chồng đến những cặp trai gái. Họ cũng hát trước khi ném cầu, câu hát của họ khác câu hát của cặp đã thành phu phụ :

*Cầu này là quả thiên duyên,*

*Đôi ta mà trúng kết nguyền cùng nhau.*

Cuộc vui kéo dài từ 8 giờ sáng đến 4 giờ chiều. Trò vui này trai thanh gái lịch rất là thích thú, họ chơi với nhau một cách say mê, cặp nọ chúc cặp kia ném trúng, cặp kia cũng cầu lại sự may mắn cho cặp này.

Người bên nào ném cầu trúng vào đích được ghi vào sổ, ném trật phải quỳ xuống trao cầu cho người sau mình.

Phần thưởng thường là pháo, trà, khăn điều v.v… tương tự như giải các cuộc vui tại các hội Xuân khác.

Tuy là một trò vui, nhưng mỗi lần một cặp trai gái đã có tình ý với nhau cùng ném trúng cầu họ đều hứa hôn với nhau. Mọi người tin rằng, nếu sau này sai lời hứa, họ sẽ gặp những sự không may, còn nếu đi đến hôn nhân, họ được hưởng hạnh phúc và mọi sự tốt đẹp.

Dân xã Phú Sơn cho đây là một tục thiêng liêng của dân làng, không thể bỏ được.

**Vật cù, đánh phết**

Quả cù, gọi là cù lộ ở miền Nghệ Tĩnh bằng rễ tre to bằng quả bong bóng tròn, địch thủ chia làm hai phe tranh nhau cướp lấy ném vào rổ treo trên ngọn tre cao. Trò chơi vật cù giống như chơi Rubby hoặc như bóng rổ của người phương Tây, nhưng không có luật lệ nào cả : Ai muốn chơi cũng được và muốn đứng vào phe nào thì đứng, không cần lựa chọn trước và cũng không hạn định số người chơi mỗi bên là bao nhiêu.

Những người tham dự phải mình trần đóng khố.

Lối chơi đánh Phết cũng chia hai bên. Quả Phết bằng gỗ to (xin xem chương IV, mục Chiến đấu tính qua một số các cổ tục Việt Nam).

Tục cổ về hội Xuân, nhất là hội Xuân về phong tục, khắp trên đất nước Việt Nam, ắt hẳn còn nhiều. Trước đây mỗi làng đều có hội và mỗi nơi đều có những cổ tục riêng. Một phần vì hoàn cảnh đất nước nên hội Xuân và rất nhiều cổ tục đã đi vào dĩ vãng, một phần vì văn minh kỹ thuật ồ ạt tràn tới, đã đẩy lui không ít những cái gì tuy nằm trong văn hóa Việt Nam, nhưng không còn thích hợp với sự tiến bộ mau chóng của văn minh.

Chúng tôi muốn viết thêm về hội Xuân và cổ tục, mong giữ lại phần nào những dấu vết không còn nữa, nhưng sự hiểu biết nông cạn và tài liệu của chúng tôi quá đơn sơ, bắt buộc chúng tôi tạm ngừng ở nơi đây về các hội Xuân…

Chúng tôi hy vọng sau nầy, có dịp chúng tôi sẽ viết nhiều và kỹ lưỡng hơn.

Trước khi bước sang chương IV với những đặc tính của một số cổ tục, xin các bạn đọc các tài liệu sau đây của một nhà khảo cổ, kiến trúc sư khảo cổ Nguyễn Bá Lăng về một số các hội *Rước đảo vũ*, một khía cạnh của Hội hè đình đám, trích trong Đặc san Quê Tôi do hội Hưng Yên tương tế xuất bản I972 tại Saigon nhân kỳ Đại hội ngày I6-4-I972.

---

1 Xin xem Rún Đu trong Phong Lưu Đồng Ruộng của soạn giả để hiểu rõ về cây đu, cách trồng cây đu và chơi đu.

2 Chỉ bọn Pháp, vì âu phục ngắn để phân biệt với áo dài của ta.

3 Nhuệ Giang – Tài liệu đã dẫn.

4 Yên Đổ tùng biên, trang 3, 4.

5 Thôn Vinh Mỹ chính là một ấp hiện thời của xã Mỹ Lợi, quận Vinh Lộc, tỉnh Thừa Thiên.

6 Tục Hát quan họ đã được trình bày rất kỹ lưỡng trong cuốn CẦM CA VIỆT NAM của soạn giả và trong bài HỘI LIM.

7 Trong tục hát quan họ, người đứng đầu là anh Hai.

8 Tục này sẽ được nhắc lại ở chương IV trong mục luyến ái tính… để so sánh với tục hát quan họ.

# HỘI RƯỚC ĐẢO VŨ

Tại miền Bắc tỉnh Hưng Yên

Miền Bắc tỉnh Hưng Yên chỉ cách Dâu Khám trên dưới I0 cây số ngàn [1] , và cùng trên một giải đất nằm trong góc nhọn của hai con sông Hồng và sông Đuống. Đây là miền đất khá cao của Châu thổ Bắc phần Việt Nam nơi có những cánh đồng mầu, những dẫy gò đống nhấp nhô như những khúc rồng vùng vẫy nổi chìm giữa những cánh đồng ruộng hoặc lượn bên những thôn xóm liên lu.

Những giải đất cao cùng những gò đống định rõ những làn nước chảy mà nay hầu hết đã biến thành những cánh đồng sâu, chỉ còn lại mấy lạch sông nhỏ bắt nguồn từ nơi chân đê sông Đuống, băng qua những cánh đồng không, hoặc len lỏi cánh ruộng hai bên, dù là đồng sâu đất cũng nứt nẻ và nhà nông phải tát bằng mấy tầng gàu dai để vét chút nước sông lên tưới ruộng.

Mùa mưa, gặp kỳ mưa dầm, đồng ruộng ngập nước trắng bong, người ta gọi là lụt nước mưa. Cuối tháng Bảy mưa Ngâu, đồng quê biến thành hồ mênh mông nước bạc, làng xóm là những hòn đảo xanh rì. Chiều chiều sương lam ngưng đọng bên lũy tre xanh mượt và từ phương Tây rọi lên những giải quạt qua vòm trời trong xanh và rực rỡ mây hồng để tạm quên nỗi nắng hạn mưa dầm trong năm.

Nhà nông ở đây cày cấy hai vụ mỗi năm, nhưng e mưa nắng vô chừng đến độ Chiêm Khê, mùa thối, nên khi Tứ Pháp xuất hiện tại thủ phủ Giao Châu, thì miền lân cận này nhiệt liệt đón rước những phép Phật ban cho để mong luôn luôn được phong đăng hòa cốc và an cư lạc nghiệp.

**Hội Tổng Ôn Xá**

Tổng Ôn Xá thuộc huyện Văn Lâm, gồm có làng An Lạc, Thái Lạc, Nhạc Lộc, Nhạc Miếu, Tuấn Dị, Ôn Xá, Đình Dư… chạy dài dắt dây với những vườn thị, vườn nhãn, lũy tre, vòm đa um tùm xanh tốt, dọc theo hai bên đoạn đường số 5, cách Hà Nội 20 cây số ngày. Ở đây cũng có một đoạn phố xá và chợ, người ta gọi là chợ Đường Cái. Sau chợ có một ngôi chùa là chùa Ôn Xá, tục gọi là chùa Un. Chùa không to, trước mặt là bãi đất rộng có mọc một cây hồng nên gọi là bãi chợ Hàng Hồng, là nơi khi nào hạn hán trầm trọng thì dân tổng Ôn Xá rước Tứ Pháp đến đình hội để làm lễ đảo vũ.

Ngày hội người ta rước tượng đức Pháp Vân, Pháp Vũ và Pháp Lôi đến chùa Un là nơi thờ đức Pháp Điện.

Tượng đức Pháp Điện không ai dám rước ra khỏi chùa vì sợ vía ngài quá uy linh dữ dội : ngài nhìn vào đâu thì đấy cháy. Không hiểu điều kiêng kỵ này bắt đầu từ bao giờ, chỉ thấy là hầu hết các nơi thờ Tứ Pháp đều tin theo như thế và tôn trọng luật lệ ấy.

Ba pho tượng giống nhau đều lớn nên rước trần không ngồi long kiệu. Tượng tạc kiểu tòa sen, sơn một màu đỏ nâu khoác áo vóc vàng, đầu đội mũ gỗ kiểu cánh sen thất Phật, mặt dài, cổ cao, mắt dài tô màu vàng, trông có vẻ cổ quái dễ sợ. Tượng đặt trên một bệ gỗ vuông, đơn sơ và rộng như một mặt phản có đính sáu vòng sắt ở hai bên sườn để xuyên hai đón rước. Đòn bằng gỗ sơn son đỏ to bằng bắp chân do ba hoặc bốn phù giá ghé vai khiêng ở mỗi đầu. Phù giá là những trai tráng khỏe mạnh ở trần đóng khố bao vải điều, có vải choàng chéo từ một vai xuống sườn bên kia, ghim chụm ngang hông và để hai đầu thòng lòng xuống đến đầu gối. Phù giá còn đội một kiểu mũ gấp và đeo túi trầu thuốc, phù giá nào nhà giàu thì túi trầu, khố, bao choàng chéo đều thêu chỉ ngũ sắc.

Người chấp hiệu, tay cầm cờ lệnh đi giật lùi phía trước hò cách quãng câu :

*Ba bà chảy hội chùa Un,*

*Mưa gió đàn đùn… thiên hạ dễ làm ăn… này…*

Hò xong, phất cờ ra lệnh, phù giá vừa tiến bước vừa đồng thanh hưởng ứng bằng những tiếng « *ùa, ùa* » hoặc « *dô này dô* » để lấy đà đi cho đỡ nặng.

Cứ như thế tượng *Ba Bà* với những tàn quạt, cờ phướn rực rỡ và cảnh xách, nghi trượng son vàng uy nghi, lướt trên những làn sóng người nón ô chen chúc.

Thánh Bà chùa nào thì có các tín nữ làng ấy đi theo, tay cầm phan tay cầm quạt vừa đi vừa kể hạnh, sự tích Tứ Pháp và niệm Nam mô.

Miền này làng mạc liên lu, chợ khá to nhưng dân nghèo, mỗi lần rước xách hội hè như thế tổn phí lắm, nên chỉ năm nào đại hạn lắm mới dám tổ chức… Mà đã rước, người trong miền tin rằng thế nào cũng mưa, vì hội chùa Un có tiếng là linh ứng.

Trái lại nếu gặp kỳ mưa dầm dai dẳng, thối đất thối trời thì khí cầu tạnh xong, mở cửa chùa ra bắt đầu đưa kiệu lên vai rước tượng ra đi thì có gió mát thổi và tạnh mưa ngay.

**Hội Tứ Pháp huyện Yên Mỹ**

Hai tổng Yên Xá và Sài Trang huyện Yên Mỹ lấy ngày I7 tháng giêng (ngày bà Man nương thác hóa) là ngày thành đạo. Hàng năm tới ngày ấy, dân hai tổng mở hội rước Bốn Bà. Cứ năm nay rước về chùa Trung (làng Liêu Trung, tổng Liêu Xá) rồi để thờ tại đó thì sang năm lại từ chùa Trung rước xuống chùa Tổng lập tại làng Nghĩa Trang, tổng Sài Trang. Tổng nào đi đón thì sửa soạn đi đón từ sáng sớm, vậy mà tới chiều tà, đám rước mới trở về tới chùa.

Hội rước linh đình long trọng đi trên đoạn đường hàng tỉnh vào Hưng yên, chạy dọc theo nhánh sông Nghĩa Trụ trong khoảng sáu cây số ngàn. Kiệu các Bà qua nơi thôn xóm,

phố xá thì hai bên đường nơi đó cắm hương la liệt, khói nghi ngút, hương ngát lừng. Qua nơi đình miếu nào thì nơi đấy bày nhang án ra nghênh chào.

Cũng trong huyện Yên Mỹ, những năm trời làm đại hạn, người ta làm lễ cầu đảo ở đền đức Thiên Đế tức là đức vua Đế Thích.

Đền ở làng Liêu Hạ còn gọi là làng Đình Sơ, dựng trên một gò đất cây to bóng mát mọc xum xuê như một cánh rừng nhỏ. Nhánh sông Nghĩa Trụ và tỉnh lộ Hưng Yên cũng chạy qua trước cửa đền.

Tương truyền rằng đền dựng trên nên nhà cũ của Trương Ba, Trương Ba là người cao cờ nhất nước, đời Lý, triều Long Thụy (thế kỷ XI). Một hôm có một người Tàu cũng rất cao cờ đến chơi, đòi đấu nhưng rồi cũng lâm vào thế bí. Trong khi chờ đi nước chót để hạ, Trương Ba cao hứng nói : « Họa chăng chỉ có đức Đế Thích xuống đây thì mới gỡ nổi ». Nói xong liền có một ông lão không biết từ đâu đến xem cờ và mách nước cho khách đang bí khiến thế cờ đang bại chuyển thành thắng, Trương Ba rất đỗi ngạc nhiên, đoán nhận là đức Đế Thích, bèn phục xuống tạ lỗi. Đức Đế Thích cảm lòng thành của Trương Ba, bèn cho một bó hương mà dặn rằng : « Sau này có mắc nạn gì thì đốt hương lên ta sẽ giải cứu ».

Sau đó ít năm, Trương Ba bị bệnh chết, người nhà mai tang xong, dọn dẹp nhà cửa thấy còn một bó hương đem ra đốt. Đức Đế Thích hiện xuống hỏi, được rõ Trương Ba chết chôn đã mấy năm rồi, và trong làng có người hàng thịt mới chết chưa chôn. Ngài triệu chư vị Tam phủ (gồm Thiên phủ, Địa phủ và Thủy phủ) đến làm cho hồn Trương Ba nhập vào xác người hàng thịt để sống lại. Vì thế thành câu chuyện « *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* ».

Trương Ba lập miếu thờ tạ ơn đức Đế Thích và chư vị Tam phủ. Sau miếu biến dạng thành ngôi đền nổi tiếng linh

thiêng và Trương Ba cũng được lập miếu thờ bên cạnh.

Đức Đế Thích phải chăng là Indra, vua cõi trời, làm sét làm mưa của Bà-La-Môn giáo ? Vì vậy người ta còn gọi là đức Thiên Đế và khi gặp đại hạn cần mưa, người ta làm lễ khấn ngài và xin nước.

Đám rước do hàng Tổng, có khi hàng huyện tổ chức đi từ đền Liêu Hạ đến đền Xá, lăng Đặng Xá phủ Ân Thi theo đường cầu Hầu Cống Tráng qua bến đò Mỹ Ngọc, đường dài ngót mười cây số ngàn, hoặc cũng có khi đi qua phố huyện xuống mạn Lực Điền đường xa hơn nhiều.

Trong khi đi rước, kiệu đức Thiên Đế đi uy nghi trang trọng, còn kiệu đức Long Vương đi sau, bay đi bay lại, tạt sang những đường ngang có khi rất xa rồi mới trở lại nhập vào đám rước chính.

Có năm đám rước lớn hơn hai chục long đình thần các làng trong huyện đi theo tòng giá.

Còn hàng năm, khoảng đầu mùa hè, sau kỳ nắng lâu mà có một trận mưa rào thật lớn, thì y như rằng ban đêm trông xuống cánh đồng Tam thiên mẫu – một cánh đồng rộng bát ngát thuộc địa phận hai huyện Yên Mỹ, Mỹ Hào – người ta sẽ thấy thật nhiều những đốm lửa chập chờn, kéo dài như một đám rước đèn từ từ trôi từ phía Tây Nam sang Đông Bắc. Các cụ già truyền lại đó là đức Thiên Đế cùng tùy tòng và chư thần từ đền sang thăm con Ngài là bà Nguyệt thờ tại chùa làng Tứ Mỹ, huyện Mỹ Hào.

**Hội Chùa Thứa và Thanh Xá**

Làng Dị Sỹ (làng Thứa) thờ đức Pháp Vân và làng Thanh Xá thờ đức Pháp Vũ cùng thuộc huyện Mỹ Hào, hàng năm vào ngày mồng 8 tháng 4, mở hội chùa rước giao hiếu. Thực ra thì đức Pháp Vũ do sáu làng xã quay quần hai bên khúc sông Nghĩa Vụ miền Thanh Xá, cùng thờ, nên chia nhau đài thọ tổn phí về hội rước.

Hễ năm nay rước đức Pháp Vân sang chùa làng Thanh Xá thì năm sau lại rước đức Pháp Vũ sang chùa Đại Bi làng Dụ Sỹ. Mỗi lần như thế, bên rước ở lại một đêm, bên chủ tổ chức cuộc lễ mừng. Lễ có tiến cúng là nghệ thuật ca vũ khá đặc biệt. « Tiến cúng » là tiến dẫn cúng Phật sau lễ vật là hương, hoa, đăng, trà, quả, thực, vì thế còn được gọi là *lục cúng*.

Người tiến cúng tùy theo mỗi thứ lễ vật mà tiến lui, đi ngang, đi chếch, nhanh, chậm, nhịp nhàng, nhịp trống và não bạt dồn dập hoặc đổ hồi mà đi theo những kiểu chữ dành riêng cho mỗi vật lần lượt dâng cúng, ấn định như sau :

- Dâng hương, chân đi thành hình chữ *nhật*.

- Dâng hoa, đi thành hình *Hoa hồi bốn cánh*

- Dân đăng « đèn nến », đi thành hình chữ *Á.*

- Dâng trà (chén nước để trong bồ đài mở nắp), đi thành hình chữ *Thủy.*

- Dâng quả (cam, lê, táo) đi thành hình chữ *Vạn*.

- Dâng thực (oản…) đi thành hình chữ *Điền*.

Thoạt đầu người tiến cúng chắp tay làm lễ Phật, rồi hát múa khúc giáo đầu :

*Nay xin dâng hương, đăng, hoa, trà, quả, thực*

*Sáu mùi đều hương xa ngát lừng*

*Lòng kính thành xin Phật giáng lâm*

*Cầu thiên hạ thái bình an lạc.*

Rồi mỗi lần dâng cúng có một khúc hát múa. Dứt tiếng hát thì đánh trống và gõ não bạt đổ hồi. Mỗi lần lễ vật đệ lên bàn thờ xong, người tiến cúng trở về chỗ ngồi nghỉ thì có sư hoặc thầy pháp vào tụng một đoạn kinh [2] . Người tiến

cúng có khi là một thầy pháp, có khi là một nhà sư hay hai chú tiểu mũ đội cánh sen thất Phật, nhưng thường là những thiếu nữ có nhan sắc tuyển lựa từ những nhà tử tế nền nếp trong làng. Năm nào ít thì có hai thiếu nữ, có năm bốn hoặc đông hơn tới sáu thiếu nữ.

Các thiếu nữ này quấn khăn thêu, mặc áo cánh tiên, cổ lá sen, tua mạng xanh đỏ, đính hột bột choàng trên áo cánh trắng, tua giải *bơi chèo* nhiều màu quấn giắt quanh mình. Trong lúc tay ấn (bắt ấn) chân đàn (chạy đàn theo kiểu chữ) hoặc múa hoặc dâng lễ vật, lượn đi lượn lại những giải lụa đào, hoặc vàng anh vắt ngang hai khuỷu tay, hoặc lót đỡ mâm bồng, bồ đài phất phới tung bay theo tiếng trống, tiếng não bạt dồn dập hoặc lướt đi lướt lại như bướm lượn cùng tiếng hát ngân nga, trong trẻo của chốn đồng xanh gió mát…

Hôm sau Hai Bà tiễn nhau ra về. Tới một độ đường đã ước định, trước khi chia tay, hai chị em làm lễ trao yếm cho nhau. Yếm gồm ba cái là ba vuông vóc vàng gấp xếp trong một bồ đài vuông để sẵn trong kiệu bên chủ. Một vị chủ đám đến trước hai kiệu xin ngừng lại đối diện nhau.

Phù giá xuống tay hạ kiệu thấp xuống, viên chủ đám làm lễ thưa trình, trèo lên ghế, thò tay vào trong kiệu chủ, lấy bồ đài ra khỏi những mảnh màn che kín trượng Thánh Bà cả bốn mặt kiệu, rồi đem sang bên kia làm lễ dâng đặt bồ đài yếm vào trong kiệu phách.

Đoạn hai Bà từ giã nhau bằng cách nhún kiệu xuống cũng như lúc chào gặp nhau.

Đám rước tách đôi, người bên làng nào trở về bên ấy, nhưng cùng tỏ vẻ dùng dằng luyến tiếc, có khi hai bên rời xa nhau rồi, bỗng một kiệu quay trở lại, bay gặp kiệu bên kia, bay qua bay lại như ngăn giữ nhau vài lần rồi mới từ giã nhau hẳn.

Trong bóng chiều trên đường về đám rước đi thong thả theo nhịp trống chiêng thủng thỉnh, trong điệu nhạc bát âm đi bài lưu thủy, hành vân, đều đều, bâng khuâng gợi cảnh mây trôi, hoặc theo tiếng đàn tiếng nhị của phường *cải lương* đi bài *bình bán, kim tiền* vui vẻ thực tại hơn, nhưng thỉnh thoảng cũng nổi lên một hơi kèn tàu réo rắt…

**Hội rước Đảo Vũ huyện Mỹ Hào**

Năm nào đại hạn, một làng thờ Tứ Pháp sẽ làm lễ cầu đảo ba ngày đêm, xong đóng cửa chùa nghỉ ba ngày. Nếu chưa mưa lại tái đảo ba ngày, nghỉ ba ngày chờ. Hai lần tái đảo như thế mà chưa có kết quả thì cử đại diện sang chùa bên (thờ Tứ Pháp) xin làm lễ tiếp. Ở đây cầu đảo đến lần thứ ba mà vẫn không mưa thì làm lễ khất giao (xin ấm dương, xin keo) để xin được rước.

Nếu được Thánh Bà chấp thuận thì trước hết rước đức Pháp Vũ từ chùa làng Thanh Xá đến chùa làng Hoàng Đôi (Đống Vàng) thờ đức Pháp Lôi, ở lại đó một đêm để dân hai làng làm lễ. Hôm sau rước cả hai vị sang làng Yên Phú (Bần Tía). Dân làng này chỉ rước bát hương ra tam quan chùa nghênh đón và lúc tiễn cũng vậy, người ta không dám rước đức Pháp Điện ra khỏi chùa. Hai vị này cũng dừng lại ở chùa này một đêm cho dân làng làm lễ cầu đảo. Đám rước tiếp tục đi đến làng Nguyên Xá (làng Nguộn), dừng ở đây ba đêm. Sở dĩ ở lại vì Thành Hoàng làng này nguyên là Hoàng tử triều Lý do vua cha cầu tự được tại chùa Pháp Vũ. Lớn lên hoàng tử ham tập gươm kiếm không may bị nạn chết, hiển linh làm Thành Hoàng làng Nguyên Xá.

Sau ba ngày, rước đức Pháp Vũ và Pháp Lôi đến hội với đức Pháp Vân tại chùa Thứa.Ở đây chỉ làm lễ tiến dâng lục cúng một tuần, chừng 4 tiếng đồng hồ rồi kiệu đâu rước về đó.

Nếu đại hạn trầm trọng, thì theo lệnh sức của tỉnh các làng trong huyện, rước thần vị Thành Hoàng đến hội đảo cùng

các Thánh Bà Tứ Pháp tại đình làng sở tại.

Cửa đình vào hôm chỉ định rước, mở toang để chốc chốc lại đón rước một tòa kiệu, một cỗ long đình cùng cờ quạt theo tiếng trống khẩu tong tong tiến vào trong đình.

Đình Thứa (làng Dụ Sỹ) to rộng nhất vùng, vậy mà vào những dịp này cũng chật ních những long đình [3] , ngọc lộ [4] vàng son rực rỡ, xếp hàng hai bên trước mặt kiệu [5] các Thánh Bà ngự ở giữa mặt cung cấm.

---

1 Dâu, Khám thuộc tỉnh Bắc Ninh.

2 Tục lệ tiến cúng cũng thay đổi ít nhiều tuỳ địa phương, chúng tôi mong quí vị nào nhớ rõ các chi tiết, nên viết để ghi lại nét sinh hoạt nghệ thuật dân tộc. (Chú thích của N.B. Lăng)

3 *Long đình* : hình vuông hai tầng mái khum, góc chạm rồng có 4 chân dài, có hai đòn xỏ xuyên qua để khiêng.

4 *Ngọc lộ* : cũng tương tự như Long đình, trang hoàng rực rỡ hơn, không có chân mà có kệ đặt lên đòn rồng để khiêng.

5 *Kiệu* : hình chữ nhật, mái mui luyện, đặt trên đòn rồng bát cống, nguy nga hơn cả.

# KẾT LUẬN

Xét từ nguyên thủy, nếp sống của con người lúc ban đầu chịu sự chi phối rất nhiều bởi những nét đặt biệt của từng địa phương, nhất là những nét đặc biệt về địa lý thiên nhiên. Chịu ảnh hưởng của các yếu tố ngoại vật, những yếu tố này mỗi nơi mỗi khác, do đó từng nhóm người, tuy đồng nguồn gốc vẫn có những nền nếp tục lệ riêng.

Xã hội được tổ chức, mọi người ở mọi nơi, cùng một dân tộc, phải sống theo sự tổ chức hợp lý, nhưng về mặt tục lệ, tuy hàng ngày phải rời bỏ cho hợp với nếp sống chung của quốc gia, song những con người địa phương cũng không thể hoàn toàn rời bỏ các địa phương tính của vùng mình, và do đó, tuy hàng ngày rời bỏ những tục lệ cố hữu của tổ tiên, nhưng hàng năm, con người thường cần có những dịp trở về với những tục lệ cũ này trong một thời gian, dài ngắn tùy từng nơi và cũng tùy từng năm. Những tục lệ này có tính cách truyền thống mà mỗi thế hệ, trước đây, tổ tiên chúng ta quan niệm phải duy trì và gìn giữ.

Cơ hội đi trở lại với một số các cổ tục, chính là những dịp hội hè đình đám. Chỉ trong những dịp này, một số các cổ tục mới lại xuất hiện, và những hội hè này, chúng tôi mệnh danh là những *Hội hè về phong tục*, rất nhiều trên đất nước chúng ta và cũng rất thay đổi từ vùng nọ tới vùng kia, từ tỉnh này sang tỉnh khác, và có khi ngay từ làng này sang làng khác.

Có nhiều tục lệ, chính những người đứng ra tổ chức để nhắc lại, cũng hiểu rằng không phù hợp với nếp sống đương thời, đi trái với thuần phong mỹ tục của Quốc gia và có khi của cả làng xã, nhưng người ta vẫn cứ nhắc lại. Có thể người ta không muốn từ bỏ hoàn toàn những cái gì của tổ tiên để lại, có thể đây cũng chính là ý muốn của giai tầng

bình dân Việt nam. Tầng lớp này ý thức rằng, con người phải có cơ hội để trở lại với tự nhiên tính, mà xã hội ta, chịu ảnh hưởng của nền đạo đức khe khắt theo Khổng Mạnh, đã khiến cho con người quanh năm phải sống một đời sống quá khô khan về tinh thần, gò bó trong những quy tắc nhất định của lễ giáo. Để có những cơ hội trở về với tự nhiên tính, giới bình dân đã dựa vào thần linh, dựa vào tín ngưỡng diễn lại những tục lệ cổ truyền để giới trí thức không thể bắt bẻ được, để dân chúng được dịp sống phóng khoáng trong một thời gian.

Kể ra, những *Hội hè về phong tục* tại Việt Nam nhiều lắm, những điều chúng tôi nhắc lại ở chương này, chỉ là một số qua sự hiểu biết hẹp hòi của chúng tôi. Rất mong, những học giả nghiên cứu về nhân văn, về xã hội Việt Nam sẽ đi sâu hơn chúng tôi, và chúng tôi sẽ lấy làm sung sướng được nhận sự chỉ dẫn của bạn đọc về những sự sai lầm cũng như những điều chúng tôi không biết.

# CHƯƠNG THỨ TƯ

# NHỮNG ĐẶC TÍNH CỦA CÁC CỔ TỤC VIỆT NAM TRONG HỘI HÈ ĐÌNH ĐÁM

Trong ba chương trên, chúng tôi đã trình bày một số các Hội hè đình đám tại Việt Nam, từ miền Bắc qua miền Trung, tới miền Nam, mỗi miền với dăm ba hội quê tượng trưng cho một khía cạnh vừa về tâm linh vừa về xã hội.

Mỗi hội có những cổ tục riêng, nhưng trong mỗi cổ tục lại thường có những tính chất đặc biệt riêng : luyến ái tính, chiến đấu tính, hợp quần tính v.v… Chúng tôi dành Chương IV này để nói qua về những đặc tính đó – tất nhiên chúng tôi chỉ nói tới những điều chúng tôi biết rõ qua kinh nghiệm bản thân hoặc qua các tài liệu chúng tôi được đọc – với hy vọng chương cuối cùng của tập sách sẽ giúp bạn đọc hiểu thêm về một số Hội hè đình đám chúng tôi không nói tới trong ba chương trên.

## LUYẾN ÁI TÍNH TRONG MỘT SỐ CÁC CỔ TỤC VIỆT NAM

Chịu ảnh hưởng nền đạo đức Khổng Mạnh, xã hội Việt trong khuôn khổ đạo lý cổ truyền đã tôn trọng *thuyết nam nữ thụ thụ bất thân*, và sự tôn trọng đã rất khe khắt ngay tự trong gia đình, và giữa anh chị em ruột với nhau cũng phải giữ sao cho *nam nữ hữu biệt*, nhất là trong giới trí thức, giới trưởng giả.

Trời sinh ra có âm phải có dương, âm dương phải hòa hợp, phải có sự gần gũi, gần gũi để thân mật, gần gũi để hiểu biết lẫn nhau, vậy mà đạo đức Đông phương lại ngăn cấm sự gần gũi giữa âm dương, đến nỗi việc ăn nằm của vợ chồng, một việc không thể tránh được, cũng bị đạo đức ngăn cấm không được đả động tới, hành cứ việc hành, nhưng ngôn bất khả ngôn !

Cuộc đời do đó trở nên khô khan, và đạo lý cứ chi phối cuộc sống trong xã hội. Cái đạo lý khe khắt này, ác thay đối với dân tộc Việt Nam lại không phù hợp, nhất là đối với giai cấp bình dân. Cái đạo đức du nhập vào nước ta từ đời Nhâm Diên, Tích Quang nếu được giới thượng lưu chịu đựng chẳng qua vì giới này sống trong cảnh sung túc, hệ lụy theo lễ nghi nên họ đành chấp nhận sự khe khắt của đạo đức, và để đối phó với sự khe khắt này, để quân bình cuộc sống quá khô khan về tình cảm, họ đã có những thú tiêu khiển mà giới bình dân không có.

Căn cứ vào những di vật thời tiền sử tìm kiếm được, tổ tiên ta, trước khi văn hóa Trung Hoa du nhập vào Việt Nam, không có *nam nữ hữu biệt*, và sự ái ân giữa nam nữ không phải là điều không được đả động tới.

Ông Lê Văn Hảo trong bài *Một số tục cổ của người Việt qua các hội mùa* đăng trong tập san Đại Học. trích dẫn tài liệu của ông Lê Văn Lan, Phạm văn Kính, Nguyễn Linh có nhắc tới chiếc thạp đồng đào được tại xã Đào Thịnh tỉnh Yên Báy mà trên nắp có 4 khối tượng của 4 đôi nam nữ đang giao hợp. Sự nam nữ giao cấu của hình ảnh này, đủ chứng tỏ quan niệm phóng khoáng của tổ tiên chúng ta với vấn đề sinh lý, cần thiết để bảo tồn huyết thống, và có lẽ các cụ coi hành động ái ân này là tự nhiên và là *một hành động rất lý tưởng của con người, của xã hội. Sự thể hiện công khai của hành động ấy không những không có gì là xấu xa, là xấu hổ, đáng e lệ, mà còn là một việc làm tốt đẹp, tiêu biểu cho hạnh phúc, cho vinh quang cho phồn thịnh của giống nòi*. [1]

Quan niệm phóng khoáng trên đã mất dần khi dân ta chấp nhận nền văn hóa Trung Hoa du nhập vào đất nước, và từ sự phóng khoáng đã dần di đến sự cố chấp với thuyết *nam nữ thụ thụ bất thân*. Sự cố chấp này được giới phong lưu bảo vệ, còn giới bình dân, tuy chấp nhận nền đạo đức Khổng Mạnh nhưng vẫn có những phản ứng và đã tạo nên những cơ hội để trở lại với *tự nhiên tính* của con người, cho con người được làm theo điều mình muốn nhưng bị đạo đức ngăn cấm.

Muốn tạo nên những cơ hội này, giới bình dân đã dựa vào tín ngưỡng, hay đúng hơn dựa vào sự mê tín của con người. Những vị thần linh được tưởng tượng ra và các cụ, trong đám bình dân, đã nhân những dịp có thiên tai thiên ách, bày đặt ra những tục lệ bắt mọi người cùng theo để giải trừ tai ách, những tục lệ được các cụ gán cho ý muốn của giới siêu nhiên trong vũ trụ, những tục lệ cần phải được thực hiện hàng năm nếu không muốn tai ách tái diễn lại.

Những tục lệ này rất nhiều, và thường làm thỏa mãn sự mong mỏi của con người, chống lại sự khô khan của đạo lý, gây sự gần gũi giữa nam nữ, những tục lệ đầy luyến ái tình, nhiều khi đến dâm bôn.

Có lẽ khi đặt ra những tục lệ này, các cụ cũng thấy không thể để cho con người được hoàn toàn thả lỏng quanh năm, cho nên những tục lệ chỉ được thực hiện trong những thời gian rất ngắn trong mỗi năm, có khi là một lúc, một ngày hoặc lâu lắm cũng chỉ trong thời hạn hội làng. Chỉ trong những thời gian ngắn đó luyến ái tính và có trường hợp có dâm bôn tính, được hoàn toàn bộc lộ nhưng sau đó đạo đức lại được tôn trọng trong nếp sống hàng ngày.

Dưới đây chúng tôi xin trình bày một số các tục lệ đầy luyến ái tính này. Thực ra rất nhiều tục lệ khác nhau trên hình thức nhưng sự hiểu biết của chúng tôi không được

bao nhiêu, sự trình bày ắt thiếu sót chúng tôi chờ đợi sự bổ khuyết của bạn đọc.

Nhưng tục lệ chúng tôi trình bày được hoặc do đã nhìn tận mắt trong các hội hè đình đám nông thôn đã tham dự trước đây, hoặc do được nghe các cụ thuật lại, hoặc do được đọc qua một số tài liệu về Dân tộc học.

Tục lệ khác nhau tùy theo từng địa phương và xuất hiện trong các kỳ Hội hè đình đám của mùa Xuân hoặc mùa Thu của mỗi xã. Có những tục nhắc tới một cách rất nhẹ nhàng sự yêu đương của nam nữ và luyến ái tính chỉ bàng bạc biểu lộ như tục ca hát trao tình giữa trai gái, lại có những tục luyến ái tính được biểu lộ một cách sỗ sàng đến tục tằn dâm bôn như tục trai gái ôm nhau bắt chạch ở làng Văn Trương tỉnh Vĩnh Yên, tục nam giả làm cọp cắn nữ ở làng Đan Nhiễm tỉnh Bắc Ninh, tục tắt đèn cho trai gái tự do đùa nghịch ở các xã La khê Nam tỉnh Hà Đông, Ngô xá tỉnh Bắc Ninh v.v…

**Trai gái ôm nhau bắt Chạch trong chum**

Làng Văn Trương, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên, hàng năm mở hội vào ngày mồng sáu tháng giêng. Ngoài những buổi rước xách tế lễ, hội còn có mở nhiều thú vui rất hấp dẫn khiến dân quanh vùng nô nức kéo tới xem.

Ca dao vùng Vĩnh Yên có câu :

*Bỏ con bỏ cháu,*

*Chẳng ai bỏ mồng sáu chợ Dương.*

Dương là tên tục của xã Văn Trương, và xã này có ngôi chợ họp một tháng 6 phiên vào ngày I và 6 và được gọi là chợ Dương.

Trong ngày hội, những trò chơi được tổ chức ngay trước đình làng bên cạnh chợ. *Các trò vui chính là bơi thuyền, thi chạy, đốt pháo, nhưng đặt biệt nhất là cuộc thi Bắt chạch*

*trong chum.* Chạch là một giống cá loài lươn, mình ngắn hơn lươn, luồn rất nhanh, mình rất trơn, bắt rất khó. Chum là đồ dùng đựng nước giống như chiếc lu trong Nam, nhưng miệng hẹp và có thành cao.

Trong cuộc thi *bắt chạch trong chum*, một con chạch được thả vào trong chiếc chum đựng đến hai phần ba nước.

Ngày hội trước cửa đình có bày một hang chum ít nhất cũng năm cái, và mỗi chum đều đựng đến hai phần ba nước và thả vào một con chạch.

Cuộc thi có giải thưởng là khăn lục hồng, trà tàu, trầu cau và có khi có tiền.

Không phải ai muốn vào dự thi bắt chạch cũng được tuy cuộc thi mở cho khắp cả mọi người. Muốn dự thi phải có hai người, một nam một nữ để cùng hỗ trợ nhau trong cuộc bắt chạch và trong lúc bắt chạch không phải chỉ có việc khoắng tay vào trong chum mà bắt chạch, đôi nam nữ này phải tuân theo lệ làng thực hiện đúng hèm của thần linh. Đôi trai gái phải vừa ôm nhau vừa bắt chạch, gái, tay phải ôm ngang lưng trai còn tay trái khoắng vào trong chum nước ; trai, tay phải khoắng trong chum nước còn tay trái ôm qua người con gái, đưa bàn tay nắm lấy nhũ hoa của gái. Hai người vừa ôm nhau vừa bóp nhũ hoa của nhau vừa bắt chạch, bắt cho đến được con chạch thì thôi.

Số cặp nam nữ dự thi bắt chạch nhiều ít tùy theo số chum đặt trước cửa đình.

Ban giám khảo gồm các bô lão và quan viên trong xã ngồi ngồi trên thềm đình để ngắm những cặp trai gái bắt chạch, và bắt bẻ họ nếu họ vì mải bắt con chạch bỏ lơi tay ôm nhau. Những cặp trai gái nào bắt được con chạch trước tiên là được giải. Trò vui rất thú vị và những cặp trai gái dự thi một cách rất thản nhiên trước mọi người. Có năm rất đông người dự thi, phần lớn là những lính khố đỏ, đóng tại đồn Việt Trì sang xem hội, rủ được những cô thợ cấy lên

cùng bắt chạch. Có một năm có một cặp hai ông bà già cũng dự thi.

Cuộc thi hấp dẫn này, người dự thi lấy làm thích, cả những khán giả cũng lấy làm thú, và người ta bu quanh những chiếc chum để xem bắt chạch với những tiếng cười khúc khích và những tiếng thúc giục đôi trai gái ôm nhau cho chắc, bóp nhũ hoa cho mạnh.

Các bô lão giám khảo cũng rất khoái ! Có lẽ các cụ nghĩ tới cái thủa đương thì các cụ cũng đã từng là những thí sinh trong cuộc thi bắt chạch, và bàn tay các cụ có lẽ cũng đã bóp rất mạnh rất nhiều nhũ hoa của các cô đồng lứa tuổi.

Bắt chạch với nhau, dù được giải hay không, những đôi trai gái đã gần gũi nhau, và người đàn ông đã được phép ngang nhiên làm cái việc mà bình thường họ không dám làm một cách công nhiên, và cũng chẳng có cô gái nào để cho họ làm như vậy trước mặt nhiều người khác mà không e thẹn và không có phản ứng : việc bóp vú gái tơ.

Người ta bỏ con, bỏ cháu mà vẫn nhớ chợ Dưng, phần lớn chính vì cái tục lệ *đáng quý* trên ! Có nhiều bà nạ giòng cũng thường dự thi bắt chạch.

**Ông Đùng Bà Đà**

Đây là một cổ tục trong đó luyến ái tính được biểu lộ một cách đến dâm đãng. Tục này của làng Đông An ở sát ngay tỉnh lỵ Hưng Yên.

Ông Đùng Bà Đà được dân làng này thờ phụng và hàng năm, làng mở hội từ mồng 6 đến mồng I0 tháng Ba Âm Lịch.

Theo thần tích thì Ông Đùng Bà Đà người đời Ngô Quyền là hai chị em ruột, Bà Đà là chị, Ông Đùng là em.

Hai chị em ở với nhau, đã lớn tuổi mà không có ai lấy, chị chưa chồng, em chưa vợ. Một hôm hai chị em mới nảy ý

kiến, hai chị em đi vòng một quả núi, gặp ai thì lấy người đó.

Hai chị em đi vòng quanh núi, chị không gặp ai mà em cũng chẳng gặp ai, rút cục hai chị em lại gặp nhau. Cho đấy là số trời đã định, hai chị em lấy nhau, nhưng khi nhập phòng có lẽ cảm thấy tội lỗi, Bà Đà bèn trốn sang đền Bến ở gần đó. Ông Đùng phải đi rước bà về. Ngày hôm sau bà lại trốn đến đền Võ cũng ở gần đó, và Ông Đùng lại đi rước bà về, nhưng đến ngày hôm thứ ba, bà lại trốn đến đền Căn. Ông Đùng lại đi đón bà về. Lần này khi hai chị em về đến nửa đường bỗng có con cọp chạy ra chận đường. Ông Đùng là một lực sĩ đánh đuổi cọp nhưng cọp không đi, mẹ con một bà lão nghèo đang câu ếch ở gần đấy chạy ra đánh đuổi giúp cọp mới bỏ chạy.

Lầu này trở về hai ông bà thành thân lấy nhau.

Hai người lấy nhau được mấy ngày, tin đồn đại đi khắp nơi, lan tới Kinh kỳ, đến tai nhà vua. Vua bèn xuống chiếu bắt tội hai người đã phạm tội loạn luân.

Chiếu vua được thi hành, và nửa đêm hai ông bà được đem ra hành hình. Bắt đầu đao phủ khoét mắt hai người, rồi cắt mũi, cắt tai, sau cùng chặt đầu, đem xác ngâm xuống một cái ao.

Hai ông bà rất linh thiêng.

Dân làng Đông An, quê hương của ông bà, lập đền thờ và hàng năm mở hội kỷ niệm vào tháng Ba. Trong các ngày hội có diễn lại sự tích hai ông bà.

Dân làng đan hai người hình nhân bằng nan tre thật to, phết giấy tô mặt, dán quần áo. Ông Đùng râu ba chòm còn Bà Đà mặt bầu bĩnh, má phinh phính.

Hai hình nhân này được rước đi các ngả, rồi sau cùng lại rước đi vòng quanh làng nhắc lại sự tích hai ông bà đi vòng quanh trái núi, và trong khi rước đi vòng quanh làng, Ông

Đùng Bà Đà được rước đi hai ngả khác nhau để rồi gặp nhau.

Lúc gặp nhau này, những người khiêng hai hình nhân vận động để cho những tay nan vùng vẫy tỏ sự vui mừng. Sau sự vui mừng, những người khiêng lại cho Ông Đùng, Bà Đà đụng chạm nhau, rồi ôm nhau với điệu bộ hoan hùy của một cuộc ân ái. Cờ quạt lúc đó phe phẩy, âm nhạc nổi lên những điệu riêng. Dân làng đứng ngoài hò reo, hò reo để mừng rỡ hay để chế nhạo !

Đụng chạm vào nhau rồi lại rời nhau ra để đám rước tiếp tục lộ trình trở về đình làng.

Trong đám rước có người đóng vai cọp, vai lực sĩ và vai mẹ con bà câu ếch.

Ông Đùng bà Đà được thờ tại đình cho đến đêm ngày mồng Chín rạng mồng Mười tháng ba. Đêm nay dân làng diễn lại việc xử tội hai ông, bà như trong thần tích. Cuộc xử tội xử kín do ban tổ chức thi hành, dân làng không được đi xem và cũng không ai dám đi xem. Nửa đêm những người xử tội mặc áo dấu, bôi mặt đen họp chung quanh hai hình nhân. Ông tiên chỉ đem bản cáo trạng đọc trước hai hình nhân, nhắc lại tội loạn luân của hai người và chiếu chỉ của nhà vua. Sau đó cuộc hành hình bắt đầu, mắt hình nhân bị khoét, tai mũi bị sẻo, rồi sau cùng đầu hai ông bà cắt. Lạ lùng nhất là khi cắt đầu ông Đùng, người ta nhét vào chỗ hiểm của bà Đà.

Xử xong, ban đao phủ khiêng xác hai ông bà ra ngâm ở chiếc ao đầu làng.

Trong cổ tục này, người ta thấy luyến ái tính bộc lộ công khai khi ông Đùng bà Đà gặp nhau và hành động hoan hùy của hai người hình nhân đã làm cho dân làng hò reo vui thích. Phải chăng họ hò reo để khuyến khích một việc làm không ai tránh được nhưng người ta vẫn phải giấu diếm khi hành động hay người ta đã reo hò để chế nhạo ông Đùng

bà Đà đã dám công khai làm cái việc lý ưng phải dấu kín, việc làm này nhắc lại cái thú tính của con người với xác thịt và tạo nên những hậu quả tai hại là tội tử hình cho hai người.

Đặt ra cổ tục này, tổ tiên ta trong giới bình dân, tuy e ngại đạo đức, nhưng cũng đã tấn công đạo đức bằng cách tạo nên cử chỉ hoan hùy giữa hai hình nhân.

Tấn công đạo đức xong có lẽ các cụ nghĩ rằng cái việc làm theo tự nhiên kia không nên để được bộc lộ công khai mà không bị trừng phạt nên có việc hành hình hai kẻ phạm, và muốn như vậy, hai kẻ phạm này phải mắc trọng tội. Trí tưởng tượng của các cụ đã đặt ra một cặp thần linh là hai chị em ruột !

Luyến ái tính được phô bày biểu diễn nhưng liền ngay đó bị cảnh cáo. Người ta có thể yêu đương, có thể ân ái với nhau, nhưng phải tôn trọng đạo đức, đi ngược lại đạo đức là bị trừng phạt. Đạo đức có được bảo tồn, trật tự xã hội mới không bị xáo trộn. Luyến ái tính là tính tự nhiên của con người ; nhưng con người cần biết sử đụng làm sao để không đi ngược lại đạo đức ! Ở cổ tục này, hai vị thần linh là hai chị em ruột nên bị trừng phạt ! Giả tỉ đó là cặp trai gái khác, có lẽ thần tích sẽ không có đoạn trừng phạt theo chiếu chỉ nhà vua, và như vậy đâu có sự diễn lại trò ái ân trong đám rước !

Nhân đây, chúng tôi xin nói qua về ngôi đình xã Đông An. Đây là một ngôi đình không to lắm. Trước đình có một cây tháp mười hai tầng bằng gạch nung chạm trổ và vẽ các giống vật rất đẹp xây từ đời vua Cảnh Thịnh nhà Lê (I663-I67I).

Đình chỉ mở cửa ngoài, cung đình cánh cửa bao giờ cũng đóng không ai được vào, ngoại trừ một người hàng năm do dân làng cắt cử. Đó là ông Đám coi việc đèn nhang lễ bái.

Trong cung có chiếc bệ xây rất kiên cố. Phía dưới bệ có một hang nhỏ chỉ vừa một người chui lọt, phải bò sát đất mới vào được. Vào đến trong, hang này rộng ra một chút. Ở giữa hang có một chiếc bệ nhỏ chung quanh có đốt bảy ngọn đèn dầu le lói, lối đèn đốt bằng bấc, dầu đựng trong đĩa nhỏ, trên bệ nhỏ có chiếc tượng đá tạc đơn sơ, hình đôi nam nữ ôm nhau.

Trong những ngày hội làng, dân làng lấy nước ở chiếc ao đầu làng, hàng năm có ngâm xác hình nhân để đồ xôi lễ thần. Và cả trong những ngày sóc vọng tuần tiết cũng vậy. Ao được dân làng giữ gìn sạch sẽ, không ai được tắm rửa, và được coi như một chiếc giếng của làng. Dân làng có thể gánh nước về dùng.

*Tắt đèn*

Tục cổ xã Đông An trình bày ở trên tuy có bộc lộ luyến ái tính, nhưng thực ra, sự bộc lộ này chỉ ở sự hoan hùy giữa hai hình nhân. Có nơi, luyến ái tính được diễn lại giữa người với người.

Làng La Khê Nam, tục gọi làng La, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông, có tục *tắt đèn*.

Thành Hoàng làng này, lúc sinh thời làm nghề đạo trích lại dâm bôn, chết nhằm giờ thiêng được dân làng thờ phụng.

Làng vào đám trong hai ngày mồng 6 và mồng 7 tháng giêng. Ngoài những cuộc tế lễ rước sách và các trò vui, làng có đám tế đêm vào ngày giã đám. Trước đám tế, dân làng rước vía thần vào lúc chạng vạng tối. Đám rước được toàn thể dân làng tham dự, nam phụ lão ấu, con gái, bà già, còn son trẻ hay đã có chồng có vợ. Tham dự đám rước xong, cả làng kéo nhau vào đình để kết thúc hội làng bằng đám tế đêm. Tế đêm phải thắp đèn. Mọi người chen chúc nhau xem tế dưới ánh đèn.

Khi đám tế vừa dứt, tức thì bao nhiêu đèn nến trong đình đều tắt hết !

Ông thần ăn trộm mà ! Phải cần bóng tối Ngài mới hành sự được ! Nhưng trong lúc dân Làng tắt đèn để nhắc lại nghề nghiệp lúc sinh thời của đức *Thượng Đẳng*, dân làng cũng nhân đó mà ăn trộm lẫn nhau ! Họ muốn làm gì nhau thì làm ! Đèn tắt trong khoảng một giờ. Tha hồ họ sờ soạng nhau, ông già sờ cô gái trẻ, cậu trai I8 lại nắm phải bà già. Có những thanh niên hơ hớ túm nhằm cặp dưa gang răn rúm, có những mụ nạ dòng vớ đúng một chàng trẻ thanh tân, có những ông lão lại chập choạng được vào cặp tuyết lê nung nính của một cô gái dậy thì ! Họ sờ chỗ này, họ sờ chỗ khác, và từ chỗ sờ soạng họ còn đi xa hơn nữa. Có tiếng cười rúc rích, có tiếng chí choé ồn ào, lại có hơi thở mạnh. Dân làng cứ ăn trộm lẫn nhau như vậy cho đến lúc đèn lại được thắp sáng lên.

Thật là vui, chẳng có thế ca dao lại có câu :

*Bơi Đăm, rước Giá, hội Thày,*

*Vui thì vui vậy chẳng tầy giã đám làng La.*

Bơi Đăm đây tức bơi chải ở Làng Tây Tựu, tục gọi là làng Đăm, rước Giá là đám rước ở Làng Yên Sở, tục gọi là làng Giá, còn hội Thày là Hội chùa Thầy ở xã Thụy Khuê, tỉnh Sơn Tây [2] . Ba hội trên rất vui, nhưng vui thì vui vậy chứ có thú đâu bằng đêm giã đám ở Làng La.

Tục lệ ở làng này cho phép con người trở lại với tự nhiên tính trong một thời gian ngắn dựa trên một thần tích kỳ quặc. Trong lúc tắt đèn của đêm giã đám này, đạo đức đã phải lánh xa, và nam nữ trong lúc nầy tha hồ tương thân. Phải chăng khi đặt ra tục lệ nầy, mặc dầu đã dựa vào sự mê tín, mặc dầu đã tưởng tượng đặt ra vị thần linh với thần tích kỳ quặc, các cụ cũng e dè đạo đức, nên việc cử hành những việc bị đạo đức ngăn cấm đã phải thực hiện trong

bóng tối. Dù sao tục lệ nầy cũng đã thỏa mãn tự nhiên tính của con người và điều bị coi là dâm ô trong đời sống hàng ngày đã được tha thứ trong lúc tắt đèn ngày giã đám.

Theo lời truyền lại, năm nào làng La không thực hiện việc nầy trong xã sẽ sinh ra lắm điều ngang trái, người vật chết chóc, mùa màng thất thu, buôn bán thua lỗ v.v… Người làng La cũng biết tục làng mình đối với đạo đức chẳng hay ho gì nên vẫn tìm cách giữ kín và nếu gặp ai hỏi thường nói dối tục đó không còn nữa !

°

Tục tắt đèn không phải riêng ở làng La, mà còn ở nhiều làng khác nữa,

Làng Ngô Xá, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh cũng có tục kỳ lạ nầy. Làng thờ một vị dâm thần. Hàng năm làng hai lần đình đám vào II tháng 3 và I8 tháng 9, dân làng gọi là Xuân tế và Thu tế : Trong cuộc tế có hát ả đào thờ thần. Giữa lúc đang tế trai gái lấy pháo đốt lên, nghi lễ được tạm ngưng, ả đào tạm nghỉ hát và bao nhiêu đèn nến trong đình đều tắt phụt đi. Trong lúc tắt đèn này trai gái tha hồ đùa nghịch nhau. Đèn tắt hàng khắc đồng hồ mới lại được thắp lên, cuộc tế lễ lại tiếp tục.

°

Ở làng Niệm Thượng, tục gọi là làng Ném huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh cũng có tục tắt đèn. Làng này thờ một vị thần, lúc sinh thời làm nghề ăn cướp nên trong những ngày hội làng, mồng 5 và mồng 6 tháng giêng có rất nhiều tục kỳ lạ [3] , ngoài tục tắt đèn cho trai gái đùa nghịch với nhau.

Làng có hai Giáp. Đêm mồng 5 hai Giáp thổi xôi thi tại đình. Giáp nào xong trước đổ xôi ra nong xong thì ra lệnh tắt hết đèn nến trong đình đi, rồi một người đội nong xôi đi theo có mấy người khác vác đuốc chạy quanh đình, có ý muốn báo cho tất cả dân làng biết giáp mình đã chiếm giải. Trong lúc

đó, trẻ con chạy xô đuổi theo, reo hò ầm ĩ, nhưng trai gái ở trong đình tha hồ lả lơi ong bướm với nhau.

°

Tại xã Đông Yên cùng tỉnh cũng có tục tương tự như vậy.

°

Và ở xã Đan Nhiễm cùng tỉnh này cũng có tục tắt đèn, nhưng cử hành kỳ lạ hơn.

Xã nầy thờ thần Hổ. Dân làng vào đám trong tháng giêng, chúng tôi không nhớ ngày. Đêm hôm giã đám có buổi tế sau cùng, sau đó ả đào hát thờ thần. Một vị kỳ mục giả làm cọp núp dưới bàn thờ. Độ nửa đêm, trong lúc giọng hát ả đào đang thánh thót ăn nhịp với tiếng sênh tiếng phách, bỗng nhiên tất cả đèn nến được tắt phụt đi. Đèn tắt nhưng ả đào vẫn tiếp tục hát. Ngay lúc đèn tắt vị kỳ mục cọp nhẩy ra chụp lấy ả đào, rồi làm bộ cắn. Trai tơ trong đình cũng theo gương ông kỳ mục giả làm cọp ôm lấy gái. Họ ôm nhau rất lâu đến năm mười phút, đèn lại được thắp lên. Vị kỳ mục cọp, cởi lớp lốt ngoài, ra, lạy tạ thần linh, và trai gái giả cọp cũng đã trở lại thành trai gái, cùng nhau nghiêm chỉnh ngồi nghe hát. Độ canh ba, con gái ra về còn con trai ở lại cùng các bô lão kỳ mục ăn uống suốt đêm. Ngày hôm sau là hết hội.

°

Xã Duyên Tục phủ Tiền Hưng tỉnh Thái Bình cũng có tục tắt đèn, nhưng ở đây người ta tắt đèn để đánh đấm nhau, Thành Hoàng thôn Thượng xã này lúc sinh thời làm nghề đạo chích bị bắt và bị đánh chết, gặp giờ thiêng hiển linh được dân làng phụng thờ và tôn là thần Đấm. Tục tắt đèn cử hành vào vào đêm giã đám của hội hàng thôn. Đêm đó sau khi tế lễ xong, trai gái già trẻ trong thôn đều tụ họp cả ở đình. Khi mọi người đã tụ họp đông đủ, đèn đóm được tắt hết, và trong lúc tắt đèn, mọi người túm lấy nhau mà đấm,

đấm người lớn, đấm trẻ con, đấm đàn ông và đấm cả đàn bà, ai có tay người ấy đấm. Đấm đi đấm lại hồi lâu, đèn nến lại được thắp lên và mọi người bình tĩnh ra về như không hề xảy ra chuyện gì.

Trên đây là tục tắt đèn tại mấy xã chúng tôi biết, có lẽ tục này còn thấy ở nhiều nơi khác nữa, chúng tôi mong bạn đọc ai biết xin chỉ giúp để có dịp chúng tôi sẽ bổ khuyết thêm.

**Rước sinh thực khí**

Làng Đông Kỵ phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh là một làng trù phú, dân cư đông đúc, thời tiền chiến có vào khoảng hơn ngàn rưỡi người, và có đến năm trăm mẫu công điền. Làng thờ hai vị Thành Hoàng, một nam và một nữ, đều lả những vị dâm thần. Hàng năm dân làng bắt đầu mở hội từ 30 tháng chạp cho tới l6 tháng giêng. Trong khi mở hội, có nhiều tục cổ và trò vui, nhưng ở đây chúng tôi chỉ nhắc tới tục cổ liên quan tới luyến ái tính [4] là tục rước sinh thực khí.

Kể ra tục nầy thật thô bỉ, nhưng vì là cổ tục truyền lại nên dân làng phải tuân theo, năm nào dân làng cố tình bỏ qua tục nầy, theo lời các cụ, trong làng sẽ xảy ra nhiều chuyện bất yên.

Cổ tục này cử hành ngày mồng 6 tháng giêng. Đám rước thần từ miếu về đình hay từ đình về miếu do một bô lão có chức sắc dẫn đầu. Bô lão nầy hai tay cầm hai lễ vật là hai sinh thực khí bằng gỗ, một âm và một dương. Dẫn đầu đám rước, vừa đi cụ vừa hát, một câu hát thật ngộ nghĩnh và cũng rất nhiều ý nghĩ. Cụ hát rằng :

*Cái sự làm sao, cái sự làm vầy,*

*Cái sự thế này, cái sự làm sao !*

Vừa hát cụ vừa cử hành một điệu vũ, có thể gọi là điệu vũ âm dương, cái điệu vũ mà con người ta nam nữ vẫn hằng làm chung với nhau. Cụ lấy hai sinh thực khí lồng vào với

nhau, cái dương xỏ vào cái âm. Cụ hát ba lần và điệu vũ cũng được cụ nhắc lại ba lần trong mỗi đám rước. Hai sinh thực khí âm dương này, khi giã đám được đem đốt.

°

Không phải riêng xã Đông Kỵ có tục rước sinh thực khí, mà ta còn thấy tục này xuất hiện ở những xã khác, như ở các xã Khúc Lạc và Dị Nậu thuộc tỉnh Phú Thọ.

Hai xã nầy cũng thờ dâm thần và hàng năm hai xã vào đám vào những ngày mồng 7 và 26 tháng giêng. Vào đám là có tế lễ và có cúng bái. Lễ vật cúng thần ngoài trầu cau rượu thịt v.v… còn có một món đồ lễ đặc biệt, ngoài sức tưởng tượng của mọi người, món đồ lễ này gồm 36 sinh thực khí, I8 âm và I8 dương tục gọi là *những cái nõn nường* hoặc đọc trại theo tiếng địa phương là *những cái nọ nàng*. 36 cái nõn nường được đặt trên bàn thờ trong những buổi tế lễ.

Tế lễ xong có đám rước thần đi quanh làng, trong đám rước nầy, 36 cái nõn nường cũng được « dinh » đi do I8 thanh niên và I8 thanh nữ dậy thì, tuổi từ I8 kén chọn trong những hàng trai gái xinh đẹp và đứng đắn, mỗi cô cậu mang một chiếc, nam mang dương, nữ mang âm. Vừa đi trong đám rước, các cô cậu vừa hát.

Các cậu trai hát :

*Dịch dình dinh*

*Anh có cái yếm lưỡi càv*

*Anh chả cho mày thì để cho ai.*

Các cô gái hát :

*Dịch dình dinh*

*Em có cái vò rượu tăm*

*Em để anh uống, anh nằm với em !*

Đám rước đi quanh làng rồi trở về đình. Ở đây dân làng tổ chức tranh dành những cái nõn nường. Những âm dương vật này được treo lên một cành tre, rồi vị cao niên nhất trong làng rung cho những cái nõn nường rơi xuống, để dân làng xô đẩy nhau cướp lấy. Cướp được những của quý nầy là một sự may mắn, nhất là đối với những cặp vợ chồng mới cưới, vì là điềm sẽ có tin mừng. Ai cướp được chiếc âm sẽ sinh con gái, ai cướp được chiếc dương sẽ sinh con trai.

Cũng có khi những cái nõn nường không được treo lên cây mà chỉ tung lên từng cái một để mọi người cướp cho cuộc vui được kéo dài.

Và tục rước sinh thực khí này, còn có ở một vài nơi khác nữa, như tại một xã vùng Hải Dương, nơi giáp giới với tỉnh Bắc Ninh, chúng tôi rất tiếc không nhớ rõ tên, cũng mang rước hai vật âm dương quý báu ấy bằng gỗ, và trong lúc rước cũng có thanh nam và thanh nữ hát :

Thanh nam hát :

*Cái nạo thế sừ, là cái sự thế nào ?*

Thanh nữ đáp :

*Cái nạy thế sừ, là cái sự thế này !*

Trong khi đó một bô lão hai tay mang hai sinh thực khí bằng gỗ cử hành điệu vũ âm dương lồng hai vật vào với nhau rồi lại rút ra.

**Chen**

Làng Nga Hoàng, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, tục gọi là làng Ngà có tục *Chen* rất kỳ lạ. Hội làng được tổ chức từ mồng 6 tới I5 tháng giêng. Làng thờ hai vị Thành Hoàng, một nam một nữ là thần Đống Vành và Linh Sơn Mỵ Nương.

Làng nầy nằm trên đường Bắc Ninh đi Phả Lại đường cái xuyên tâm, theo các cụ nói về địa lý, khi nào làng ở vị trí như vậy, gái làng thường lẳng lơ. Nửa làng về bên tay trái đường Bắc Ninh, Phả Lại nằm trong cánh đồng chiêm, còn nửa làng bên kia nằm dưới chân dãy núi Rạm.

Hội làng chia làm 4 giai đoạn.

Đầu tiên, vào ngày mồng 6, tế lễ cử hành tại miếu làng, nơi thờ Linh Sơn Mỵ Nương. Giữa cuộc tế lễ trai làng và cả các ông già nữa, chạy xô đến chen lấn các gái làng và các bà già, *trẻ chen với trẻ, già dong với già.* Xô chen nhau, rồi giằng co nhau. Nhiều chàng trai trong lúc chen lấn đã có những cử chỉ mạnh bạo khác như bóp nhũ hoa hoặc đưa tay sờ soạng cô gái. Cô gái chống cự chen lại, và cuộc chen lấn diễn ra hỗn độn một lúc, rất là phóng túng tự do và rất ngang nhiên không kiêng nể gì đạo đức.

Chen lấn xong, mọi người cầu xin với nữ thần : « *Muôn tâu lạy ngài, xin ngài phù hộ cho dân chúng tôi, già mạnh khỏe, trẻ bình an, của đồng làm ra của nhà làm nên ».*

Cầu khẩn xong mọi người cùng lễ tạ.

Rồi đám rước đi quanh làng được cử hành, bắt đầu từ miếu. Trong đám rước nầy, đến lượt con gái và cả bà già nữa tấn công lại chen lấn con trai và đàn ông, xô đẩy nhau cho đến khi đám rước kết thúc.

Đám rước hết nhưng sự chen lấn chưa hết, có điều lúc này, trai gái trong làng không chen nhau, gái làng đi kiếm các chàng trai thiên hạ tới xem hội mà chen, thiếu những chàng trai thì họ tìm chen những đàn ông đứng tuổi và cả các ông lão. Chính kẻ viết những dòng này, cách đây 30 năm đã từng bị chen đến nẩy lửa vào một ngày mồng 6 tháng giêng. Gặp khách xem hội là gái làng rủ nhau chen. Họ thả sức chen có khi xô cả khách xuống ao bùn, xuống bờ ruộng, và khách muốn tránh khỏi bị chen phải leo lên

cây hay đi tìm vào ẩn trong buồng kín của nhà nào trong làng.

Một nhà nào trong làng hôm đó có khách đàn ông tới xem hội ư ? Mà đã là ngày hội làng lại có tục kỳ khôi như tục chen ấy, mấy mà làng không có khách ! Trong lúc chủ nhà đang tiếp khách, bỗng lừng lững từ ngoài cổng đi vào một đoàn độ bốn năm cô gái quê. Các cô xin phép chủ nhà : « Thưa Cụ, nhất niên nhất lệ, hôm nay chúng cháu được phép chen, xin cụ cho phép chúng cháu được chen với quý khách ».

Thế rồi không đợi chủ nhà trả lời, các cô vào trong nhà kéo khách ra, khách đang uống nước trên phản hay ngồi ở tràng kỷ, các cô cũng kéo xuống, rồi các cô xúm nhau vào, đưa vai mà chen khách, khách từ chối hoặc chủ nhà từ chối cũng không được ! Lệ làng mà ! Phép vua còn thua lệ làng nữa là chủ nhà với khách. Khách có sức, xin mời khách cứ chen lại, nhưng khách phải coi chừng vì các cô sẽ có viện binh ! Các cô khác sẽ tới, sẽ ùa nhau vào chen khách, chen bằng cho khách ngã giúi ngã giụi. Khách cố lóp ngóp bò dậy, các cô lại xô nhau chen nữa, khách lại ngã. Có khôn hồn, khách mau mau tìm lối chạy trốn, nếu không khách sẽ bị các cô chen cho tới khi ngã xuống ao bùn ruộng nước. Vừa chen khách lạ, các cô vừa reo cười với nhau. Và người làng thấy cảnh các cô chen khác lạ chỉ đứng ngắm và cười theo. Một vài bà nạ dòng ngắm cuộc chen, chợt nhớ tới thời mình con gái cũng xăm xăm vào chen khách.

Những trai các làng lân cận biết rõ tục lệ này thường hàng năm rủ nhau từng bọn đi chen với gái Nga Hoàng, nhưng gái làng bao giờ cũng đông hơn, lại nhiều khi được tăng cường bằng những bà *sồn sồn* nên dù bọn trai nào có tới, rút cục cùng đều đại bại.

Ngày mồng 6 qua, trong làng vẫn còn hội, nhưng chỉ để dân làng lễ bái.

Rồi tới ngày II tháng Giêng, làng lại có tế lễ tại đình nơi thờ thần Đống Vành. Sau buổi tế lễ, có hát ả đào thờ thần. Trong lúc này trai gái lại chen lấn nhau và tự do cùng nhau đùa nghịch ngay trong đình. Những cặp trai gái thích thú nhau, họ dắt nhau ra đình tìm những nơi thanh vắng trong làng để cùng nhau tình tự hoặc tính chuyện *đỉnh giáp non vu.*

Ngày Rằm tháng Giêng, làng lại làm lễ tại miếu trên núi Linh Sơn. Giữa cuộc lễ nam nữ lại xô đẩy cùng nhau chen, gồm cả ông già bà lão, người đứng tuổi, mụ nạ dòng, đến nam nữ thanh niên dậy thì vừa mới lớn. Sau lễ là đám rước từ núi về đình và dọc đường nam nữ lại tự do chen lấn và đùa nghịch với nhau. Có những cặp chen nhau rời khỏi đám rước rồi cũng ngã vào bụi cây đám cỏ ven đường chân núi…

Ngày hôm nay cũng như ngày mồng 6, gái làng lại có lệ tìm khách lạ tới làng để chen.

Sau hết, buổi tối hôm rằm này, ở đình có cử hành một lễ rất trọng thể. Giữa cuộc lễ đèn đóm tắt hết, trai gái già trẻ được tự do chòng ghẹo hoặc làm gì nhau cũng được !

Đèn tắt một lúc lâu lại được thắp lên, và cuộc lễ trọng thể được tiếp tục. Sau buổi lễ, những cặp trai gái đã bằng lòng nhau, có thể dắt nhau tới những nơi thanh vắng để vừa lòng nhau.

Theo lời các cụ xã Nga Hoàng, tuy chen là một tục kỳ dị, nhưng đó là ý muốn của thần linh, không thể bỏ được, nếu bỏ trong làng sẽ gặp sự không may.

Trong kỳ hội hàng năm, trai gái đã có dịp đụng chạm và có cặp đã ân ái với nhau, nên sau kỳ hội, các cô gái có quyền kết hôn với cậu trai làng nào cô ưng, chàng trai không có quyền từ chối, trừ trường hợp bố mẹ cô không bằng lòng cô phối ngẫu với chàng trai cô chịu ! Những cô gái thụ thai trong dịp hội làng, dù không chồng cũng không bị làng bắt

vạ và cũng không bị coi là đĩ thõa trái với đạo đức. Trái lại, nếu thụ thai ngoài kỳ hội làng, tính từ tháng Ba âm lịch trở đi cho đến hết tháng Chạp, cô gái bị coi là chửa hoang và phạm vào thuần phong mỹ tục, phải chịu vạ với làng. Những cặp trai gái thành hôn với nhau sau kỳ hội được làng bớt cho một nửa tiền cheo.

**Chen lấn để cướp cầu**

Làng Bạch Hạc, phủ Nghĩa Yên, huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên, tức là đất Phong Châu ngày xưa, dân làng cũng có tục chen lấn nhau, nhưng không phải chen lấn để chen lấn, mà chen lấn để cướp những quả cầu của làng. Dù sao trong sự chen lấn, dù là chen lấn để cướp những quả cầu thì cũng có sự đụng chạm, trái với nguyên tắc nam nữ thụ thụ bất thân của Khổng giáo.

Làng này hàng năm mở hội vào ngày mồng ba tháng Giêng và có tục cướp cầu.

Mỗi năm dân làng cử một vị hương chức khâu chín quả cầu, một quả cầu mẹ, và tám quả cầu con. Những quả cầu này được rước tới đình làm lễ tế cầu. Lễ tế cầu xong là cuộc tung cầu để dân làng tranh nhau cướp, nam nữ xô đẩy chen lấn nhau.

Cầu tung từng ba quả một, đầu tiên là quả cầu mẹ lớn với hai quả cầu con, hai lần sau mỗi lần ba quả cầu con. Ba quả cầu buộc vào ba ngành tre được giơ cao lên để một vị quan viên chức sắc đọc một bài văn chúc.

Bài văn chúc đọc xong, một hồi trống thờ nổi lên, dứt tiếng trống, dân *làng hò reo*, rồi một bài văn chúc thứ hai cũng kèm theo một hồi trống và những tiếng hò reo. Bài văn chúc đây là những lời khánh chúc.

Dứt hồi reo lần thứ hai, vị chức sắc mới tháo ba quả cầu ở ba ngành tre ra buộc lại với nhau rồi tung lên để dân làng nam nữ tranh nhau cướp. Bộ ba quả cầu chưa kịp rớt

xuống đất đã có người đỡ, nhưng liền đó lại có người cướp mất. Chen lấn, giằng co cho đến khi bộ cầu được một người nắm chặt.

Hai vị bô lão chức sắc khác mỗi người tung một bộ cầu còn lại, cũng với những nghi thức như bộ cầu đầu tiên.

Người ta chen lấn tranh nhau cướp với sự tin tưởng được một bộ cầu sẽ gặp may mắn quanh năm, Cướp được cầu có thể mang về nhà để làm kỷ niệm, hoặc mang tới để thờ tại đình làng.

**Múa mo và tự do luyến ái**

Luyến ái tính đã được bộc lộ rõ rệt hơn cả, đi đến chỗ tự do luyến ái của trai gái làng là cổ tục của xã Sơn Đồng, tỉnh Hà Đông [5] . Xã này hàng năm mở hội xuân vào ngày mồng 6 tháng 2. Trong các đồ lễ cúng thần có bánh dầy và bánh cuốn. Những bánh này, sau khi cúng dành phần để biếu các xã lân cận. Những năm phong đăng hòa cốc, dân làng lại tổ chức cuộc múa mo một cổ tục rất đặc biệt.

Buổi chiều sau khi tế lễ đã xong, trai chưa vợ gái chưa chồng đều tự do tụ họp tại đình. Lúc này, một ca nhi vừa múa vừa hát, tay trái cầm một khúc tre tượng trưng cho sinh thực khí dương và tay phải cầm một chiếc mo cau tượng trưng cho sinh thực khí âm. Ca nhi vừa múa vừa lấy khúc tre lắp vào mo cau và ca :

*Cái sự làm sao, cái sự làm vầy,*

*Cái sự thế này, cái sự làm sao.*

Sau một lúc múa hát, ca nhi tung khúc tre và mo cau cho trai gái tranh nhau cướp. Tục tin rằng cô gái nào cướp được khúc tre sẽ được may mắn trong cuộc tình duyên và được sự che chở của thần linh. Do đó, cậu trai nào thương yêu cô, ân ái với cô đến thụ thai sẽ được làng thưởng tiền, tiền cổ ngày xưa là ba quan

Về tục múa mo, vùng Sơn Đồng có câu ca dao :

*Sơn Đồng có tục múa mo,*

*Bánh dầy, bánh cuốn đem cho các làng,*

Kể từ đêm cử hành múa mo, mồng 6 tháng hai trong vòng 3 tháng, nghĩa là đến ngày mồng 6 tháng 5, trai gái trong làng được tự do luyến ái, và cô gái nào thụ thai trong thời gian này đều được thưởng ba quan tiền và những chàng trai cưới vợ trong dịp này đều khỏi phải nộp cheo. Trong thời gian này việc luyến ái giữa trai gái không trái với lệ làng, và đạo đức cũng ngoảnh mặt làm ngơ, nhưng kể từ mồng 7 tháng 5 trở đi, cô gái nào chưa chồng, không may thụ thai bị coi là chửa hoang, là phạm thuần phong mỹ tục và bị làng bắt phạt vạ I0 quan tiền.

**Trai gái đốt pháo ném nhau**

Làng Phù Lưu thuộc phủ Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh, hàng năm mở hội vào ngày I3 tháng giêng, có tục trai gái đốt pháo ném nhau.

Làng này, nhân ngày hội sau khi cúng thần xong, có lập bàn thờ cúng Phật tại sân đình, việc cúng Phật do một vị sư được mời tới phụ trách. Cúng thì phải có sớ, khi đọc sớ đến những chữ chỉ về tai ách như : niên xung, nguyệt xung v.v… thì dân làng đốt một tiếng pháo để át những chữ đó đi. Trước còn đốt pháo để át chữ, sau trai gái đốt pháo để ném vào sư. Sư sợ bỏ chạy, trai gái đuổi theo, sư phải băng cánh đồng vượt hồ để chạy về chùa đóng cửa lại. Lúc ấy trai gái quay lại đốt pháo ném nhau và đuổi nhau chạy ở ngoài cánh đồng, ngoài đồng lúc này chỉ có trai và gái không phải riêng gì trai gái làng, mà trai gái các làng khác thấy vui cũng hàng năm kéo nhau tới dự cuộc đốt pháo này. Đốt pháo ném nhau rồi có những cặp trai gái thương yêu, dắt nhau đi tìm nơi vắng vẻ để tình tự và đi xa hơn nữa.

Nhiều thiếu phụ có chồng rồi, nhưng cũng vẫn thích dự cuộc ném pháo này với trai gái làng, chồng theo lệ không được ngăn cấm. Trai gái đùa nghịch với nhau ở ngoài cánh đồng cho đến nửa đêm. Sau đó con gái ra về, còn con trai trở lại đình rượu chè ăn uống.

**Hát trao tình rồi trao tình luôn**

Những tục lệ kể trên nhắc tới luyến ái tính giữa nam nữ, luyến ái tính trong các tục này thường được bộc lộ một cách rõ ràng, cuồng nhiệt đôi khi đến mạnh bạo vũ bão. Bên những tục trên, còn nhiều tục khác cho phép trai gái được tìm hiểu nhau, nhưng ở đây luyến ái chỉ bàng bạc phơn phớt nhưng cũng đủ thỏa mãn sự yêu đương của đôi bên mà không đến nỗi quá bộc lộ, như tục hát đối, tục bói cầu v.v…

Xã Quảng Lãm huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh có tục trai gái hát đối đáp với nhau trong ngày hội Xuân.

Làng này hàng năm mở hội từ mồng 5 đến I2 tháng 3. Mỗi buổi chiều sau cuộc tế lễ dân làng có mời ca nhi tới hát thờ thần, người lớn đều ra đình nghe hát tại đình. Trong lúc đó trai gái làng cùng nhau tụ họp tại các cổng xóm thành từng bọn khoảng độ I0 người, trai gái ngồi lẫn lộn rồi quàng cổ nhau mà hát. Theo ông Lê văn Hảo trong tài liệu đã dẫn đó là tục *nam nữ hỗn tọa nhi ca.*

Dưới đây là mấy câu hát ông Hảo đã dẫn ra :

Gái : (mời mọc)

*Hỡi người quân tử đi đâu*

*Ngõ này trong mát làu làu chẳng chơi ?*

*Hay là tình có đôi nơi*

*Chúng ta ngồi đợi đêm thâu canh chầy*

*Khấn trời đã mấy đêm nay*

*Sao anh chẳng nhớ đến ngày vui xuân*.

Trai (hài hước) :

*Nhà ông có đám rơm to*

*Có con gái lớn không lo gả chồng*

*Ai vào thì cứ rằng không,*

*Để con gái lớn chổng mông mà gào.*

Hay cầu khẩn :

*Đến đây tình chẳng thương tình*

*Để anh thơ thẩn một mình lôi thôi.*

Trai gái đối đáp với nhau lúc đầu còn bằng những câu hát có sẵn, nhưng dần dần về sau để diễn tả tình cảm của họ, họ đã tự ứng khẩu đặt ra những câu hát mới.

Hát với nhau rồi yêu thương nhau, họ dẫn nhau đi tình tự ở những nơi vắng vẻ. Có thể yêu đương đưa đến sự ái ân. Tan cuộc tình tự, con gái lại trở về bọn cũ, nhưng chàng trai có thể lần mò tới một đám hát khác ở một xóm khác.

Những cuộc *hỗn tọa* phải do bạn gái chấp nhận, nếu họ không chịu chàng trai này, chàng đó không được phép nhập bọn với họ.

Việc ngồi chung ca hát này chỉ được phép xảy ra trong thời kỳ hội làng, ngoài ra nếu trai gái bị bắt được tình tự với nhau, nhất là giở trò trên bộc trong dâu ngoài ngày hội, họ bị giải tới đình và trói ở cột đình để ban kỳ mục xét xử và phạt vạ mỗi người ba quan tiền. Những tiền sở phí về ăn uống của ban kỳ mục, những cặp trai gái phạm lỗi phải gánh chịu. Nếu họ không có tiền nạp vạ hoặc chịu nổi sở phí ăn uống của ban kỳ mục họ phải rời làng, bằng không cha anh họ sẽ bị truất quyền họp việc làng tại đình.

Sau ngày đình đám, những cặp trai gái đã *hỗn tọa nhi ca* với nhau, và để cho nhau *tỏ đường đi lối về* muốn lấy nhau thì lấy, hoặc không muốn lấy nhau cũng tùy ý. Tuy nhiên, nếu cô gái nào thụ thai trong ngày hội, cô muốn lấy cậu trai nào, cậu đó không có quyền từ chối.

Dân làng Quảng Lãm tin rằng nếu năm nào trai gái không ngồi chung hát đối, dân làng sẽ không bình yên.

**Trai gái hai xã lân cận hát đối đáp nhau**

Tục trai gái hát đối đáp với nhau, không phải chỉ riêng có ở xã Quảng Lãm mà còn ở rất nhiều nơi khác qua những tục hát quan họ, hát ví và hát trống quân [6] . Có khi trai gái đồng xã, có khi trai gái biệt xã.

Trai gái biệt xã hát với nhau có thể kể đến gái xã Viêm Xá hát với trai xã Hoài Bão, hoặc các trai gái quan họ tất cả các xã thuộc hai huyện Võ Giàng và Tiên Du tỉnh Bắc Ninh và mấy xã ven sông Cầu giáp với huyện Võ Giàng, thuộc huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang.

Ở đây, chúng tôi xin nói với gái Viêm Xá và trai Hoài Bão. Hai xã này thuộc huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh. Mỗi năm làng Viêm Xá, xuân thu nhị kỳ mở hội vào các ngày mồng 4 tháng Giêng và mồng l0 tháng Tám. Trong những dịp này, làng Viêm Xã có mời một bọn trai Hoài Bão sang dự hội. Xong cuộc tế lễ, trai Hoài Bão được mời hát thờ thần cùng với gái Viêm Xá tại đình. Gái Viêm Xá ngồi một bên, trai làng và trai Hoài Bão ngồi một bên.

Cuộc hát bắt đầu bằng những lời khánh chúc, sau những lời khánh chúc, đôi bên hát những câu yêu đương, gởi gắm tâm tình. Bên nọ hát, bên kia đáp. Đây chính là tục hát quan họ. Lúc hát, họ hát giọng đôi, hai người một.

Sau khi hát thờ ở đình, trai Hoài Bão được bọn gái Viêm Xá mời về nhà người đứng đầu để tiếp tục cuộc hát. Lúc này, bọn gái phải làm cơm mời bọn trai. Giả tỉ người đứng đầu

cuộc hát đã có chồng, thì người chồng, trước mặt các chàng trai Hoài Bão cũng chỉ nói đó là em gái mình, và nhiều khi chính người chồng phải đi làm mâm cơm để vợ và các bạn tiếp trai Hoài Bão.

Thường họ hát với nhau ở ngôi nhà chính, nghĩa là ngôi nhà có giường thờ, trai ngồi một bên, gái ngồi một bên. Lúc ăn uống cũng vậy hai mâm cỗ để hai bên, nhưng trước khi ăn, bọn gái và cả cha mẹ cô đứng đầu phải ân cần mời mọc các chàng trai.

Ăn xong, họ hát với nhau suốt đêm cho đến gần sáng. Đêm đó, người làng kéo nhau tới nghe hát đủ cả trai chưa vợ gái chưa chồng, hoặc trai gái đã thành gia thất.

Sáng ngày ra, bọn gái tiễn bọn trai tới tận cổng làng, cứ từng cặp một tiễn nhau.

Trong lúc hát đêm với nhau, có thể đôi bên, một cặp trai gái nào đã ăn ý với nhau lẻn dắt nhau đi tình tự, có thể tính chuyện nguyệt hoa với nhau được, nhưng sau đó lại phải trở về đám hát.

Tục trên chính là tục *kết bạn* trong lề lối hát quan họ. Không phải chỉ có riêng trai Hoài Bão tới hát với gái Viêm Xá, mà tất cả các bọn trai biết hát quan họ đều có thể được một bọn gái quan họ khác làng mời tới hát đêm và thiết đãi như trên, và trái lại các trai quan họ cũng có thể mời một bọn gái quan họ đến nhà hát đêm. Mời mọc đều do người đứng đầu một bọn mời, và nhận lời cũng đo người đứng đầu đại diện cho cả bọn nhận lời. Tục này rất thông thường ở tất cả các xã có tục hát quan họ. Thường một bọn trai mời bọn gái hoặc trái lại, bọn gái mời bọn trai, họ chỉ mời nhau sau khi đã cùng hát ở một hội nào, rồi vì quyến luyến nhau, họ muốn kéo dài cuộc hát, nên mời nhau tới nhà hát một canh.

Thí dụ, mồng 4 tháng Giêng, tại xã Hữu Trấp, tục gọi là làng Chắp huyện Võ Giàng mở hội. Trai gái quan họ kéo nhau tới hội rồi mời nhau hát. Trai Thị Cầu cùng với gái

Xuân Ái gặp gỡ nhau, hát với nhau từ lúc tới hội cho đến lúc xế chiều, rồi họ lại cùng hát với nhau trên đường về, đường về đi qua làng Xuân Ái, gái Xuân Ái liền mời trai Thị Cầu vào nhà cùng hát, trai Thị Cầu nhận lời, thế là một canh hát đêm được tổ chức. Bố mẹ các cô gái không lấy làm ngạc nhiên khi con mình mời một bọn trai tới hát đêm. Họ lo giúp các con làm cơm đãi các bạn hát. Tục lệ trong làng quan họ như vậy, còn chuyện có cặp trai gái nào thương yêu nhau, đó là việc riêng giữa hai người, ở bất cứ nơi nào cũng có thể có những cặp trai gái lẻn dắt nhau đi tình tự được. Khi bọn con trai mời bọn con gái tới hát ở làng mình cũng vậy. Và những người dù có chồng có vợ thì vợ hoặc chồng những người này cũng không bao giờ ghen, họ cho rằng luyến ái nhau qua câu hát không có gì đáng kể, trong câu hát ngoài một đôi câu chúc tụng đều là những câu hát yêu đương.

**Hát trống quân**

Hát trống quân cũng là một lối hát đối đáp giữa trai gái.

Hai bọn trai gái ngồi hai bên ở giữa là *trống quân* có căng chiếc dây, để khi hát trai gái lấy dùi đánh vào chiếc dây này tạo nên những *thình thùng thình* đệm cho lời hát.

Câu hát trống quân nói lên sự gắn bó của trai gái và sự gắn bó này bị lễ giáo ngăn cản không được phép tự nhiên bộc lộ, nếu không phải là trong dịp ca hát với nhau. Có những câu thật là ráo riết như muốn ràng buộc nhau :

*Nên chẳng đấy vợ đây chồng,*

*Đấy bế con gái, đây bồng con trai.*

◦

*Đã trót yêu nhau lấy nhau cho được,*

*Bõ lòng này rày ước mai ao.*

◦

*Yêu nhau chẳng lấy được nhau,*

*Mài dao, đánh kéo, cạo đầu đi tu.*

Làng Thị Cầu, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, hàng năm, xưa kia, vào đám từ mồng bảy đến mười sáu tháng tám. Trong dịp làng vào đám này, tại các xóm trong làng, trai gái có lập những đám hát trống quân để cùng nhau mua vui ngày hội. Họ hát với nhau từ tối đến lúc trăng gần tà mới tan, và tối hôm sau họ lại cùng nhau hát :

*Hát cho lở đất long trời,*

*Cho đời biết mặt cho người biết tên.*

*Hát từ chợ Phủ hát lên,*

*Hát suốt tỉnh Bắc qua miền tỉnh Đông.*

*Hát sao cho cạn dòng sông,*

*Cho non phải lở, cho lòng phải say.*

Hát với nhau cho hết thời kỳ ngày hội, họ trở lại đời sống bình thường, họ gặp gỡ nhau, muốn nói chuyện yêu đương họ cũng không dám nói một cách quá bạo dạn như trong câu hát. Những cuộc hát đối đáp dịp này đã là dịp tốt để bắt đầu cho những cuộc lương duyên về sau.

**Hát đúm hát ví**

Tại các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, nhiều vùng ngoài những lối hát trên có tục hát đúm và hát ví.

Hát đúm trai gái hát với nhau trong ngày hội, từng bọn trai hát với từng bọn gái. Cũng những lời yêu đương tình tứ trong câu hát, cũng những sự hẹn hò, mong mỏi cùng nhau sẽ như chim liền cánh, như cây liền cành. Có những bọn người cũ đã gặp gỡ trong một ngày hội trước đến ngày hội sau lại trùng phùng họ mừng rỡ. Sự mừng rỡ biểu lộ qua lời ca :

*Bây giờ lại gặp mình đây,*

*Như cá gặp nước, như mây gặp rồng,*

*Mây gặp rồng bắt phong bắt vũ,*

*Cá gặp nước con ngược con xuôi.*

Hát với nhau cho đến xế chiều hoặc tan hội, họ đưa tiễn nhau đến đầu làng, tay cầm tay, mắt nhìn mắt mà lòng lưu luyến :

*Mình về ta chẳng cho về,*

*Ta nắm cổ áo ta đề bài thơ.*

*Bài thơ ba chữ rành rành,*

*Chữ trung, chữ hiếu, chữ tình là ba.*

*Chữ trung dành để thờ cha,*

*Chữ hiếu thờ mẹ, đôi ta chữ tình,*

Hát ví cũng là một lối hát trao tình giữa trai gái trong đám hội, nhưng ngoài ngày hội trong lúc làm lụng trai gái cũng thường hát ví với nhau. Có thể một chàng trai đi qua một cánh đồng, hát ghẹo một cô cắt cỏ bên bờ đường :

*Mặt trời đã xế về tây,*

*Hỡi cô cắt cỏ bên đầy bên vơi.*

*Cô còn cắt nữa hay thôi,*

*Để tôi cắt với làm đôi chung tình.*

Có thể năm ba cô thợ cấy đang cấy lúa dưới ruộng bỗng có chàng trai đi qua trên đường, một cô buông lời hát :

*Hỡi người đi đường cái quan,*

*Dừng chân đứng lại em than vài lời.*

*Đi đâu vội mấy ai ơi,*

*Công việc đã có chị tôi ở nhà.*

Không những trai gái hát ví chòng ghẹo vào trao tình với nhau, nhiều khi họ còn hát ghẹo cả những người lứa tuổi khác hoặc có khi cả nhà tu hành nữa.

*Hỡi ơi chú tiểu trên chùa,*

*Chú tu sao chú bỏ chùa cho tôi.*

Lại có những bọn thợ cùng làm lụng rồi cùng hát với nhau, hoặc nhân ngày mùa, một nông gia ở đồng quê mượn bọn thợ gặt, thợ cấy trong đó có các cô thiếu nữ, trai làng họp nhau thành bọn kéo nhau tới yêu cầu chủ nhà cho cùng bọn thợ hát một canh mua vui.

Ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh có lối hát ví các phường : phường vải, phường cấy, phường lưới, phường buôn v.v… Trai gái những phường này hát với trai gái những phường khác những canh hát để thử tài và để mua vui. Lại còn lối hát giặm ở hai tỉnh trên cũng là lối hát đối đáp giữa trai gái, với những điều kiện khác biệt riêng, những lối hát này chúng tôi có nói kỹ trong cuốn Cầm Ca Việt Nam.

Ở miền thượng du Bắc Việt trai gái sơn cước có lối hát lượn, lối hát này cũng tương tự như lối hát ví và hát dúm ở vùng xuôi.

Hò miền Nam cũng là một lối hát để trai gái trao tình như hát ví.

°

Trong những lối hát trao tình này, hát trống quân, hát ví, hát giặm, hò v.v… luyến ái tính được bộc lộ qua lời ca, nhiều khi thật là thắm thiết nhưng nhiều khi bàng bạc một cách tế nhị. Ca hát giúp cho trai gái tìm hiểu nhau trước khi đi đến chỗ cùng nhau xây dựng cuộc trăm năm.

**Rún đu**

Rún đu cũng là một cổ tục giúp cho trai gái gần gũi nhau, và do đó luyến ái tính cũng được biểu lộ.

Trong các ngày hội Xuân hoặc hội Thu tại các làng thuộc các phủ huyện miền Bắc tỉnh Bắc Ninh như Võ Giàng, Yên Phong, Tiên Du và mấy huyện miền Nam tỉnh Bắc Giang, hội nào cũng có một vài cây đu trồng ở giữa một thửa ruộng gần nơi đình chùa mở hội để trai gái trong làng hoặc trai gái thiên hạ lên đu với nhau.

Lúc cùng vui đu, tất nhiên mắt cùng liếc, lòng ưa nên :

*Trai đu gối hạc khom khom cật.*

*Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng,*

Và đu càng lên cao lên bổng họ càng say sưa nhìn nhau, mặc cho :

*Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới,*

*Hai hàng chân ngọc ruỗi song song.*

°

Qua những cổ tục trên chúng ta thấy rằng hội quê là những dịp để trai gái gần gũi nhau, tìm hiểu nhau, và chỉ trong những dịp này đạo đức mới nhượng bộ chấp nhận sự tương thân giữa nam nữ. Luyến ái tính bị chèn ép bởi lễ giáo đã nhân những dịp này bộc lộ, bộc lộ nhiều khi một cách sỗ sang và giới bình dân sẵn sàng chấp nhận những hậu quả của sự bộc lộ này. Và sự chấp nhận cũng bị giới hạn trong thời gian ngày hội, vì dù sao nếp sống cổ truyền của chúng ta cũng đã bó khuôn trong nền luân lý. Các cụ trong giới bình dân khi dựa vào giới siêu nhiên để tạo cơ hội cho sự gần gũi giữa nam nữ cũng không dám để cho luyến ái tính đi quá trớn và cũng không bao giờ dung thứ cho sự dâm bôn đi đến một mức quá độ. Đạo đức vẫn chi phối nếp sống hàng ngày, và chỉ chịu nhượng bộ ở một số

các địa phương trong những thời gian ngày hội, và ở đây đạo đức đã không thắng được thần quyền.

°

Trong nếp sống hằng ngày tuy giới bình dân không dám sỗ sàng xâm phạm tới đạo đức, nhưng không phải vì thế là luyến ái tính đã bị chìm hẳn. Người ta cũng đã dựa vào sự mê tín, nghĩa là dựa vào giới siêu nhiên để có những ngôn ngữ hoặc hành động tạo nên những tục lệ, mà dần dà con người quen đi, không thấy ở những tục lệ này những điều trái với luân lý.

Như tục gọi con trai là *thằng cu,* con gái là *cái hĩm* hoặc *cái đĩ.* Hai danh từ cu và hĩm chính là hai tiếng để chỉ âm dương sinh thực khí, và khi nhắc đến hai tiếng này trí óc người ta có thể đi xa hơn. Và khi gọi con gái là cái đĩ, người ta đã quên nghĩa đen của tiếng này. Sự quên này tất nhiên không phải là ý muốn của người đầu tiên đã tạo nên tục lệ.

Lại tục hỏi thăm đẻ con trai hay con gái ở vùng quê người ta dùng một câu thật là tục tĩu mà không hề nhận thấy, câu hỏi như sau : *Đâm người* hay *người đâm ?* Mấy tiếng này nhắc tới hành động sinh lý giữa nam nữ.

*Đâm người* là con trai, còn *người đâm* là con gái.

Người hỏi đã tự nhiên, mà người trả lời cũng rất tự nhiên : « Vâng, hôm qua nhà tôi ở cữ, đâm người ! »

Ấy thế là người hỏi thăm biết rằng vợ người kia đẻ con trai.

Cũng có khi câu hỏi thăm hơi khác nhưng cũng không kém tục tĩu : « Thế nào chị ấy ở cữ rồi à ? *Chầy* hay *Sọt ? »*

*Chầy* là con trai vì nó từa tựa giống cái nam sinh sinh thực khí, còn *Sọt* là con gái, vì chiếc *sọt* làm người ta nghĩ tới cái nữ sinh thực khí.

Và người ta còn dùng danh từ *bố cu mẹ đĩ* để chỉ những người có con trai hoặc con gái đầu lòng. *Bác cu* là người có con trai đầu lòng, và *Bác Đĩ* là người có con gái đầu lòng.

Tóm lại trời sinh ra loài người có nam, có nữ, nam nữ tất nhiên phải có sự gần gũi tìm hiểu. Đạo đức cấm đoán, giới bình dân tuy có chịu nhưng vẫn tìm cách cưỡng lại, dựa vào thần quyền :

Đặt tên con là thằng Cu, cái Hĩm để chúng mang một tên xấu xí khỏi bị các bà các cô trêu quở, ma quỉ ám ảnh.

---

1 Đào Tử Khải, theo sự trích dẫn của Lê Văn Hảo trong bài nói trên.

2 Xin xem trong HỘI HÈ ĐÌNH ĐÁM I chương Hội hè về Tôn giáo.

3 Xin xem chương III.

4 Về các tục khác xin xem trong HỘI HÈ ĐÌNH ĐÁM về phong tục chương III.

5 Theo tài liệu của ông Lê văn Hảo, theo chúng tôi biết xã Sơn Đồng chính ra thuộc tỉnh Sơn Tây, cách xã Gốm huyện Lập Thạch tỉnh Vĩnh Yên không xa. Ca dao có câu : *Sơn Đồng Kẻ Gốm không xa.*

6 Xin xem Cầm Ca Việt Nam của soạn giả.

# PHÁO VỚI HỘI HÈ ĐÌNH ĐÁM

Khi trình bày về tục lệ trong nhiều hội hè, chúng tôi đã từng nhắc tới tục đốt pháo tại nhiều xã như Đông Kỵ, Thị Cầu và một số các xã thuộc các tỉnh thượng du Bắc Việt.

Không kể những xã có tục đốt pháo với những quy lệ riêng biệt, thường thì trong các hội Xuân bao giờ cũng có tiếng pháo : pháo để khai hội, pháo để mừng thần linh, pháo để tặng thưởng cho những người trúng giải trong các cuộc thi vui và pháo để trai gái chòng ghẹo nhau.

Trong thời thanh bình, mở hội là có đốt pháo.

Dân ta tin rằng, tiếng pháo đuổi trừ ma quỉ, tiếng pháo mang lại hạnh phúc cho dân làng, và tiếng pháo phản ảnh sự tưng bừng nhộn nhịp của những ngày hội vui vẻ. Ngoài ra, với xác pháo hồng, nhất là khi xác pháo toàn hồng, người ta chờ đón những điều may mắn, màu hồng tượng trưng cho sự tốt đẹp.

Chính vì tin ở phép mầu nhiệm của pháo và của tiếng pháo, nên ngày Xuân, ngày Tết tại khắp thôn quê, kẻ chợ đâu đâu trước đây người ta cũng đốt pháo.

Cứ mỗi năm Tết đến, xưa kia, dân ta đã tiêu tốn không biết bao nhiêu tiền pháo và ngay từ chiều Ba mươi Tết pháo đã bắt đầu nổ : Pháo đốt để đón mời Ông Vải.

Trong ngày Tết, khi khách đến xông nhà, khách đốt mừng gia chủ bánh pháo ; gia chủ tiếp khách xông nhà cũng đốt mừng bánh pháo.

Mùi pháo thơm khét, xác pháo đỏ hồng bay theo chiều gió tượng trưng cho sự hân hoan của cả chủ lẫn khách.

Con cháu mừng tuổi ông bà, có khi cũng đốt mừng bánh pháo kèm theo những lời chúc tụng.

Các cụ già sau mấy vần thơ khai bút cũng đốt pháo.

Rồi Tết qua, khai trương cửa hàng đầu năm người ta đốt pháo ; các rạp hát khai diễn đầu năm để khán giả đi bói tuồng cũng đốt pháo.

Pháo đốt như thế nói chi đến Hội hè đình đám !

**Các loại pháo**

Pháo mật thiết với những ngày vui của dân quê, pháo làm cho không khí hội hè đình đám thêm đậm đà náo nhiệt.

Bởi vậy viết về Hội hè đình đám, chúng tôi không dám bỏ quên không viết mấy trang riêng về pháo, nhất là về các loại pháo thuở xưa, làm theo cách thức cổ truyền với thuốc pháo cổ truyền, được đốt theo tục lệ cổ truyền.

Pháo có nhiều loại, có thứ ngòi dọc, có thứ ngòi ngang, và cũng có thứ không ngòi.

Pháo ngòi ngang là loại pháo có ngòi cắm chênh chếch ở giữa bụng theo chiều dài, còn pháo ngòi dọc thì lỗ cắm ngòi được dùi ở một trong hai đầu pháo, có khi ở cả hai đầu như trường hợp pháo tam thanh.

Ở đầu pháo có dùi ngòi hoặc được bịt bằng si cho những pháo lớn, hoặc được gắn chặt, chèn chặt để pháo khỏi bật đầu khi nổ.

Pháo có thứ to, có thứ nhỏ, có thứ đốt từng chiếc một, có thứ đốt từng tràng.

*Pháo nến hoặc pháo đùng*

Đây là loại pháo to đốt từng tiếng một. Danh từ *pháo nến* do hình thù pháo trông giống một cây nến (đèn cầy) còn danh từ pháo đùng là do tiếng pháo nổ *đùng* một tiếng rồi hết. Pháo đùng có thể *ngòi ngang* hoặc *ngòi dọc.* Pháo này bên ngoài thường áo sắc đỏ màu tiết lê, bên trong được quấn bằng giấy, nhất là giấy nhật trình cũ. Cũng có khi áo

pháo dùng giấy màu ngũ sắc, lại có vấn trang kim trông thật rực rỡ đẹp đẽ xứng với ngày Xuân.

*Pháo tràng*

Pháo *tràng* là loại pháo nhỏ kết thành từng tràng. Muốn hết từng tràng, thợ làm pháo dùng một chiếc *ngòi cái* ở giữa. Những chiếc pháo nhỏ có ngòi dọc được kết vào chiếc ngòi cái này bằng ngòi của chúng, lần lượt chiếc này đến chiếc kia, ở cả một bên hoặc ở hai bên chiếc ngòi cái.

Khi đốt pháo, lửa châm vào ngòi cái, ngòi cái cháy, lửa truyền sang các ngòi con, những chiếc pháo sẽ theo nhau lần lượt nổ, như đạn ở một khẩu súng liên thanh, kên lên *lạch tạch, lạch tạch.*

Có khi người ta kết xen vào tràng pháo nhỏ những chiếc pháo đùng, khi đốt tràng pháo sẽ có những tiếng *lạch tạch đùng,* như giữa tràng súng liên thanh nổ vang một trái lựu đạn hoặc một tiếng súng đại bác vậy, *lạch tạch* do pháo nhỏ nổ, còn *đùng* do pháo lớn phát ra.

Pháo tràng được đóng thành từng bánh hình chữ nhật, hoặc khi nào tràng pháo thật dài, người ta đóng thành những bánh cối hình tròn, trông giống như hình chiếc cối đá giã cua. Những tràng pháo có xen lẫn những chiếc pháo đùng thường bao giờ cũng dài, nên luôn luôn được đóng thành bánh cối. Những bánh pháo đóng hình tròn được mệnh danh là những *tràng pháo cối* hoặc *tràng pháo ghép,* do sự ghép những quả pháo lớn trong đám pháo nhỏ. Pháo lớn dùng để ghép vào tràng pháo đều phải có ngòi dọc, ngòi ngang không thuận tiện cho sự ghép tràng.

*Pháo tép, pháo chuột*

Những pháo nhỏ, loại thật bé, mang tên là *pháo tép*, chỉ bé như con tép, hoặc *pháo chuột*, khi đốt, tràng pháo lắc lư như chuột nhảy, nhất là khi em bé đốt tràng pháo rồi vất

xuống sân, trông thực chẳng khác chi con chuột nhắt nhảy vậy.

*Pháo nhị thanh, pháo tam thanh*

Pháo *nhị thanh* hoặc *tam thanh* là pháo nổ hai hoặc ba tiếng liền nhau.

Làm những loại pháo này, người ta phải dùng những quả pháo đùng.

Làm pháo nhị thanh, người ta dùng một chiếc ngòi pháo hơi dài nối hai đầu pháo vào nhau, chiếc ngòi thông vào lòng cả hai quả pháo, một quả ở dưới và một quả ở trên. Để hai quả pháo khỏi rời nhau, người ta bọc ở ngoài một chiếc áo chung.

Quả pháo ở dưới, ngoài chiếc ngòi dọc nối liền với chiếc pháo ở trên còn có một chiếc ngòi ở ngang giữa bụng.

Khi đốt pháo, quả pháo đôi này được đặt đứng, quả pháo ngòi ngang ở dưới, vì cần để quả pháo có thể đặt đứng được, chiếc pháo này, đầu dưới được giữ nguyên, không ghim cặp lại, ngõ hầu mặt bằng như một chiếc đế. Lửa được châm vào chiếc ngòi ngang quả pháo dưới. Pháo nổ làm bắn tung quả pháo trên lên cao, đồng thời khi pháo nổ, lửa bắt vào thuốc và cũng bắt luôn vào chiếc ngòi ăn thông giữa hai quả pháo. Chiếc ngòi cháy, bắt vào thuốc của quả pháo trên, quả pháo này khi bắn tung lên trời cũng nổ theo quả pháo dưới. Hai tiếng pháo nổ cách nhau một vài tích tắc.

Thợ làm pháo đã khéo ghim đầu quả pháo dưới để khi nổ pháo sẽ bật đầu, và như vậy mới làm bắn tung được quả pháo trên lên cao. Muốn như vậy, thân quả pháo dưới phải quấn thật chặt, khi pháo nổ không bị vỡ bụng, và đầu đặt ở dưới đất tuy không ghim vào nhưng cũng phải chèn chặt thật kỹ, như vậy, khi pháo nổ bao nhiêu hơi mạnh dồn cả lên đầu phía trên của quả pháo, làm bật đầu và làm tung

quả pháo thứ hai lên cao. Đầu pháo ăn thông với quả pháo thứ hai chỉ được ghim vừa độ đủ giữ cho pháo nổ. Đây là tất cả sự khéo léo của người làm pháo.

Quả pháo thứ hai, bên trong thường được quấn bằng giấy màu, khi nổ tan xác ở trên cao, bay rắc xuống đất như những cánh bướm thật đẹp.

Làm pháo *tam thanh,* người ta gắn vào quả pháo thứ hai, một quả thứ ba. Một chiếc ngòi ăn thông giữa hai quả pháo này sẽ tryền lửa, khi pháo nổ, ở quả pháo thứ hai sang quả pháo thứ ba. Quả pháo thứ ba cũng nổ ở trên cao và cũng tung xác ngũ sắc phấp phới bay xuống như những cánh bướm.

Người ta không làm pháo tứ ngũ thanh trở lên, có lẽ vì quả pháo dưới cùng không đủ sức mạnh để làm bắn tung tất cả mấy quả pháo lên trên cao, hoặc có lẽ vì muốn nghe pháo nổ nhiều hơn đã có pháo tràng, pháo tép.

*Pháo thăng thiên*

Đúng như tên gọi, pháo *thăng thiên* khi đốt thì vụt lên trời đánh *sẹt* với một tia sáng, và khi lên đến trên cao thì nó thường nổ một tiếng đùng.

Pháo thăng thiên thường chỉ đốt ban đêm để thưởng thức vết *sẹt* sáng đẹp đủ mọi màu trước khi thưởng thức tiếng nổ.

Pháo này, ngày nay tại các nước văn minh người ta chế tạo rất khéo, nhưng xưa kia, ta vẫn thường chế lấy bằng những ống nứa tép hoặc những ống tre nhỏ.

Ống nứa, ống tre này một đầu có đốt, còn đầu kia người làm pháo bịt bằng giấy hoặc bằng miếng sắt có dùi lỗ để thông ngòi qua.

Ống nứa hoặc ống tre này được cắt ngang nhưng không cắt đứt để còn vót chiếc đuôi dài dính liền vào pháo. Lúc

đốt chiếc đuôi này chúc xuống đất. Thuốc pháo được nhồi vào ống nứa hoặc ống tre cho thật chặt.

Lúc đốt pháo thăng thiên,một chiếc que nhỏ được ghép vào chiếc pháo, rồi chiếc pháo được cài vào một cành ngang, thường cũng là một thanh tre nhỏ và mảnh, đuôi pháo chúc xuống đất.

Sau đó, lửa được châm vào ngòi, ngòi được bắt vào thuốc pháo. Thuốc pháo vì bị lèn chặt xì xuống phía đuôi, tạo nên một phản lực, và phản lực này đẩy bắn chiếc pháo lên trời. Lúc lên đến trên cao, ống tre đã bớt thuốc, sức lèn chặt không còn nữa, thuốc nổ tung ra, do đó khi đốt pháo thăng thiên ta thấy một vệt sáng bốc lên, rồi kế tiếp là một tiếng nổ.

Dân ta thường đốt pháo thăng thiên trong đêm giao thừa và trong những đêm có hội hè.

**Mấy thứ pháo không ngòi**

Từ trên chúng tôi trình bày về những pháo có ngòi, khi đốt cần phải châm lửa vào ngòi, pháo mới sẹt hoặc nổ.

Ngoài những pháo có ngòi, còn những pháo không ngòi, và muốn cho pháo nổ, không cần đốt mà cần tới những động tác khác : ấy là pháo *đập* và pháo *xiết.*

*Pháo đập*

Pháo này còn được gọi là pháo *ném.* Danh từ pháo *đập* hay pháo *ném* đều do động tác khi làm cho pháo nổ mà gọi nên.

Pháo đập hay pháo ném không có ngòi. Muốn cho pháo kêu chỉ việc đập pháo xuống đất hoặc ném mạnh pháo vào tường vào cột, tức khắc pháo nổ tung, xác bay phấp phới chẳng khác gì khi đốt một chiếc pháo nến.

Pháo đập trong ruột có một thứ thuốc rất mạnh, thường trước đấy là chất chlorate de potasse và có những hòn sạn

nhỏ. Khi pháo bị ném vào tường hoặc đập xuống đất, những hòn sạn trong lòng cọ sát vào nhau bật ra lửa, lửa bốc vào thuốc, nhờ đó pháo nổ.

Làm pháo đập nguy hiểm lắm, vì thuốc pháo chính là chất nổ. Nhiều người tử thương khi làm loại pháo này, vô ý để cho thuốc nổ.

Năm I924, tại làng Thị Cầu, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh đã có hai người là ông Trịnh Tẩu và Nguyễn Xoan chết vì làm pháo đập, vô ý để thuốc nổ. Ông Nguyễn Xoan bị cháy sém chết, còn ông Trịnh Tẩu, người bị tung ra từng mảnh như trúng hoả tiễn.

*Pháo xiết*

Pháo này cũng không có ngòi, cũng không cần đốt, là một thứ pháo dành riêng cho các trẻ em.

Muốn cho pháo nổ, chỉ cần xiết mạnh vào bờ tường, sàn gạch, hoặc bất cứ một nơi nào cứng là pháo nổ. Pháo làm bằng lân tinh, pha lẫn với thuốc pháo và giấy hồng, đóng thành những bánh tròn nhỏ. Khi pháo nổ thường để lại những vệt sáng của lân tinh. Pháo không nổ to, chỉ kêu lẹt đẹt.

Chơi pháo xiết không nguy hiểm, nhưng làm pháo xiết rất khó khăn nên trước đây không được sản xuất ở trong nước phải nhập cảng ở ngoại quốc.

Tuy pháo xiết chơi không nguy hiểm, nhưng ở pháo xiết lại có sự nguy hiểm khác : nhiều người dùng pháo xiết để tự tử. Chất lân tinh uống vào đốt cháy ruột và cơ thể con người, người nào đã nuốt pháo xiết, khó mà cứu được.

Năm I952, Chính quyền Quốc gia tại Bắc Việt trước nạn tự tử bằng pháo xiết đã cấm bán loại pháo này.

**Một vài loại pháo không nổ**

Thường ra đã gọi là pháo thì phải nổ, không nổ to thì nổ nhỏ, tuy nhiên cũng đã có những thứ cũng được gọi là pháo mà không nổ : pháo dây, pháo hoa cà, hoa cải, pháo bông v.v…

*Pháo dây*

Đây là một sợi dây dài bằng giấy mỏng có tẩm thuốc pháo, khi đốt lên trong đêm tối bật ra những ánh sáng và hoa lửa rất đẹp. Trẻ em vẫn chơi đốt pháo trong đêm tối. Mỗi năm, tết đến, loại pháo này thường được các hàng tạp hoá bán thành từng bó.

Cũng có khi pháo dây là một mảnh giấy dài hẹp được xe xoắn lại, bọc thuốc trong những nếp xe.

Trẻ em khi đốt pháo dây, thường vung lên thành những vòng tròn, hoa lửa ở thuốc pháo bắn sáng ra. Pháo có thể có nhiều mầu tuỳ theo thuốc pha.

*Pháo hoa cà, hoa cải*

Là một thứ pháo khi đốt lên toả ra những ánh sáng bắn thành những tia giống như hoa cây cà hoặc cây cải.

Làm pháo này, người ta dồn thuốc vào một ống tre hoặc ống nứa thật chặt. Trong thuốc có pha thêm bụi nhọ chảo, bụi gang, bụi đồng hoặc bụi kim khí khác.

Ống tre hoặc ống nứa dùng làm pháo một đầu có đốt, còn đầu kia được gắn bằng giấy có ngòi.

Khi đốt pháo, thuốc pháo bị lèn chặt không nổ được, vụt toả lên đầu không có đốt của ống tre hoặc ống nứa, như những bông hoa có màu xanh, màu đỏ, màu vàng, màu bạc v.v… Những màu này sở dĩ có, do ở bụi nhọ chảo, bụi gang, bụi đồng… sinh ra.

Lúc đốt, đầu ống tre hoặc ống nứa có đốt để phía dưới, còn đầu kia chĩa lên trên để thuốc bắn toả ra.

Cũng như pháo thăng thiên, pháo này chỉ đốt trong đêm tối, nhất là đêm giao thừa và những đêm Hội hè đình đám.

*Pháo bông*

Pháo bông được đốt trong những ngày hội, toả ra những hình đẹp được thợ làm pháo kết sẵn với đủ các màu. Thỉnh thoảng cũng có phát ra một vài tiếng nổ, trước khi có những hình bằng ánh sáng.

Pháo đốt trong đêm tối. Loại pháo này là pháo của thành thị và mới có trong những thời gian sau này.

*Thuốc pháo*

Pháo kêu nhờ thuốc. Nói đến pháo cổ truyền của Hội hè đình đám, chúng tôi xin được phép nhắc tới thuốc pháo người xưa thường dùng. Ta trước đây chế thuốc pháo bằng ba chất :

- *Diêm trắng* hoặc *diêm tiêu* (Salpêtre)

- *Diêm vàng* hoặc *diêm sinh* hoặc *lưu hoàng* (Soufre)

- *Than* (Charbon).

Ba thứ trên hoà lẫn với nhau theo một tỷ lệ ấn định sẽ thành thuốc pháo hay thuốc ngòi, tỷ lệ trong thuốc pháo không giống trong thuốc ngòi.

Thuốc pháo cần nổ mạnh, kêu ròn tiếng và làm tan xác pháo.

Thuốc ngòi phải xì xì không nổ, khiến cho ngòi pháo cháy dần ăn vào ruột pháo.

Dưới đây là tỷ lệ ba chất trên để chế thuốc pháo :

- Diêm trắng : 7l% – l kg 050

- Diêm vàng : 2% – 0 kg 050

- Than : 27% – 0 kg 700

Và đây là tỷ lệ ba chất ấy để chế thành thuốc ngòi :

- Diêm trắng : 7I% – I kg 050

- Diêm vàng : I5% – 0 kg 400

- Than : I4% – 0 kg 350

Qua hai sự pha trộn các chất trên ta thấy rằng, muốn cho pháo nổ phải có nhiều diêm trắng và than.

Để pha thuốc của loại pháo hoa cà hoa cải, pháo dây, người làm pháo thay đổi tỷ lệ trên và pha thêm các chất bụi kim khí vào.

Ba chất trên khi chế thuốc phải được tán nhỏ, thứ nào riêng thứ đó, rồi sau mới đem trộn lẫn, nhưng trước khi trộn cần phải rây để lọc ra những hạt to. Thuốc ngòi phải rây kỹ hơn thuốc pháo.

Than dùng trong việc làm pháo, xưa ta vẫn dùng than gỗ thông, gỗ xoan hay gỗ gạo. Gỗ gạo được kén hơn cả vì than nhẹ.

Dùng than làm ngòi pháo, có người kén than lá tre. Dùng thứ than này thuốc ngòi nhạy lắm.

Loại thuốc pháo kể trên là loại thuốc cổ truyền, và các nhà làm pháo ngày trước gọi là *thuốc pháo* để phân biệt với thứ thuốc pháo sau này được đắc dụng, thường là chất nổ nguy hiểm, được gọi là *thuốc pháo tây.*

Dùng *thuốc pháo* ta tuy tốn công nhưng đỡ lo ngại tai nạn thuốc nổ, tuy nhiên người thợ làm pháo cũng cần phải có những sự cẩn thận tối đa. Khi pha thuốc phải tránh xa ngọn lửa, gần lửa, những bụi thuốc pháo bay ra có thể bùng cháy, và khiến cho cả mẻ thuốc cháy theo gây nên tai hoạ.

Khi tán thuốc pháo cũng phải coi chừng đừng để lẫn sạn sỏi vào thuốc, sự cọ sát của sạn sỏi vào chầy tán và cối thuốc có thể làm bật lửa và gây nguy hiểm.

Đây là nói về thuốc pháo ta, còn thuốc pháo tây thì nguy hiểm lắm. Để quá nóng, hấp hơi cũng có thể bị nổ được, sự cọ sát đụng chạm nhỏ cũng có thể gây ra tai nạn. Những tai nạn đã xảy ra tại Gò Vấp trong mấy năm I958, I959 trước đây đã chứng minh điều nầy. Và mấy nạn nhân chúng tôi kể ở trên là các ông Trịnh Tẩu và Nguyễn Xoan đều bị tai hoạ do *thuốc pháo tây* gây ra.

Trước năm I925, nghề làm pháo được tự do nên dân chúng có nhiều nơi làm pháo, như ở Bắc Ninh có làng Thị Cầu, làng Đông Kỵ, ở Hà Đông có làng Bình Đà, ở Hải Dương có làng Vĩnh Bảo, và ở Trung Việt tại các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, có nhiều làng làm pháo thăng thiên và pháo bông.

Nhưng về sau chính quyền Pháp thấy ở nghề làm pháo một mối lợi có thể dành cho kiều dân của họ, nên đã dựa vào những tai nạn xảy ra, đặt ra luật lệ hạn chế việc làm pháo, bắt phải có xưởng, phải có sự kiểm soát và trăm nghìn thứ bó buộc khác, ngoài việc đống *thuế pháo.*

Dân quê nghèo lấy đâu tiền để theo đủ luật lệ ấn định, nghề làm pháo trong dân gian mất từ đó, và người ta đã thấy xuất hiện ở Đáp Cầu một nhà máy pháo của người Pháp và ở Bình Đã một xưởng làm pháo của một người được chính quyền Pháp nâng đỡ. Thợ làm pháo ở nhà máy Đáp Cầu đều là người làng Thị Cầu, ở sát liền ngay Đáp Cầu, trước đây vẫn làm pháo tự do, còn thợ làm pháo ở xưởng pháo Bình Đã đều là những người dân chuyên nghề làm pháo ở làng này trước.

Thời thế đổi thay, mấy năm đầu sau hiệp định Genève, một số dân di cư có làm pháo tại Gò Vấp và Hố Nai, nhưng về sau trước tình hình đất nước, tuân lệnh của Chính Phủ, những người làm pháo đã đổi nghề để chờ ngày đất nước thống nhất thanh bình.

Pháo được đốt nhiều trong Hội hè đình đám !

Ngày nay, nhiều nơi Hội hè đình đám không còn nữa, tất nhiên tiếng pháo cũng không còn.

# CHIẾN ĐẤU TÍNH TRONG MỘT SỐ CÁC CỔ TỤC VIỆT NAM

Dân tộc Việt Nam sống bên cạnh nước khổng lồ Trung Hoa, đã luôn luôn phải chiến đấu để tự tồn, rồi trước sức mạnh của phương Bắc, tổ tiên chúng ta đã phải lùi về phương Nam.

Khi mới đặt chân tới đất nước ngày nay, nơi đây nếu không phải là núi rừng cằn cỗi thì cũng là những đồng lầy hoang tịch. Muốn sống chúng ta phải tranh đấu, chống cự lại người Tàu ở miền Bắc, dần bành trướng về miền Nam. Chống cự với người, tổ tiên chúng ta lại phải chống cả thiên nhiên để biến tạo một phần núi rừng và cánh đồng lầy phương Nam thành ruộng đất phì nhiêu ngõ hầu cung ứng hoa màu nuôi sống được dân số. Tổ tiên chúng ta đã thắng vì bước chân Nam tiến của người Trung Hoa phải ngừng lại ở Nam Quan, và nước ta cố giữ vững biên cương trong vùng giáp giới ba tỉnh Vân Nam, Quảng Đông và Quảng Tây của người Tàu. Chúng ta cũng lại đã thắng thiên nhiên, khai thác được cả một vùng rừng núi lẫn đồng lầy của châu thổ hai sông Hồng Hà và Thái Bình, chế ngự được cả cái rét cắt ruột của mùa đông, lại chịu được cái nóng thiêu đốt của mùa hạ. Tinh thần đấu tranh của dân tộc ta vững bền trải qua bao nhiêu thế hệ, và chính nhờ tinh thần đấu tranh, dân tộc ta đã vững nuôi ý chí quật cường đủ ngăn chặn mọi cuộc xăm lăng từ phương Bắc và dần dần mở rộng cõi bờ về phương Nam.

Chúng ta đã vùng vẫy chiến đấu, thoát ách đô hộ hơn một ngàn năm của người Tàu, và chúng ta luôn nổi dậy trong tám chục năm thống trị của người Pháp.

Dân tộc Việt Nam luôn luôn có tinh thần chiến đấu, và chiến đấu tính đã được thể hiện trong rất nhiều cổ tục của ta,

những cổ tục này mỗi năm với dịp Hội hè đình đám được biểu diễn lại như nung nấu ý chí quật cường, như nuôi dưỡng sức đấu tranh bền bỉ của dân ta. Thực vậy, những cổ tục đầy chiến đấu tính, và ta có thể nói thêm, đầy thể thao tính theo danh từ mới ngày nay, đã luôn luôn duy trì, biểu dương và phát huy tinh thần thượng võ, do đó có ý chí quật cường, bất khuất của người Việt Nam.

Đọc lại lịch sử Việt Nam chúng ta thấy từ ngày lập quốc, lịch sử đất nước chỉ là một sự tranh đấu liên tiếp chống lại mọi dân tộc đã đe doạ sự sống còn của dân tộc ta.

Những cổ tục nặng mang chiến đấu tính, được dân ta gọi là *chiến đấu hí,* trò chơi đánh nhau, chính là một phương sách để nuôi dưỡng tinh thần thượng võ trong thời bình. Sự nuôi dưỡng này nhiều khi đã được bộc lộ bằng những trò chơi mạnh mẽ, kịch liệt đến thô bạo như tục *Quật Bò ở* xã Tích Sơn, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Yên, hoặc như tục *Đánh Bệt ở* xã Kẻ Noi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, hoặc như tục *Đánh nhau thật sự* của ba xã Yên Lũng, Vân Lũng và Yên Thọ với xã Thượng Ốc, bốn xã này đều thuộc tỉnh Hà Đông, hoặc như tục *Đấm nhau* của dân Duyên Tục, phủ Tiên Hưng, tỉnh Thái Bình. Bên những cổ tục với chiến đấu tính biểu lộ một cách kịch liệt đến thô bạo, có những cổ tục cũng nặng mang chiến đấu tính, nhưng chiến đấu tính ở đây được thể hiện dưới hình thức như những cuộc tranh đấu thể thao ngày nay : Tục *Đánh phết ở* làng Thượng Lạp, phủ Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Yên, tục *Đánh vật* tại các Hội hè vùng Vĩnh Yên, Bắc Ninh, Hà Đông, Nam Định, tục đánh *Trung Bình Tiên* tại các hội quê, tỉnh Thái Bình, Vĩnh Yên, tục *Thi thuyền* tại xã Bạch Hạc, huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên hoặc xã Văn Trưng, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên v.v…

Dưới đây chúng tôi xin trình bày một số các cổ tục có chiến đấu tính mà chúng tôi biết, chúng tôi mong được bạn đọc chỉ dẫn cho thêm, vì đây là vấn đề văn hoá, có liên quan

đến sự phát huy và bảo tồn những cái hay cái đẹp của dân tộc cũng như tới sự loại trừ gạn lọc những điều không còn phù hợp với nếp sống tân tiến ngày nay.

Chúng tôi cũng xin nói thêm, qua những cổ tục đầy chiến đấu tính này, dân tộc chúng ta đã có một tinh thần ganh đua, ganh đua để cầu tiến, không phải ganh đua để thỏa mãn tính hiếu thắng. Có tinh thần ganh đua, tất nhiên ganh đua để sao cho được hơn người, với tinh thần này, chúng ta sẵn sàng chuẩn bị để đối phó với mọi biến cố, nhất là những cuộc xâm lăng của ngoại tộc. Nói như vậy không phải là dân Việt Nam chúng ta hiếu chiến, dân ta không hiếu chiến mà trái lại rất ưa chuộng hoà bình, sự ưa chuộng hoà bình này đã hiển hiện trên các địa danh của đất nước ta suốt từ Nam ra Bắc : Biên Hoà, Nghệ An, Hoà Bình, Cao Bằng, Kiến An v.v…

Ưa hoà bình nhưng nỗ lực chiến đấu khi cần thiết và để chuẩn bị cho sự nỗ lực này, dân ta nuôi dưỡng tinh thần thượng võ qua một số các cổ tục.

**Kéo co**

Đây là một cổ tục cổ võ tinh thần thượng võ cố hữu của dân tộc. Cũng như những thú vui chuộng võ khác của Việt Nam, đánh vật, đánh trung bình tiên, bơi chải v.v… tục kéo co xuất hiện ở rất nhiều hội quê, nhất là ở miền Bắc, và rất được dân chúng tán thưởng. Tục kéo co ở mỗi nơi thường được chơi một lối khác nhau, nhưng bao giờ trong tục này, những người tham dự cũng vẫn chia làm hai bên, hai bên cùng dùng sức khoẻ để kéo cho được bên kia ngã về phía mình. Có khi hai bên đều là đàn ông, con trai, có khi bên nam bên nữ, trong trường hợp bên nam bên nữ, dân làng thường chỉ kén những trai gái thanh tân chưa chồng chưa vợ.

Làng Hữu Trấp tục gọi là làng Chắp, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, hàng năm mở hội vào ngày mồng bốn tháng

Giêng. Trong các trò vui có tục Kéo Co giữa hai bên trai gái trong làng.

Kéo Co được thể hiện như sau :

Một cột trụ để ở giữa sân đình, có dây thừng buộc dài ra hai phía. Thanh niên nam, nữ trong làng, trai một bên, gái một bên, xúm nắm lấy dây thừng để kéo. Một vị chức sắc hoặc bô lão trong làng cầm trịch ra lệnh cho đôi bên. Nam nữ đều ra sức kéo, kéo sao cho cột trụ ngã về bên mình là thắng.

Đây là một sự ganh đua tận lực của đôi bên, bên nào cũng muốn được nên cuộc kéo co rất là gay go ! Chẳng lẽ bên trai chịu thua bên gái sao ? Bên gái cũng phải cố gắng, kẻo mang tiếng bị bên trai bắt nạt !

Kéo Co phải kéo ba keo, bên nào thắng hai keo là bên ấy được.

Trong lúc đôi bên kéo co, dân làng và khách đi xem hội đứng ngoài cổ võ. Họ như cùng chia xẻ sự cố gắng của đôi bên, nên họ reo hò khuyến khích bằng những tiếng *dô ta, cố lên.*

Có năm trai thắng, có năm gái thắng, nhưng dù bên nào thắng thì cuộc vui cũng rất là vui, vui ở sự ganh đua, vui ở sự nỗ lực, vui ở những tiếng hò reo khuyến khích.

Làng Tích Sơn, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Yên cũng có tục kéo co. Làng này mở hội vào ngày mồng ba tháng Giêng. Trong ngày hội, có nhiều tục lệ khác nhau ngoài tục kéo co.

Ở đây, kéo co được diễn ra giữa đàn ông với đàn ông. Làng có hai giáp, thanh niên hai giáp kéo co với nhau trong ngày hội ở ngay bãi ruộng trước sân đình. Để kéo co, ở đây không có cột trụ và dây thừng, mà dân làng lại dùng một sợi dây song dài.

Lúc kéo co, kể từ giữa sợi dây, tráng đinh hai giáp xúm vào nắm hai đầu dây rồi cùng cố kéo cho đối phương ngã về phía mình. Số người của hai giáp không hạn chế, bên nào nhiều ít cũng được, cốt sao cho thắng cuộc thì thôi. Bởi vậy, nhiều khi có giáp thua cuộc đầu, cuộc thứ hai dân trong giáp tăng cường thêm tráng đinh, nên có thể thắng được hai cuộc sau. Ở đây cũng kéo co ba keo, giáp nào thắng hai keo là thắng. Người ta tin rằng những trai đinh dự cuộc kéo co đầu năm thắng cuộc, quanh năm sẽ được gặp nhiều điều may mắn.

Cuộc ganh đua giữa hai giáp trong làng do đó rất gay go và tráng đinh hai giáp đều hăng hái đem sức mình để kéo cho được đối phương. Cuộc kéo co ngoài các cụ và các quan viên trong làng chứng kiến còn có thiên hạ tới xem hội vây quanh. [1]

Sau ba keo kéo co, dân làng đốt một bánh pháo để mừng bên thắng, và các cô gái trong làng cũng không ngớt ngợi khen những chàng trai thắng cuộc !

Còn nhiều nơi khác có tục kéo co. Có nơi người ta không dùng cột trụ hoặc dây song, hoặc bất cứ một vật gì, người ta lấy tay người và lấy sức người trực tiếp kéo co. Hai người đứng đầu hai bên nắm lấy tay nhau, tay phải người nọ nắm tay trái người kia, còn các người sau ôm vào bụng người trước để kéo, bên nào kéo được đối phương về bên mình là được. Đang giữa cuộc, một người ở bên nào bị đứt dây là thua bên kia, vì sức kéo bị giảm đi và chỗ dây đứt chưa kịp nối lại, nghĩa là người tuột tay chưa kịp ôm lại người đằng trước thì bên mình đã bị thua. Hai người đứng đầu gọi là hai người đầu dây, hai người này phải là hai người khoẻ mạnh.

**Trung bình tiên**

Trung bình tiên là một cây gậy dài, khi sử dụng người chơi gậy đứng ở trung bình tấn, nghĩa là đứng giang hai chân,

đầu gối khuỵu xuống.

Đây là một cổ tục, nhưng chính ra là một môn thể thao, khi chơi hai người đấu với nhau, rất được thanh niên đồng quê ưa chuộng.

Cây Trung bình tiên dài vào khoảng hơn hai thước, lúc đấu người ta gọi là đấu roi, có những miếng đánh miếng đỡ, nước tiến nước thoái để lừa địch thủ.

Thường tại các hội quê, khi có đấu trung bình tiên dân làng đều có treo giải như giải đánh vật hoặc giải bơi thuyền hoặc như nhiều cuộc vui xuân khác vậy. Các võ sĩ dự cuộc đấu roi, vì giải thưởng thì ít, vì tinh thần thượng võ, nhất là vì danh dự của từng *lò roi* thì nhiều. Hai tiếng *lò roi* để chỉ những tay chơi trung bình tiên xuất thân ở một xã nào, hoặc ở một nhóm nào, có người huấn luyện chỉ dẫn.

Đánh Trung bình tiên, đánh tay đôi, ai đánh trúng địch thủ vào những chỗ hiểm và đánh trúng nhiều được coi là thắng.

Trong cuộc đấu, chiếc gậy thường được bịt giẻ ở đầu để tránh sự nguy hiểm cho các đấu thủ. Đầu bịt giẻ được nhúng vào nước vôi trắng, để một khi địch thủ nào đánh trúng đối phương sẽ có dấu vết để lại. Vết vôi ở người mỗi địch thủ giúp cho ban giám khảo xét định hơn thua. Trận đấu gồm nhiều hợp và mỗi hợp tính theo những động tác của các đối thủ.

Chơi Trung bình tiên phải luyện tập rất công phu. Chân tay phải cứng cáp : mắt phải nhanh để lúc giao đấu thấy rõ những đòn của đối phương mà liệu biết đường tiến thoái, thấy rõ sơ hở mà tấn công cũng như nhận rõ những đòn mạnh mà tránh né.

Trung bình tiên được hầu hết thanh niên miền quê luyện tập, nhưng thịnh hành nhất là ở các xã Ô Mễ, Phúc Khánh, Đại Lai huyện Vũ Tiên, một số lớn các xã huyện Thư Trì,

tỉnh Thái Bình, các xã thuộc phủ Vĩnh Tường và huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Yên.

Những cuộc đánh roi ngoạn mục và hào hứng của các tay roi danh tiếng, hàng năm thường diễn ra ở xã Ô Mễ, huyện Vũ Tiên vào ngày mồng 6 tháng Giêng, trong ngày hội xã này. Những người ưa chuộng môn đánh roi thường kéo nhau tới thưởng thức, hoặc những tay có nghề cũng cao hứng thử một vài đòn.

Tục truyền rằng thú đánh roi trung bình tiên này có từ đời Vạn Thắng Vương Đinh Bộ Lĩnh. Để luyện tập ba quân và để nhớ lại thời kỳ *cờ lau tập trận* của mình, vua Đinh Tiên Hoàng đã bắt ba quân phải luyện tập môn đánh roi.

Trung bình tiên gặp kỳ Xuân, giúp vui cho hội làng, nhưng đây cũng là một môn võ nghệ để thanh niên luyện tập ngõ hầu tự vệ lấy mình lúc cần, hoặc chống lại những bọn cướp vào phá xóm làng, hoặc gặp khi trong nước có loạn, ngày xưa, những thanh niên này đã sẵn có một môn võ khi xung vào quân ngũ.

**Đánh vật**

Tại các hội xuân hầu hết các tỉnh miền Bắc, nhất là mấy tỉnh Bắc Ninh, Vĩnh Yên, Nam Định, Hà Đông, thường có những cuộc *đấu vật,* đấu vật còn gọi là *đánh vật, hay chọi vật.*

Những làng có những tay vật danh tiếng là Chung Màu tỉnh Bắc Ninh, Vị Thánh tỉnh Vĩnh Yên, Mai Động tỉnh Hà Đông, Thức Vụ và Lương Xá tỉnh Nam Định.

Nếu những môn chiến đấu hí khác với đầy tinh thần thượng võ của ta, có môn chỉ dùng để giải trí trong những ngày hội như kéo co, đánh phết thì đánh vật là môn chiến đấu hí dân ta luyện tập rất siêng năng để mua vui trong thời bình, và đem ứng dụng trong thời loạn, nhất là khi trong nước có ngoại tộc xâm lăng.

Vật có thể gọi được là một môn thể thao, khi chơi phải dùng sức, nhưng cũng phải biết những thế vật gọi là *miếng*, do đó, vật cũng lại chính là một môn võ nghệ vậy.

Một tay đô vật tài giỏi, không phải chỉ cần khoẻ, lại cần phải nhanh nhẹn để có thể thi thố được những miếng vật đối với đối phương.

Lệ vật, muốn thắng được đối phương hoặc phải vật cho đối phương ngã ngửa trắng bụng hoặc đội bổng được đối phương lên.

Tại những hội quê như ở làng Hội Hợp huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Yên, mở hội vào các ngày I5 tháng Giêng, làng Mai Động tỉnh Hà Đông mở hội vào các ngày mồng bốn, năm và sáu tháng Giêng v.v… là những làng có đô vật, thường bao giờ cũng có những giải vật. Vật có nhiều giải phụ và ba giải chính. Những giải phụ gọi là giải *hàng*. Vật giải hàng, cứ hai đô vật vật nhau, người nào thắng thì được giải. Những giải chính hàng năm đều có người giữ giải, người giữ giải tuỳ theo giải nhất, giải nhì, hoặc giải ba, phải giữ trong hết thời gian mở hội, nếu không có người thắng mới được lĩnh giải. Thường những giải chính của các hội làng chỉ vật vào những ngày chính hội. Trong ngày chính hội này, nếu có nhiều người phá giải thì người giữ giải nhất nhì hoặc ba, sau khi vật thắng được một số đô vật tuỳ theo mỗi giải sẽ được tuyên bố trúng giải. Giữ giải nhất thì phải vật được ít nhất sáu đô vật khác, giải nhì phải vật được năm và giải ba vật được bốn.

Người phá giải, sau khi đã vật thắng người giữ giải, không phải là được giải ngay, mà còn phải vật ngã thêm một số đô vật khác. Phá giải nhất phải thắng thêm bốn người, giải nhì ba người và giải ba hai người.

Đô vật khi dự vật mình trần trùng trục và chỉ đóng một chiếc khố, khố xanh, đỏ, trắng hoặc nâu tuỳ ý, nhưng không ai

đóng khố vàng, màu vàng là màu của nhà vua, màu cấm dân gian dùng.

Trước khi vật, hai đối thủ cùng nhau lên đài, múa tay co chân, đi đi lại lại rình miếng lẫn nhau. Sau một hồi lên đài họ xông vào ôm lấy nhau vật.

Trong lúc các đối thủ vật nhau có người phất cờ và đánh trống. Người đánh trống cầm một chiếc trống khẩu ghé vào tai các lực sĩ đánh ba tiếng mộ như để khuyến khích và thúc giục. Người phất cờ cầm cây cờ cán dài để ngăn cản người xem khỏi lấn sân vật, và phất cờ theo nhịp trống khi có người thắng cuộc để nâng giá trị của người thắng.

Đối với ba giải chính, phá xong mỗi giải, hoặc do người giữ giải đã vật đủ số người theo lệ định, hoặc do người phá giải đã toàn thắng, dân làng thường đốt một bánh pháo toàn hồng để mừng người được giải.

Lúc vật, đôi khi có những đô vật lỡ miếng, liền nằm bò sát đất, mặc cho đối phương vần bốc, và đô vật chỉ nhổm dậy khi đối phương hở cơ.

Đánh vật có những miếng *ngáng*, miếng *đệm* làm cho đối phương ngã xuống, lại có những miếng *bốc* để nhắc bổng đối phương lên.

Xem vật, khán giả thường hồi hộp như chính mình là lực sĩ, và các lực sĩ trước hàng trăm con mắt của người xem, ai nấy đều cố gắng khiến cuộc vật càng gay go.

Trước khi vào cuộc, các đô vật mình trần đóng khố ngồi xếp thành hai hàng ở hai bên sân vật, sân vật thường ở trước sân đình. Mỗi lần dự một cuộc vật, họ thường hướng về phía đình làm lễ theo tục lệ.

Tục truyền rằng, bà Lê Chân nữ tướng tiên phong của hai bà Trưng, xưa kia đã dùng môn vật trong những cuộc thi binh tuyển tướng. Cũng vì vậy, nên làng Mai Động mỗi khi

mở hội là có các cuộc thi vật, chính là dân làng muốn ghi nhớ lại kỷ niệm của bà Lê Chân thuở trước.

Về đánh vật, không bỏ qua được tục đánh vật ở làng Sình, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên. Làng mở hội vào ngày I0 tháng Giêng âm lịch. Trong ngày hội có tục đấu vật. Theo dân làng kể lại thì ngày đấu vật, trước đây, làng sắm hai cỗ áo quan đặt hai bên đấu trường. Cuộc đấu vật thật là kinh khủng, kết cục cuộc đấu thế nào cũng có người chết, dân làng gọi là chết để cúng Thành Hoàng. Quan trên nhiều lần cấm lệ vật tàn nhẫn này nhưng không được, mãi về sau dưới thời Pháp thuộc tục vật sát nhân mới dần được dân làng tự phá lệ bỏ đi.

**Đá cầu**

Cầu một môn du hí có tính cách ganh đua, và bắt người tham dự phải luôn luôn cố gắng. Chơi cầu có hai loại, loại cầu lớn đá lên cho cao, và loại cầu nhỏ đá cho lâu và được nhiều lần không rớt xuống đất.

Cầu lớn, người xưa dùng một đồng tiền lớn hoặc một mảnh kim khí cắt tròn đường kính vào cỡ hai đốt ngón tay bọc vải, có khi lót thêm một vài lượt vải hoặc bông. Cầu khâu kỹ và có hai chiếc lông gà lớn cắm vào giữa. Người chơi tung cầu rồi đá sao cho lên thật cao, càng lên cao bao nhiêu càng thành công chừng ấy.

Loại cầu nhỏ hoặc khâu bằng một đồng tiền nhỏ và có một hai chiếc lông gà nhỏ cắm vào giữa làm ngọn cầu, hoặc chỉ làm bằng một mảnh đồng tiền kẽm bọc vào một mảnh giấy mỏng, hai đầu mảnh giấy vuốt đứng lên thành ngọn cầu.

Cầu nhỏ này, lúc chơi đá sao cho được nhiều lần, càng được nhiều lần càng hay.

Chơi cầu dù đá cao hay đá nhiều lần cũng thường chơi từ hai người trở lên để có sự ganh đua. Thanh niên vùng quê thường lấy chơi cầu làm một thú giải trí, thứ giải trí vừa

luyện tập sự nhanh nhẹn của chân lại vừa bồi dưỡng tinh thần cố gắng của người chơi.

Về chơi cầu, sử có nhắc lại một buổi chơi cầu trên Hồ Tây được vua Lê chúa Trịnh cùng thưởng lãm vào một đêm rằm tháng tám.

Hồi đó, họ Trịnh vừa bình xong nhà Mạc. Trịnh Tạc muốn tỏ cho vua Lê biết binh quyền của mình mạnh, năm Vĩnh Hựu thứ 7, Trịnh Tạc cho tổ chức một cuộc duyệt thuỷ binh tại Hồ Tây vào hôm Trung Thu.

Ban ngày, binh thuyền diễn tập, ban tối có cuộc thưởng trăng.

Trong buổi duyệt binh cũng như trong cuộc thưởng trăng, Trịnh Tạc nhân danh Tiết chế nguyên soái các đạo quân thuỷ lục mời vua Lê tới ngự duyệt.

Vua Lê Thần Tôn tuy ra chơi hồ Tây nhưng chỉ vui gượng vì xưa nay vẫn bị Trịnh Tạc lấn quyền áp bức. Không dự e họ Trinh nghi ngờ sinh bất trắc, bởi vậy nhà vua đã phải tham dự suốt buổi và sau cuộc duyệt binh đã phải ngợi khen để lấy lòng Trịnh Tạc.

Vua ngự thuyền rồng, tứ vi có đèn lồng thắp sáng. Yến tiệc bày ở giữa có thể nữ ca hát.

Trong hàng các quan tham dự có Đỗ Như Chương, một bày tôi tâm phúc của Trịnh Tạc là người đá cầu rất giỏi, có thể đứng một chân, còn một chân đá một lúc mấy nghìn quả.

Giữa cuộc vui, Như Chương tâu xin vua, chúa cho được đem chút tài mọn để mua vui.

Vua chúa đều bằng lòng.

Đỗ Như Chương bắt đầu đá chúc thọ vua Lê. Ông đá được hàng nghìn chưa rớt.

Vua Lê khen nói : « Giỏi thật ! Nhưng thôi, chúc thọ cho trẫm hàng ngàn tuổi cũng đã sống lâu quá rồi, còn mong sống mãi để ăn hại của đời hay sao ! »

Như Chương dừng lại cúi đầu tạ ơn nhà vua rồi lại xin đá chúc thọ chúa Trịnh.

Lạ thay ! Lần này chỉ đá được hơn I0 lần đã rơi.

Chúa Trịnh căm giận lắm, sau đó đã cất chức Đỗ Như Chương đuổi về.

Nhắc lại câu chuyện trên, chúng tôi muốn để bạn đọc thấy rằng, đá cầu không phải là một thú vui bình dân, mà đây là là một cổ tục đã từng được các bậc vương giả chú ý.

Chơi cầu không có sự chen lấn xô xát. Nhưng ở đây sự ganh đua đã thể hiện trong tinh thần cố gắng đã vượt đối phương đá cho cao và đá cho lâu được nhiều lần.

**Đánh Phết**

Nói đến vật, một môn du hí có từ thời hai Bà không thể không nói tới *Đánh Phết,* cũng là một môn du hí xuất hiện, đồng thời với đánh vật. Môn du hí này, hai Bà dùng cho quân sĩ luyện tập, vừa để giải trí vừa để gây thêm tinh thần hăng hái cho ba quân.

Khi đánh đuổi quân Tô Định, hai Bà có những đoàn nữ binh can đảm và anh hùng không kém những đội binh phái khỏe. Trong những ngày thao luyện, các đoàn nữ binh có một môn du hí đặc biệt vừa ầm ỹ vừa làm phấn chấn tinh thần chiến đấu của mọi người, đó là *Đánh Phết.*

Ai đã có dịp xem các đội khúc côn cầu biểu diễn, có thể tưởng tượng đến Đánh Phết một cách dễ dàng, vì môn đánh phết cũng tương tự như môn thể thao khúc côn cầu, có điều chơi Đánh Phết khỏe mạnh hơn, ồ ạt hơn. Quả Phết bằng gỗ tròn và to bằng một chiếc bong bóng trâu thổi phồng và nặng vừa sức chơi.

Để Đánh Phết, phải dùng những gốc tre đực đào cả củ, đánh bỏ hết rễ đi. Mỗi gốc tre dài vào khoáng một thước ngày nay và củ tre uốn khoăm khoăm. Người chơi Phết phải có sức mang nổi chiếc gậy gốc tre, dùng những gậy đó phang vào quả Phết bằng đầu có củ tre. Quả Phết lăn theo sức gậy, và cũng có khi bị củ tre móc kéo đi.

Những người đánh Phết chia làm hai bên, nhiều ít tùy theo số người dự cuộc. Phết chơi trên một khu đất rộng, gọi là sân Phết, phân làm hai phần, mỗi phần về phía cuối sân có vẽ vôi một vòng tròn hoặc đào một hố có thể lọt quả Phết xuống.

Đánh Phết, người bên nọ dồn Phết về phía bên kia, bao giờ quả Phết lăn vào cái vòng tròn hoặc cái hố của bên kia là thắng. Trong khi chơi, phải liệu tránh những đòn phang rất mạnh của phía địch vào quả Phết, lại phải khéo léo đưa hoặc kéo quả Phết về phía sân địch.

Vừa Đánh Phết vừa tha hồ hò reo cười nói để cuộc vui càng hoạt động.

Xưa kia, tương huyền rằng mỗi khi nữ binh chơi Phết, hai Bà Trưng thường ngự lãm và thường treo giải cho bên nào thắng.

Khi hai Bà thua quân tự tận, các tướng của hai Bà, nam cũng như nữ đều chết theo để toàn trung. Tướng Cao Nguyên sau khi tử tiết, xác trôi về hạt Vĩnh Tường ở Phong Châu, được làng Thượng Lạp vớt lên, lập đền thờ.

Để ghi nhớ thời kỳ oanh liệt của hai Bà Trưng, những làng có đền thờ các vị danh tướng thời ấy đều có giữ lại tục Đánh Phết và nhiều làng không thờ những danh thần ấy cũng có cái môn du hí thú vị này.

Ngày xưa chơi Phết toàn đàn bà con gái, nhưng về sau này, dưới thời Pháp thuộc, tại nhiều làng như các làng Bích

Đại, Thượng Lạp… làng cắt trai tráng đóng giả nữ binh để chơi Phết trong ngày hội.

Chơi Phết rất vui, đúng với câu *Vui ra Phết.* Trong ngày hội, Phết chơi ở trước sân đình. Chính giữa sân Phết, có một vòng tròn là nơi để quả Phết trước cuộc vui.

**Quật Bò**

Đây là một cổ tục hết sức tàn bạo, nhưng cũng là một tục thật kỳ lạ. Tục này xuất hiện tại làng Tích Sơn, huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Yên, hàng năm mở hội vào ngày mồng ba tháng Giêng.

Làng này thờ một ông thần ăn cướp bị giết chết. Tục Quật Bò như nhắc lại tính hay gây sự của vị thần, và nhất là một điểm mê tín của hạng người *đi buôn không vốn.* [2]

Quật bò không có nghĩa là cầm roi quật vào con bò, chính nghĩa là quật cho người ta ngã nằm bò.

Làng Tích Sơn nằm ven quốc lộ Hà Nội đi Hà Giang, và hội Xuân được tổ chức tại đình làng, nằm ngay bên hữu quốc lộ cách tỉnh lỵ Vĩnh Yên độ mấy trăm thước.

Suốt buổi sáng hôm mồng bốn, dân làng làm lễ tại đình, và tổ chức các trò vui ngay trước cửa đình. Và cũng ở nơi đây thực hiện cổ tục *quật bò.*

Trong lúc dân làng hành lễ, khách thập phương phải đứng ra hai bên khu ruộng trước sân đình, không ai được đứng ở phía trước đình, nơi ngai thần trông ra. Dân làng họ kiêng như vậy, cho rằng khi có người đứng ở phía trước mặt ngai thần, Thành hoàng ngài sẽ giận nếu dân chúng không có phản ứng và như vậy trong suốt năm, dân làng có thể gặp những sự không may. Phải chăng thần linh ngài có mặc cảm, sợ người thập phương nhìn ngay vào trước mặt đình sẽ tưởng tượng được tới tiền thân của ngài, hay vì ngài sợ chạm vía như lúc sinh thời mỗi khi ra đi hành nghề.

Bởi vậy, trong suốt buổi lễ, không may có ai xa xôi mới tới, không biết tục làng, vô ý đứng, nhằm phía trước cửa đình sẽ bị thanh niên trong làng xông tới *quật ngã cho đến nằm bò xuống đất.* Khách chống lại, thanh niên trong làng sẽ xô nhau vào quật bằng được cho khách ngã. Khi ngã, nếu khách không biết lại đứng ngay lên ở trước cửa đình, khách liền lại bị *quật bò* xuống. Bị quật ngã như vậy, khách có bị thương, dân làng cũng không cần biết đến. Khách đã bị quật bò chỉ có cách lăn ra mé bên cạnh, không trông thẳng vào đình, mới đứng lên, sẽ không bị *quật bò* tiếp. Những nhà nhiếp ảnh tới chụp ảnh những cuộc vui của dân làng trong ngày hội cũng bị thanh niên trong làng *quật bò.*

Năm I938, chính kẻ viết những dòng này đã được mục kích một cảnh quật bò trông thật đáng sợ. Một ông thợ ảnh ở tỉnh lỵ Vĩnh Yên, mang máy ảnh tới chụp ảnh một cổ tục ở xã này trong ngày hội đã bị quật bò đứng lên nằm xuống, và máy ảnh đã bị phá hỏng, quần áo xộc xệch tơi bời, mặt mày sưng tím. Ông không dám kháng cự, chỉ đành ôm máy ảnh hỏng và thân hình lôi thôi lếch thếch ra về.

Với cổ tục này, dân xã Tích Sơn quả đã thích chiến đấu để bảo vệ tục làng, tuy tính cách chiến đấu hơi tàn nhẫn, nhất là những kè đối thủ lại ở trong thế cô. Nhưng xin thưa đây là lệ làng !

**Đánh Bệt**

Tục *Đánh Bệt* cũng là một tục tàn bạo, nhưng chiến đấu tính ở đây đã được bộc lộ rất rõ rệt. Tục này ở Kẻ Nôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

Thành Hoàng làng này, nguyên trước làm nghề hành khất chết gặp giờ linh, được dân làng này thờ phụng.

Hàng năm vào tháng giêng, rất tiếc chúng tôi không nhớ rõ ngày nào, có mở hội. Có tế lễ, có rước xách, có đủ các trò vui, nhưng ngoài những trò vui thông thường, dân làng hàng năm còn chọn một số thanh niên khỏe mạnh ăn mặc

như hành khất để đi vào các làng lân cận ăn xin. Những thanh niên được lựa chọn tự cho đó là một điều vinh dự vì được gánh vác việc làng. Dân làng chỉ cử những người khỏe mạnh và biết đôi chút võ nghệ, vì những người này khi vào các làng lân cận, đều bị dân chúng những làng này ngăn cản. giữ không cho vào. Người ta tin rằng, nếu để người Kẻ Nôi ăn mặc hành khất vào lọt trong làng, quanh năm toàn dân xã sẽ làm ăn lận đận. Những thanh niên Kẻ Nôi được lựa chọn làm hành khất trong ngày lễ thần đầu năm phải tìm cách làm sao vào cho lọt được một làng, có như thế, chính bản thân thanh niên đó và dân Kẻ Nôi mới được may mắn quanh năm.

Một bên giữ không cho vào làng, một bên cố tìm cách vào, tất nhiên phải có sô sát ; dân làng muốn ngăn cản người thanh niên hành khất không cho vào làng phải dùng võ lực, trái lại người thanh niên hành khất phải đỡ đòn để tìm cách vào cho được trong làng.

Cuộc sô sát này gọi là *đánh bệt,* vì dân các xã lân cận Kẻ Nôi sẽ dùng đủ mọi ngón đòn, đánh sao cho ngã thanh niên hành khất, đánh cho đến bị thương phải *nằm bệt* một chỗ, không thể tìm cách vào lọt làng họ được.

Có nhiều thanh niên Kẻ Nôi hàng năm bị thương nặng trong những cuộc *đánh bệt* này. Các nhà chức trách, đã tìm cách cấm đoán, nhưng lệ dân, lệ làng, cấm đoán sao cho nổi. Dân làng Nôi cần phải có người đi hành khất trong ngày hội ; những làng lân cận không muốn cho hành khất làng Nôi vào làng mình trong dịp này. Phải *đánh bệt.*

**Cướp cầu**

Làng Yên Xá gọi tắt là làng Yên, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, ở kế ngay bên tỉnh lỵ mé cổng Hậu thành, hàng năm mở hội mừng Xuân trong ba ngày từ mồng I0 đến hết ngày I2 tháng Giêng.

Thành Hoàng làng này gồm ba mẹ con một người hành khất.

Theo thần tích thì có ba mẹ con người hành khất tới làng Yên, bà mẹ trạc gần ba mươi tuổi còn hai đứa con vào khoảng lên tám, lên chín.

Ba mẹ con xin được nắm cơm. Bà mẹ tuy đói nhưng nhường cho hai con ăn. Hai đứa trẻ tranh nhau ăn, rồi thằng anh đá chết thằng em. Em chết gặp giờ linh, báo mộng cho dân làng, được dân làng lập đền thờ thiêng lắm, ai cầu gì được nấy. Dân làng được giúp đỡ phù hộ rất nhiều. Thờ người em về sau dân làng thờ luôn cả người mẹ lẫn người anh.

Trong mấy ngày hội Xuân *ở* làng Yên có nhiều thú vui và cổ tục, nhưng đặc biệt hơn cả là tục *Cướp Cầu,* tục này tuy là để nhắc lại sự tích hai anh em con người hành khất tranh nhau nắm cơm, nhưng mang rất nhiều chiến đấu tính, diễn lại tích cũ nhưng trong sự diễn lại này ; tục lệ đã đồng thời nuôi dưỡng tinh thần thượng võ cố hữu của dân Việt Nam.

Quả cầu tượng trưng cho nắm cơm, làm bằng vải, to bằng quả bưởi có kết giải nhiễu điều.

Hội mở trong ba ngày, nhưng chính hội là ngày I2 tháng giêng. Hôm ấy có đám rước từ đền thờ ra đình. Trên kiệu rước có để quả cầu kết giải nhiễu điều nói trên. Cầu đã được dân làng chỉ định người may sẵn từ trước.

Đám rước tới đình, dân làng làm lễ tế cầu, sau đó cuộc CƯỚP CẦU được tổ chức.

Làng Yên Xá có hai giáp ; hàng năm hai giáp vẫn tranh nhau cướp lấy quả cầu. Trong ngày *Cướp Cầu* hai giáp đều kén những trai tráng, khỏe mạnh nhất giáp để tranh làm sao cho được quả cầu. Những chàng trai này cởi trần trùng trục và mỗi người chỉ mang I chiếc khố nhiễu điều trông rất lực lưỡng và đẹp.

Trai tráng hai giáp đứng về hai mé sân đình. Ở mỗi mé sân đều có sẵn một chiếc hố, lớn hơn quả cầu một chút.

Lễ tế cầu chấm dứt, ông chủ tế bưng quả cầu xuống rồi tung ra sân đình cho trai tráng hai phe tranh nhau cướp.

Khi quả cầu tung ra, nhiều chàng trai hăng hái xô nhau để cướp cho bằng được quả cầu. Dân làng thuộc hai giáp đứng ở bên ngoài hò reo cổ võ.

Cuộc cướp cầu rất gay go. Người này vừa nhặt được quả cầu, người khác đã cướp mất. Họ giằng đi, cướp lại quả cầu. Cuộc cướp cầu có năm kéo dài tới bốn năm giờ chiều mới kết liễu.

Phe nào cướp được quả cầu phải mang bỏ vào chiếc hố. Một chàng trai ôm quả cầu chạy, còn những chàng trai khác trong hàng giáp ngăn cản không cho những chàng trai giáp kia xông tới giật lại quả cầu. Trai mỗi giáp phải có lối chơi toàn đội, và phải hỗ trợ lẫn cho nhau. Quả cầu phải bỏ được vào chiếc hố phía sân đình bên mình mới kể là kết liễu. Quả cầu chưa bỏ được vào hố, đối phương vẫn có quyền giằng đi cướp lại.

Quả cầu bỏ được vào hố rồi, cuộc cướp cầu chấm dứt. Bên cướp được quả cầu lại mang quả cầu vào đình tế cho đến nửa đêm mới xong.

Người làng Yên tin rằng, giáp nào cướp được quả cầu trong năm đó, giáp ấy sẽ làm ăn phát đạt quanh năm.

Hội làng Yên Xá rất vui. Ai đã một lần chứng kiến cướp cầu tất không bao giờ quên, dù người đó sau này có chứng kiến những cuộc chơi bóng rổ, những cuộc đấu bóng bầu dục cũng ồn ào tranh cướp và đầy tinh thần thượng võ như tục cướp cầu ở làng Yên.

**Cờ lau tập trận**

Học Việt Sử, chúng ta đã biết lúc nhỏ tuổi, vua Đinh Tiên Hoàng đi chăn trâu và thường cùng chúng bạn dùng cờ lau tập trận và kéo nhau đánh nhau với kẻ chăn trâu các xã lân cận.

Ngày nay, tại làng Trường Yên, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, nơi có đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, hàng năm trong ngày hội vẫn diễn lại tích CỜ LAU TẬP TRẬN.

Hội làng mở từ ngày I5 đến 20 tháng hai âm lịch, và vùng này có câu ca dao ;

*Ai là con cháu Rồng Tiên,*

*Tháng Hai mở hội Trường Yên thì về !*

*Vê thăm đất cũ Đinh, Lê,*

*Non xanh nước biếc bốn bề như xưa.*

Trong ngày hội, ngoài các trò vui khác, có trò vui chính là *cờ lau tập trận,* và trò vui này đồng thời nhắc lại một giai đoạn lịch sử nước nhà, đã biểu lộ chiến đấu tính trong khi các trẻ tham dự cùng đánh nhau như vua Đinh và các bạn chăn trâu thuở xưa.

Cuộc diễn trận do các trẻ em trong làng và hàng tổng đảm trách dưới sự chỉ dẫn của ban tổ chức ngày hội. Các trẻ em chia làm hai phe, một bên đóng vua Đinh Tiên Hoàng cùng chúng bạn, còn một bên đóng trẻ chăn trâu các làng lân cận.

Trong cuộc diễn trận này, khán giả luôn luôn thấy cậu bé đóng vai Đinh Bộ Lĩnh hăng hái xông pha chiến đấu cùng chúng bạn để đánh đuổi lũ mục đồng đối phương. Chiến cuộc thắng lợi, cậu Đinh Bộ Lĩnh được chúng bạn làm kiệu công kênh giữa những *cờ* quạt sặc sỡ bằng lá cây hoặc kết bằng rơm rạ. Các bạn che tàn, che lọng cho cậu, rước cậu đi giữa rừng cỏ lau. Bài ca vua Đinh Bộ Lĩnh thường hát thuở xưa cùng chúng bạn được nhắc lại :

*Cây cỏ ấy, nước non này*,

*Nước non quanh quất, cỏ cây xanh rì.*

*Rừng hoang cỏ rậm để chi,*

*Phen này ta quyết dọn đi cho rồi.*

*Này này chúng bạn ta ơi !*

Cuộc diễn tiến cờ lau lập trận năm nào cũng kết thúc ngày hội, giữa sự nô nức của mọi người, giữa tinh thần phấn khởi của dân làng, nói lên lòng tôn sùng đối với vị anh hùng quốc gia dân tộc.

**Tranh nhau cây mộc tất**

Đây là tục của làng Long Khám, huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh. Thành Hoàng là ông Lý Phủ Quan, một tướng tài nhà tiền Lý, đánh dẹp được giặc Nam Man, phá đồn giặc, lập được công lớn, sau được phong thần và dân lập miếu thờ.

Hàng năm làng này mở hội vào đám từ mồng 7 đến rằm hoặc 28 tháng tám Âm lịch tùy theo mùa màng phong túc hay thất thu của năm.

Trong đêm hôm giã đám, làng này có tục tranh nhau cây MỘC TẤT. Đêm hôm đó có buổi tế sau cùng, sau buổi tế là một tiệc lớn, dân làng ăn uống say sưa. Tiệc tùng xong, ông chủ tế cùng các cụ trong làng từ năm mươi tuổi trở lên cử hành tục tranh nhau cây mộc tất. Tất cả đều cởi trần trùng trục và chỉ đóng một chiếc khố màu trông rất hùng dũng.

Một hồi trống lớn điểm lên. Dứt tiếng trống, vị chủ tế vào đình lấy ra cây mộc tất, một khúc gỗ lớn [3] , ném xuống giữa đình. Mọi người vỗ tay, cùng reo to : *cướp, cướp !* Rồi cùng nhảy xông vào cướp lấy khúc gỗ, chuyền nhau mang từ trong đình ra ngoài đồng, vừa chạy vừa la hét và trong khi đó, tiếng trống làng vang lên như trống trận. Cuộc tranh

cướp truyền nhau cây mộc tất tiếp tục từ nửa đêm đến tang tảng sáng, mọi người mới về nhà nghỉ ngơi.

Đến cuối giờ tỵ, một kỳ mục ra đình mang cây mộc tất về đem rửa trong ao rồi đem cất vào đình.

Theo dân xã Long Khám thì tục tranh cướp cây mộc tất nhắc lại sự tích thần phá đồn giặc Man ở Đại Lịch.

**Cướp bị gậy**

Thành Hoàng làng Xuân Ái, huyện Vô Giàng, tỉnh Bắc Ninh cũng làm nghề hành khất như Thành Hoàng làng Yên Xá cùng huyện đã nói ở trên. Làng này hàng năm mở hội hai lần, về mùa xuân vào ngày I2 tháng giêng và về mùa thu từ mồng I0 đến I5 tháng tám.

Về mùa Xuân, hội làng có Hát Quan họ, thi dệt vải, về mùa Thu, hội làng ngoài các cuộc rước xách tế lễ có tục CƯỚP BỊ GẬY vào đêm giã đám. Bị làm bằng cói chiếu [4] , còn gậy làm bằng gỗ và sơn đỏ. Bị gậy tượng trưng cho nghề hành khất của vị Thành Hoàng.

Đêm hôm giã đám, dân làng tề tựu cả ở sân đình để dự cuộc tế thần. Tế xong, một hồi trống nổi lên. Dứt tiếng trống, ông chủ tế hạ bị gậy từ bàn thờ xuống và vứt ra sân đình. Lập tức dân làng xô nhau xông vào cướp, mạnh ai nấy chen nhau và cố giằng cho được chiếc bị hoặc chiếc gậy. Một người cướp được, năm bảy người khác kéo lại, cuộc tranh cướp xô xát rất lâu. Dân làng ai cũng hăng hái, khiến cho chiếc bị bị giằng co, rách làm nhiều mảnh. Mỗi người cố cướp cố giật làm sao cho được một mảnh của chiếc bị, giật được là chạy thẳng về nhà cất kỹ, xem là một báu vật. Họ tin rằng, chỉ được một mảnh chiếc bị thôi cũng đã khước lắm rồi, mảnh bị này có phép nhiệm mầu trị được bệnh tật và giúp đỡ gia đình người lưu giữ làm ăn phát đạt. Và chiếc gậy cũng vậy, cũng có phép mầu nhiệm như những mảnh của chiếc bị.

Dân làng Xuân Ái, tục gọi là làng Sói, tin rằng nếu hàng năm không tổ chức cuộc cướp bị gậy trong làng sẽ có sự bất yên.

**Tục đấm nhau**

Tục này thuộc thôn thượng xã Duyên Tục, phủ Tiên Hưng, tỉnh Thái Bình. Thôn này thờ vị Thành Hoàng tục gọi là Thần Đấm. Thần Đấm xưa kia là một chú trích bị người ta bắt được và đánh chết, gặp giờ linh nên được dân thôn thượng lập đền thờ.

Hàng năm khi thôn vào đám, đêm giã đám dân thôn có tục *Đấm Nhau*. Đêm đó, dân thôn, già trẻ, trai gái tụ họp đông đủ tại đình, trước là để xem giã đám, sau là để cử hành hèm của vị Thành Hoàng.

Cuộc thần xong, đèn nến trong đình đều tắt hết, mọi người đấm lẫn nhau.

Đây là một cuộc chiến đấu thực sự giữa dân làng với nhau. Mạnh ai nấy đấm, mạnh ai nấy đỡ, già đấm trẻ, trẻ đấm già, nam nữ đấm lộn nhau. Đấm nhau một hồi, đèn nến lại thắp lên, mọi người kéo nhau ra về, thản nhiên như không hề xảy ra chuyện gì tuy có người sưng mặt biêu đầu. [5]

**Hai xã đánh nhau**

Đây là hai xã Sài Sơn, tỉnh Sơn Tây và xã Thụy Khuê ở ngoại ô Hà Nội. Thành Hoàng hai xã này lúc sinh thời vốn thù hằn nhau, nên hàng năm hai làng này phải có đánh nhau trong dịp hội Xuân thì cả hai làng mới bình yên và làm ăn thịnh vượng được.

Hàng năm vào ngày mồng 6 tháng Giêng, hèm chung của hai làng được cử hành như sau :

Trai tráng hai xã tụ tập ở ranh giới chung với gậy tầy, gạch đá ; đôi bên khiêu khích nhạo báng nhau, có khi gọi nhau mà chửi, rồi cuối cùng hai bên dùng gậy gộc đánh nhau

thật sự đến có người bị thương. Họ đánh nhau một trận kịch liệt, đôi bên mới kéo nhau ra về. Và ngày hôm sau, dân hai làng gặp nhau lại tử tế với nhau như không có sự gì xảy ra. Hai làng lại kết thân với nhau như cũ !

Chiến đấu tính thật đã hoàn toàn bộc lộ trong cổ tục này cũng như trong cổ tục giữa bốn làng Thượng Ốc, Yên Lũng, Vân Lũng và Yên Thọ trình bày dưới đây.

**Ba xã đánh một**

Về tục này, ông Lê văn Hảo viết :

« *Thần tích các xã này không rõ là sao chỉ biết mỗi năm có tục cổ đánh nhau như sau :*

*Ngày mồng bốn tháng Giêng, trai gái, già trẻ ba xã Yên Lũng, Vân Lũng, Yên Thọ kéo nhau đến đầu xã Thượng Ốc khiêu khích và chửi rủa những bô lão ba thôn trong xã ấy là thôn Yên Hạ, thôn Ngự Cầu và thôn Đào Nguyên ; người ba thôn đều nhịn. Hôm sau, ngày năm vào khoảng II giờ trưa, dân ba xã lại đến, thấy có cây cỏ rau đậu thì bứt nhổ, phá phách người ba thôn vẫn im nhịn. Hôm sau, ngày 6 dân ba xã lại đến chặt cây phá lũy tre của xã Thượng Ốc, người của ba thôn trong xã vẫn nhịn. Hôm sau, ngày 7 dân ba xã lại đến kêu tên họ những người kỳ mục của ba thôn mà chửi dân ba thôn cũng vẫn nhịn, nhưng đến ngày 8 tháng Giêng ; dân ba xã kia gọi đến tên hiệu Thành Hoàng của xã Thượng Ốc để chửi. Người ba thôn không nhịn nữa xông ra đánh nhau kịch liệt với dân ba xã kia. Sau đó ai trở về xã nấy, không mang thù oán, không kiện tụng. Khẩu truyền cho rằng không cử hành nghi thức chiến đấu này thì dân bốn xã không được yên ổn phát đạt.*

*Mấy xã Yên Lũng, Vân Lũng, Phú Lũng, Ngãi Cầu (Hà Đông) cũng có tục cổ ba xã đánh nhau với một xã tương tự như trên* ».

**Trai gái hát đối đáp rồi đánh nhau**

Trai gái thanh niên xã Bồng Trưng, phủ Vĩnh Lộc tỉnh Thanh Hóa có tục hát trống quân với nhau đêm trung thu. Đêm đó, tất cả già trẻ trai gái trong làng đều tụ họp ở đầu thôn xóm cùng ngắm trăng. Trai gái chia làm hai phường nam nữ ngồi hai bên, ở giữa có chiếc trống đất, cũng được dân làng gọi là trống quân ; hai bên hát đối đáp với nhau.

Cuộc hát bắt đầu bằng những câu lịch sự, rồi chuyển sang những câu vui đùa. Hai bên vui cười, qua lời ca tiếng hát nhưng dần về sau, từ vui đùa, những câu hát chuyển sang khích bác, và lời ca của đôi bên biến thành một cuộc đấu khẩu kịch liệt. Nam nữ như bất bình thù hận nhau. Sau cùng những câu hát là những câu xỏ xiên chửi nhau thực sự, gọi nhau bằng những danh từ thực xấu xa, gọi nhau là chó má.

Đến đây cuộc hát bỗng ngừng, đôi bên xông vào đánh nhau, đánh nhau thật sự, đánh nhau như kẻ thù. Cha anh của đôi bên cũng nhảy vào đánh hôi với các con em. Thế là bọn ngắm trăng lúc trước chia thành hai tốp, dùng cả gậy gộc, sỏi đá đánh nhau. Mỗi tốp có một người cầm đầu cổ võ và đốc chiến bằng cách đánh những hồi trống đất. Tiếng trống như thúc dục, cuộc chiến đấu của hai tốp càng dữ dội.

Trong lúc đôi bên sáp chiến đánh *giáp lá cà* như vậy, các cụ già chỉ đứng xem, hoặc nếu có người bị thương, các cụ dìu về nhà an ủi.

Hai tốp đánh nhau cho đến thật khuya, vào khoảng nửa đêm về sáng mới giải tán. Sáng hôm sau, hai bên đi thăm nhau, hỏi han và xin lỗi và không bao giờ ai thù oán ai, ai kiện tụng ai. Cuộc sống giữa những người đã ẩu đả với nhau như không hề xảy ra truyện gì.

Tục truyền lại, nếu dân làng không có những cuộc đánh nhau như vậy, trong xã sẽ bất an.

**Cướp đầu pháo**

Đây là một cổ tục rất hào hứng ở vùng thượng du Bắc Việt, sự hào hứng này chứa đựng trong chiến đấu tính của thú vui.

Ai đã có dịp đi qua các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên… trong những dịp đầu xuân tất đã hiểu thế nào là hội ĐẦU PHÁO và tục CƯỚP ĐẦU PHÁO.

*Đầu pháo* tức là đầu một quả pháo, nhưng chiếc đầu pháo này khác với những đầu pháo khác là có một chiếc vòng sắt quấn chung quanh và chiếc vòng sắt này đã được trang điểm cho xứng với ngày xuân bằng rua ngũ sắc, tạo nên bởi chỉ và vải hoặc những giấy dát trang kim rất nổi.

Quả pháo có quấn chiếc vòng sắt này là một quả pháo lớn, đường kính ít nhất cũng phải l0 phân tây.

Tại Lạng Sơn, hội đầu pháo thường tổ chức ở Kỳ Lừa vào ngày mồng Chín tháng Giêng âm lịch và ở Đồng Mỏ thuộc Châu Ôn vào một ngày thượng tuần tháng Giêng, - chúng tôi rất tiếc không nhớ rõ đúng ngày nào.

Tại Cao Bằng hội Đầu pháo vẫn tổ chức tại Đình Chợ, sở tại châu Quảng Uyên, cách tỉnh lỵ 35 cây số về phía Bắc vào ngày mồng Hai tháng Hai âm lịch. Hội ở đây tổ chức rất linh đình long trọng. Và hội cũng có tổ chức ở Nước Hai phủ Hòa An vào ngày mồng Tám tháng Giêng mỗi năm. Tại xã Phục Hòa, phủ Trùng Khánh cũng có hội Đầu Pháo vào ngày Rằm tháng Giêng. Phục Hòa cách phủ Trùng Khánh vào khoảng 6 cây số. Ở Cánh Linh, cách Phục Hòa 8 cây số hàng năm dân làng cũng mở hội Đầu Pháo vào ngày l6 tháng Giêng. Và còn nhiều nơi nữa, như ở Chợ Chu, tỉnh Thái Nguyên, hội tổ chức vào tháng Năm âm lịch, hoặc nơi khác ở mấy tỉnh trên vào các ngày khác nhau.

Trong các hội Đầu Pháo chúng tôi được biết, chỉ có hội ở Kỳ Lừa tỉnh Lạng Sơn và hội ở Đình Chợ, châu Quảng Uyên tỉnh Cao Bằng là tổ chức rầm rộ hơn cả.

Kỳ Lừa ở bên sông Kỳ Cùng đối diện với Lạng Sơn, nơi đây có chợ Kỳ Lừa, tựa ven một hòn núi to lắm. Đình Chợ ở ngay châu lỵ Quảng Uyên. Tại nơi đây núi đá chi chít, chỉ có một khoảng đất ở sau Đình Chợ là rộng rãi.

Ngày hội ở Đình Chợ vui vẻ rầm rộ. Trai gái ở các nơi kéo tới rất đông. Họ từ Nước Hai lại, họ từ Trùng Khánh tới, họ ở Cao Bằng lên. Trong tháng Giêng họ đã dự nhiều hội Đầu Pháo các nơi rồi, trong tháng Hai chỉ có hội ở Quảng Uyên là to nhất, họ không thể bỏ qua được.

Quảng Uyên đất tuy hẹp nhưng khách tới dự hội đã được dân sở tại chia nhau đón tiếp. Tinh thần hiếu khách ở đây thật là hiếm có, ai cũng muốn đón khách về nhà, và người ta cho rằng đầu năm đón được khách xa lạ về nhà và thết đãi khách lịch sự, là một điều may mắn cho suốt năm. Nhà có đàn bà con gái, người ta mong được tiếp đãi khách đàn ông con trai, còn nhà có đàn ông con trai, người ta lại lấy làm hân hạnh được tiếp khách đàn bà con gái.

Ngày hội, Pháo được đốt trên một đài cao, cao từ 5 đến l0 thước. Ngoài chiếc Pháo lớn có vòng đầu, người ta còn đốt rất nhiều pháo nhỏ. Những tràng pháo treo từ đỉnh dài thõng xuống tới đất, dây pháo nọ nối dây pháo kia, tràng pháo này liền tràng pháo khác. Toàn là pháo thật kêu và toàn hồng. Pháo được kén mua từ thị trấn Long Châu bên Tàu sang.

Trước lễ khai mạc đốt pháo, khách xem hội cũng như những lực sĩ cướp đầu pháo đều có mặt ở chung quanh chân đài.

Các đoàn lực sĩ tới dự cuộc tranh đầu pháo từ các nơi xa tới ; đối với họ, hội đầu pháo chỉ có nghĩa ở tục tranh đầu pháo. Tranh đầu pháo nghĩa là tranh nhau cướp chiếc vòng sắt ở quả pháo. Người ta tin rằng cướp được chiếc đầu pháo này sẽ gặp nhiều sự may mắn trong năm không riêng gì cho người cướp được mà cho cả toán đã tham gia vào

công việc tranh cướp. Mỗi toán lực sĩ ở một địa phương tới, thắng trong cuộc cướp đầu pháo này còn làm vinh dự cho cả địa phương. Đến dự cướp đầu pháo không cần phải ghi danh, ai có sức cứ việc dự. Khi sắp đốt pháo các lực sĩ đều cởi trần và chỉ mặc một chiếc quần đùi, chờ lúc pháo rơi xuống là xông nhau vào cướp. Lúc tranh cướp tha hồ dùng võ. Thường thường Trưởng các đoàn lực sĩ là những tay võ nghệ cao cường, chỉ huy các đám đàn em cướp đầu pháo. Tha hồ chen lấn xô đẩy. Các lực sĩ cùng một đoàn thường che chở hỗ trợ lẫn nhau để đoàn mình cố cướp cho được chiếc đầu pháo. Nhặt được chiếc đầu pháo lên chưa phải là được, người nhặt được phải chạy sao cho mau, các bạn đồng toán phải ngăn cản người khác để cho người kia mang được chiếc đầu pháo vào trong đền, đặt lên bàn thờ lễ xong ba lễ mới kể là được cuộc.

Toán lực sĩ cướp được đầu pháo được dân sở tại thưởng cho lợn và gạo. Được thưởng, có khi toán này dùng ngay gạo và mổ lợn làm cỗ để anh em trong toán và tất cả các lực sĩ toán khác cùng dự.

Đối với họ phần thưởng cũng là quý, nhưng không đáng kể bằng cái danh dự đã cướp được đầu pháo. Toán lực sĩ nào cướp được đầu pháo phải mang về lập bàn thờ, và năm sau tới ngày hội lại rước đầu pháo tới trả. Chiếc vòng lại được lồng vào chiếc pháo mới để dùng cho ngày hội.

Lễ đốt pháo do ban tổ chức khai mạc. Các tràng pháo treo ở đài được đốt lên một loạt. Chiếc pháo lớn có vòng đầu, đây là một chiếc pháo thăng thiên, do vị hương chức, trưởng ban tổ chức châm ngòi đốt.

Hội thật là ầm ĩ, tưng bừng, đượm một tinh thần chuộng võ cổ truyền ! Lẽ tất nhiên ngoài tục đốt pháo, ngày hội còn nhiều trò vui khác.

°

Từ trên, qua những cổ tục, phần nhiều chiến đấu tính đã được biểu lộ một cách dũng mãnh đầy tinh thần ganh đua, nhiều khi đến tàn bạo. Bên những cổ tục ấy, có những cổ tục tuy có mang chiến đấu tính, nhưng chiến đấu tính chỉ bàng bạc phơn phớt, và dường như những cổ tục chỉ muốn nhắc nhở tinh thần thượng võ và ý chí quật khởi của ta hơn là biểu lộ hẳn tinh thần và ý chí này bằng hành động như tục Tung hệ ở làng Vạn Niên, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, hoặc tục diễn quân ở làng Hạ Lôi, tỉnh Phúc Yên, làng Hát Môn, tỉnh Sơn Tây v.v…

Dưới đây xin nói sơ lược về một số cổ tục chỉ làm xuất hiện một cách nhẹ nhàng chiến đấu tính ấy.

**Tung hệ**

Đây là một cổ tục ở làng Vạn Niên, tỉnh Hải Dương. Làng này thờ ông thần Nhòm, mà thần tích như sau :

Ông thần này vốn một tay đạo trích. Một đêm đi ăn trộm về lấy rất được nhiều đồ đạc, nhưng chợt thấy có bóng người liền đem dấu những đồ đạc này dưới một lạch nước rồi trèo lên một cây cao, nằm ẩn trong lùm lá ngủ một giấc cho tới chiều. Khi thức dậy, tay ăn trộm nhìn xuống lạch nước để xem đồ đạc của mình. Lúc đó trên trời có mây đen, anh cố cúi xuống nhòm theo tăm ở dưới nước. Nào ngờ mải nhìn quá, anh ngã xuống lạch nước chết đuối. Gặp được giờ linh, anh báo mộng cho dân làng, dân làng lập đền thờ.

Hội làng Vạn Niên mở vào cuối tháng Giêng, nhân ngày hội, dân làng nhắc lại sự tích ông thần Nhòm.

Trong hội có tục gọi là TUNG HỆ cử hành như sau :

Một bô lão được dân làng cử làm tướng, còn các hàng con trai từ thập bát đến 20 tuổi được dân làng cắt làm quân.

Trong ngày hội, dân làng chọn giờ tốt cho người vào *xông đình* đốt pháo như khi đầu năm ta tới xông nhà nào đốt pháo mừng vậy. Dân làng cũng đốt pháo theo rất nhiều.

Lúc bấy giờ, ông tướng dắt theo lũ quân đánh trống đi vào đình rồi lại đi ra, tướng đi trước quân theo sau, đi ra rồi lại đi đi vào. Quân tướng cứ đi như vậy cho đến khi ngớt tiếng pháo.

Tiếng pháo dứt, ông tướng họp ba quân tại sân đình, cùng nhau vào lễ thần. Lễ tất thì cuộc tung hệ cũng hết.

Theo dân làng Vạn Niên, tiếng pháo tượng trưng cho tiếng súng, quân tướng dắt nhau đi là quân tướng tập trận. Mục đích cuộc tung hệ là khuyến khích tinh thần thượng võ để mỗi khi có giặc, dân làng sẽ can đảm đi diệt giặc.

Không thấy dân làng giải thích sự liên hệ giữa cuộc tung hệ với sự tích ông thần NHÒM.

**Diễn trận ở làng Phù Đổng**

Làng Phù Đổng tục gọi là làng Gióng thuộc huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh là nơi có đền thờ Phù Đổng Thiên Vương, còn gọi là Đức Thánh Gióng, người đã phá tan giặc Ân về đời Hùng Vương thứ sáu, hàng năm làng Phù Đổng hiệp lực với bốn xã Phù Dực, Đổng Viên và Đổng Xuyên cùng huyện và Hội Xá thuộc huyện Gia Lâm [6] , để tổ chức kỷ niệm PHÙ ĐỔNG THIÊN VƯƠNG vào ngày mồng Chín tháng Tư.

Trong hội có cuộc diễn trận, nhắc lại sự tích Thiên Vương đánh giặc Ân.

Các tướng nước Văn Lang do dân các xã bầu ra. Những người này dân địa phương gọi là các ông Hiệu.

Tất cả có 6 ông Hiệu : Ông Hiệu Cờ trông nom cờ lệnh, ông Hiệu Chiêng điều khiển chiêng, ông Hiệu Trống điều khiển trống, ông Hiệu Trung quân để phối hợp điều hòa sự tiến quân và hai ông Hiệu Tiểu cổ để thám thính quân giặc. Những ông Hiệu này trong các đám rước được che lọng, duy có ông Hiệu Trung quân được che bốn lọng vì ông là linh hồn của cuộc điều binh khiển tướng.

Các ông Hiệu được kén trong hàng thanh niên từ I2 đến 26 tuổi, có thể là người đã lập gia đình rồi nhưng phải chay tịnh từ ngày sửa soạn hội cho đến hết hội.

Đó là tướng, còn quân là dân đinh của bốn xã Phù Đổng, Phù Dực, Đổng Viên và Đổng Xuyên, những người từ I8 đến 36 tuổi. Số quân phải kén cho đủ I0 cơ, mỗi cơ có một cơ tướng và I2 cơ binh.

Ngoài quân tướng nước Văn Lang kén chọn như trên, còn quân giặc, tức là quân tướng giặc Ân được tượng trưng bằng 28 thiếu nữ từ I0 đến I3 tuổi.

Sở dĩ có sự kén chọn này là vì quân tướng nước Văn Lang đã thắng trận nên được tượng trưng bằng bọn trai tráng khỏe mạnh, còn quân tướng giặc Ân là lũ bại binh phải do phái yếu tượng trưng.

Cuộc diễn trận được cử hành đúng ngày mồng 9 tháng Tư.

Các tướng giặc ngồi trên những chiếc kiệu lộng lẫy đóng quân ở bờ sông.

Quân tướng Văn Lang được tin báo động đều rút binh khí ra khỏi vỏ sẵn sàng chờ tiến quân. Một khúc quân ca được hát lên, sau đó là ba hồi chiêng trống, rồi cuộc tiến quân bắt đầu. Mọi người chạy ùa tới trận địa.

Không có giao tranh. Cờ lệnh múa lên tượng trưng cho sự thắng trận. Các tướng giặc quì xuống xin hàng.

Cuộc diễn trận tuy nhắc lại võ công oanh liệt của Phù Đổng Thiên Vương, nhưng không có sự xô sát như các cổ tục đã nói trên. Diễn trận để dân ta không quên ơn những người đã có công với đất nước, và cũng là một cách để đề cao tinh thần thượng võ của người xưa.

°

Về các cuộc diễn trận, các làng Hạ Lôi và Hát Môn thờ hai Bà Trưng cũng hàng năm tổ chức diễn lại sự tích hai Bà

chống quân Mã Viện, nhưng không có những cuộc giao tranh.

°

Chúng tôi xin ngừng ở đây, tuy có lẽ còn nhiều cổ tục khác nặng mang chiến đấu tính, chúng tôi không biết đến. Rất mong nhận được sự chỉ dẫn của bạn đọc.

---

1 Tục này đã được trình bày ở chương III trong hội làng Tích Sơn.

2 Xem chương III, hội làng Tích Sơn.

3 Mộc là gỗ, Tất là tên một loại cây như cây sơn. Mộc Tất là một khúc gỗ cây thuộc loại cây sơn.

4 Cói trong Nam là cây cỏ lát.

5 Tục này cũng như các tục đánh nhau giữa các làng và tục trai gái đánh nhau sẽ được trình bày ở dưới đều do tài liệu của ông Lê Văn Hảo trong bài « Một số tục cổ của người Việt qua các hội mùa » in trong tập san Đại Học, Huế.

6 Huyện này sau được Pháp đổi thành Phủ vào hồi I937-38.

# HỢP QUẦN TÍNH VÀ ĐOÀN KẾT TÍNH QUA MỘT SỐ CÁC CỔ TỤC VIỆT NAM

Ca dao ta có câu :

*Một cây làm chẳng nên non,*

*Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.*

và trong các câu chuyện cổ, chúng ta có truyện bó đũa để chứng tỏ sự hợp quần và sự đoàn kết gây nên sức mạnh.

Trong sách sử, nhiều câu chuyện được ghi chép dù đây là truyện nước ngoài để chứng tỏ đoàn kết luôn luôn là sống, và chia rẽ đi đến sự tan rã. Truyện ba anh em họ Điền chung sống với nhau cảnh nhà hòa hợp, cây cỏ xanh tươi, đến khi ba anh em định chia gia tài, mỗi người ra ở riêng thì cây cổ thụ rườm rà trước sân nhà héo chết. Lại câu chuyện ông Trương Công Nghệ, chín đời ăn ở với nhau vẫn hòa hợp, quả thật đã là một tấm gương cho những gia đình lục đục chia rẽ nhau tự ngắm. Gia đình đoàn kết và hợp quần trong phạm vi lớn hơn, và bao trùm trên làng xã là quốc gia. Dân chúng trong một nước có hợp quần mới thực hiện được công việc chung, có đoàn kết mới đủ sức mạnh chống giữ nước. Trong lịch sử, gương triều Trần toàn dân đoàn kết, ba lần đánh tan quân Mông Cổ, đáng để các triều đại về sau noi theo.

Cuối triều Trần, nhân tâm ly tán, kẻ theo họ Hồ, kẻ trung thành với nhà Trần, tiềm lực quốc gia suy yếu nên khi quân Minh sang xâm chiếm đất nước đã mất.

Có lẽ tiền nhân đã nghĩ đến sự cần thiết để con cháu phải luôn luôn hợp quần và đoàn kết với nhau, nên trong các tục lệ để lại, các cụ đã có nhiều tục lệ cổ võ cho sự hợp quần và đoàn kết, hợp quần và đoàn kết để trước hết tạo nên

sức mạnh chung, và trong sự đoàn kết hợp quần này sẽ nảy nở tinh thần tương thân tương trợ.

Xã hội Việt Nam là một xã hội nông nghiệp, văn hóa cũng là văn hóa nông nghiệp, truyền thống lấy gia tộc làm cơ sở, và nhiều gia tộc họp thành cộng đồng xã thôn. *Giữa cá nhân, gia tộc và xã thôn có một giây liên hệ chặt chẽ và thiêng liêng.* [1]

Một người làm nên có thể mang hãnh diện tới cho cả một làng, hoặc trái lại, nếu một có hành vi xấu xa, cả làng sẽ mang tiếng lây, vì tới đâu, nhắc tới một nhân vật người ta đều nói tới quê hương của nhân vật này. Do đó làng xã có nhiệm vụ và quyền hạn đối với mỗi cá nhân, mỗi gia đình, cũng như mỗi người mỗi gia đình là những phần tử nhỏ đều có trách nhiệm về sự thịnh suy của làng xã. Nói tới làng xã tức là nói tới tất cả những người trong làng, người này đối với người khác.

Giữa những người này họ có nhiệm vụ và quyền hạn liên quan tới nhau ; trong nếp sống, họ luôn luôn bị ràng buộc với nhau. Sự ràng buộc tinh thần trên danh nghĩa người làng, có lẽ các cụ cho là chưa đủ, các cụ đã đặt ra bao nhiêu tục lệ để tăng cường cho sự ràng buộc, và để vật chất hóa sự ràng buộc tinh thần này.

Dưới đây là một số các tục lệ cổ võ cho tinh thần tương trợ, hợp quần và đoàn kết tại các xã thôn Việt Nam.

**Tương trợ hiếu hỉ**

Chính ra điểm này không nằm trong phạm vi hội hè đình đám, nhưng nhân nói đến tinh thần tương trợ, chúng tôi xin phép được ghi thêm để làm tài liệu.

Nhà nào có việc hiếu, việc hỷ, bà con họ hàng, hàng xóm và người làng tới giúp công, và giúp của dưới danh hiệu tiền mừng hoặc tiền viếng, nếu không phải là tiền thì cũng là những đồ dùng cần thiết.

Đến ngay cả trong những dịp một người cất nhà, hoặc một người có thửa ruộng cần-gặt hái bà con làng xóm cũng đến giúp công, trước và sau khi gặt lúa hoặc dựng nhà, chủ nhân chỉ cần đãi một bữa ăn, sau đó ai về nhà nấy.

**Hàng hội**

Đây là một biểu tượng của tâm lý đoàn kết ; tâm lý đoàn kết nhằm theo mục đích tương trợ này kết tinh trong *những tổ chức* gọi là *phường, hội* trong phạm vi nghề nghiệp, là *hội,* là *giáp,* là *phe* trong lãnh vực đình đám hội hè, lễ lạc giải trí hay trong phạm vi tôn giáo, *hàng ngõ,* là *hàng xóm, hàng thôn* trong phạm vi tổ chức xã hội.

Về tính cách nghề nghiệp có thể kể các *hội bách nghệ,* các *phường,* còn gọi là *ty* [2] . Hà Nội ngày xưa có *36 phố phường,* đây không phải là những đơn vị hành chánh, mà là một đơn vị về nghề nghiệp quy tụ những người cùng làm, một nghề : phố hàng Đào gồm những người bán tơ lụa vải vóc, phố Lò Sũ gồm những người bán áo quan, phố hàng Giấy gồm những người bán giấy, phố hàng Lọng gồm những người bán Lọng, Tàn v.v…

Tại nông thôn các làng xã cùng có những *phường,* rõ rệt nhất là tại miền Nghệ, Tĩnh : *phường vải, phường củi, phường đan, phường nón* v.v… Những người đi buôn bán ngược xuôi cũng hợp nhau thành *phường buôn : phường gạo, phường chè, phường củ nâu* v.v…

Các nghệ sĩ chuyên nghiệp, cũng có khi là nghệ sĩ tài tử cùng họp nhau thành phường : *phường chèo, phường tuồng, phường bát âm, giáo phường* [3] v.v…

Về *họ,* đây gồm những người cùng một quê quán làm ăn cư ngụ tại một nơi khác, nhất là ở những đô thị : *họ Bắc Ninh, họ Nam Dinh* v.v… Họ chính là những hội tương tế ngày nay.

*Họ* còn chỉ chung một số người hạn chế cùng nhau lần lượt gom tiền để cho một người lấy. Đây là hình thức *hụi* ở miền Nam.

Họ còn là một tổ chức gồm một số người hạn chế với mục đích tiết kiệm tập thể để dành tiền ăn tết, *họ bánh chưng, họ giò chả, họ gạo, họ thịt* v.v…

Về các hội, có thể kể tới những *hội giải trí, hội chọi gà, hội chơi diều* v.v… gồm những người cùng thích một thú chơi.

Hội còn gồm những người có chức tước danh vọng cùng trong một xã : *hội tư văn, hội văn phả, hội võ phả* v.v…

Những người cùng học một thầy cũng họp nhau thành hội gọi là *hội đồng môn*. Hội đồng môn có mục đích rất cao đẹp đối với thày học : nhà thày có giỗ tết, hiếu hỷ, học trò cùng nhau góp công, góp của giúp thày ; thày chết học trò làm ma, rồi hàng năm nhớ ngày giỗ cúng thày, và ngoài ra cắt lượt nhau viếng thăm gia đình nhà thày, rồi giúp đỡ nếu cần. Ngoài các mục đích trên, những hội viên hội đồng môn còn có mục đích tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, và thỉnh thoảng cùng nhau họp mặt. Điểm này giống các *hội cựu học sinh* các trường ngày nay.

Các bà vãi quy y lên chùa cúng bái ăn chay niệm Phật, họp nhau thành *hội Chư bà.*

Các lão ông già cả trong làng họp nhau thành *hội Quan lão.*

Các ông đồng cùng họp nhau thành *hội đồng nam* và những người có căn thờ chưa thành ông đồng bà cốt có thể có *hội đội bát nhang*.

*Hội đồng tuế* quy tụ tại mỗi làng những người cùng sinh một năm. Có sự tương trợ và có sự họp mặt vui chơi tiệc tùng.

Và còn nhiều hội khác nữa, tất cả các hội được tạo nên đều do tinh thần đoàn kết tương trợ và tinh thần hợp quần

để gây sức mạnh mà có.

*Hàng giáp* và *hàng phe* là những tổ chức gồm các nam phái trong làng với mục đích tế tự.

*Hàng xóm* và *hàng ngõ* gồm những thanh niên đàn ông từ I8 tuổi trở lên ở cùng một xóm hoặc cùng một ngõ. [4]

Phường, họ, hội, giáp, hàng xóm, hàng ngõ đều đã là những tổ chức phổ thông tại miền quê Việt Nam, đôi khi tại ngay các nơi thành thị như 36 phố phường ở Hà Nội, nhưng bên những tổ chức trên, còn có những tục lệ riêng cho từng địa phương, những tục lệ chỉ xuất hiện trong những ngày Hội hè đình đám, nhưng đã nhắc nhở người dân Việt Nam tới tinh thần đoàn kết và hợp quần.

Đây thường là những trò vui chung xuất hiện trong các hội làng, hoặc qua những cuộc ganh đua, hoặc qua những cuộc vui tất cả mọi người cùng tham dự và cùng có một đối tượng chung.

**Những cuộc ganh đua**

Đây là những trò vui trong đó dân làng chia làm đôi ba phe rồi cùng ganh tài với nhau để phân hơn kém định giải. Ở đây mỗi phe muốn thắng tất nhiên phải có một sự hòa hợp đoàn kết giữa người trong phe và phải chịu sự chỉ huy chung của một người.

Ở đây chúng ta có thể nhắc tới tục Đánh Phết ở các làng Thượng Lạp, Bích Đại, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Phúc Yên. Đây là một cổ tục tương truyền lưu lại từ đời hai Bà Trưng. Hai bà trong khi nổi lên chống Tô Định muốn có những đoàn nữ binh can đảm và kiêu hùng chẳng kém gì nam binh, nên đã có một du hí ầm ĩ và đầy chiến đấu tính nhưng cũng đầy hợp quần và đoàn kết tính. Đôi bên chơi Phết, người mỗi bên phải người nọ dựa vào người kia, phải ăn ý với nhau mới thắng được đối phương. [5]

Trong tục thi thuyền trên sông Lô tại hội Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên, cũng là một tục lệ trong đó các người tham dự trong một giáp phải cần hòa hợp với nhau, có sự đoàn kết để chịu sự chỉ huy của người đứng mũi chịu sào.

Xin nhắc sơ qua tục này.

Làng này có bốn giáp : Bộ Đầu, Tiểu Hạc, Đông Nam và Thần Chúc. Mỗi giáp có một chiếc trải bằng gỗ chò dài hơn hai chục thước và rộng chừng thước rưỡi. Chiếc trải có năm chục bơi chèo ở hai bên. Đầu trải uốn hình đầu rồng, và đuôi trải cũng lượn khúc như đuôi rồng. Hàng năm trong dịp hội làng, vào hôm giã đám, làng có cuộc thi bơi trải giữa bốn giáp trên sông Lô. Mỗi giáp phải kén lấy trong hàng dân đinh năm chục tay chèo, một người điều khiển đứng trên mũi trải, cầm chiếc hiệu lệnh riêng của hàng giáp, một người giữ nhịp cho các tay cầm trống đứng ở giữa trải, và một người cầm lái ngồi ở cuối.

Trải muốn bơi nhanh cần có sự hòa nhịp của năm mươi tay, năm mươi người này hợp sức tạo một sức mạnh qua những chiếc bơi chèo để chiếc trải đi đều. Họ phải nghe nhịp trống và phải nhìn theo hiệu lệnh của người đứng mũi chịu sào. Lái thuyền đã có trách nhiệm của người cầm lái.

Trong lúc bơi, nếu một người trong số năm chục tay chèo hoặc trong ba người cầm hiệu lệnh, đánh trống và cầm lái, không ăn ý chung, tự theo ý mình, hậu quả sẽ tai hại cho toàn đội, hoặc trải loạn chèo, hoặc lái loạn ngả, hoặc các tay bơi sai nhịp. Và như vậy, tất nhiên còn làm sao thắng nổi cuộc đua.

Ngay trong những cuộc thi kéo co, hai bên hoặc cùng kéo một chiếc cọc như ở làng Hữu Trấp, hoặc cùng kéo [mội] chiếc dây song như ở làng Tích Sơn, nếu những người mỗi bên tham dự không có tinh thần đồng đội, không cùng cố gắng, làm sao kéo được đối phương ngả về bên mình !

Và cả ngay trong phường bát âm, tám âm thanh cần hòa hợp với nhau mới tạo bản nhạc, trong những buổi tấu nhạc thi tại các hội hè, nếu các nhạc sĩ không chịu ăn ý với nhau, không chịu sự điều khiển chung của một nhạc trưởng, nghĩa là thiếu tinh thần hợp quần và đoàn kết, bản nhạc dạo làm sao được hay để thắng các phường khác cùng tham dự tấu nhạc thi.

Tóm lại trong các cuộc vui có sự ganh đua giữa từng phe từng nhóm, người ở mỗi phe nhóm muốn thắng các phe nhóm khác phải có tinh thần đoàn kết và hợp quần với nhau, đoàn kết để các động tác trong cuộc vui được hòa hợp, còn hợp quần để tạo sức mạnh cần thiết trong cuộc dự tranh.

**Những cuộc vui chung mọi người cùng tham dự**

Ngoài những cuộc ganh đua của từng phe, từng nhóm, tại nhiều địa phương có những cuộc vui chung tổ chức cho toàn thể dân làng, với mục đích khuyến khích hợp quần và củng cố đời sống cộng đồng. Mọi người tham dự trong các cuộc vui này đều có một đối tượng chung.

*Phường săn*

Trước đây, trong tập Phong Lưu đồng ruộng xuất bản lần thứ nhất năm I942, chúng tôi có dịp nhắc tới những phường săn tại các làng ở ven những dãy núi Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, Tam Đảo tỉnh Vĩnh Yên hoặc Ba Vì tỉnh Sơn Tây.

Hàng năm trai làng tại những xã này, ngoài công việc đồng áng hoặc buôn bán, họ có cái thú giải trí đặc biệt là săn bắn. Rỗi rãi, họ đi săn riêng rẽ, nhưng hàng năm bao giờ cũng có một dịp họ đi săn chung với cả làng.

Để dẫn chứng làm thí dụ, chúng tôi xin nhắc tới mấy xã Thanh Lũng thuộc phủ Quảng Oai, Ngọc Nhị và Tòng Lệnh thuộc huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây. Đàn ông con trai thuộc

các xã này ai cũng có súng kíp và biết sử dụng súng kíp, đây là một loại súng vừa bắn vừa nhồi thuốc rất thô sơ, không bị nhà chức trách ngăn cấm kể cả thời Pháp thuộc ; đồng thời họ cũng biết sử dụng lưới gai để chăng bắt những con mồi. Ở đây người ta cũng nuôi những con chó săn – xin hiểu đây là chó ta chứ không phải chó Tây hay chó Mỹ – có nhà nuôi đến cả đàn chó bốn, năm con.

Hàng năm, những xã này đều khai mùa săn bằng một ngày đi săn chung. Riêng tại xã Ngọc Thị, mùa săn thường mở màn vào cuối tháng Tám bước sang đầu tháng Chín âm lịch, sau Tết Trung Thu. Trong làng, những tay săn tổ chức thành Phường, đứng đầu là ông Trùm phường mỗi năm lại thông báo trước cho dân làng biết ngày mở màn mùa săn. Đúng ngày ấn định, ông cho đánh trống triệu tập phường viên tới nhà. Các phường viên kéo nhau tới với đầy đủ súng, lưới và cả chó săn nữa.

Khi phường săn đã tề tựu đủ mặt, có thêm cả dân làng tuy không có chân trong phường, nhưng cũng dự cuộc săn tập thể khai mạc cho mùa săn, ông Trùm phường ra lệnh cho mọi người cùng kéo nhau vào rừng, phân nhau đi các ngả, chăng lưới, xô chó đuổi thú.

Cuộc săn kéo dài đến chiều, và những dã thú săn được dù ít nhiều cũng chia đều cho tất cả phường và người làng đã dự cuộc săn.

Trong cuộc săn tập thể mọi người phải hỗ trợ nhau, việc phân công do ông Trùm phường cắt đặt. Cuộc săn bao giờ cũng thành công.

*Đánh cá*

Chúng tôi đã nói tới tục đánh cá tập thể tại làng Cung Thuận tỉnh Sơn Tây, nơi có đền thờ Tân Viên sơn thần, trong hội làng này [6] . Ở đây chúng tôi không nhắc tới nữa. Nói tới đánh cá tập thể, chúng tôi xin nhắc tới tục làng Như

Xá ở ven sông Nguyệt Đức. Làng này có một con ngòi ăn thông ra sông, nhưng lòng ngòi lại thấp hơn mực nước sông, vì ngòi từ trong núi chảy ra, vào vụ nước, nước ngòi chảy mạnh, tạo nên các xoáy đánh vào bờ, đào lòng ngòi cho sâu hơn. Do đó, năm nào cũng vậy, với mùa nước, nước sông tràn vào, đem theo những đàn cá lớn nhỏ. Rồi nước ngòi biến thành môt mối lợi cho Ngư Xá.

Làng vẫn có lệ cho đấu trưng đánh cá ở ngòi, và hằng năm sau trung tuần tháng Bảy âm lịch, nhất là sau *con nước mã*, ta dùng danh từ này để chỉ nước sông lên cao vào hôm rằm tháng Bảy, ở đình làng có họp hội đồng đề cho trưng thầu việc đánh cá suốt năm. Trước khi cho đấu trưng dân làng tổ chức cuộc đánh cá tập thể toàn dân tham dự tại nơi ngòi.

Tục đánh cá tập thể này rất vui. Ngày hội đánh cá, cả làng đều xuống ngòi đuổi cá chung, bất kỳ già trẻ, và cũng không phân biệt người thôn nào, làng này có ba thôn Thượng Trung và Hạ.

Xuống ngòi đánh cá, mỗi người giữ một phần việc, người chăng lưới, người úp nơm, người xua cá về phía lưới chăng. Các cô gái làng với nụ cười hớn hở, chở thuyền nan đi khắp mọi chỗ để mang cá về bến trước cửa đình.

Cá đánh được, dâng cúng tại đình rồi dân làng chia nhau, mỗi người một xuất.

Hai tục đi săn và đánh cá nêu trên không phải chỉ có ở một vài nơi, thực ra tại nhiều xã ven sông, ven rừng đều có những tục này, nó tạo nên cuộc vui tập thể đề hàng năm dân làng có dịp gặp gỡ nhau.

Tại hai xã Quần Tin và Bàn Thạch, tỉnh Thanh Hóa chẳng hạn, hai xã này nằm dưới chân những đồi núi đầu tiên của dãy Trường Sơn. Hai xã thờ chung một Thành Hoàng, có chung tục đi săn trước khi mở hội tế thần, những thú vật săn được dùng làm đồ lễ. Tế lễ xong, thịt thú được chia

đồng đều cho mọi gia đình đã tham gia vào cuộc đi săn chung của cả hai làng.

**Săn cuốc**

Trong những cuộc vui tập thể để khuyến khích tinh thần đoàn kết và hợp quần, tôi tưởng cũng nhắc tới tục săn cuốc ở các làng Yên Đồ tỉnh Hà Nam, làng Trà Xuyên, tỉnh Bắc Ninh, làng Tích Sơn, Phủ Hưng Hóa, tỉnh Phú Thọ, đã được đề cập ở Chương III.

**Đốn củi**

Như trên đã trình bày, tại vùng Nghệ Tĩnh và nhiều nơi khác, các nghề nghiệp được tổ chức thành phường, và tại những phường này, các phường viên thường làm việc chung với nhau, tuy có khi phần ai người nấy lo và kết quả của ai người ấy hưởng. Thí dụ như Phường củi tại các hạt Can Lộc, Nghi Xuân, Đức Thọ, Thạch Hà. Những phường này hàng ngày vào đốn củi trong rừng núi Hồng Lĩnh được họ mệnh danh là Ngàn Hống.

Họ đi với nhau thành từng đoàn. Đi như vậy vừa vui công việc, vừa có thể hỗ trợ lẫn nhau nếu bất thần có hoạn nạn, như gặp thú dữ, bị cây cối đè, bị té ngã hoặc bất cứ gặp tai nạn gì.

Đi chặt củi trong rừng, không có ngày nhất định với những nghi thức như các tục đi săn, đánh cá hoặc bắt cuốc ở trên. Các phường củi kéo nhau vào rừng chặt củi sau những vụ mùa, khi công việc đồng áng đã vơi.

Họ đi với nhau đông và vui. Để tự khuyến khích cũng như để tạo hứng trong công việc làm, họ cùng nhau ca hát, ca hát lúc ra đi, ca hát lúc đang làm việc và ca hát lúc trở về.

Ngay từ sáng tinh mơ họ đã sửa soạn ra đi, thanh nam thanh nữ cũng như mọi người khác, ai nấy đều sẵn sàng mo cơm đòn sóc, lạt buộc họp nhau ở ngã ba đường cùng

đi thành từng hàng vào rừng. Họ leo núi, băng suối tới nơi có nhiều củi.

Vào tới rừng, họ tản mát mỗi người một bụi để chặt củi.

Công việc vất vả, họ vui vẻ làm. Trưa họ nghỉ ăn cơm rồi lại chặt cho đến khi đến chiều.

Vừa chặt củi, thỉnh thoảng văng vẳng vang lên một tiếng hát :

*Không đi thì nhớ thì thương,*

*Ra đi lên động xuống truông nhọc nhằn.* [7]

Câu hát nói lên sự nhớ thương của họ đối với rừng núi, và cũng nói lên sự nhọc nhằn của họ khi chặt củi.

Họ hát để tả sự nhọc nhằn, như đã nói đến ca hát là có yêu thương, họ hát nhiều hơn là những khúc hát yêu đương :

*Đợi chờ anh với em ơi,*

*Mai sau lên ngược xuống xuôi anh chờ.*

Tiếng hát vang lên trong khu rừng ở một bụi nào, hòa với tiếng dao chặt vào củi như làm nhịp cho câu hát. Một tiếng hát cất lên ở bụi này, lập tức ở bụi kia có tiếng hát êm ái đáp lại :

*Lên rừng những lách cùng lau,*

*Những săng cùng cỏ biết anh đâu mà chờ.*

Tiếng hát ở bụi thứ hai vừa dứt, ở một bụi thứ ba, lại có tiếng vọng lên :

*Tiếng ai nói với bên non,*

*Muốn sang coi thử có dòn hay không ?*

Có câu hỏi ắt có câu trả lời :

*Một ngày hai bận trèo non,*

*Còn gì mà đẹp mà dòn hỡi ai ?*

Với những câu hát thời gian không chậm lại. Pha vào đấy lại có tiếng nói câu cười tạo cho khu rừng rậm rạp một khung cảnh vui vẻ, rộn ràng đầy sinh khí. Trời chẳng mấy lúc đã ngả về chiều, và củi mọi người chặt xem chừng cũng đã nhiều. Họ lại gọi nhau ra về.

Đoàn người gánh củi trên vai lại đi thành hàng trở về làng. Ra khỏi rừng có người còn quay nhìn như luyến tiếc, và có khi một câu hát lại được cất lên :

*Ra về chỉ một ngóng theo,*

*Ngóng rừng rừng rậm, ngóng đèo đèo cao.*

Tiếng hát vang, bước chân nhịp nhàng, phường củi thoăn thoắt bước, gánh củi kẽo kẹt trên vai, chẳng mấy lúc đã về tới làng.

Một câu hát của người đi đầu báo tin cho làng xóm biết phường củi đã về :

*Động cơn (cây) Mai thì hốc (dốc)*

*Động trọ Đó thì dài*

*Ra đến động Hai vai*

*Thậm chừng chi là khỏe*

*Chi thậm chừng là khỏe.*

Câu hát của người đi đầu vừa dứt, mọi người đi sau đồng thanh tiếp vào hai tiếng Hay chừa (dã thay chưa).

Thật là vui, thật là vui. Củi được nhiều, một ngày qua không phí một ngày.

Trên đây là một số cổ tục nói lên hợp quần tính vào đoàn kết tính của dân tộc Việt Nam. Đây chỉ là một số nhỏ được nêu ra, trong hàng trăm nghìn các cổ tục khác chúng tôi không biết xuể.

---

1 Đào duy Anh, Việt Nam Văn Hóa sử cương, Saigon l65l, tr.323.

2 Xin xem Làng Xóm Việt Nam của soạn giả.

3 Hát ả đào.

4 Xin xem chi tiết trong Làng Xóm Việt Nam của soạn giả.

5 Về chi tiết trò chơi này đã nói trong mục chiến đấu tính.

6 Xem chương I.

7 Động là con đường lên dốc núi, truông là con đường hẻm giữa hai trái núi.

# VIỆC NỘI TRỢ VỚI HỘI XUÂN [1]

Chúng tôi được Chi hội Thư viện Việt Nam mời nói chuyện nhân dịp phát giải thưởng cuộc thi chuyện ngắn học sinh. Nhận lời nhưng chúng tôi phân vân không biết lựa đề tài gì cho hợp với khung cảnh của ngày hôm nay, hợp với ý nghĩa buổi phát thưởng, và nhất là câu chuyện bớt nhạt nhẽo để hầu chuyện thú vị.

Ông Chi Hội Trưởng ngỏ ý muốn chúng tôi trình bày một câu chuyện có tính cách văn hóa và khêu gợi lại ít nhiều nếp sống cổ truyền của tổ tiên chúng ta để phù hợp với phong trào về nguồn đang rồn rập diễn tiến trong mọi giới nhất là trong giới Sinh viên và Học sinh.

Một câu chuyện có tính cách văn hóa lại hợp với phong trào về nguồn, hợp với khung cảnh của cố đô Huế ngày hôm nay, mà lại hợp cả với cái không khí tưng bừng của ngày xuân chưa hết. Tôi nghĩ ngay tới những Hội xuân dân tộc, nhũng Hội xuân này hầu như đang đi vào dĩ vãng, mặc dầu ở bên này vĩ tuyến I7 tại nhiều làng xã, hằng năm vẫn còn diễn lại những tục lệ cổ xưa, mỗi độ xuân về.

Bởi vậy hôm nay chúng tôi xin hầu chuyện quí vị về Hội xuân dân tộc, nhưng chúng tôi xin phép được hạn chế và chúng tôi chỉ xin nói về việc *Nội trợ với hội xuân*.

**Huế đẹp**

Trước kia, khi chưa có dịp được đặt chân tới xứ Huế, chúng tôi thường được nghe và được đọc những lời ca tụng về Huế đẹp và thơ, Huế mộng và mơ, Huế đẹp với con sông Hương êm ả xanh ngắt, Huế thơ với hồ Tịnh Tâm yên lặng ngát hương sen, Huế mộng với chùa Thiên Mụ văng vẳng tiếng chuông chiều ở phía ngoại châu thành, với cảnh trí như ra ngoài cõi tục, Huế mơ với núi Ngự Bình đủ

cây xanh cỏ lạ với hoa muôn sắc bướm muôn màu ! Chúng tôi cũng lại được nghe ca tụng về lăng tẩm đền đài và nhất là về các cô gái Huế xinh như mộng, đẹp như những bài thơ hay, duyên dáng kiều diễm như những giai nhân đẹp nhất trong những câu chuyện thần tiên êm ái nhất !

Chúng tôi ước ao được thăm xứ Huế, ước ao được mắt thấy tai nghe những cảnh vật, những con người xưa nay, chúng tôi chỉ nhìn qua những trang sách, qua những lời ca tụng của những người đã đi qua xứ Huế.

Chúng tôi đã thỏa nguyện, khi vào cuối năm l942, chúng tôi có dịp ghé Huế.

Ở trên xe hỏa bước xuống, chúng tôi đã được ngay nhà văn Trương Chính, tác giả cuốn phê bình văn học Dưới Mắt Tôi và cuốn Hương Hoa Đất Nước đón tiếp rất nồng hậu, sự đón tiếp nồng hậu này đã tăng thêm cảm tình chúng tôi sẵn có với Huế từ lâu.

Ra khỏi nhà ga không xa, chúng tôi thấy ngay cảnh mộng và mơ, ngay cảnh đẹp và thơ của xứ Huế. Con sông Hương đã ở ngay trước mắt chúng tôi với một vẻ yên tĩnh khả kính, và tất cả không khí chúng tôi đang thở hít đều trầm lặng êm ái như ru ! Và chúng tôi đã gặp những cô gái Huế ! Tà áo tím bay phấp phới, dáng điệu dịu dàng, nét mặt thanh tú, má hồng môi tươi thắm. Với cái tuổi gần ba mươi, bỗng nhiên chúng tôi đã biến thành chàng :

*Học trò xứ Quảng ra thi,*

*Gặp cô gái Huế chân đi không đành.*

**Một khía cạnh đẹp của người xứ Huế**

Chúng tôi ghi nhận tất cả cái đẹp của cảnh, của người và đã dành cho xứ Huế tất cả những cảm nghĩ tốt đẹp nhất. Cảm nghĩ này càng tăng lên gấp bội, khi tôi được thấy thêm ở Huế, hay nói đúng hơn ở phụ nữ Huế một khía

cạnh đẹp khác mà không sách báo nào nói tới, chưa một người bạn nào nhắc qua !

Chúng tôi theo anh Trương Chính về nhà, và chính ở nhà anh bạn, chúng tôi đã nhận ra khía cạnh đẹp này, một cái đẹp chúng ta không thể nào cảm thấy qua thị giác, thính giác và súc giác, chúng ta chỉ thưởng thức được qua khứu giác và vị giác.

Khía cạnh đẹp này đã xuất hiện qua bữa cơm của vợ chồng anh Trương Chính đãi chúng tôi, bữa cơm do chính bàn tay khéo léo của chị Trương Chính sửa soạn. Thưa quí vị đây là cái đẹp trong công việc nội trợ của người phụ nữ xứ Huế.

Hôm đó trời lạnh, canh nóng cơm dẻo, lại thêm đồ xào nấu đều nóng sốt thơm ngon, càng làm cho chúng tôi thấy cái giá trị của những món ăn khéo nấu, của nồi cơm khéo thổi, và đã tăng sự ngon miệng cho người ăn. Ở đây chúng tôi không nói tới sự đon đả khéo léo của chị Trương Chính luôn mời mọc để chúng tôi nếm thử món ăn xứ Huế. Bữa cơm ngon lành cách đây 30 năm, nhớ tới, chúng tôi tưởng như mình vừa được thưởng thức xong. Cái khung cảnh ấm cúng của gia đình bạn, cách bày biện món ăn, sự sạch sẽ của bát đũa, tất những điều đó làm cho bữa cơm đã ngon càng ngon hơn.

Cơm nước xong, buổi tối hôm đó, trước khi đi ngủ, chị Trương Chính mang vải ra khâu vá, đôi bàn tay chị dẻo dang, mũi kim đi thoăn thoắt, chúng tôi thấy chị thật là một người nội trợ đáng khen. Hỏi, chúng tôi được anh Trương Chính cho biết, tất cả những quần áo mặc trong nhà của vợ chồng con cái đều do chị tự tay khâu lấy.

Đã mến phục người phụ nữ xứ Huế, qua sự khéo léo chăm chỉ của chị Trương Chính, chúng tôi càng có nhiều thiện cảm hơn với những người mẹ và những cô gái Huế. Và sau mấy ngày sống ở Huế chúng tôi được hiểu hơn về

những đức tính đáng quý trong gia đình của người đàn bà xứ Huế.

**Nữ công với phụ nữ Việt Nam**

Thực ra, điều này cũng chẳng có chi là lạ : Các bà mẹ Huế, các cô gái Huế, cũng chỉ là những người phụ nữ Việt Nam, và đã là người phụ nữ Việt Nam với nếp sống cổ truyền qua quan niệm nam ngoại nữ nội của các cụ xưa, mấy ai không phải là một nội tướng, và đã là các bà nội tướng có mấy bà là không đảm đang trong công việc nội trợ gia đình. Cái đức tính cần cù nhẫn nại lo cho gia đình, chăm sóc cho chồng con, vốn là cố hữu của người đàn bà Việt Nam, và với đức tính cố hữu này, người đàn bà càng chú ý tới công việc nội trợ, từ đường kim mũi chỉ đến bánh trái bếp núc.

Gia dĩ, các bậc phụ mẫu lại luôn luôn muốn con gái phải biết việc gia đình, biết từ trong bếp biết ra, qua công việc thổi nấu vá may đến việc dọn dẹp xếp đặt cửa nhà, do đó cha mẹ luôn luôn thúc đẩy các cô phải học làm học ăn, kẻo mai sau, thành gia thất, không lo nổi việc gia đình sẽ mang tiếng là vụng dại. Các bà hiền mẫu không bao giờ sao nhãng truyền dạy cho con cái những bí quyết này có bí quyết thờ chồng nuôi con, và trong những bí quyết này có bí quyết để thổi cơm cho dẻo, nấu nồi canh cho ngọt, và chính những món ăn giản dị đơn sơ đó đã là nguồn gốc của sự êm ấm gia đình. Vũ Bằng trong Miếng ngon Hà Nội có viết : « Một nồi cơm Tám ăn với thịt rim, bát canh cần bốc khói xanh nghi ngút ; mấy quả cà Nghệ dòn tan… tất cả những thứ đó gợi cho ta một nỗi thèm ước mờ mờ, nhưng làm rung động tới những nơi thầm kín nhất của lòng ».

Và những lúc xa quê hương ông đã nhắc : « Những lúc đó, ta không thể không liên tưởng tới những ngày dịu ngọt bên cạnh mẹ già, vợ dại dưới mái nhà cũ rêu phong. Ngọn đèn không sáng lóe, nhưng đủ soi một cách thân mật vào những mái tóc thân yêu, tiếng ca hát không nhiều nhưng đủ

làm cho tim ta ấm áp ; mà bữa cơm tuy là thanh đạm, nhưng đủ để cho ta ngon miệng hơn là ăn vây, ăn yến ! ». [2]

Những bữa cơm thân mật, những miếng ngon gia dụng, đó là những điều các bà nội trợ Việt Nam không bao giờ sao nhãng và cũng không thể nào sao nhãng được nếu muốn giữ hạnh phúc gia đình, nếu muốn cảnh nhà êm ấm, chồng vui con sướng, nhất là những ai gặp phải đức ông chồng đãng tử bị những bóng dáng yêu kiều làm cho say sưa, bị xô đẩy theo hương bốn mùa đi theo những phương trời xa lạ, mà muốn những người đàn ông lạc phách này một buổi chiều đông kia, họ chợt nhớ lại, nhớ lại để trở về thấy gia đình ấm cúng chân thật và để họ thấy lòng ân hận vì cảm thấy chỉ có người vợ tấm mẳn mới là người chung thủy với mình. Lúc đó, một cái nhìn âu yếm, một bữa cơm đơn sơ nhưng thanh khiết ngon lành sẽ làm dậy cả một thời ân ái xưa kia như tan biến, và thời ân ái này sẽ trở lại có phần thơm ngát hơn xưa !

Các cụ xưa muốn bảo toàn hạnh phúc gia đình, các cụ lại muốn con cái cũng noi gương mình. E rằng những việc thúc giục khuyên răn trong gia đình chưa đủ để con cái noi theo, các cụ muốn đề cao những công việc nội trợ, để những bậc hiền phụ và những cô gái siêng năng phải hãnh diện về công việc mình, dù đây chỉ là những công việc nhỏ nhặt, thổi nồi cơm, khâu manh áo, nấu bát canh, muối hũ-cà. Đề cao việc nội trợ bằng cách để hàng xã, có khi cả hàng tổng trông vào và khen ngợi những cô gái thổi cơm khéo léo, đồ nồi xôi dẻo thơm, cắt chiếc áo, chiếc quần mau lẹ, khâu áo, khâu quần với mũi kim đều đặn, với đường chỉ ngay thẳng trong một thời gian nhanh chóng nhất, hoặc những cô gái đưa thoi dệt tấm lụa tấm vải mịn màng v.v…

Sự đề cao những công việc thủ công nội trợ này thực hiện trong những buổi Hội Xuân dân tộc, với sự chứng kiến hầu như của toàn thể dân xã, và của rất đông khách thập

phương từ các làng lân cận hoặc có khi từ những nơi xa xôi tới xem hội.

**Hội hè dân tộc**

Nói tới hội xuân dân tộc chúng ta phải trở lại từ thời kỳ tiền Đệ nhị thế chiến, cái thời mà phong tục tập quán của dân ta chưa chịu nhiều sự biến đổi phũ phàng trước áp lực của thời cuộc, hay ít nhất cũng từ đầu năm Ất Dậu (I945) trở về trước. Thời đó với những sinh hoạt cổ truyền theo tổ chức xã hội, trong một nếp sống nông nghiệp của tiền nhân, chúng ta có những phong tục tập quán biểu lộ dân tộc tính Việt Nam với những cái hay cái đẹp, trong số đó có những Hội hè đình đám, đã được nhiều thi gia văn sĩ nhắc nhở tới :

*Mùa thu có những hội làng,*

*Có cây đu buổi xuân sang dập dìu.*

*(Bàng bá Lân)*

Những Hội hè đình đám này đã chứng tỏ ý niệm thiêng liêng tôn giáo của người dân qua nghi lễ, đã nêu cao lòng biết ơn của người dân với các bậc anh hùng đất nước cũng như với chư vị thần linh được dân xã tôn thờ, lại còn là những dịp để người dân ôn lại lễ nghi, nhớ lại phong tục.

Ngoài ra đây cũng là những dịp để thắt chặt thêm tình thân ái giữa dân làng, có khi giữa dân các làng lân cận bởi những sự giao hảo đi lại qua tục lệ hoặc qua sự góp mừng chia vui.

Hội hè đình đám thường cử hành về mùa xuân hoặc mùa thu, trong những thời gian người dân quê được nghỉ ngơi rảnh rỗi.

Về hội hè đình đám mùa xuân, hôm nay chúng tôi nhắc tới qua mấy tiếng hội xuân dân tộc, ca dao ta có câu :

*Tháng Giêng ăn Tết ở nhà,*

*Tháng Hai cờ bạc, tháng Ba hội hè.*

Câu ca dao này đã nói lên tất cả sự nhàn rỗi của người dân quê nhất là dân quê Bắc Việt và miền Bắc Trung Việt trong mấy tháng Xuân. Đấy là lúc cấy chiêm đã xong, mùa gặt tháng năm chưa tới, người dân quê có thì giờ giải lao ăn Tết và mua vui với hội hè. Quanh năm vất vả với nghề nông, đầu tắt mặt tối, hết công việc đồng áng đến công việc vườn tược, rất ít dịp người dân quê được nghỉ ngơi. Hàng năm chỉ có hai dịp xuân thu là nhàn rỗi nhất và cũng chỉ những lúc này họ mới có thể cùng nhau chia vui để hưởng thú thanh bình.

Vả chăng, bắt đầu Xuân là bắt đầu một năm mới, Xuân tới là Đông đã qua, cái mùa rét mướt đã hết. Tiết Xuân ấm áp khiến con người thêm khỏe khoắn, thêm lanh lẹ, con nhà nông hết phải lo vì trời lạnh, đêm dài, hết phải lo vì đất nẻ ruộng khô, hết phải lo vì mưa phùn gió bắc. Người ta có thể hưởng thụ những ngày Tết đẹp của mùa Xuân.

Người Việt Nam ta xưa nay khi làm việc cũng như lúc vui chơi giải trí, để giảm sự nhọc nhằn và tăng phần hứng thú, tinh thần đoàn kết thường thấy thể hiện qua mọi sinh hoạt, làm lụng hoặc tiêu khiển mua vui. Người ta làm việc trong quây quần đoàn tụ, người ta không nghỉ ngơi riêng rẽ, bởi vậy trong dịp Xuân, vui Xuân người ta không muốn vui riêng rẽ, người ta muốn vui chung cùng họ hàng thân thuộc, cùng bạn hữu xa gần, cùng mọi người quen kẻ biết ở làng trên xã dưới. Người ta kéo hội làng để toàn dân chúng trong thôn ngoài xã cùng vui, vui cả với dân hàng Tổng, hàng Huyện và có khi xa hơn nữa !

Chúng ta đừng lấy làm lạ nếu mỗi lần Tết đến Xuân về, làng làng đều mở hội với những cuộc tế lễ long trọng, với những cuộc vui tưng bừng nhộn nhịp. Biết bao người quanh năm phải xa quê hương vì sinh kế, ngày hội làng cũng cố về làng để lễ Thánh và xem hội.

Ở đây, chúng tôi xin phép không nói tới khía cạnh thiêng liêng về tôn giáo với những cuộc tế lễ rước xách của hội Xuân, chúng tôi chỉ xin phép đề cập tới khía cạnh vui chơi ngày hội của dân làng, khía cạnh xem hội của khách làng trên xã dưới của những người thành thị trở về.

Hàng năm dân làng mở hội trước là để tế lễ thần linh, bày tỏ lòng tri ân của làng xã đối với thần linh đã phù hộ cho trong thôn ngoài ấp được yên ổn làm ăn, phong đăng hòa cốc, nhưng cùng với những cuộc tế lễ thường thường có những trò vui cho dân làng thưởng thức, và chính những trò vui này đã kéo khách thập phương đến xem hội. Những trò vui này ; các cụ gọi là trò bách hí, thay đổi tùy từng hội làng, tùy từng địa phương và tùy cả vị thần linh do dân mỗi làng thờ phụng.

Có những trò bách hí dành cho người trí thức, có những trò bách hí dành cho giới bình dân, có những trò vui người già ưa thích, có những trò vui bạn trẻ say mê.

Có nhiều thú vui thật là tao nhã, nhưng lại có những trò vui thật là thô bạo cục cằn, nhưng rút lại trò vui nào cũng đều mua vui cho khách dự hội.

Chúng tôi rất tiếc trong phạm vi buổi nói chuyện hôm nay, chúng tôi không đủ thì giờ để trình bày cùng quý vị một số các trò vui chúng tôi đã từng được tham dự và say mê khi tuổi trẻ, nhưng dù sao chúng tôi cũng xin lược kể qua dăm ba trò bách hí.

Đối với các cụ già, tại hội hè nào dân làng cũng nghĩ tới cuộc giải trí của các cụ : các cụ có thể chơi tổ tôm điếm, đánh bài chòi hoặc các cụ có thể cầm chầu cho các ca nhi hát thờ, các cụ bà có thể tới chùa *kể hạnh* nhắc nhở cho con cháu những đức từ bi, những việc làm vị tha của chư Phật, chư Bồ Tát.

Giới bình dân thì xem hát Chèo ở ngoài Bắc, hát Bộ ở miền Trung và miền Nam, trai gái có những thú vui ca hát : hát

quan họ, hát ví, hát đúm, hát đò đưa… hoặc đốt pháo ném nhau, tung cầu bói nhân duyên, hoặc như ở mạn ngược miền Bắc, ném Còn và hát Lượn, và thích thú nhất là cùng nhau đánh đu đôi, một trai một gái lên cây đu, đu cao vút, cao vút, bốn mắt chỉ biết nhìn nhau hầu như quên cả ngoại cảnh.

Có những trò vui khuyến khích tinh thần đoàn kết như đánh phết, thi thuyền, kéo co… lại cũng có những trò vui nêu cao tinh thần thượng võ như đánh Trung Bình Tiên, đánh Vật, Cờ lau tập trận, Diễn trận giết giặc Ân… và những trò vui thô bạo đến cục cằn, chúng tôi xin được phép nhắc tới những trò Quật bò, Đánh bệt chúng tôi đã trình bày trong Bách Khoa số Xuân Tân Hợi, cùng với nhiều trò chơi khác mang nặng chiến đấu tính.

Không biết chúng tôi có nên nhắc tới một số các trò vui đề cao năng tính, đầy luyến ái tính như những tục diễn lại động tác sinh lý của con người hoặc thờ sinh thực khí tại một số làng xã Việt Nam chăng ? [3]

**Cổ tục đề cao việc nội trợ**

Đại đề trên là một số trò bách hí chúng ta đã thấy tại các hội Xuân dân tộc… Chúng tôi chưa nói tới những trò vui dành riêng cho chị em phụ nữ, và những trò vui này chính là những trò vui có mục đích đề cao công việc nội trợ, khuyến khích người phụ nữ phải chăm lo việc nhà, phải tập tành từ việc bếp núc đến đường kim mũi chỉ. Thưa quý vị đây chính là những cuộc thi về công việc nội trợ, thi nấu cơm, thi thổi xôi, thi làm cỗ, thi dệt vải, thi may cắt quần áo và thi cả dỗ trẻ em nữa.

Bậc làm cha mẹ ai cũng muốn cho con hay và ai cũng muốn sửa soạn để tạo hạnh phúc gia đình cho con cái sau này, nhất là đối với các cô con gái. Muốn giữ lấy hạnh phúc gia đình, theo các cụ, phụ nữ khi đã lập gia đình, trước hết phải là một nội tướng giỏi để có thể làm đầy đủ được

nhiệm vụ nội trợ tề gia. Một người vợ không biết việc nhà không phải là một người vợ đảm, muốn đảm đương việc nhà phải hiểu biết hết mọi việc bếp núc vá may.

Một người chồng mệt nhọc về công việc đồng áng, hoặc bận rộn đến bực mình vì công việc bên ngoài, khi trở về nhà chỉ cần nụ cười tươi tắn của vợ bên mâm cơm thanh đạm nhưng cơm dẻo canh ngọt là bao nhiêu sự mệt nhọc, bao nhiêu sự bực mình đều tiêu tán !

Muốn vợ con mình, muốn phụ nữ trong làng ai nấy đều chăm lo công việc nội trợ, việc nội trợ phải được khuyến khích, phải được đề cao và mang hãnh diện lại cho những bàn tay phụ nữ khéo léo : những cuộc thi về gia chánh, về thêu thùa vá may đã trở nên những trò bách hí trong những ngày hội Xuân dân tộc.

Công việc gia chánh tuy ít mà nhiều, có những thứ đã là phụ nữ thì phải biết, có thứ biết được càng thêm hay, không biết cũng không phải là một điều khiếm khuyết. Trong những cuộc thi về gia chánh tại các hội Xuân, các cụ ta xưa đã chú trọng nhiều tới những công việc mọi phụ nữ đều phải biết nếu muốn là người nội trợ được chồng thương yêu, được con mến phục : thổi cơm, nấu thức ăn, làm những bánh trái thông thường, may cắt quần áo.

Ai cũng biết rằng, hễ nói về gia chánh Việt Nam, công việc đầu tiên là phải biết thổi nồi cơm. Nồi cơm ngon, dù kém thức ăn, bữa cơm vẫn có thể ngon được, trái lại, nếu nồi cơm trên sống, dưới khê, tứ bề nát bét, thì dù trong bữa ăn, thức ăn có là sơn hào hải vị, bữa cơm cũng không thể nào ngon, món ăn chính là nồi cơm đã hỏng, thức ăn chỉ là phụ, làm sao đem sự ngon cơm tới cho người ăn được.

Thổi cơm là cả một nghệ thuật, phải có trau dồi nghệ thuật mới tiến, bởi vậy trong các cuộc vui về gia chánh tại các hội xuân, thi thổi cơm được nhiều làng chú trọng tới.

Tuy không được biết tại tất cả những làng nào có thi thổi cơm trong dịp hội Xuân, nhưng chúng tôi đã từng được chứng kiến tại một vài làng trong cuộc thi này như làng Tích Sơn, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Yên, làng Chuông, tỉnh Hà Đông. Ngoài ra chúng tôi cũng có ít nhiều tài liệu về những cuộc thi thổi cơm tại các làng khác, ngày hôm nay chúng tôi xin được phép trình bày cũng quý vị.

**Thi thổi cơm tại làng Từ Trọng**

Làng Từ Trọng thuộc phủ Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa có đền thờ ông Lê phụng Hiểu, một danh tướng đời Lý, làm tôi trải hai đời vua Lý Thái Tổ và Lý Thái Tôn. Đền xây tại rừng Mã Cương, một khu rừng của làng sát với thôn Hạc Đình, một thôn của làng. Hội đền này, hàng năm mở từ 30 Tết đến hết ngày mồng 7 tháng Giêng.

Ngoài những buổi tế lễ và rước xách, hội có nhiều tục lệ và trò vui như tục đi tảo mộ cuối năm, tục thi tuyển nữ quan, nữ quan hát thờ và những cuộc thi về gia chánh : Thổi cơm, đồ xôi, làm bánh.

Thi thổi cơm và đồ xôi tổ chức cho các thiếu nữ trong làng tham dự, và chỉ những người nào trúng cuộc thi này mới có hy vọng thi tuyển nữ quan.

Thực ra thổi cơm và đồ xôi là những công việc bất cứ người con gái nào ở làng Từ Trọng cũng biết, nhưng trong cuộc thi, thì đây lại là một công việc rất khó khăn, vì các nữ thí sinh không được thực hiện công việc này ở ngay trong bếp, phải thực hiện trên một chiếc thuyền nan bơi trên Đầm Giang Đình, chiếc đầm của làng, nghĩa là ở ngay ngoài trời trên mặt nước, thuyền nan không có mui. Có năm trời mưa phùn, thêm gió đầm lùa tứ phía, khiến việc thổi cơm đồ xôi càng thêm khó khăn hơn. Hơn nữa, dùng để nấu cơm đồ xôi, không ai được dùng than củi của riêng mình, mỗi nấu cơm do ban giám khảo phân phát và gồm toàn bã mía tươi

khó bén lửa, rất dễ tắt, nếu thí sinh hơi vụng về và thiếu kiên nhẫn trong công việc gầy bếp nhóm lửa.

Cuộc thi này bắt đầu từ sáng tinh sương ngày giáp Tết.

Sáng hôm đó, dọc theo bờ đầm Giang Đình, dân làng đã cho neo sẵn hàng trăm chiếc thuyền nan, loại thuyền thúng, tròn như cái thúng, nhưng có cạp thêm ở hai bên theo đường kính hai vành bơi chèo, tạo cho chiếc thuyền thúng một hình thoi nhọn hai đầu.

Dự cuộc thi nấu cơm, đồ xôi này, có cả hàng trăm trinh nữ trong làng, có khi số thí sinh lên đến hai trăm.

Sau hồi trống lệnh đầu tiên của ban tổ chức hội làng, các thí sinh trinh nữ, mỗi cô một con thuyền, mang theo hai bộ đầu rau hoặc hai chiếc Kiềng ba chân để làm bếp cũng với mọi vật liệu cần thiết : *rơm ướt làm đóm, bã mía tươi làm mồi nấu* [4] , nồi, chõ, gạo nếp, gạo tẻ…

Các cô chèo thuyền ra giữa đầm, chuẩn bị, bắc bếp, đặt nồi, vo gạo sẵn sàng rồi chờ hồi trống thứ hai của ban giám khảo ra lệnh bắt đầu cuộc thi, một hồi trống dài điểm thêm ba tiếng sau cùng ! Tiếng trống dứt, cuộc thi mới bắt đầu. Lúc đó các cô thí sinh mới được nhóm lửa, nhóm cả hai bếp để vừa đồ xôi vừa thổi cơm. Các cô được tự do muốn thổi cơm trước hay đồ xôi trước tùy ý, hoặc nếu khéo léo, có thể làm hai việc một lúc. Cốt sao cho nhanh cho chóng, thổi cơm đồ xôi xong, các cô chèo thuyền vào bờ *nộp bài* cho ban giám khảo. Cô nào xong trước được tăng điểm, nhưng cơm phải dẻo và xôi phải ngon. Nếu cơm sống, khô hay nát, xôi rắn hoặc quá nhão đều bị loại.

Thực ra có thể nói được rằng tài đồ xôi, thổi cơm của các cô cũng không hơn kém nhau bao nhiêu, cô nào cũng được các bà mẹ luyện tập cho tinh xảo từ trước, lửa phải để thế nào, gạo phải vo làm sao, và nước phải đổ đến mức nào. Khó khăn đối với các cô là ở chỗ nhóm bếp thổi lửa,

và phải giữ sao cho thuyền khỏi tròng trành, thuyền thúng lại là loại thuyền rất nhẹ dễ tròng trành, và khi đã tròng trành , bếp lửa sẽ hướng ra phía gió và sẽ rất dễ tắt.

Ngày hội, nếu lại gặp bữa mưa phùn gió bấc, các cô sẽ trải qua một cuộc thi vất vả, nhưng không phải vì vất vả mà các cô không thắng được khó khăn. Có thể nói được rằng, muốn tham dự kỳ thi cầu kỳ này, các cô đã trau dồi nghệ thuật thổi xôi nấu cơm ngoài mưa phùn có hàng tháng từ trước. Các bà mẹ đã dạy các cô cách nhóm lửa bằng mồi ướt, cách thức thổi lửa mỗi khi bếp tắt, nhất là cách chọn hướng kê bếp lựa theo chiều gió, lợi dụng gió để nhóm bếp cho dễ dàng, và sau đó là cách che bếp để giữ ngọn lửa được đều hòa, không bị gió lùa đưa ra ngoài bếp làm cho tắt bếp.

Lửa giữ đều, nước trong nồi sôi đều, gạo trong nồi nở đều tất nhiên cơm phải ngon, xôi phải dẻo. Các cô cũng được sự chỉ dẫn am tường của các bà mẹ về cách ước lượng thời gian từ lúc nước sôi đổ gạo vào chõ, chét nồi đáy cho kín cho đến khi xôi được chín dẻo đúng mức. Để khỏi sai nhầm, các cô dùng những nén hương đốt cháy để biết nồi cơm, chõ xôi đã vừa chín chưa !

Trong lúc các trinh nữ thí sinh *làm bài thi* ở dưới đầm, ở trên bãi Giang Đình, dân làng và cả dân các xã lân cận đông đúc đứng xem, trong số đó có rất nhiều bà mẹ đã huấn luyện cho con gái, sốt ruột chờ kết quả của chõ xôi, nồi cơm của con.

Kết quả bao giờ cũng tốt đẹp, thường thì nồi cơm nào cũng ngon, chõ xôi nào cũng dẻo, tài bếp núc của các cô đã được công nhận qua buổi thi này, và nhờ buổi thi này có nhiều cô được lọt vào mắt nhiều bà mẹ đang kén vợ cho con trai.

Thi thổi cơm và đồ xôi dưới thuyền nan tròng trành, giữa mưa phùn, giữa trời gió, không phải các cụ chỉ có một mục

đích khảo việc nội trợ của các cô, chính ra đây cũng là một cuộc thử thách về lòng kiên nhẫn, về sự ứng phó với hoàn cảnh và nhất là về sự bình tĩnh của các cô trước mọi khó khăn, những khó khăn có thể làm cho các cô bối rối thổi hỏng nồi cơm, đồ hỏng nồi xôi, nhất là các cô biết trên bờ đầm có hàng trăm con mắt đang chú ý theo dõi công việc mình làm, trong đó có cả cặp mắt của một chàng trai nào đang theo đuổi mình.

**Thi thổi cơm tại làng Chuông**

Làng Chuông tỉnh Hà Đông, hàng năm cũng mở hội vào dịp đầu Xuân, chúng tôi rất tiếc không nhớ rõ ngày nào, và trong những ngày hội cũng có tục thổi cơm thi.

Ở đây cuộc thi đặt cho cả nam giới và nữ giới.

Riêng với nữ giới, cuộc thi có những điều rất kỳ lạ. Có thể nói đây cũng là một cuộc thi giữ trẻ em nữa ! Các cô thí sinh vừa thổi cơm vừa phải trông một đứa trẻ không phải là em là cháu mình, phải dỗ dành sao cho nó không khóc.

Các cô thổi cơm ở sân đình, lẽ tất nhiên các cô đều là những trinh nữ. Vừa thổi cơm, mỗi cô phải bế một em nhỏ chừng 6,7 tháng, và đặc biệt nhất, là bên cạnh mỗi cô có vẽ một vòng tròn bằng vôi to bằng cái nia trong thả con cóc. Ngoài việc thổi cơm và giữ trẻ, các cô còn một công việc thứ ba : chăn con cóc, giữ nó trong vòng vôi.

Thật là ngộ nghĩnh, nhưng cũng thật là khó khăn, ngộ nghĩnh đối với khán giả, nhưng khó khăn đối với các thí sinh. Công việc càng khó khăn hơn nữa là trong khi các cô thổi cơm, có một số trẻ em lớn tuổi, có khi có cả những chàng trai xúm đến trêu chọc cho em bé khóc hoặc dậm dộ cho con cóc nhảy.

Các cô đã thắng tất cả những nỗi khó khăn đó, nồi cơm thổi vẫn chín, vẫn dẻo.

Chắc trong quý vị có người nghĩ rằng đây là một cuộc thi ngộ nghĩnh cốt mua vui cho khách xem hội ! Điều đó đúng, nhưng bên cuộc mua vui này, cuộc thi còn nhằm những mục đích khác :

- Luyện cho các cô gái, trong mọi hoàn cảnh khó khăn bận rộn vẫn thổi được một nồi cơm ngon và dẻo.

- Luyện cho các cô đức tính chịu đựng, trước mọi sự quấy phá của đám thanh niên và trẻ em trong làng, chọc ghẹo em bé do cô phụ trách để nó quấy khóc và dậm dộ con cóc cho nó nhảy ra khỏi vòng vôi.

- Thử thách sự lanh lẹn của mỗi cô trong công việc, làm ba việc khó khăn trong một lúc, vẫn có kết quả : cóc vẫn nằm trong vòng vôi, em bé vẫn không khóc và nồi cơm vẫn chín với độ ngon thơm.

Trên đây là cuộc thi thổi cơm của phụ nữ làng Chuông. Làng này còn có cuộc thi thổi cơm dành cho nam giới nữa. Có lẽ đàn ông chúng ta cũng có những trường hợp vợ con đi vắng, *muốn ăn thì lăn vào bếp*, nên làng Chuông cũng muốn luyện cho các ông chồng, lâm thời có thể biến thành một tay hỏa đầu quân được ! Cuộc thi thổi cơm của nam giới làng Chuông cũng lạ lùng không kém gì cuộc thi của phụ nữ, tuy lối thi có khác hẳn : Họ thổi cơm trên bờ đầm. Bếp bắc ở trên bờ, người thổi cơm tại ở dưới thuyền, như vậy bếp phải bắc sát rìa đầm, trên bếp có sẵn chiếc nồi, lúc thổi cơm, người dự thi mới tra gạo nước vào.

Một loạt bếp bắc trên một bờ đầm. Mỗi thí sinh ngồi trên một chiếc thuyền nan ở mé bờ bên kia, trong thuyền có đủ gạo nước củi diêm. Theo hiệu lệnh, một hồi trống, tất cả các thí sinh phải bơi thuyền từ bên kia sang bên này bờ, bơi thuyền nhưng không được dùng bơi chèo hoặc sào, phải bơi bằng tay. Với chiếc thuyền nan nhỏ, nhẹ, dùng tay bơi, đối với các chàng trai đồng quê lại sống quen sông nước thực ra chẳng khó khăn gì, nhưng cái khó khăn là ở

chỗ bơi thuyền rồi tay ướt sờ tới củi, tới diêm, làm sao đốt được củi để gây bếp lúc này. Cho có gây được bếp, củi ướt, bếp lại bắc ở giữa trời, bếp mới gây lom nhom, một trận gió mạnh có thể làm cho bếp tắt. Vừa giữ cho lửa cháy trong bếp, lại vừa giữ cho thuyền khỏi tròng trành, đâu có phải dễ dàng gì. Có những chàng trai gặp lúc bếp tắt cúi xuống thổi lửa, vô ý để thuyền mất thăng bằng, thế là thuyền bị lật úp. Thổi được nồi cơm trong lúc này thật đáng kể là một kỳ công.

Để thuyền lật, người thổi cơm ngã theo thuyền xuống nước lúc ngoi lên ướt như chuột lột, chàng ta đã làm trò cười cho dân làng, và nhất là các cô gái làng !

Trên đây, chúng tôi chỉ nhắc tới kỹ lưỡng những cuộc thi nấu cơm của làng Chuông và làng Từ Trọng, nhưng ngoài hai làng này ra, nhiều làng khác cũng có tục thổi cơm thi : làng Vân Hoàng tỉnh Sơn Tây, làng Thị Cấm tỉnh Hà Đông [5] …

**Thi thổi cơm tại làng Tích Sơn**

Trong các cuộc thi thổi cơm, thường bao giờ, tiêu chuẩn để ấn định giải thưởng cũng là cơm dẻo và ngon, nhưng đặc biệt tại làng Tích Sơn, huyện Tam Dương tỉnh Vĩnh Yên, nồi cơm thi ở đây muốn được chấm giải phải là nồi cơm mịn và chắc như cơm nắm.

Làng Tích Sơn mở hội vào mồng 4 tháng Giêng âm lịch mỗi năm và cuộc thổi cơm thi được tổ chức vào ngay buổi sáng.

Chắc quý vị ai cũng thừa hiểu cơm nắm là thế nào ? Cơm thổi chín, người ta dùng khăn nắm lại thành nắm cho chắc cho mịn. Những người đi làm xa, buổi trưa không về ăn cơm nhà thường mang theo cơm nắm với thức ăn. Cơm nắm dễ ăn hơn cơm nguội, dù không có thức ăn, chỉ cầm một nắm muối vừng cũng đủ. Cơm nắm ăn lại có vị bùi của

hạt cơm được lèn chặt, có vị ngọt của cơm, ăn cơm nắm bao giờ cũng phải nhai kỹ. Trong những gia đình, bố mẹ bận đi làm, đi chợ suốt ngày, từ sáng đến tối, mỗi buổi sáng người mẹ đã nắm sẵn cho lũ con nắm cơm, và trước khi đi không bao giờ quên dặn lũ con : « Trưa đói chị lấy cơm nắm cho các em ăn với thịt rim ! »

Và người mẹ đã sung sướng bao nhiêu, nếu một buổi chiều đi chợ về, có một đứa con khoe : « Ăn cơm nắm với thịt rim ngon lắm mẹ ạ ! Vừa bùi, vừa dẻo lại vừa đậm đậm ».

Cơm nắm đi vào đời sống người dân, nắm cơm cho chắc cho ngon cũng là một điểm tài khéo của bà nội trợ ! Phải chăng vì thế mà dân làng Tích Sơn thi thổi cơm, nhưng lại bắt buộc các thí sinh phải biến nồi cơm của mình thành nồi cơm nắm.

Ở đây, người ta không thổi cơm thi ngay tại hội, người ta thổi trước ở nhà và chỉ mang nồi cơm ra đình dự thi.

Dân làng Tích Sơn có một lối thổi cơm đặc biệt. Nồi cơm chín nhưng không bao giờ có cháy và róc nồi một cách lạ lùng. Họ thổi cơm bằng nồi đất. Cơm họ thổi, tuy còn nguyên trong nồi, sao mà mịn như cơm nắm, hạt nọ như được lèn chặt với hạt kia. Cả nồi cơm đổ ra là một nắm cơm lớn, nhưng là một nắm cơm không có vỏ. Họ thổi khéo léo đến độ không bao giờ nồi cơm có đến một mẩu cháy nhỏ. Muốn ăn cứ việc xắt ra từng miếng, rất thơm lại mát mùi nhựa gạo. Một điều đáng để ý và cũng rất đáng khen, họ đã thổi cơm gây lửa làm sao, cơm chín mà chiếc nồi không bén lửa. Vẫn nguyên chiếc nồi mới đến không có một vệt khói. Cũng có người kém khéo léo hơn đã để lại ở chiếc nồi những vệt lửa hoặc những lằn khói.

Theo lời người làng Tích Sơn, muốn thổi cơm mà không bén khói, phải rất công phu và phải dùng hai chiếc nồi và hai bếp lửa, hay nói đúng hơn, một bếp lửa và một bếp

than. Bếp lửa bắc nồi đồng, bếp than đun nồi đất. Nồi đồng trên bếp lửa, dùng trước đun nước sôi, nước sôi rồi đổ chuyển sang nồi đất. Như vậy, khi được đổ vào nồi đất nước đã đủ độ nóng, người ta chỉ việc tra gạo vào, không cần đun bằng lửa chỉ cần giữ than cho hồng tránh khói, cơm sẽ chín. Gạo phải vo trước, để ráo nước cho khỏi lạnh, lúc tra vào nồi đất cơm sẽ không chương. Gạo đổ vào nước sôi rồi, người thổi cơm mới ghế đều lên. Dưới bếp, than luôn luôn giữ hồng cho đến lúc cơm chín. Cơm ghế rồi, người ta dùng một chiếc lá mít miết trên mặt cho mịn như cơm nắm. Như thế tức là thổi cơm mở vung vậy. Thổi khéo thì cơm dẻo, mịn và thơm mát, nồi cũng không ám khói. Khi nồi cơm đổ ra, đây là nguyên một nắm cơm, cắt nắm cơm này người ta được những miếng cơm nắm mịn màng nén kỹ, trông trắng tinh thật thơm ngon.

Trên đây là mấy lối thổi cơm tại một số các hội quê nhưng bên những cuộc thi thổi cơm còn có những cuộc thi về gia chánh khác.

**Thi làm bánh**

Làng Từ Trọng, phủ Hoắng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, ngoài cuộc thi thổi cơm, dân làng còn cuộc thi làm bánh để thử tài khéo léo của thiếu nữ trong làng. Bánh đây không phải là bánh chưng, bánh gai, bánh trong, bánh lọc, và cũng không phải là một thứ bánh nào đã có sẵn từ trước. Các thiếu nữ dự thi phải tự có sáng kiến để làm một hai thứ bánh do mình nghĩ ra. Bánh có thể làm bằng bột nếp hoặc bột tẻ, bột thường hoặc bột lọc, bột gạo, bột hoàng tinh hay một thứ bột nào khác tùy ý. Các cô phải chế hóa lấy theo ý muốn và tài năng của mỗi cô.

Qua cuộc thi làm bánh này, dân làng mong tìm thấy những khám phá mới qua bánh trái. Và thâm ý các cụ còn mong mỏi điều khác : « Phải để cho trẻ nó tập suy nghĩ, sau này thành gia thất thỉnh thoảng nó biết thay đổi món ăn cho chồng con ».

Qua câu nói trên của một cụ dân làng Từ Trọng hiện nay đang sống ở Saigon, ta thấy qua cuộc thi tuy là để mua vui trong dịp hội Xuân, tuy là để luyện cho các cô gái làng về gia chánh, nhưng mục đích sâu xa hơn là muốn tạo hạnh phúc tương lai cho con trẻ.

Làm bánh, các cô gái phải đặt tên cho thứ bánh mình làm.

Đây là một công việc khá khó khăn, cha mẹ các cô ai nấy đều muốn bánh các cô làm mang một cái tên thật đẹp, do đó việc đặt tên thường do ông cha đã tìm chữ đặt trước cho thứ bánh con cháu mình làm.

Thí dụ : *Song phượng tề phi*, nghĩa là hai con phượng cùng bay. Chiếc bánh có thể to bằng chiếc mâm đồng, bột lọc trong suốt, duy có hai con phượng hình đang bay có nhân đậu xanh làm nổi mình phượng nằm trên mâm bánh.

Một thí dụ khác : *Lý ngư vượt vũ môn*, cá chép vượt vũ môn. Đây là nhắc lại tích cá đi thi để hóa rồng. Một dòng thác chảy bằng bột lọc, hoặc bằng nước đường trắng cô đặc, hai bên bờ dòng nước là lớp bột gạo thắng đường, mé dưới có dăm ba con cá chép bằng bột trắng, mang cá hồng hồng như đang muốn vượt ngọn thác.

Một thí dụ thứ ba : *Mẫu đơn phú quý*, ở đây với chiếc bánh, người đặt tên bánh muốn nhắc lại một câu ca dao cũ để răn bảo và khuyến khích trai làng trên đường sự nghiệp :

*Hoa mẫu đơn là hoa phú quý,*

*Hễ làm trai có chí thì nên.*

Chiếc bánh là một bông bạch mẫu đơn lớn bằng bột trắng, có hai chiếc lá xanh cũng khá to, lá làm bằng bột trắng nhuộm xanh, một chiếc mang chữ Phú và một chiếc mang chữ Quý, hai chữ màu vàng hoặc đỏ.

Đại để các kiểu bánh đều mang những tên cầu kỳ, tên các loài hoa, các loài chim, các linh vật hoặc các điển tích, để

cho tên thật đẹp và có ý nghĩa. Tên đẹp nhưng bánh cũng phải ngon.

Có thể nói được rằng : Đây là cuộc thi làm bánh khéo của con cháu, nhưng cũng là cuộc chơi chữ của ông cha.

**Thi cỗ tại làng Thị Cầu**

Làng Thị Cầu, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh, hàng năm hai dịp xuân thu mở hội, trước là để tế lễ tỏ lòng biết ơn của dân làng đối với thần linh sau là để dân làng mua vui qua nhiều trò bách hí, trong đó cuộc thi cỗ rất là hào hứng.

Trong làng có bốn giáp : Giáp Đông, Giáp Bắc, Giáp Giữa và Giáp Già. Con trai các giáp từ I8 đến 20 tuổi được cắt cử rước thần và được dự buổi thi cỗ trong ngày hội.

Tuy thi cỗ là của con trai, làm cỗ vẫn là công việc của các cô gái khéo tay trong làng.

Cuộc thi cỗ và chấm cỗ được thực hiện ngay tại đình làng. Hội đồng chấm cỗ gồm một số các bô lão và quan viên do các giáp cử ra. Hội đồng xem xét từng mâm cỗ kỹ lưỡng, từ cách trình bày đến các món ăn, cách xếp đặt bày biện mâm cỗ đến cách nấu nướng mỗi món ăn.

Trước hết mâm cỗ phải tinh khiết sạch sẽ, không cần có nhiều món ăn, mà cần có những món ăn chế biến theo sáng kiến của các bà nội trợ, các cô gái, sao cho lạ, sao cho ngon. Món ăn tuy lạ, nhưng không phải nấu bằng vây, bằng yến, bằng sơn hào hải vị, mà phải sửa soạn bằng những thổ sản trong vùng.

Cách bày biện món ăn cũng được hội đồng rất chú ý, nhất là những thức ăn tráng miệng. Tôi còn nhớ đã được dự xem một buổi chấm thi cỗ. Năm đó, mâm cỗ dùng cam làm đồ tráng miệng, những quả cam được bóc sẵn từng múi, mỗi múi đều được lộn ngược, bỏ hết hạt và được kết thành hình một con kỳ lân, lông con kỳ lân chính là những múi cam lộn ngược. Con kỳ lân bằng cam này đứng sừng sững

tại một góc bàn cỗ, trên một ngọn giả sơn tạo bằng những phong bánh ít bột trong suốt trắng tinh. Thật là cầu kỳ, và cô gái tác giả công trình quả thật cũng đã khéo tay, những phong bánh ít được xếp một cách có kỹ thuật thành những bực lên xuống cho ngọn giả sơn ! Hai con mắt con kỳ lân càng khéo, đó chỉ là hai hạt sen già, sao mà chúng óng ánh dưới những ngọn nến như hai hạt ngọc huyền !

Trên đây chỉ là một thí dụ về sự cầu kỳ của cách bày cỗ, mỗi mâm cỗ đều có lối bày biện để làm cho các vị giám khảo phải chú ý. Làm cỗ là một nghệ thuật, bày cỗ lại càng là một nghệ thuật hơn. Có người cầu kỳ bày biện ngay trong những bát nấu của mâm cỗ. Con chim hầm với song thần hoặc với miến được uốn thành ông Lã Vọng cầm cần câu ngồi câu cá. Chiếc nón ông đội là một tán nấm, hai cánh chim biến thành hai cánh tay. Chiếc cần câu là chiếc tăm tre vót dài còn dây cần câu, thì đây là những sợi miến hoặc những sợi song thần.

Tinh thần ganh đua của các cô gái làng Thị Cầu đã khiến các cô trau chuốt cho mâm cỗ của anh hoặc của em để làm sao hơn được những mâm cỗ bạn. Trong dịp này nhiều bà mẹ con trai, thường kiếm con dâu qua những mâm cỗ khéo léo, khéo léo trên nhiều phương diện : nấu nướng cho ngon, bày biện cho sạch và xếp đặt sao cho nổi !

Đêm hôm chấm cỗ đình làng thật là nhộn nhịp – cỗ chấm vào buổi tối hôm giã đám hội làng. Các bô lão và quan viên trong ban hội đồng đi kiểm soát từng mâm cỗ, dân làng đi theo sau, những mâm cỗ bày ở hai bên tả hữu gian đình làng, nghĩa ở hai bên bàn thờ, nơi nhà đại bái. Ban hội đồng dừng rất lâu ở mâm cỗ khéo léo, và trong lúc đó, có bao nhiêu trái tim hồi hộp, người hồi hộp không phải những chàng trai dự thi cỗ, chính là các cô gái nấu cỗ !

**Thi luộc gà**

Quý vị ở đây chắc ai cũng đã từng ăn gà luộc, ăn ở nhà hoặc ở hiệu, có lẽ nhiều người trong quý vị đã thưởng thức những miếng thịt gà luộc tại những tiệm ăn của người Trung Hoa, cho là họ luộc khéo và ngon hơn gà luộc ở nhà.

Luộc là không phải cứ cho con gà vào nồi, đổ nước vào đun sôi lên là xong. Làm sao cho gà chín mà không mất chất béo, làm sao cho thịt gà ăn còn chất ngọt mà không sống.

Có lẽ nhận thấy luộc gà là khó khăn, nên tại làng Chuông, đã trình bày ở trên, ngoài tục thổi cơm thi, còn có tục thi luộc gà. Các cô gái làng này đã được trau dồi về nghệ thuật luộc gà, nên con gà các cô luộc cũng vừa chín tới, không lòng đào, ăn vừa ngon với đủ chất béo của con gà.

**Thi dệt vải ở làng Xuân Ái**

Từ trên chúng tôi chỉ mới nói về những cuộc thi về gia chánh, nhưng thật ra công việc nội trợ không phải chỉ gồm có việc bếp núc. Các cô gái quê cần thạo về đường kim mũi chỉ, và tại nhiều địa phương, các cô lại phải biết rộng hơn như dệt vải, chăn tằm v.v… Tại làng Xuân Ái, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, hàng năm mở hội trong ba ngày I2, I3, I4 tháng Giêng âm lịch. Hội có nhiều trò vui, nhưng ở đây tôi chỉ nói tới cuộc thi dệt vải của các cô gái làng.

Dân làng Xuân Ái sống về nghề nông, nhưng trong thời gian sau vụ làm mùa, chờ đợi vụ gặt, những gia đình có con gái lớn đều có thêm nghề dệt vải, vải dệt đủ nhà dùng, hoặc cũng đôi khi thừa thì bán lại cho dân làng hoặc bán tại chợ tỉnh Bắc Ninh.

Cuộc thi dệt vải trong ngày hội thật vui. Các cô gái làng, mỗi cô một khung cửi, sợi do làng cung cấp. Cô nào cô nấy, ngồi sẵn ở khung cửi, chờ hiệu lệnh của ban giám khảo. Hiệu lệnh ban ra, thoăn thoắt những con thoi chạy đi chạy lại vừa nhanh vừa đều. Các cô dệt lấy nhanh nhưng vải phải cho đều sợi, không được chỗ thưa, chỗ dày. Trong

khi các cô thoăn thoắt thoi đưa, trăm nghìn con mắt của ban giám khảo, của dân làng và của khách xem hội đều chú ý tới các cô.

Cuộc thi kéo dài vào khoảng nửa giờ, ban giám khảo ra lệnh ngừng thoi, mọi cô đều ngừng tay lập tức.

Sau đó là công việc của ban giám khảo xét định hơn kém.

**Các cuộc thi khác**

Trên đây là một số các cuộc thi về gia chánh và nội trợ trong các hội Xuân dân tộc. Còn có nhiều cuộc thi khác : Thi khâu cắt quần áo : mỗi thôn nữ được làng phát cho một miếng vải, rồi các cô tự cắt thành quần hoặc áo, có khi cả quần lẫn áo, tùy theo số vải phát ra tùy theo lệnh của ban giám khảo. Quần áo các cô may, theo một kích thước nhất định, lẽ tất nhiên các cô phải khâu tay, và trong lúc chấm quần áo, mũi kim đều đặn và dày hoặc thưa cũng được xét để tính vào hàng cao thấp.

Thi dỗ trẻ em như trình bày trong cuộc thổi cơm thi v.v…

Kính thưa quý vị,

Câu chuyện của chúng tôi cũng đã hơi dài, chúng tôi xin phép được ngưng ở nơi đây, và trước khi ngừng lời, chúng tôi xin thành thật cảm ơn quý vị đã mất thì giờ nghe câu chuyện cũ kỹ của chúng tôi.

Hội Xuân ngày nay ở miền Bắc không còn nữa, hoặc nếu có còn thì ngày hội cũng phải được tổ chức dưới hình thức khác.

Với câu chuyện ngày hôm nay, chúng tôi thầm mong mỏi những cổ tục đáng quý của ta sẽ được mãi mãi duy trì tại mảnh đất miền Nam của nước Việt yêu dấu của chúng ta.

Lần nữa xin cảm ơn quý vị.

---

1 Nguyên văn bài nói chuyện tại Giảng đường trường Đại Học Sự Phạm Huế ngày 5-4-l97l, do Chi Hội Thư Viên Việt Nam Huế tổ chức.

2 Miếng Ngon Hà Nội. Nam chỉ tùng thư, Saigon l068, trang 2 Thay lời tựa.

3 Xin xem luyến ái tính qua một số các cổ tục Việt Nam.

4 Điều này nhắc chúng ta nhớ tới truyện Phạm Công Cúc Hoa, đoạn kết có cuộc tranh tài thổi cơm giữa Cúc Hoa và Công chúa.

5 Xin xem bài của ông Lê-Văn-Hảo : Một số cổ tục của người Việt qua các Hội Mùa đăng trong tập san Đại Học của Viện Đại Học Huế.

# KẾT LUẬN

Để kết luận cho chương IV, chúng tôi chỉ xin nhắc lại những điều chúng tôi đã kết luận cho chương Ba.

Chúng tôi cũng biết so với ba chương trên, chương IV này thiếu sót nhiều nhất, nhưng biết đến đâu nói tới đó, chúng tôi không dám liều lĩnh nói những điều mình không biết rõ, hoặc võ đoán đưa ra những điều mình nghĩ mà không đúng, rồi khăng khăng cho rằng đây là những sự thật.

Bởi vậy chúng tôi mong đón nhận sự rộng lượng của bạn đọc. Ngoài ra với hoàn cảnh hiện tại, chúng tôi không thể tìm hiểu hơn ngay trong lúc này, do đó chúng tôi xin dành những thiếu sót cho các vị khác có những cơ hội thuận tiện hơn chúng tôi để nghiên cứu về những tính chất đặc biệt của Hội hè đình đám cổ truyền đất nước.

# NHỮNG TÁC PHẨM CỦA TOAN-ÁNH

**Đã xuất bản :**

- Bước đầu (Kịch vui) (Hết)

- Phong lưu đồng ruộng (Khảo cứu phong tục – *In lần thứ ba*) (Hết)

- Bó hoa Bắc Việt (Khảo cứu phong tục) (Hết)

- Tiết tháo một thời (Chuyện khí tiết của sĩ phu Việt Nam) (Hết)

- Người đẹp thời Chiến Quốc (Tiểu thuyết lịch sử) (Hết)

- Thanh gươm Bắc Việt (Tiểu thuyết lịch sử) (Hết)

- Trong lũy tre xanh (Truyện ngắn phong tục – *In lần thứ hai*) (Hết)

- Ký vãng (Tiểu thuyết phong tục) (Hết)

- Nếp xưa (Tiểu thuyết phong tục)

- Múa thiết lĩnh, ném bút chì (Tài liệu võ thuật)

- Nghệ thuật ăn trộm và bắt trộm của người xưa (Tài liệu)

- Tinh thần trọng nghĩa phương Đông (Những truyện trọng nghĩa của ba quốc gia Nhật, Hoa và Việt)

- Phong tục Việt nam với phụ nữ (Khảo cứu) (Hết)

- Phong tục Việt nam (Khảo cứu)

- Nếp cũ : Con người Việt Nam (Khảo cứu phong tục) (Hết) : Tín ngưỡng Việt Nam I, II ; Làng xóm Việt Nam, Hội hè đình đám I, II ; Cầm ca Việt Nam

- Nhớ thương

- Tham nhũng và Hối lộ

**HỢP SOẠN VỚI CỬU-LONG-GIANG**

- Việt nam chí lược : Người Việt, đất Việt

- Miền Bắc khai nguyên

- Miền Thượng Cao Nguyên

**Sẽ xuất bản :**

- Đoàn quân Lữ Hán (Hồi ký về những việc xảy ra khi đoàn quân Lữ Hán sang tước khí giới quân Nhật tại Việt Nam)

- Cảm thông hồn nước (Nói lên những vẻ đẹp của non sông Việt Nam)

- Tôi ba vợ (Truyện vui)

- Nếp cũ : Kỳ thi họa Việt nam

- Thú vui tao nhã
- Trong họ ngoài làng

**HỢP SOẠN VỚI CỬU-LONG-GIANG**

- Miền Trung kiêu dũng
- Miền Nam phú cường

NẾP CŨ

# HỘI HÈ ĐÌNH ĐÁM

QUYỂN HẠ



TOAN ÁNH

# Table of Contents


| | |
|---|---|
| Bìa Sách | 332 |
| Hội Hè Đình Đám - Quyển Hạ - Toan Ã nh | 1 |
| Chương 1 | 2 |
| Chương 2 | 43 |
| Chương 3 | 52 |
| Chương 4 | 57 |
| Chương 5 | 66 |
| Chương 6 | 68 |
| Chương 7 | 92 |
| Chương 8 | 100 |
| Chương 9 | 112 |
| Chương 10 | 126 |
| Chương 11 | 139 |
| Chương 12 | 147 |
| Chương 13 | 157 |
| Chương 14 | 162 |
| Chương 15 | 178 |
| Chương 16 | 205 |
| Chương 17 | 214 |

Chương 18 1
Chương 19 249
Chương 20 261
Chương 21 292
Chương 22 305
Chương 23 329